

Sào Nam **PHAN-BỘI CHÂU**

CHU DỊCH



Ha

LỜI GIỚI THIỆU

của

MÌNH VIÊN

HUỲNH THỨC KHÁNG

周
易

Nhà sách KHAI-TRÍ

62, Lê-Lợi — SAIGON

SÀO NAM
PHAN BỘI CHÂU

CHU DỊCH



TIMSACH.COM.VN

LỜI GIỚI THIỆU

của

MÍNH-VIÊN
HUỖNH THỨC KHÁNG

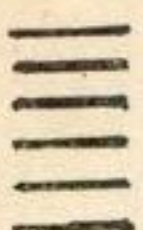
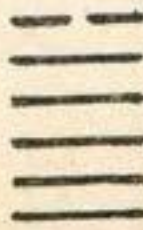
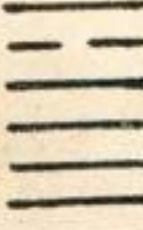
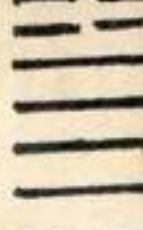
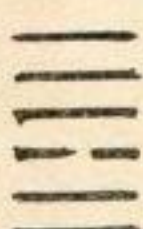
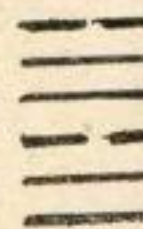
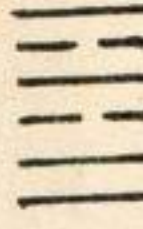
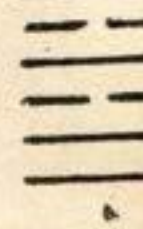
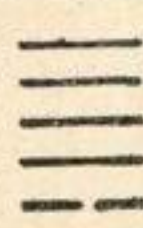
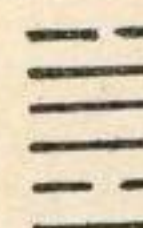
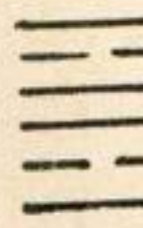
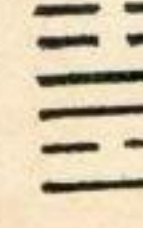
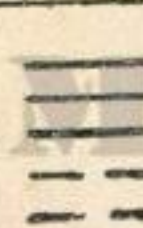
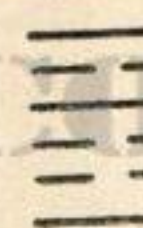
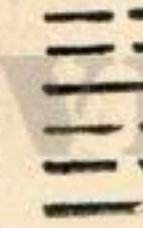
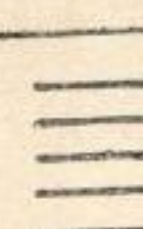
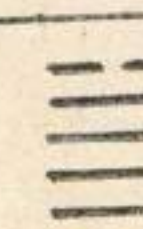
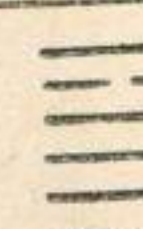
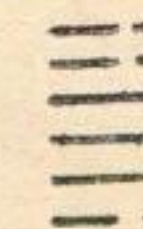
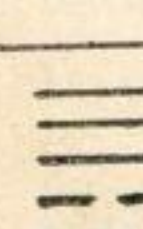
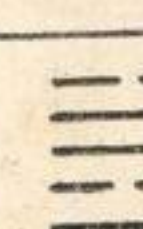
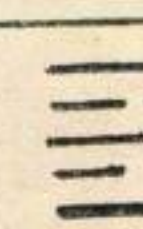
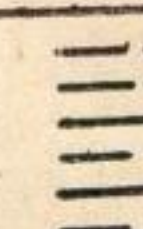
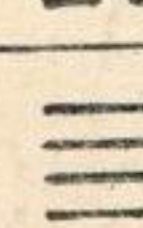
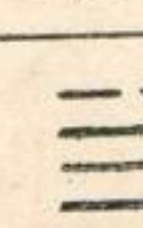
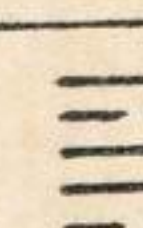
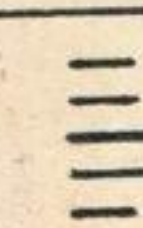
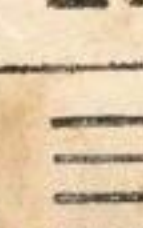
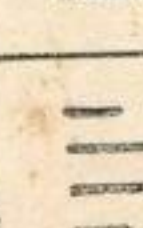
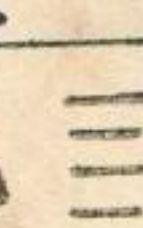
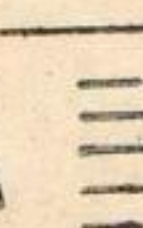


NHÀ SÁCH KHAI-TRÍ

62 Lê Lợi, Saigon

六 義 伏

乾一 兌二 離三 震四

八純乾		澤天夬		火天大有		雷天大壯	
天澤復		八純兌		火澤睽		澤澤歸妹	
天火同人		澤火革		八純離		雷火豐	
天雷无妄		澤雷隨		火雷噬嗑		八純震	
天風姤		澤風大過		火風鼎		雷風恒	
天水訟		澤水困		火未濟		雷水解	
天山遯		澤山咸		火山旅		雷小過	
天地否		澤地萃		火地晉		雷地豫	

卦 四 十

巽五

坎六

艮七

坤八

風小畜風澤中孚風家人風雷益八純巽風水渙風山漸風地觀		水天需水澤節水火既濟水雷屯水風井八純坎水山蹇水地比		山天畜山澤損山火賁山雷頤山風蠱山水蒙八純艮山地剝		地天泰地澤臨地火明夷地雷復地風升地水師地山謙八純坤	
---------------------------	--	---------------------------	--	--------------------------	--	---------------------------	--

CHU DỊCH



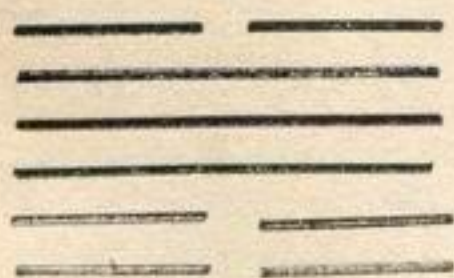
HẠ-KINH

QUÊ ĐẦU :

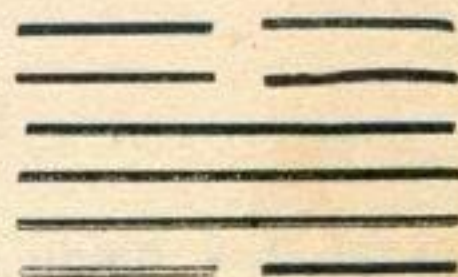
TRẠCH-SƠN-HÀM



澤山咸



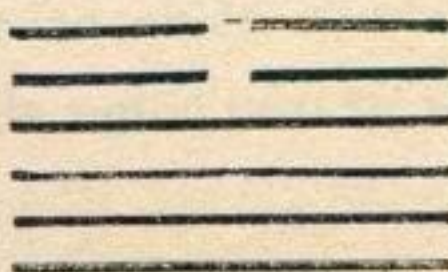
雷風恆



天山遯



雷天大壯



火地晉



XXXI. QUẺ TRẠCH-SƠN-HÀM

澤 山 咸



Quẻ này là quẻ Trạch-Sơn-Hàm.

Cấn hạ cũng là Nội-Cấn.

Đoài thượng cũng là Ngoại Đoài.

Đoài trạch, Cấn sơn ; nên tên quẻ đọc bằng Trạch-Sơn-Hàm.

兌

艮

上

下

外

內

兌

艮

TỰ QUÁI

Tự quái, hữu thiên địa nhiên hậu hữu
vạn vật ; hữu vạn vật nhiên hậu hữu nam
nữ ; hữu nam nữ nhiên hậu hữu phu phụ ;

hữu phu phụ nhiên hậu hữu phụ tử ; hữu phụ tử nhiên hậu hữu
quân thần ; hữu quân thần nhiên hậu hữu thượng hạ ; hữu
thượng hạ, nhiên hậu lễ nghĩa hữu sở thố.

序卦, 有天地然後有萬物. 有萬物然後有男女. 有
男女然後有夫婦, 有夫婦然後有父子, 有父子然後有
君臣. 有君臣然後有上下. 有上下然後有禮義有所錯.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Nguyên đầu tiên có trời đất 有天地, vậy sau mới có vạn vật 然後有萬物, đã có vạn vật 有萬物. Vậy sau mới có trai gái 然後有男女, đã có trai gái 有男女. Vậy sau mới có âm dương giao kết mà thành phu phụ 然後有夫婦 đã có phu phụ 有夫婦, vậy sau mới có công sinh dục mà thành cha con 然後有父子, đã có cha con 有父子, vậy sau mới có trật tự ở loài người, mới nảy ra quân thần 然後有君臣, đã có quân thần 有君臣, vậy sau mới có chế độ mà chia làm thượng hạ 然後有上下, đã có thượng hạ 有上下. Vậy sau mới có chốn mà sắp đặt nên lễ nghĩa 然後禮義, 有所錯.

Thiên địa là nguyên tổ của vạn vật, phu phụ là nguyên thủy của loài người. Sở dĩ Thượng-Kinh đặt quẻ **Cần**, quẻ **Khôn** ở đầu.

Hạ Kinh đặt quẻ **Hàm** quẻ **Hăng** ở đầu, mà sau quẻ **Hàm** tiếp lấy quẻ **Hăng**, là ý nghĩa như thế. Thiên địa là nhị thể, nên chia ra làm hai quẻ, để hình dung cái đạo của trời đất, trai gái thời hợp nhau mà thành phu phụ. Nên quẻ **Hàm** với quẻ **Hăng** thấy là hai thể hợp làm một quẻ, để chỉ rõ cái nghĩa của phu phụ.

(Hàm nghĩa là cảm).

Quẻ này **Đoài** ở trên, **Cấn** ở dưới, **Đoài** là **thiếu nữ**, **Cấn** là **thiếu nam**, cảm với nhau rất thân thiết, không chi bằng thiếu nam thiếu nữ.

Vậy nên, lấy ý nhị thiếu cảm nhau, mà đặt tên quẻ bằng **Hàm**.

PHỤ CHÚ.— Quẻ **Hàm** với quẻ **Hăng** thấy là quẻ nhất nam nhất nữ. Nhưng quẻ **Hàm** thời thiếu nam phải hạ ư thiếu nữ. Vì bắt đầu nam nữ tương cảm, có như thế mới thành

phu phụ. Nếu trái lại, bắt thiếu nữ cầu với thiếu nam, mà nữ phải hạ nam, thế là nữ bất trinh, mà nam cũng không cảm, làm sao nên được Hàm. Đến như quẻ Hằng thời sau khi phu phụ đã thành rồi, nghĩa phải vợ thừa thuận chồng, nên trưởng nam ở trên, trưởng nữ ở dưới. Nếu trái lại, trưởng nữ trên, trưởng nam dưới là trái nghĩa phu phụ, thời làm sao hằng cứu được. Ý sắp quẻ, với đặt tên quẻ của Thánh nhân là lý do như thế. Thượng Kinh thủ **Cần, Khôn** là nói chung, nguyên lý của tuyền Vũ-Trụ ; Hạ Kinh-thủ **Hàm, Hằng** là bàn riêng về phần nhân sự. Nhưng nếu không nhân sự thời lấy gì mà thành Vũ-trụ, bốn quẻ đặt đầu hai Kinh, rất có ý nghĩa.

SOÁN TỪ

Hàm, hanh, lý, trinh, thú nữ, cát.

咸, 亨, 利貞, 取女, 吉.

Hàm nghĩa là cảm, lại một nghĩa là tất thảy. Vật tình tương cảm không gì thân thiết hơn nam nữ, quẻ này thiếu nam thiếu nữ, khắp nhau, mà lại nam hạ nữ, chính là cảm tình rất thân mật.

Nếu suy ra đến triều đình, quốc-gia, xã-hội, cho đến khắp loài người, mà tới đâu cũng cảm ứng thân thiết với nhau như thế, thời tất nhiên thảy được hanh thông.

Nên nói rằng : Hàm hanh 咸 亨.

(Hàm hanh : đã cảm tất nhiên thông).

Tuy nhiên, loài người vẫn nhờ có cảm nhau mới có thể ăn ở với nhau được, mà thành ra xã-hội, nhưng mà động cơ cảm, có nguyên nhân vì chính, có nguyên nhân vì tà ; nguyên nhân vì chính thời cảm mà đắm thắm lâu dài, nguyên nhân vì tà thời cảm đã không ra gì, mà kết quả tất xấu,

Tỷ như : trai gái mà cảm nhau bằng cách tà dâm, tất nhiên trước nồng sau đậm ; trên dưới mà cảm nhau bằng cách nịnh hót giả dối, tất nhiên hữu thi vô chung.

Bởi vì : tương cảm đã bất chính, có bao giờ lợi đâu, nên quái-từ lại răn cho rằng: lợi trinh. 利貞.

Lợi trinh, nghĩa là : hễ cảm thời thông, nhưng tất phải cảm cho chính, nếu biết theo đạo ấy, lấy tình cảm nhau mà tương hợp, lấy đạo chính mà tương giao, theo lối ấy mà cưới con gái làm vợ 取女, thời chắc được tốt lành 吉.

PHỤ CHÚ.— Hàm hanh, lý trinh, là nói chung đạo lý tương cảm ở trong thiên hạ: Thụ nữ, cát, là nói riêng bằng một việc vợ chồng, nhưng ý nghĩa vẫn dềnh với chữ trinh. Trái lại, thụ nữ mà bất trinh, thời làm gì được cát.

Nguyên chữ Hàm, nghĩa là cảm, sao không đặt tên quẻ bằng cảm mà đặt tên bằng Hàm ?

Bởi vì, cảm gốc ở công-lý, mà không phải cảm bằng tư tâm. Nếu lấy tư tâm mà cảm thời ứng lại cũng chỉ là tư tâm, không lấy gì nên được đạo cảm. Chữ Cảm vì có chữ tâm ở dưới, nên không lấy chữ Cảm đặt tên quẻ, mà đặt bằng Hàm. Vì chữ Hàm là vô tâm, duy vô tâm mới là chân cảm.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Hàm cảm dã ; nhu thượng nhi cương hạ, nhị khí cảm ứng di tương dự, chi nhi duyệt, nam há nữ, thị di hanh lý trinh, thụ nữ cát dã ; thiên địa cảm, nhi vạn vật hóa sinh ; thánh nhân cảm nhân tâm, nhi thiên hạ hòa bình ; quan kỳ sở cảm, nhi thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hỷ.

彖曰，咸感也。柔上而剛下，二氣感應以相與，止而

說，男下女，是以亨利貞，取女吉也。天地感，而萬物化生，聖人感人心，而天下和平。觀其所感，而天地萬物之情可見矣。

Soán viết, Hàm, cảm dã.

彖曰，感，感也。

Hàm, nghĩa là cảm, nhưng trước khi cảm thời chỉ là Hàm, nghĩa là : hai bên thấy chỉ tự nhiên mà tương hợp. Vì tự nhiên tương hợp, nên cảm duyệt càng sâu. Hàm là tạo nhân, mà cảm là kết quả. Xem chữ Hàm không có chữ Tâm, mà chữ Cảm thời thêm vào chữ Tâm ở dưới sẽ biết.

Nhu Thượng nhị cương hạ, nhị khí cảm ứng di tương dự, chi nhi duyệt, nam hạ nữ, thị dĩ hanh lý trình, thú nữ cát dã.

柔上而剛下，二氣感應以相與，止而說，男下女，是以亨利貞，取女吉也。

Theo về thể quẻ, thời hào nhu biến được cương, mà lên làm Đoài, hào cương biến được nhu mà xuống làm Cấn 柔上而剛下, Cấn sơn Đoài trạch, hai khí âm dương cảm ứng mà hòa hợp với nhau 二氣感應以相與.

Theo về đức quẻ, thời Cấn có tính chỉ, Đoài có tính duyệt, yên lặng mà hòa duyệt 止而說.

Theo về tượng quẻ, thời Cấn tượng là thiếu nam, Đoài tượng là thiếu nữ, nam trước cầu nữ, mà chịu ty hạ với nữ 男下女, góp mấy câu trên ấy, rất hợp với đạo tương cảm. Vậy nên nói rằng : hanh lý trình, thú nữ, cát 是以亨利貞, 取女吉也.

PHỤ CHÚ.— Chỉ nhi duyệt, là thích chữ Trình ở quái-từ. Hễ thường tình đã duyệt thời hay vọng động, động mà duyệt

thời cách duyệt hay sai, duy chỉ mà duyệt thời cách duyệt mới đắc chính.

Sách luận ngữ có câu : Nhất nhật khắc kỷ phục lễ, thiên hạ qui nhân yên 一日克己復禮, 天下歸仁焉. Nghĩa là : mình lo trừng trị tư tâm mình, hoàn phục được thiên lý, nên thiên hạ tự nhiên qui hướng vào đức nhân của mình. Đó là chỉ nhi duyệt.

(Chữ Chỉ có ý như chữ Tịnh).

Thiên địa cảm, nhi vạn vật hóa sinh, thánh nhân cảm nhân tâm, nhi thiên hạ hòa bình, quan kỳ sở cảm, nhi thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hỷ.

天地感, 而萬物化生. 聖人感人心, 而天下和平. 觀其所感, 而天地萬物之情可見矣.

Đây nói cho rộng hết lý cảm ứng, cảm rất to không gì bằng trời đất, trời lấy khí dương mà hạ cảm với đất, đất lấy khí âm mà thượng cảm với trời, âm dương giao cảm với nhau, mà vạn vật thấy được hóa sinh 天地感, 而萬物化生.

Chữ hóa thuộc về phần khí, chữ sinh thuộc về phần hình. Tỷ như : con tước hóa ra được con cáo, cỏ hủ hóa ra được con đốm, v.v... đó là hóa. Có giống sinh bằng thai, có giống sinh bằng trứng v.v... đó là sinh.

Đạo cảm của thánh nhân, cũng in như đạo cảm của trời đất, thánh-nhân khoách sung đức chí thành, phát triển đạo đại công, cảm động được lòng ức triệu người, mà thiên hạ được đến hòa bình 聖人感人心, 而天下和平.

Xem ở nơi những cách sở cảm, mà chân tình của thiên địa vạn vật có thể thấy được. 觀其所感, 而天地萬物之情可見矣.

Chữ tình, gốc ở chữ tính mà ra, nhưng tính thời tịch nhiên bất động thuộc về phần thể, tính thời cảm nhai toại thông, thuộc về phần dụng, nên tính thời khó thấy mà tình thời có thể thấy được. Tình thiên địa cốt ở nơi sinh vạn vật ; mà tình vạn vật cốt ở nơi ứng với thiên địa. Tỷ như : gặp xuân hạ thời vật gì cũng sinh trưởng, gặp thu đông, thời vật gì cũng thu tàng. Đó chính là tình cảm ứng của thiên địa vạn vật. Thấy được tình thiên địa thời thấy được tình thánh nhân, nên không cần nói đến thánh nhân chi tình. Thánh nhân với thiên hạ cũng như thiên địa với vạn vật. Duy người có triết học thời mới nhận ra được.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, sơn thượng hữu trạch, Hàm, quân tử, dĩ hư thụ nhân.

象曰 山上有澤,咸. 君子以虛受人.

Tượng truyện không theo ý nghĩa quái từ, không lấy bằng nghĩa nam nữ tương cảm, mà chỉ lấy bằng tượng quẻ. Cấn là sơn mà ở dưới, Đoài là trạch mà ở trên, tượng là ở trên núi có cái chằm nước, vì sơn có vững thủng xuống mà đựng được trạch, trạch vì trong lòng trống-không mới đựng được nước 山上有澤,咸.

Quân tử xem tượng biết được rằng : có trống-không trong lòng mình, chẳng cho giống gì tiên nhập vi chủ, mới dung thụ được người, nên lấy một cách hư trung để thụ nhân 君子以虛受人.

Hư trung, nghĩa là : không trống ở trong lòng, tức là chữ vô ngã, mà cũng là vô tư,

Hễ trong lòng mình mà trước sẵn có tư ý, hoặc lợi dục riêng, thời té ra trung mẫn. Trung mẫn, nghĩa là trong lòng chết đặc, còn dung thụ được gì nữa, nên quân tử dĩ hư thụ nhân.

PHỤ CHÚ.— Tâm thuật người ta, theo về bản thể thời tất phải trung thực, trung thực nghĩa là ở trong chất chứa lòng chí thành, nếu bất thành thời vô vật, nên cần phải trung thực.

Theo về cách ứng dụng thời lại phải trung hư. Trung hư, nghĩa là không-trống ở trong lòng, chớ có tư-ý vật-dục vào chiếm trước bộ phận trung tâm mình. Nếu tư-ý vật dục đã lọt trước vào trung tâm mình thời thành ra trung mẫn, tâm người ta đã trung mẫn rồi, tất không dung nạp được đạo lý của thiên hạ cổ kim, nên lại cần phải trung hư.

Chúng ta nghiên-cứu tâm-lý-học, nên phải đủ cả hai phương diện ấy. Vậy nên học Dịch lại phải xem quẻ Đại-súc nói chữ « Đốc thực », quẻ Hàm nói chữ « Hư », hai nghĩa đó vẫn bổ-túc cho nhau.

HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Lục, Hàm kỳ mẫu.

初六，咸其拇，

Hào này ở dưới hết hạ-quái, tượng như ngón chân cái ở dưới hết thân người, mà lại thượng ứng với hào Tứ, nghĩa là dưới thấp mà cảm ứng với trên xa, sức cảm còn hèn mọn, chưa lấy gì cảm động được lòng người. Tượng như chỉ động một ngón chân cái thời chưa động được mấy. Nên nói rằng : Hàm kỳ mẫu. (Mẫu : ngón chân cái).

PHỤ CHÚ.— Hào từ với quái-từ thủ nghĩa khác nhau, hào từ thủ tượng bằng thân người. Kể từ dưới kể lên, thời địa vị Sơ chính đúng với Mẫu.

Lên nữa, thời Nhị là bắp chân, Tam là trái vế, đến Tứ thời đúng ở lòng bụng. Ngũ là trên lưng. Thượng là miệng mép.

Hễ lên từ nào, thời sức động mạnh từ ấy, cảm mà chuyên bằng động, thời cảm không hay, nên sáu hào cốt ở tĩnh, tĩnh mà cảm được người, thời cảm mới hữu lực.

Sơ Lục, hàm kỳ mẫu là có hơi động mà chưa thiết động, nên không nói cát hung.

Tượng viết, hàm kỳ mẫu, chí tại ngoại dã.

象曰，咸其拇，志在外也。

Hào từ rằng : Hàm kỳ mẫu là Sơ-Lục chí tại ứng với Cửu Tứ vậy. Ngoại, là chỉ vào hào Tứ ở ngoại quái. Sơ tuy có chí tại ngoại, mà chưa thiết động hung, nên nói rằng : Hàm kỳ Mẫu.

2.— Lục Nhị, Hàm Kỳ phì, hung, cư cát.

六二，咸其腓，凶，居吉。

Phì, là trái bắp chân, hễ sắp sửa đi, thời nó động trước, tượng như một người có tính táo động.

Lục-Nhị sở xử chính đúng với chốn phì, Nhị lại thượng ứng với Ngũ, nên Thánh-nhân có lời răn rằng : Nhị tuy muốn cảm ứng với Ngũ, nhưng Nhị phải biết : Nhị là người dưới, Ngũ là người trên, người dưới muốn cảm được người trên, tất mình phải trước tự trọng lấy mình, im lặng mà chờ người trên cầu mình, mới có lẽ hay. Nếu anh gấp bôn tẩu, nóng lên cầu Ngũ ứng với mình, té ra cách cảm bằng bắp chân, chân chưa đi, mà bắp đã động, e đến nỗi xấu 咸其腓，凶。

Nhưng vì Nhị là người trung chính, nên thánh-nhân lại khuyên cho rằng : Thấy người sang bắt quàng làm họ, Nhị không đến nỗi thế, Nhị cứ tự trọng lấy thân, ngồi lặng an ở chờ Ngũ tới cầu mình thời cát 居吉. Nói rằng : Hàm Kỳ phi, hung, là răn cho Nhị không nên động. Lại nói rằng : cư cát, là khuyên cho Nhị nên giữ cách tĩnh.

Tượng viết, tuy hung, cư cát, thuận bất hại dã.

象曰, 雖凶, 居吉, 順不害也.

Lục Nhị tuy hung, nhưng biết cư tĩnh, thời được cát, là vì thuận theo đạo lý, thời không tai hại gì vậy.

3.— Cửu Tam, hàm kỳ cổ, chấp kỳ tùy, vãng lãn.

九三, 伐其股, 執其隨, 往吝.

Cổ là trái vế ở trên đầu gối, là một giống không đủ sức tự động, chân có động thời mới động theo. Cửu Tam xử ở địa vị trên nội quái. Vì vào thân người thời tượng như trái vế, vì có tính cương táo hý động, thấy người động mà động theo, ở trên Tam có hào Tứ, Tứ động thời Tam động theo, in như cái vế theo chân mà động, đến nỗi mất tự do của mình, nên hào từ răn rằng ; Hàm kỳ cổ, chấp kỳ tùy, vãng lãn.

Nghĩa là : cảm người mà chỉ dùng bằng một cách như cái vế 伐其股, chỉ cầm giữ lấy cách theo người 執其隨, cứ thế mà đi hoài 往, tất nhiên mắc lấy xấu hổ 吝.

Tượng viết, hàm kỳ cổ, diệt bất xử dã, chỉ tại tùy nhân, sở chấp hạ dã.

象曰, 伐其股, 亦不處也, 志在隨人, 所執下也.

Hàm kỳ cổ, là hào Tứ bất xử, thời hào Tam cũng bất xử vậy 伐其股亦不處也. (Bất xử : không an ở).

Nhưng hào Tam há phải có sức tự động đáu, chỉ là chi ở theo người 志在隨人, thấy người động mà động theo, cách tri thủ của Tam, thiệt là ty hạ lắm vậy 所執下也.

4.— Cửu-Tứ, trinh cát, hối vong, đồng đồng vãng lai, bằng tòng nhi ty.

九四, 貞吉, 悔亡, 憧憧往來, 朋從爾思.

Tuyền quẻ Hàm sáu hào, thấy thủ tượng bằng thân người. Hào Sơ là Mẫu ; hào Nhị là Phì ; hào Tam là Tổ. Đến hào Tứ này sơ xử dưới thượng thể, vừa đoạn giữa nhân thân, chính đúng vào bộ phận tâm, mà tác dụng của tâm là cốt biết hay nghĩ. Vả lại, hào Tứ tuy có tính dương cương mà lại ở vào thể Đoài, thời có tính hòa duyệt, chính là một hạng người nặng vì cảm tình. Vậy nên, hào-tứ không thủ tượng bằng hình thể, mà chuyên nói về tinh thần. Trinh, Cát, Hối, Vong, nghĩa là đạo cảm người có trinh nhất, mới được cát 貞吉, mà mất hết những việc đáng ăn năn 悔亡.

Chữ Trinh ở đây, nghĩa là chí công vô tư, hư trung vô ngã, cảm người bằng một cách tự nhiên. Cứ lấy lẽ đại công chí chính mà ứng phó với đời, không cần cầu người ứng, mà người tự nhiên ứng vào mình, như thế mới là trinh cát.

Trái lại, một phương diện mình lo cảm người, mà một phương diện thời lại mong người ứng lại với mình. Tỷ như : câu Kinh Thi nói : Đầu ngã dĩ đào báo chi dĩ lý 投我以桃報之以李, thành ra mình đeo đào cho người ; mà mong người đeo lý giả lại cho mình. Thế là : cảm đã hữu tâm, mà ứng cũng xuất ư hữu tâm, chỉ là đồng đồng vãng lai mà thôi. Đồng đồng, có ý như sẵn sẵn sóc sóc, hoặc mình vãng mà mong người lai, hoặc thấy người vãng, mà mình mới lai, cảm với nhau bằng

một cách dụng tâm cố ý như thế, là gọi bằng đồng đồng vắng lai.

Hễ đã đồng đồng vắng lai, thời dầu có kẻ lai, cũng chẳng qua những người mình có vắng.

Những bằng loại theo mấy đó, phạm vi không gì rộng, đoàn thể không gì to, xung xướng qua lại, cũng chẳng qua những người mà bụng mảy nghĩ tới nơi mà thôi, như thế là bằng tông nhĩ ty 朋從爾思. Hệ-từ giải thích hào từ này rất hay, xin thích dịch ra cho tường.

Vì có hai chữ Vắng lai với một chữ Ty, mà diễn thành một thiên đạo lý, bao hàm vạn tượng, tóm hết lý Vũ-trụ vào trong mấy câu : đó mới biết cách thánh-nhân học Dịch.

Xin đọc giả chịu khó mà nhận xét cho đến nơi.

Hệ tự nói rằng : Thiên hạ hà tư hà lự, thiên hạ đồng qui nhi thù đồ, nhất trí nhi bách lự, thiên hạ hà tư hà lự ; nhật vắng tắc nguyệt lai, nguyệt vắng tắc nhật lai, nhật nguyệt tương thời, nhi minh sinh yên ; hàn vắng tắc thử lai, thử vắng tắc hàn lai, hàn thử tương thời, nhi tuế thành yên ; vắng giả khuất dã, lai giả thân dã, khuất thân tương cảm nhi lý sinh yên ; Xích quặc chi khuất, dĩ cầu thân dã ; long xà chi trập, dĩ tồn thân dã ; tính nghĩa nhập thần, dĩ trí dụng dã, lý dụng an thân dĩ sùng đức dã ; quá thử dĩ vắng, vị chi hoặc trí dã, cùng thần trí hóa, đức chi thịnh dã.

子曰,天下何思何慮,天下同歸殊途,一致而百慮,天下何思何慮.日往則月來,月往則日來,日月相推而明生焉,寒往則暑來,暑往則寒來,寒暑相推而歲成焉,往者屈也,來者伸也,屈伸相感而利生焉,尺蠖之屈,以求伸也,龍蛇之蟄,以存身也,精義入神以致用也,利用安

身以崇德也。過此以往，未之或知也，窮神知化，德之盛也。

Đạo lý ở trong thiên hạ, chỉ có một lẽ cảm với ứng, cảm bằng tự nhiên, mà ứng cũng tự nhiên, có cần gì phải dụng tư tâm tư lự đâu 天下何思何慮.

(Tur : ngẫm nghĩ bằng bụng riêng. Lự : tính toán bằng mẹo vặt).

Kể dọc, thời cổ vãng đến kim lai, kể ngang thời khắp năm châu bốn bể, thiên hạ đường đi tuy khác nhau, mà đến lúc qui kết thời in nhau 天下同歸而殊途, sắp đặt tuy có trăm lối, mà cuối cùng chỉ lóm vào một lẽ 一致而百慮. Như thế thời đạo lý trong thiên hạ, cần gì phải ngẫm nghĩ bằng bụng riêng, cần gì phải tính toán bằng mẹo vặt 天下何思何慮. Thử xem lý cảm ứng lớn rất cùng cực đến Vũ-trụ, rất nhỏ đến một giống vật gì, cũng chỉ là cảm ứng đáp đối nhau mà thôi, cảm là động cơ, đã có cảm tất có ứng, mà cái ứng đó quay lại làm cái cảm, tạo nhân trước thành ra kết quả sau, mà kết quả sau, lại làm tạo nhân cho sau nữa.

Tỷ như : mặt trời chạy qua cảm cho mặt trăng, thời mặt trăng ứng lại với mặt trời 日往則月來, mặt trăng chạy qua cảm với mặt trời, thời mặt trời ứng lại cho mặt trăng 月往日來.

Nhật nguyệt đôi bên nhất vãng thời nhất lai, nhất lai thời nhất vãng, xô đẩy nhau hoài, mà tia sáng tự nhiên nẩy nở ra 則日月相推而明生焉, mùa rét qua cảm được nắng, thời nắng ứng lại 寒往則暑來, mùa nắng qua cảm được rét, thời rét cũng ứng lại 暑往則寒來 nhất hàn nhất thử, vãng vãng lai

lai, xô đẩy nhau hoài hoài, mà công việc trong một năm tự nhiên thành tựu 寒暑相推而歲成焉.

Trên ấy là cảm ứng hiệu quả ở giữa chốn hữu hình, mà chỉ thuộc về phần không gian, lại xem đến phần thì gian, thời càng không phút nào nghỉ.

Tỷ như : trong một thời giờ đó, nhưng tất cũng có mấy phút trước là vắng, lại có mấy phút sau là lai, vắng là cái đã qua đi, là co rút lại, lai là sắp sửa tới là kéo dài ra 往者屈也, 來者伸也. Khuất thân cảm ứng với nhau, vì có khuất mới có thân, vì có thân mới có khuất, khuất thân cảm nhau hoài hoài, mà lý ích mới nảy nở ra 屈伸相感而利生焉. Đó lại là lý cảm ứng thuộc về phần tinh thần vậy.

Lý khuất thân đó, chừng nghiệm vào giống vi vật càng minh bạch lắm.

Khuất, nghĩa là co rút lại ; thân, nghĩa là thẳng dài ra, tức như giống sâu Xích quặc (Xích quặc chúng ta thường gọi con sâu đo).

Khi nó co rút lại, là cốt cầu cho được ngay thẳng mình nó ra 尺蠖之屈, 以求伸也. Kia giống rồng rắn, khi nó nấp dưới đất, ngán dưới vực, cốt cầu giữ thân nó để sẽ chờ ngày bay lượn vậy 龍蛇之蟄以存身也. (Khuất, ấy là cảm, cầu thân ấy là ứng ; trật ấy là cảm, tồn thân ấy là ứng). Xem lẽ khuất thân như hai giống trên kia, thời khi cơ cảm ứng không chốn nào không quân tử, vì thế mới suy ra làm đạo dưỡng tâm tu thân, thời như sau này nói.

Toan phát triển ra sự nghiệp, trước phải lo bồi dưỡng lấy trí thức, nghiên tìm nghĩa lý cho thấu được chốn tinh vi, thâm nhập đến thần diệu, tức sở dĩ suy ra làm công dụng cho tới

nơi vậy 精義入神以致用也. Đã lợi tiện ở nơi công dụng, lại càng an định tâm thân mình, để khiến cho đức nghiệp càng cao lớn vậy 利用安身以崇德也, vì có tinh nghĩa nhập thần, mà được trí dụng ứng cho, lại vì có lợi dụng yên thân, mà được sùng đức ứng cho.

Khi đã trí dụng sùng đức rồi, thời từ đó mà tiến lên mãi mãi, rất mực thần diệu, vô thể vô phương, không thể lấy mắt người thường mà trắc lường được 遇此以往, 未之或知也.

Sách Mạnh tử có câu : Thánh nhi bất khả tri chi, chi vị thần 聖而不可知之之謂也, chính là tới địa vị ấy.

Sở dĩ « Vị chi hoặc tri ». Bởi vì, khi sau đã trí dụng sùng đức, thời cùng cực thần diệu rồi, biết hết lẽ biến hóa rồi, là thánh đức quá chừng thịnh đó vậy 窮神知化德之盛也.

PHỤ CHÚ.— Hệ-tử thích hào từ quẻ Hàm mà suy rộng đến nhật nguyệt hàn thử, là đạo lý rất lớn.

Xét lại đến xích quặc, long xà, là sự vật rất nhỏ. Kia con sâu đo, nó co lại, lại ngay ra, nó ngay ra, lại co lại, chúng ta chẳng mấy người để ý đến nó, thánh-nhân nhân nó mà suy biết đạo lý cảm ứng khuất thân, mới biết rằng : lẽ trong thiên hạ, không giống gì nhỏ mà không đạo lý.

Phật Tổ có câu rằng : Xương khô cây hủ, tất thấy có tính Phật, 枯骨朽枝皆有佛性. Trang-Tử cũng có câu rằng : giống khô hủ cũng hóa ra được thần kỳ 枯朽可化為神奇, thấy là lẽ ấy. Làm một người tu thân thiệp thế chỉ cần có hai chữ : « Tri », « Hành ». Trình, nghĩa nhập thần là thuộc về phần tri, vì tri được tinh, mới hành được đáo, tức là trí dụng. Lợi dụng yên thân là thuộc về phần hành. Vì hành được tới nơi, thời tri càng tăng tiến, tức là sùng đức.

Thầy Vương dương-Minh chủ trương thuyết-tri hành hợp nhất 知行合一. Nghĩa là tri với hành hợp nhau làm một việc. Hễ tri đã đến nơi, tất nhiên hành được đến nơi, và đã tri tất, phải hành. Nếu bảo rằng tri được mà không hành được, thời cái tri đó không phải là chân tri, nên thánh nhân dạy cho ta hai chữ tinh nghĩa. Trong thiên hạ hễ có việc gì, tất có nghĩa của việc ấy, ta trước phải tinh thấu cho đến nghĩa của việc ấy, khi tinh thấu được nghĩa của việc ấy, tất nhiên làm được hoàn toàn công dụng của việc ấy. Đó lại là lấy tri mà vun đắp cái nền tảng cho hành. Khi đã tri dụng rồi là hành đã có thành hiệu rồi, thờ nhờ đó mà thêm phần cao đức mình. Đó lại là nhân hành mà mở rộng thêm phạm vi cho tri. Ví như : biết được đường chắc chắn, tất nhiên đi đến nơi, mà lại trải qua một lần đi càng thêm biết được đường.

Nghĩa tri hành hợp nhất của thầy Vương-dương-Minh rất đúng với nghĩa câu tinh nghĩa nhập thần của Khổng-Tử.

Nước Nhật Bản trước hồi duy tân rất sùng trọng Vương học, bao nhiêu chí sĩ gây nên sự nghiệp duy tân thấy con nhà Vương học.

Tượng viết, trinh cát, hối vong, vị cảm hại dã, đồng đồng vãng lai, vị quang đại dã.

象曰, 貞吉, 悔亡, 未感害也, 憧憧往來, 未光大也.

Trinh thời được cát, mà lại hối vong. Vì sợ cảm được đại công mà không mắc hại bằng tư cảm vậy. Đồng đồng vãng lai, thời chỉ bằng tòng nhị ty mà thôi, không lấy gì quang đại vậy.

(Chữ Vị ở đây như nghĩa chữ Phi 非).

5. — Cửu Ngũ, hàm kỳ muối vô hối.

九五，咸其脢，无悔。

Muối là đám thịt ở trên lưng, ở trên bụng, mà lại trái với bụng, lấy tượng tuyền quẻ mà thủ nghĩa bằng thân người, thời Cửu Ngũ chính xử vào vị muối; muối là không thấy được tâm, nên thánh nhân thủ tượng bằng Muối mà răn cho Ngũ rằng: Ngũ muốn cảm được người thiên hạ, tất phải dùng đạo chí thành tự nhiên, không thấy được tư tâm, như thế thời hợp được đạo chính, mà không đến nỗi hối.

Tượng viết, Hàm kỳ muối, chí mật dã.

象曰，咸其脢，志未也。

Hào-từ sở dĩ phải răn rằng: Hàm kỳ muối. Bởi vì, Ngũ dây dương với Nhị lại duyệt với Thượng, thánh nhân ghét nó tâm chí đề mật mà răn cho như vậy. (Mật: đề hèn).

6. — Thượng Lục, Hàm kỳ « phụ » « giáp » « thiết ».

上六，咸其「輔」「頰」「舌」

Thượng Lục, bản chất âm nhu, mà ở vào thể Đoài, làm chủ cho thể duyệt lại ở cuối cùng quẻ Hàm là cảm chi cực, muốn cảm người quá mà vẫn không chí thành, chỉ uốn nắn ở nơi miệng lưỡi, toan dùng cách ngôn ngữ động nhân, in thói thường liêu nhân nữ tử. Nên hào-từ nói rằng: hàm kỳ « phụ », « giáp », « thiết ». Phụ: mép; Giáp: má; Thiết: lưỡi, tất thấy là giống đề mà nói, chỉ dùng cách nịnh hót, mà cảm động người, nên tượng như thế.

Tượng viết, hàm kỳ « phụ », « giáp », « thiết » đẳng khẩu thuyết dã.

象曰，咸其「輔」「頰」「舌」滕口說也。

Lẽ trong thiên hạ, duy chí thành mới cảm được lòng người, kia chỉ múa miệng uốn mui, cảm gì được ai.

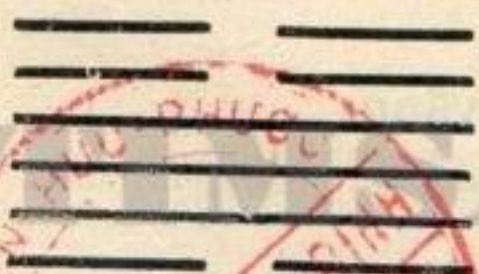
(Đằng, có ý như múa men, hào này, ở trên hết quẻ, nên thủ tượng bằng miệng lưỡi).

o O o

TIMSACH.COM.VN

XXXII. QUẺ LÔI-PHONG-HẰNG

雷 風 恆



Quẻ này là quẻ Lôi-Phong-Hằng. Tổn hạ cũng là Nội-Tổn. Chấn thượng cũng là Ngoại Chấn. Chấn lôi, Tổn phong ; nên tên quẻ đọc bằng Lôi-Phong-Hằng.

TỰ QUÁI

Tự quái, phu phụ chi đạo, bất khả dĩ bất cửu dã, cố thụ chi dĩ Hằng.

序卦, 夫婦之道, 不可以不久也, 故受之以恆.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Hàm tiếp lấy quẻ Hằng, là vì cớ sao ?

Trước kia quẻ Hàm là nam nữ cảm nhau mới thành được phu phụ. Khi đã thành phu phụ rồi, tất phải tính cách lâu dài, lâu dài mà không đổi, ấy là phu phụ chi đạo 夫婦之道, 不可以不久也. Vậy nên sau quẻ Hàm, tiếp lấy quẻ Hằng 故受之以恆.

Hằng nghĩa là lâu dài.

Quẻ Hàm thời thiếu nam hạ ư thiếu nữ, là hai người trai gái còn đương trẻ tuổi mà cảm duyệt với nhau. Đã cảm duyệt nhau, tất thành được phu phụ. Khi đã thành phu phụ rồi, thời hai người trai gái kia đã tới kỳ lớn nầy mà thành trưởng nam trưởng nữ, trưởng nam là chồng, trưởng nữ là vợ. Chồng chủ trương việc ngoài, vợ chủ trương việc trong, nam cương ở trên, nữ nhu ở dưới. Đó là lẽ thường của phu phụ. Quẻ này Chấn trưởng nam ở quẻ ngoài quẻ trên, Tốn trưởng nữ ở quẻ trong quẻ dưới, rất hợp với đạo phu phụ lâu dài. Nên đặt tên bằng quẻ Hằng.

SOÁN TỪ

Hằng, hanh, vô cữu, lý trinh, lý hữu du vãng.

恒亨，无咎，利貞，利有攸往。

Chữ Hằng nguyên có hai nghĩa. Một nghĩa là không thay đổi, tức là bất dịch. Một nghĩa là không thối nghĩ, tức là bất dị.

Hễ người ta làm việc gì, tất có đạo lý việc ấy. Xét đã đúng với đạo lý rồi, tất phải giữ cho được lâu dài và lại hữu thường mà không thay đổi, như thế thời được hanh thông, mà không tội lỗi 恒亨，无咎。

Tuy nhiên, đạo lý có mặt chính, có mặt phản. Theo về mặt đạo lý chính, thời không hằng cửu là hay, theo về mặt đạo lý phản, thời hằng cửu là dở. Nên hào từ lại răn cho rằng : Lý trinh, nghĩa là : nên hằng cửu với việc chính, chớ hằng cửu với việc tà 利貞。 Nếu hay hằng cửu với việc chính, là hằng cửu bằng cách quân tử, thời có tiến hành việc gì chắc có thành công 利有攸往。

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Hằng cửu dã ; cương thượng nhi nhu hạ, lôi phong tương dự, tổn nhi động, cương nhu dai ứng, Hằng. Hằng hanh, vô cữu, lý trình, cửu ư kỳ đạo dã ; thiên địa chi đạo, hằng cửu nhi bất di dã ; lý hữu du vãng, chung tác hữu thi dã. Nhật nguyệt đắc thiên nhi năng cửu chiếu, tứ thì biến hóa, nhi năng cửu thành. Thánh-nhân cửu ư kỳ đạo, nhi thiên hạ hóa thành, quan kỳ sở hằng, nhi thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hỷ.

彖曰，恆久也。剛上而柔下，雷風相與，巽而動，剛柔皆應，恆。恆亨，无咎，利貞，久於其道也。天地之道，恆久而不已也。利有攸往，終則有始也。日月得天而能久照，四時變化，而能久成。聖人久於其道，而天下化成，觀其所恆，而天地萬物之情可見矣。

Soán viết, Hằng cửu dã.

彖曰，恆久也。

Hằng, nghĩa là trường cửu. Theo mặt chữ của chữ Hằng, bên tả là chữ tâm, bên hữu chữ Nhất và chữ Nhật, ý nghĩa là lập tâm thường mãi mãi như một ngày.

Cương thượng nhi nhu hạ, lôi phong tương dự, tổn nhi động, cương nhu dai ứng, hằng.

剛上而柔下，雷風相與，巽而動，剛柔皆應，恆。

Nguyên hào Sơ cương quẻ Càn đổi cho Khôn mà lên ở hào Tứ. Nguyên hào Sơ nhu của Khôn thay cho Càn mà xuống ở hào Sơ. Đó là cương thượng nhi nhu hạ 剛上而柔下. Chấn vi lôi, Tốn vi phong. Chấn, Tốn hợp nhau thành một quẻ, tượng là sấm gió giúp thế lực cho nhau. Đó lại là lôi phong tương dự 雷風相與. Tốn có tính thuận, Chấn có tính động, trước Tốn

mà sau Chấn. Thế là thuận với đạo lý mà động 巽 而 動. Vì thuận mà động, nên thường trường cửu được.

Lại theo như thể quẻ, ba hào cương, ba hào nhu, thấy ứng với nhau 剛 柔 皆 應. Đó là cương nhu tương ứng.

Góp cả bốn câu như trên ấy, tất thấy có đạo lý mà hằng cửu được, nên đặt tên quẻ bằng Hằng .

Hằng, hanh vô cữu, lý trình, cửu ư kỳ, đạo dã.

恆. 亨 无 咎. 利 貞, 久 於 其 道 也.

Quái từ nói rằng: Hằng hanh, vô cữu, lý trình là lâu dài ở đạo chính vậy. (Chữ Kỳ đây, là đại danh từ, thay chữ trình, kỳ đạo, là đạo trình chính).

Thiên địa chi đạo, Hằng cửu nhi bất dĩ dã.

天 地 之 道, 恆 久 而 不 已 也.

Tiếp lấy chữ đạo trên mà nói rộng ra, chẳng những nhân sự mà thời đầu, dầu đến rất to lớn như đạo trời đất 天 地 之 道, cũng chỉ vì có đạo chính, mới hay hằng cửu mà không thôi 恆 久 而 不 已 也. Tỷ như: mùa hạ thường nóng, mùa đông thường lạnh, núi thường cao, sông thường sâu, đó là chính lý của trời đất cứ thường thường hoài. Dầu có khi gió dữ mưa cuồng, sông sôi núi lở, chỉ là lẽ biến hóa trời đất, đã biến hóa tức là bất trình, đã bất trình tất không thường được, nên nói rằng: trời đất cũng phải trình thời mới hằng được.

Ly hữu du vãng, chung tác hữu thi dã.

利 有 攸 往, 終 則 有 始 也.

Đây lại nói thêm nghĩa chữ Hằng cho đủ cả lẽ thường lẽ biến. Hằng vẫn là lâu dài. Nhưng sở dĩ lâu dài tất phải có thể có dụng. Thế vẫn thường mà dụng thời có biến. Ở trong một

thì gian lâu dài, cái lẽ tuần hoàn thiên chuyển, không một phút nào dừng, biến động đã đến lúc cuối cùng, thời lại xoay lại như lúc bắt đầu. Mỗi một lần chung, thời lại có một lần thi. Theo như Dịch-lý cùng thời biến, biến thời thông, thông thời lâu dài, như thế mới hằng được.

Hằng chẳng phải là chết trơ một bề đâu. Tỷ như : việc nhà làm ruộng, hạ mộng là thi, trung gian cày bừa cấy gặt, tới khi gặt tức là chung. Gặt xong rồi, thời lại có lúa mà hạ mộng. Vì có được lúa mới có mộng mà hạ lại. Đó là chung tắc hữu thi.

Vì chung thi tuần hoàn mãi mãi, mới nên được Hằng. Một việc như thế, muôn việc cũng như thế. Thế vẫn thường mà dụng thời biến luôn luôn.

Trên kia đã nói : Cửu ư kỳ đạo, đây lại nói : Chung tắc hữu thi ; động tịnh tương sinh, nhân quả tương tục, có như thế, mới là Dịch-lý.

Nhật nguyệt đắc thiên, nhi năng cửu chiếu, tứ thì biến hóa nhi năng cửu thành, thánh nhân cửu ư kỳ đạo, nhi thiên hạ hóa thành, quan kỳ sở hằng, nhi thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hỷ.

日月得天, 而能久照, 四時變化而能久成, 聖人久於其道, 而天下化成, 觀其所恆, 而天地萬物之情可見矣.

Đây lại nói cho đến cùng cực đạo Hằng, mặt trời mặt trăng cứ thuận theo đường lối thiên nhiên mà hay soi dọi không bao giờ cùng. Bốn mùa hay biến hóa luôn luôn, đông thay sang xuân, xuân thay sang hạ, hạ thay sang thu, thu thay sang đông, rét nắng ấm lạnh khí hậu trao đổi cho nhau, mới hay nên được công việc hằng năm, mà không bao giờ cùng. Đó là theo về phần thiên đạo 四時變化而能久成.

Thánh nhân cũng in như nhật nguyệt tứ thì mà làm đạo hằng cửu, tác dụng vẫn tùy thì biến đổi, mà bản thể vẫn không bao giờ trái lầm, thiên hạ nhờ đó mà làm nên văn-hóa tốt 聖人久於其道,而天下化成.

Xem ở nhật nguyệt tứ thì sở dĩ thường, đạo thánh nhân sở dĩ lâu, mà chân tình của thiên địa vạn vật có thể thấy được 觀其所恆,而天地萬物之情可見矣.

PHỤ CHÚ.— Chữ Dịch với chữ Hằng có nghĩa tương đối. Nếu tuyệt đối Dịch thì không làm sao ra hằng, nếu tuyệt đối hằng, cũng không làm sao ra Dịch được. Vũ trụ cổ kim không một giống gì là tuyệt đối. Tỷ như : ban ngày sáng, tất nhiên có ban đêm tối.

Nếu tuyệt đối sáng, hay tuyệt đối tối, tất không thành được thiên tượng ở không gian. Mùa hạ nóng, tất nhiên có mùa đông lạnh, nếu tuyệt đối nóng, hay tuyệt đối lạnh, tất không thành được tuế công ở thì gian.

Nhỏ từ thân một người, khi ngủ có khi thức, khi sống có khi chết ; lớn cho đến xã hội thế-giới, loạn lâu ngày phải trị, thịnh lâu ngày phải suy, cũng chỉ là tương đối thay đổi nhau, không thấy một giống gì là tuyệt đối. Vậy nên trong đạo Dịch vì Hằng mà phải có Dịch, cũng nhân Dịch mới làm nên Hằng. Thánh-nhân sợ người ta câu nệ ở chữ Hằng, mà quên mất điều lý ở chữ Dịch.

Vậy nên, Soán truyện phải lấy tứ thì biến hóa mà thuyết minh đạo Hằng. Học-giả thể nhận cho ra đạo lý ấy, thời biết Dịch với Hằng là tương thành mà không phải tương phản.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, Lôi phong hằng, quân tử di lập bất dịch phương.

象曰，雷風恆，君子以立不易方。

Theo ở tượng quẻ, Chấn là lôi, Tốn là phong, sấm gió đồng thì phát hiện, thành ra quẻ Hằng 雷風恆.

Quân tử xem tượng ấy, thời biết rằng : công việc trời đất tuy có lúc biến động, mà đạo trời đất thời vạn cổ y nhiên. Quân-tử bắt chước thế, thời cuộc đời bể dâu, tình người nóng lạnh, có thay đổi mặt dầu, mà đạo tự lập của Quân-tử thời không bao giờ thay đổi 君子以立不易方.

Lập bất dịch phương, ấy tức là hằng của quân-tử.

PHỤ CHÚ.— Mạnh-tử có nói rằng : Khổng-tử thánh chi thì giả dã 孔子聖之時者也. Nghĩa là : thì nên ra mà ra, thì nên ẩn mà ẩn, thì nên lâu mà lâu, thì nên chóng mà chóng. Theo như nghĩa chữ Thì đó, so với câu : « Lập bất dịch phương », chẳng mâu thuẫn hay sao ? không phải đâu. « Thánh chi thì » với « lập bất dịch phương » chỉ là một gốc mà không phải hai rễ. Thánh-chi thì, là về phần tác dụng, lập bất dịch phương là về phần nguyên tắc.

Tỷ như : tấm gương sáng treo ở một chốn, cái bản thể quang-minh không bao giờ thay đổi, chẳng phải là lập bất dịch phương hay sao ?

Đến gặp lấy sự vật gì soi dọi vào, mới hiện ra tác dụng của mặt gương, tùy tròn mà hiện ra tròn, tùy vuông mà hiện ra vuông, tùy đẹp mà hiện ra đẹp, tùy xấu mà hiện ra xấu, chẳng phải là thì nghĩa hay sao ?

Chúng ta đọc Dịch cần nhất là phải biết biến hóa. Ông Tô-đông-Pha có câu rằng : cứ xem ở giữa chốn biển, thời tuy trời đất e cũng không được một giây phút. Nhưng xem ở chốn bất biến, thời người với ta thấy không bao giờ hết.

Tự kỳ biến giả nhi quan chi, tắc thiên địa tăng bất năng dĩ nhất thuận ; tự kỳ bất biến giả nhi quan chi, tắc vật dư ngã dai vô tận hỷ 自其變者而觀之,則天地曾不能以一瞬,自其不變者而觀之,則物與我皆無盡矣.

HÀO-TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Lục, tuấn hăng, trinh hung, vô du lợi.

初六,浚恒,貞凶,无攸利.

Sơ Lục ở dưới hết quẻ Hằng, mà làm chính ứng với hào Tử, đó là lẽ thường. Nhưng người ta ở đời tất phải biết thường mà lại biết biến. Địa vị Sơ quá thấp, mà địa-vị Tử quá cao. Huống gì Tử là dương cương, chỉ trông lên mà không ngó xuống, trung gian lại bị hào Nhị, hào Tam gián cách. Sơ đương lúc bở mới, lại phân thấp hèn, mà toan yêu cầu với Tử bằng một cách quá thân mật. Thế là nệ cách thường quá chừng sâu, nên nói rằng : tuấn hăng 浚恒. Tuấn nghĩa là sâu. Tuấn hăng, nghĩa là quá sâu ư nệ thường, nệ thường mà không biết biến, té ra thành một người ngu. Nếu cứ kiên cố giữ một cách ấy, tất mắc lấy hung, nên nói rằng : Trinh hung. Chữ Trinh ở đây, chỉ có nghĩa trinh là bền chặt, không phải nghĩa trinh là chính. Bền chặt bằng một cách tuấn hăng, thời chẳng những một lúc xấu mà thôi, mà lại không làm gì được thuận lợi cả 无攸利. Người xưa có câu rằng : giao thiên nhi ngôn thâm, nhục chi đạo dã 交淺而言深,辱之道也.

Nghĩa là : giao tình còn đương cạn, mà cầu thỉnh quá chừng sâu, chỉ là cái đường lối đi tới nhục vậy. Câu này cũng tương tự như hào Sơ này.

Tượng viết, tuần hằng nhi hung, thi cầu thâm dã.

象曰，浚恒之凶，始求深也。

Cớ hung họa vì tuần hằng mà nảy ra. Bởi vì, lúc đầu mới giao mà cầu vọng đã quá thâm, thời thế nào cũng thất bại vậy.

PHỤ CHÚ.— Đời Hán như Giả-Nghị 賈誼 mới bước chân lên triều, mà toan đuổi các công-thần như Giáng-Quán 降館

Đời Đường như ông Lưu-Bồn 劉盆, mới đỗ Tiến-sĩ, mà vội xin với vua Đường toan đánh đồ Phiên-trấn 藩鎮, chính là đúng với câu: tuần hằng chi hung, thi cầu thâm dã 浚恒之凶，始求深也。

2.— Cửu Nhị, hối vong.

九二，悔亡。

Hào Cửu ở vị Nhị là dương cương ở âm vị, trái mất lẽ thường. Theo như nghĩa Hằng vẫn nên hữu hối. Nhưng vì Nhị có đức trung ứng với Ngũ, mà Ngũ cũng có đức trung. Lấy đức trung mà ứng với đức trung. Thế là hay hằng cửu ở đạo trung, thời tất không việc gì phải ăn năn. Nên hào từ chỉ nói rằng : hối vong.

Tượng viết, Cửu Nhị, hối vong, năng cửu trung dã.

象曰，九二悔亡，能久中也。

Cửu Nhị sở dĩ được hối vong. Bởi vì hay hằng cửu ở đạo trung mà thôi.

PHỤ CHÚ.— Dịch-lý rất chú trọng là chữ Trung, mà hằng là rất qui trọng chữ trung lắm. Bởi vì, hằng là thường lâu, nếu bất trung thời không thường lâu được.

Vô luận làm việc gì, nếu thái quá, hoặc bất cập, tất không được lâu dài, duy có đắc trung mới được lâu dài. Nên tượng truyện lấy ba chữ «năng cứu trung» đề xuất ở Cửu-Nhị, thời biết rằng : Những hào bất trung, tất thấy là bất Cửu.

3.— Cửu Tam, bất hằng kỳ đức, hoặc thừng chi tu, trinh, lẫn.

九三, 不恒其德, 或承之羞, 貞, 吝,

Dương hào ở vào dương vị vẫn là đắc chính, nếu thường giữ lấy đức chính của mình, thời không gì đến nỗi xấu.

Nhưng Tam này thời trái hẳn, quá cương bất trung mà lại toan len lỏi vào đòi với Thượng-Lục, là bỏ đức cương chính của mình, mà theo đòi với bạn âm nhu của người, nên hằng mà không biết hằng, tự thủ vẫn đã không xong, mà e có lẽ người khinh bỉ tới nơi. Nên nói rằng : bất hằng kỳ đức, hoặc thừng chi tu. 不恒其德, 或承之羞.

Tu, nghĩa là xấu hổ ; thừng, nghĩa là bùng đưa tới ; hoặc, là nghi từ, có ý là thờ ơ. Hoặc thừng chi tu, nghĩa là : e có người dâng đưa việc xấu hổ cho Tam.

Tư cách một người như Cửu-Tam, thời dầu có chính chẳng nữa, cũng đáng xấu hổ mà thôi 貞, 吝. Bởi vì, chính mà bất hằng, thế là bỏ mất chính. Nên nói rằng : trinh lẫn.

Trinh có bao giờ lẫn đâu. Vì trinh mà bất hằng mới lẫn.

Tượng viết, bất hằng kỳ đức, vô sở dung dã.

象曰, 不恒其德, 无所容也,

Người đã bắt hằng kỳ đức, rày trắng mai đen, sớm nóng, tối lạnh, hạng người ấy còn chốn nào dung thân được nữa rư?

PHỤ CHÚ.— Lời hào này nên tham khảo với lời đức Khổng ở trong Luận-ngữ: Nhân nhi vô hằng, bất khả dĩ tác vu y 人而無恆, 不可以作巫醫.

Nghĩa là: người mà đã không đức thường, thời dầu làm một nghề thầy đồng bóng, thầy thuốc, cũng không thể làm mà nuôi thân được, đó thiệt là vô sở dung.

4.— Cửu Tứ, điền vô cầm.

九四, 田无禽,

Hào dương ở vị âm, là xử trái mất bản vị của mình, mà còn toan lân ở chốn đó, dầu có lân chẳng nữa, chắc cũng chẳng nên việc gì, tượng như người đi săn mà không được cầm thú, chỉ hao tổn tâm lực mà không thành công.

Tượng viết, cửu phi kỳ vị, yên đắc cầm dã.

象曰, 久非其位, 安得禽也.

Hễ người ở đời, tất phải xử cho đúng bản vị của mình, dương cương mà ở vị âm nhu. Thế là Cửu phi kỳ vị đó rồi, làm sao mà còn được cầm nữa rư?

Chữ Yên, cũng như nghĩa chữ hà yên đắc, nghĩa là thế nào được. Chữ cầm chỉ thí dụ bằng có thành công.

PHỤ CHÚ.— Cửu Nhị với Cửu Tứ cũng là xử phi kỳ vị cả. Nhưng Nhị đắc trung thời được tốt. Tứ bất trung thời kết quả xấu; mới biết: trung thời mới hằng được.

5.— Lục Ngũ, Hằng kỳ đức, trinh, phụ nhân cát phu tử hung.

六五, 恆其德, 貞, 婦人吉, 夫子凶,

Lục Ngũ ứng với Cửu Nhị, bản thân là âm nhu cư trung, mà ứng với Cửu Nhị dương cương cũng cư trung. Nên cử một mực thuận tòng từ đầu đến cuối. Thế là có đức lâu dài mà được trình chính 恆其德, 貞.

Tuy nhiên, trong đạo làm người, tất cốt trước có đức dương cương, mà âm nhu chỉ là phụ trợ mà thôi. Nếu một mực âm nhu mà chỉ thuận tòng với dương cương. Theo về lối thường ví dầu đàn bà như thế thời cũng được cát.

Nhược bằng trượng phu mà chỉ âm nhu thuận tòng, hằng cửu bằng một cách phụ nhân, thời là xấu lắm 婦人吉, 夫子凶.

Hào này ở về quẻ khác, thời không lấy gì làm xấu hổ. Nhưng ở về thì đại Hằng, Hằng nhu thời kém về phần chấn tác, Hằng thuận thời không phải là tài hữu vi. Vì vậy, hào từ đã nói: Hằng Kỳ đức, trình mà lại nói: phu tử hung. Đó lại là một nghĩa tùy thì ở trong Dịch.

Tượng viết, phụ nhân trình cát, tòng nhất nhi chung đã, phu tử chế nghĩa, tòng phụ hung đã.

象曰, 婦人貞吉, 從一而終也. 夫子制義, 從婦凶也.

Hễ đạo người đàn bà, thời chỉ theo một người chồng cho đến cuối cùng, nên lấy chữ trình làm cát 婦人貞吉, 從一, 而終也. Còn như người đàn ông, thời tự mình chế ra nghĩa, nghĩa nên theo thời theo, nghĩa không nên theo thời bỏ. Nếu cứ thuận tòng như phụ nhân thời hung 夫子制義, 從婦凶也.

PHỤ CHÚ.— Tượng truyện ở đây phát minh thêm hai chữ chế nghĩa rất có ý vị.

Phụ nhân thời bảo cho phải tòng nhất nhi chung. Bởi vì :

những hạng người phụ nữ, phần nhiều là trí thức non, nghị lực kém, không thể nào chế ra được nghĩa, thời ầu là tòng nhất nhi chung, cũng đã là người tốt rồi. Nếu tự mình đã là trượng phu, thời nên phải trí thức cho cao, biến thông cho hoạt, tùy thì mà chế nên nghĩa : Tỷ như : nghĩa nên quân-chủ thời ta thờ vua, nghĩa nên dân-chủ thời ta thờ dân, nghĩa nên thờ quốc-gia thời ta thờ quốc-gia, nghĩa nên thờ xã-hội thời ta thờ xã-hội.

Chế ra nghĩa cho hợp với thì, há phải tòng nhất nhi chung mà thôi đâu. Đức-Khổng-Tử đã có câu nói rằng : quân tử chỉ ư việc trong thiên hạ, không cái gì là nhất định phải mà theo hoài, không cái gì là nhất định trái mà cự hoài, chỉ duy cho đúng với thì nghĩa thời ta làm theo 君子之於天下也, 無適也無莫也義之與比.

Mạnh-Tự cũng có câu rằng : hễ những người có tài đức lớn, mà gọi bằng đại nhân, chẳng phải nói điều gì cũng nhất định phải tin, chẳng phải làm việc gì cũng nhất định quả quyết, chỉ duy cân nhắc ở nơi nghĩa, nghĩa ở chốn nào thời ta theo đó mà nói mà làm 大人者言不必信, 行不必果, 推義所在.

Mấy câu nói ấy, rất hợp với lối chế nghĩa. Nghĩa chữ Chế đây có ý như nghĩa chế tạo, chế tác, tục ta thường hay nói chế canh hay rượu, v.v... cũng có ý như thế.

Nhưng mà hạng người chế nghĩa, tất phải trí thức cho cao, học vấn cho giàu, lịch duyệt cho sâu. Nếu không phải bậc thánh nhân chưa chắc đã chế được nghĩa. Vậy nên học giả nhận cho kỹ.

6.— Thượng Lục, Chấn hằng, hung.

上六, 震恆, 凶,

Chấn, nghĩa là động rất mau, có ý là láu-táu lau-chau.

Thượng Lục ở cuối cùng thể Chấn, là động chi cực, lại ở cuối cùng thì Hằng là đã đến buổi bất thường, ở vào buổi bất thường, mà lại sẵn có tính động cực, chỉ dùng bằng cách lắc-xắc lau-chau, thượng-Cửu như thế mà không chịu yên 震 恆 Lễ trong thiên hạ khi nên động mà động, khi nên tĩnh mà tĩnh, có lẽ gì thượng Cửu bằng một cách táo động mà khỏi tai họa được 凶.

Tượng viết, Chấn hằng tại thượng, đại vô công dã.

象曰，振恆在上，大无功也。

Ở trên hết quẻ, chính là hạng người ở trên, đã ở trên người, mà chỉ thường táo động 振恆在上, tất đến nỗi thất bại hung vậy 大无功也.

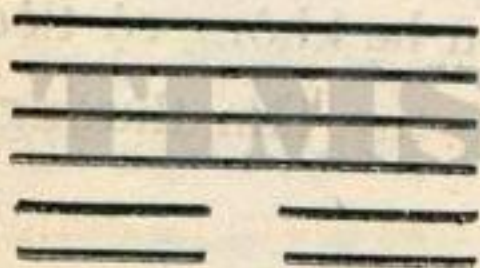
Hễ việc trong thiên hạ, thuận thì tòng lý mà làm, thời việc gì cũng xong. Trái lại, nghịch thì bội lý mà làm bướng, động càn, thời chỉ là làm tai họa cho thiên hạ.

Thiên hạ bản vô sự, dung nhân tự nhiều chi 天下本無事，庸人自擾之, chính là lẽ ấy.

XXXIII. QUẺ THIÊN-SƠN-ĐỘN

天 山 遯

Quẻ này là quẻ Thiên-Sơn-Độn. Cấn hạ cũng là Nội-Cấn Cấn thượng cũng là Ngoại Cấn. Cấn thiên Cấn sơn.



Nên tên quẻ đọc bằng Thiên-Sơn-Độn.

TỰ QUÁI

乾
上
外
乾

艮
下
內
艮

Tự quái, Hằng giả Cửu dã, vật bất khả di cửu cư kỳ sở, cố thụ chi di Độn. Độn giả thối dã.

序卦. 恆者久也, 物不可以久居其所, 故受之以遯, 遯者退也.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Hằng tiếp lấy quẻ Độn, là vì cớ sao? Hằng, nghĩa là thường lâu 恆者久也. Hễ vật gì không vật gì ở lâu được mãi một chốn 物不可以久居其所. Hễ ở lâu tất phải tránh lui, nên sau quẻ Hằng tiếp lấy quẻ Độn 故受之以遯.

Độn, nghĩa là tránh lui 遯者退也. Theo về tượng quẻ Cấn thượng là thiên; Cấn hạ là sơn. Sơn là giống hữu hình

chỉ đứng ở một chốn ; thiên là khí dương, cũng là không khí, thường tiến lên hoài.

Bây giờ thiên hạ hữu sơn, là có tượng trái nhau mà phải tránh nhau, nên lấy nghĩa bằng Độn. Vả lại, quẻ này là quẻ thuộc về tháng sáu, nhị âm sinh ở dưới, toan lửa đuổi tứ dương ở trên, tiểu nhân đạo trưởng, quân tử đạo tiêu, nên lúc đó quân-tử phải xa lánh. Vì vậy, nên đặt tên quẻ bằng Độn.

PHỤ CHÚ.— Hằng là cửu, Độn là lui, đã cửu thời phải lui, đêm tới, thời mặt trời phải lui, xuân tới, thời đông phải lui, chính là lẽ ấy. Việc người cũng vậy, quan đến già thời nên hưu, khách ngồi lâu thời phải dậy.

Tục ngữ Tàu có câu: Thiên hạ vô bất tán đích diên tịch 天下無不散的筵席. Nghĩa là : trong thiên hạ không có tiệc nào nhóm mãi mà không tan ; lời nói ấy tuy tầm thường, nhưng hợp với lẽ Hằng rồi, thời Độn.

SOÁN TỪ

Độn hanh, tiểu lý trình.

遯亨，小利貞。

Quẻ này là quẻ âm trưởng dương tiêu. Thế lực quân-tử không đủ kinh địch nổi tiểu nhân, nên kiến cơ tảo thoái 見機早退, thân mình tuy là Độn, mà đạo mình như thế mới là Hanh 遯亨. Tuy nhiên, thì cơ mỗi phút mỗi khác, có khi nên nóng nảy, nhưng cũng có khi nên khoan thai. Quẻ này tuy âm trưởng đã đến hai âm, nhưng bề quân-tử hãy còn có tứ dương. Nếu khéo lựa thì lựa cơ, tuy không được đại hữu vi, nhưng mà tiểu tiểu cán hồi 小小幹回, thiện xử với tiểu nhân,

dầu không làm được đại trình, mà còn ly ở tiểu trình vậy 小利貞.

Tiểu ly trình, nghĩa là : trình bằng việc lớn vẫn không ly, mà trình bằng việc nhỏ cũng còn có ly.

PHỤ CHÚ.— Soán từ quẻ Độn, nên tham khảo với Soán-từ quẻ Bĩ, vì quẻ Bĩ là tam âm tịnh tiến, nên Soán-từ nói rằng : bất ly quân tử trình, thiệt là đau đớn cho quân tử. Độn thời mới có nhị âm, nên Soán-từ nói rằng : tiểu ly trình, là còn chút hy vọng cho quân-tử.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Độn hanh, độn nhi hanh dã, cương đang vị nhi ứng, dự thì hành dã, tiểu ly trình, tam nhi trưởng dã, độn chi thì nghĩa đại hỷ tai.

象曰，遯亨，遯而亨也，剛當位而應，與時行也，小利貞，浸而長也，遯之時義大矣哉。

Soán viết, Độn hanh, độn nhi hanh dã.

象曰遯亨，遯而亨也。

Quái từ rằng : Độn hanh, nghĩa là : thân quân tử tuy thối, mà đạo quân tử vẫn hanh vậy 遯而亨也.

Cương đang vị nhi ứng, dự thì hành dã.

剛當位而應與時行也

Ở đây chỉ lấy một hào Cửu-Ngũ thích nghĩa chữ Hanh. Cửu-Ngũ dương cương ở vào vị trung chính, mà ở dưới có Lục Nhị cũng trung chính mà ứng với nhau 剛當位而應.

Tuy ở vào thì âm trưởng, nhưng có đức dương cương như thế, và có vị trung chính như thế, mà lại có bạn trung

chính như thế, bản thân Ngũ lại là một bậc Lãnh tụ ở trong tứ dương, thời nên hết sức hết lòng phù trì thể đạo, chờ ngày nào đáng thối tàng thời sẽ thối tàng 與時行也. Dự thì hành dã, nghĩa là : rình ở thì cơ mà làm công việc mình, thời có lẽ hanh.

Tiểu ly trinh, tám nhi trưởng dã.

小利貞，浸而長也。

Sở dĩ ly ư tiểu trinh, bởi vì, âm còn dần dà mà trưởng, chưa trưởng gấp liền, nếu quân-tử khéo tay cán tuyền, thời những việc tiểu trinh hãy còn làm được.

Độn chi thì nghĩa đại hỷ tai.

遯之時義大矣哉。

Thì nghĩa ở quẻ Độn, thánh nhân sở dĩ tán rằng : Đại hỷ tai. Bởi vì : quân tử xử vào thì Độn, tiểu nhân tuy tiến mà chưa đến như Bỉ. Bác : quân tử tuy suy mà hãy còn có tứ dương, nghĩa lý xử thì Độn, bảo rằng nên lui, chưa phải là tuyệt đối nên lui ; bảo rằng : không nên lui cũng không phải là tuyệt đối không nên lui. Khi ấy chỉ nên có cặp mắt xem thì cho chắc chắn, thủ đoạn tùy thì cho lanh nhạy, thì quả đã nên lui thời ta lui ngay, thì nếu có thể làm được, thời ta tùy cơ chuyển bát, cũng chưa phải là vạn bất khả vi. Vậy nên trên kia đã nói dự thì hành dã, đây lại nói : thì nghĩa đại hỷ tai.

Nghĩa chữ Thì nghĩa đây chỉ nói riêng về thì quẻ Độn. Ở thì Độn mà chỉ một cách thối tàng, đó là lẽ đương nhiên không cần phải nói. Duy ở thì Độn mà còn tìm một cách toàn chuyển phù trì, Thì nghĩa được như thế, mới là to lớn.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, thiên hạ hữu sơn, Độn, quân tử di viễn tiểu nhân, bất ác nhi nghiêm.

象曰, 天下有山, 遯, 君子以遠小人, 不惡而嚴.

Thiên thể vô cùng, sơn cao hữu hạn, chúng ta ở dưới núi, thời thấy trên đỉnh núi là trời, đến lên tới đỉnh núi, thời trời lại mênh mông ở đâu không thể với tới, thành ra tượng Độn 天下有山, 遯. Quân tử xem tượng ấy, mà học làm cách xa tránh đũa tiểu nhân 君子以遠小人, mình cứ lo giữ mình cho trong sạch, không đem những ác thanh nộ sắc mà đối đũa với nó, chỉ khiến nó thấy mình uy nghiêm trang kính mà thôi 不惡而嚴.

PHỤ CHÚ.— Chỉ bốn chữ bất ác nhi nghiêm, mà cách đối đũa với tiểu nhân, thật là hoàn-thiện.

Bất ác là thuộc về hình thức, nhi nghiêm là thuộc về tinh thần. Đối đũa với tiểu nhân, phải có một cách tỏ ra tinh thần bất khả phạm, nhưng không nên đem ác thanh ác sắc mà đối đũa với nó.

Khổng-tử đối đũa với Dương-Hóa. Mạnh-tử đối với Vương-hoan, chính là nghĩa ấy.

HÀO-TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Lục, Độn vi, lệ, vật dụng hữu du vãng.

初六, 遯尾, 厲, 勿用有攸往.

Theo về cách xem quẻ, thời Hào trên hết là đầu, Hào dưới hết là đuôi.

Sơ Lục ở dưới hết quẻ, chính đương vào bộ vị đuôi. Đuôi

là ở sau hết. Người ta vừa hồi Độn, ai nấy cũng đã độn trước rồi. Anh Sơ vì chất Nhu tính ám, không độn theo kịp người, mà lại còn rù rờ ở sau. Thế là Độn vĩ. Độn mà chậm trễ đến thế, tất nhiên nguy 避尾厲. Người ta xử vào địa vị Sơ Lục, chỉ nên tránh nép coi thì, chớ nên tiến hành những việc gì 勿用有攸往.

Tượng viết, Độn vĩ chỉ lệ, bất vãng hà tai dã.

象曰, 避尾之厲, 不往何災也.

Độn ở sau người, vẫn có lẽ nguy, nhưng nếu biết nguy mà nấp nép, không tiến vãng ở đâu, thời cũng không tai họa gì.

2.— Lục nhị, chấp chi dụng hoàng ngư chi cách, mạc chi thăng thoát.

六二, 執之用黃牛之革, 莫之勝說.

Ở vào thì Độn, vẫn là nên độn, nhưng vì Lục Nhị là chính ứng với cửu Ngũ, có tượng là quân thần tương đắc, hai bên thấy có đức trung chính kết hợp với nhau, khăng khít bền chặt bằng một cách trung chính hòa thuận, tượng như trời buộc nhau bằng da trâu vàng, mà không thể nào mở lột được.

Chấp, nghĩa là trời buộc ; hoàng, là sắc trung ; ngư, là giống có tính thuận, cách là giây bằng da. Hoàng ngư chi cách, là thí dụ bằng đức trung thuận của Lục Nhị ; mạc chi thăng thoát, là nói giao kết rất bền chặt, vì ở địa vị Lục Nhị mà lại chính ứng với Cửu Ngũ, nghĩa không thể bỏ Ngũ mà đi, nên hào-từ không nói chữ Độn.

Tượng viết, chấp dụng hoàng ngư, cố chi dã.

象曰, 執用黃牛, 固志也.

Chấp dụng hoàng ngưu là chỉ hào Nhị với hào Ngũ rất kiên cố, vì đạo nghĩa mà không dám độn. Xưa ông Ky-Tử, đương hồi âu vong, ông giả cuồng làm nô mà nói rằng : Ngã bất cố hành độn 我不顧行遁, chính đúng ý hào từ này.

3 — Cửu Tam, hệ độn, hữu tật lệ, súc thần thiếp, cát.

九三, 係遁, 有疾厲, 畜臣妾吉.

Cửu Tam dương cương, ở gần hào Nhị là âm nhu, dương huy bùi rín với âm, Tam ở gần Nhị nên bùi rín với Nhị.

Quân tử ở thì đại độn, lẽ nên độn cho chóng và xa. Bây giờ bùi rín vì tư tình, thời không thể độn cho chóng được, chỉ làm hại cho độn mà thôi. Thế là nguy rồi 係遁有疾厲. Hệ : bùi rín bằng tư hình).

Tuy nhiên, tư tình bùi rín đó, không phải là tuyệt đối không chốn hay đâu. Nếu đối đãi với bậc người quân tử, hay đối đãi với hạng tiểu nhân, thời vẫn không được, nhưng dụng khi nuôi bợn thần thiếp, là hạng người mà mình có quyền sai sử, thời dầu có tư tình bùi rín, nhưng mua được lòng vui của nó, mà ly được công việc cho mình, cũng có thể tốt lành được 畜臣妾吉.

Tượng viết, hệ độn chi lệ, hữu tật báĩ dã, súc thần thiếp cát, bất khả đại sự dã.

象曰, 係遁之厲, 有疾憊也, 畜臣妾吉, 不可大事也.

Ở vào thì Độn vẫn nên cao bay xa chạy, bây giờ

vì hệ độn, mà đến nỗi hữu tật, tất nhiên nguy khốn
有疾憊也.

(Bái, nghĩa là khốn, tức là chữ Lệ).

Tuy nhiên, Độn đã không được lanh chóng, mà cũng không thể làm nên việc gì lớn, thời chỉ duy lấy cái lòng tư ái đó, dụng vào việc súc dưỡng thần thiếp, là việc rất nhỏ mọn còn có thể cát, còn ngoài ra những việc gì lớn, quyết không đem cánh tư tình mà làm được đâu 畜臣妾吉,不可大事也.

PHỤ CHÚ.— Hào-từ này cũng nghĩa là : quyền biến ở trong Kinh Dịch. Như ông Thái-tùng-Pha lúc đầu nước Trung-hoa lập thành Dân-quốc, ông đương làm Đô đốc tỉnh Vân-nam. Vì Viên thế Khải muốn phản Dân quốc xưng Hoàng-đế, biết ông là người đảng Cách-mệnh, nên triệu ông lên Bắc-Kinh. Nếu ông không lên, thời đem quân đánh. Lúc đó, thế lực ông chưa đủ chống Viên, nên ông phải nín nhịn mà lên Bắc-kinh.

Viên giữ ông lại ở Kinh, cho ông làm Thượng-Tướng-quân, nhưng không cho coi việc binh, Viên lại thường ngày phái mười hai viên trinh thám, chuyên một việc canh lén rình giữ ông ; ông vẫn muốn có cơ-hội trốn Viên chờ hai năm tròn, hết sức kín-đáo, hằng ngày ngoài thì giờ vào diện hầu Viên, còn nữa chỉ lưu liên nơi quán một con hát tên là Phụng-Tiên, lính trinh-thám rình ở nhà Phụng-Tiên mãi mãi, thấy ông tuyệt vô hành động, lâu ngày chồn mỏi, canh giữ có ý sơ sài. Nhưng ông biết Viên còn nghi ông lắm, và

thì cơ khổ nghĩa cũng chưa tới nơi, nên ông hãy còn ần-nhẫn, lại càng thân-thiết với Phụng-Tiên in như vợ chồng. Hằng ngày triều Viên ra thời về ngay ở nhà Phụng-Tiên không bao giờ về Công-quán, Viên lại sai người rình ở Công-quán, tưởng có một mưu gì chẳng, ông biết ý Viên, nhân có một ngày ông dắt Phụng-Tiên về tại Công-quán, bà Thái-Phu-nhân nổi ghen, đánh lộn với ông, móng tay bà quào rách mặt, ông tức khắc xin phép Viên ly hôn. Bởi vì, pháp luật ly dị một vị mệnh phụ Thượng Tướng quân 命婦上將軍, tất phải xin phép đại Tổng-Thống. Viên thấy thế cho ông là người bậy bạ. Lúc đó Thái phu nhân chia gia tài, mang giấy ly hôn về Hồ-nam, là quê hương của ông. Ông từ đó ăn ở riêng một nhà với Phụng-Tiên, bỏ quách công quán, ngày đêm trầm mê ở trong tửu địa hoa thiên. Lại hơn hai năm nữa, chính vừa năm thứ tư Trung-hoa Dân-quốc, Viên mới thiết xưng đế, cải nguyên Hồng-Hiến, đổi quốc-dân ra làm Đế quốc.

Tức sáng ngày sau đó, vừa lúc bảy giờ mai, chỉnh đốn quân trang gươm mũ chững chàng, xe ngựa rục rỏ, từ nhà Phụng-Tiên ra đi, vào thẳng cửa Thiên yên, trình với quan Thị-vệ canh cửa, xin vào diện triều Tân Hoàng Đế. Quan Thị vệ bảo rằng: chưa đến giờ Hoàng-Đế xuất điện, ông hãy chờ đó, chín giờ sẽ vào. Ông tức khắc thấy đổi hết quân trang, để cả xe ngựa bộc-tùng ở ngoài cửa Thiên yên bảo chúng nó rằng: bay chờ tao ở đây, sớm mai ta chưa ăn điểm tâm, ta lại hàng ô ten chút đỉnh, tới chín giờ ta vào chầu.

Lúc đó ông mang gươm Thượng Tướng-quân, khoát xe tay chạy thẳng về nhà Phụng-Tiên, quăng gươm lột

áo vút cả mào seo Thượng-Tướng ăn mặc một cách đàng-điểm, tay nách Phụng-Tiên lên thẳng xe lửa đi Thiên tân tức khắc đáp tàu-thủy Nhật-bản đến Hương-cảng, thời đã có thầy ông, là ông Lương-Khải-Siêu, bạn ông là ông Ân thừa Hiến, chực sẵn đó rồi. Bắc-Kinh đột nhiên mất một vị Thượng-Tướng quân. Viên nổi giận quá, giết mười hai tên Cảnh-sát, và mười hai tên trinh thám luôn, đến tháng sau, thời Vân-nam đầu tiên khởi nghĩa đánh Viên, tứ phương hưởng ứng, chưa ba tháng mà Hồng-Hiến đổ, Viên chết tức. Thái-phu-Nhân cũng vào Tứ-xuyên giúp việc với ông. Đó mới biết cách Độn của tay anh hùng, mà sức thần thiếp chẳng phải là việc vô dụng. Khi ông Tùng Pha chết, tuyên quốc dân khai hội truy điệu, Phụng Tiên cũng có câu đối điệu ông rằng :

Bất ý Chu-Lang cánh đoản mệnh,

不意周郎竟短命 (1)

Tảo tri Lý-Tĩnh Thị anh hùng

早知李靖是英雄 (2)

Ai ngờ chàng Chu mà đoản mệnh ;

Văn đề Lý-Tĩnh là anh-hùng.

(1) Chu-Lang tức Chu-Du người nước Ngô ở đời Tam-quốc, tên chữ là Công-Cận văn võ mưu lược rất giỏi. thuở nhỏ tinh nghệ am luật, làm quan nước Ngô, tăng đánh Tào-Tháo thua, chống cự với Chư-Cát-Lượng sau bị Lượng đánh thua, có câu rằng : Thiên ký sinh Du, hựu hà sinh Lượng 天既生瑜,又何生亮.

(2) Lý-Tĩnh người đời Đường, tên chữ là Dực-Sur, khi đầu làm quan ở Tùy, sau qui Đường, bình giặc Ngô phá Đột-quyết, an định được Thồ-cốc-hồn, công nghiệp rất lớn.

4.— Cửu Tứ, hảo độ, quân tử cát, tiểu nhân phủ.

九四, 好遯, 君子吉, 小人否.

Cửu Tứ chính ứng với Sơ Lục, Sơ âm Tứ dương mà ứng với nhau, vẫn sẵn có cảm-tình thân-thiết. Nhưng Sơ là tiểu-nhân, Tứ là quân-tử, có lẽ đâu dung-hòa được. Khi Tứ đã nhận ra được Sơ không phải chân-chính đồng-chí với mình, tức khắc cắt đoạn tư-tình, mà tuyệt giao với Sơ, cho nên nói rằng: Hảo độ, nghĩa là: theo về tư-tình vẫn có hảo, mà theo về công nghĩa, thời tức khắc tránh xa.

Xưa nay những người cắt được-tư-tình, mà tránh được tiểu - nhân, tất duy đáng quân - tử, hay đem đạo-nghĩa cảm tình-dục, mới làm được thế, mà kết quả mới được tốt lành 君子吉. Nếu tiểu-nhân thời làm gì được thế, kết quả chỉ sụp vào hầm tình-dục mà thôi 小人否.

Nên nói lại: quân tử cát, tiểu nhân phủ. Nghĩa là: quân tử có đức cương kiện, thời hảo độ mà cát, nếu tiểu nhân thời không hay thế.

Tượng viết, quân-tử hảo độ, tiểu nhân phủ dã.

象曰 君子好遯, 小人否也.

Quân tử thời tuy có tính hảo, mà hay làm được nghĩa Độ, tiểu nhân thời há làm được đâu.

5. — Cửu Ngũ, gia độ, trinh cát.

九五 嘉遯, 貞吉.

Cửu Ngũ cư trung đắc chính, hạ ứng với Lục-Nhị

cũng có đức trung chính. Ở vào thì Độn, mà trung chính với trung chính dắc nhau tránh tiểu-nhân, cách độn như thế rất là tốt đẹp, nên nói rằng : Gia độn 嘉遯. Độn được như thế, có gì là tà đâu, có gì là xấu đâu, trình chính là cát đó vậy 貞吉.

Tượng viết, gia độn trình cát, dĩ chính chi dã.

象曰, 嘉遯貞吉, 以正志也.

Vì ý chí hào Cửu Ngũ chi một mực theo chính, dầu tiểu-nhân ưa mình mặc lòng, mà mình vẫn cứ tránh xa, như thế là gia độn trình cát.

6.— Thượng Cửu, phì độn, vô bất lý.

上九, 肥遯, 无不利.

Ở về thì Độn, chính là hồi quân tử tiêu, tiểu nhân trưởng. Quân-tử ở về thì-đại ấy, độn xa được bao nhiêu, thời tự do đầy đủ bấy nhiêu.

Hào này là hào dương cương, vẫn là bậc quân-tử, lại ở vào địa-vị cuối cùng ngoại quái, mà ở dưới không hệ ứng với ai, thiết là độn được rất xa, mà tự xử bằng một cách rất thông-thả, có khí tượng thái nhiên tự đắc. Nên nói rằng : Phì độn, nghĩa là : độn mà có ý tự đắc.

Phì, nguyên nghĩa là béo, nhưng ở đây thời Phì là khoan khoái. Độn mà được một cách rất khoan-khoái, thời không gì chẳng lý.

Tượng viết, phì độn vô bất lý, vô sơ nghi dã.

象曰, 肥遯无不利, 无所疑也.

Hào Thượng-Cửu có đức cương kiện, ở về thì Độn, lại ở địa vị vô vị, chỉ lấy đạo đức làm cao lương, lấy nhân nghĩa làm màu mỡ, như thế thời Độn mà béo tốt, còn nghi ngại gì nữa.

PHỤ CHÚ.— Một bộ sách Dịch bao bọc hết sự lý vạn vật, mỗi một việc tất có thì của việc ấy, mỗi một thì tất có việc của Thì ấy.

Người ta ở đời có **xuất**, tất có **xử**, có **tiến** tất có **thối**, chẳng những **tiến** với **xuất** là có việc, mà **thối** với **xử** cũng là có việc. Duy vì nhân Thì mà phải có việc, mà làm việc tất phải đúng với Thì. Dịch vị quân tử mưu 易爲君子謀, nên phải đặt ra quẻ Độn, tức là Thì, độn chóng hay chầy, độn xa hay gần, độn khéo hay vụng, độn hay không độn tức là việc.

Hào Sơ độn chậm, nên nói «Đôn vĩ» mà nguy. Hào Tam, đôn mà còn biiu rin, nên nói : « Hửu tật ». Hào Tứ, có vương tư tình mà hay quyết nhiên viễn độn, nên được cát ; hào Ngũ độn bằng trung chính, nên được Gia mà cát ; hào Thượng độn bằng một cách rất thái nhiên, là tốt nhất ở trong thì Độn, nên được câu : Vô bất ly.

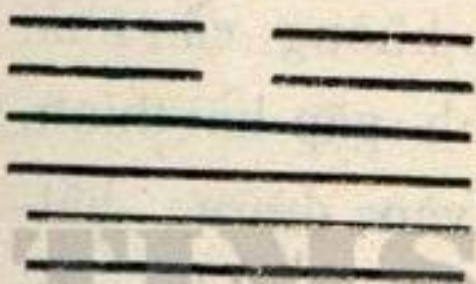
Duy hào Lục Nhị có nghĩa đặc biệt ở trong thì Độn, thân mình là đại thần, nghĩa phải dự quốc tồn vong, thời lại lấy bất độn làm việc.

Tổng chi, chung một thì đại Độn, mà việc có khác nhau như thế. Chúng ta xem ở thì tuyển quẻ, lại phải xem ở sáu hào. Tỷ như : một ngày là thì chung, hai mươi bốn giờ là thì riêng. Vì thì riêng có khác nhau, mà việc cũng có so-se với nhau. Chỉ xem ở quẻ Độn, thời cũng đã biết được Dịch lý.

oOo

XXXIV. QUẺ LÔI THIÊN ĐẠI TRÁNG

雷天大壯



Quẻ này là quẻ Lôi-Thiên Đại-tráng. Càn hạ cũng là Nội-Càn, Chấn thượng cũng là Ngoại-Chấn. Chấn lôi, Càn thiên. Nên tên quẻ đọc bằng Lôi-Thiên Đại-tráng.

震
上
外
震

乾
下
內
乾

TỰ QUÁI

Tự quái, Độn giả thối dã, vật bất khả di chung Độn, cố thụ chi di Đại-tráng.

序卦. 遯者退也. 物不可以終遯. 故受之以大壯.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Độn, tiếp lấy quẻ Đại-tráng, là vì cơ sao ?

Trên ấy là quẻ Độn. Độn nghĩa là lui 遯者退也. Vật lý không giống gì là cứ lui hoài 物不可以終遯, hết thì vạn lui thời tất lên, lên tất lớn mạnh.

Vậy nên sau quẻ Độn, tiếp lấy quẻ Đại-tráng 故受之以大壯.

Theo thông lệ ở trong Dịch, tiểu là âm, đại là dương, quẻ này dương sinh đã đến bốn nét, âm tiên chỉ còn hai nét. Thế là dương tráng thịnh lắm rồi, nên tên quẻ đặt bằng Đại-tráng. Đại-tráng nghĩa là dương đã tráng-thịnh.

SOÁN TỪ

Đại tráng, lý trình.

大壯, 利貞.

Soán từ ở đây chỉ nói tên quẻ, mà kiêm cả nghĩa quẻ, Đại-tráng thời dương đã thịnh rồi, quân-tử tiến mạnh, thời tiểu-nhân phải lui, cát hanh không cần phải nói nữa, chỉ e cho bạn quân-tử, ý mình gặp hồi thịnh, mà kiêu-căng đặc chí, lỡ có khi chạy vào đường bất-chính chẳng, thánh-nhân mắng cho Đại-tráng mà lại răn bằng lý trình, nên nói rằng : Đại tráng lý trình. Nghĩa là : Đại tuy tráng rồi, nhưng cốt phải bền giữ đạo chính.

PHỤ CHÚ.— Cổ nhân có câu : đắc ý thường ty thất ý thì 得意常思失意時. Nghĩa là : hồi đã đắc ý, càng nên phải nghĩ đến khi thất ý.

Tòng lai, tiểu-nhân sở dĩ hãm hại quân-tử, thường rình ngó ở lúc quân-tử đắc chí, mà vạch lá tìm ra sâu, ngậm cát phun vào mặt, nên quân-tử càng phải khủng cụ tu tình lắm. Quái-từ chỉ có bốn chữ : Đại tráng lý trình, mà ý nghĩa thiệt đủ. Trình, nguyên là tạo nhân được đại, đại là kết quả của trình. Đại mà lại hay trình, thời mới bảo tồn được tráng. Đó là ý thánh nhân phù quân-tử vậy.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, đại tráng, đại giả tráng dã, cương di động, cố tráng. Đại tráng, lý trình, đại giả chính dã, chính đại nhi thiên địa chi tình, khả kiến hỷ.

象曰, 大壯, 大者壯也, 剛以動, 故壯. 大壯, 利貞, 大者正也, 正大而天地之情, 可見矣.

Soán viết, đại tráng, đại giả tráng dã, cương di động, cố tráng.

象曰, 大壯, 大者壯也, 剛以動, 故壯.

Theo về thể quẻ, dương hai phần, âm một phần, dương tiến vào ở trong, âm lui ra ở ngoài, thế là phần dương được tráng thịnh, nên tên quẻ đặt bằng Đại-tráng.

Vả theo như đức quẻ, thời Càn cương ở trong, chấn động ở ngoài, thế là lấy đức dương cương mà động. Vậy nên tráng thịnh 剛以動故壯.

Đại tráng, lý trình, đại giả chính dã, chính đại nhi thiên địa chi tình, khả kiến hỷ.

大壯, 利貞, 大者正也, 正大而天地之情, 可見矣.

Quái-lừ nói rằng : đại tráng lý trình, nghĩa là : sở dĩ đại được như thế, là vì có chính vậy 大者正也.

Nói trái lại, nếu không chính thời không đại, vì có chính thời mới đại, đã chính thời lại đại thêm, chỉ xem ở nơi chính đại, mà suy cho đến thiết rộng, thời chân tình của thiên địa, cũng có thể thấy được rồi 正大而天地之情, 可見矣.

PHỤ CHÚ.— Quẻ Phục nhất dương sinh, thời Soán-truyện

nói : «**Kiến thiên địa chi tâm**», quẻ Đại-tráng tứ dương trưởng, thời Soán-truyện nói : «**Kiến thiên địa chi tình**».

Chữ **Tâm** với chữ **Tình**, sở dĩ khác nhau là vì cơ sao ? Tâm chỉ là ý tứ ngậm chứa ở bề trong, Tình thời có manh mũi tỏ rõ ra ở bề ngoài ; Tâm, Tình nguyên chỉ một gốc, mà thể dụng thời có khác nhau. Nguyên lai, tấm lòng của trời đất, chỉ cốt ở sinh vật. Nhưng khi sinh cơ còn ẩn nấp, thời không thể thấy được thiên địa chi tâm. Đến quẻ **Phục** mà nhất dương sơ sinh, thời sinh cơ đã manh động, nên thấy được thiên địa chi tâm. Đến quẻ **Đại tráng** dương trưởng đã đến bốn nét, thời lòng sinh vật của thiên địa, đã có tác dụng tỏ rõ ra bề ngoài, thời mới thấy được thiên địa chi tình.

Hai chữ đại nghĩa có khác nhau. Chữ «**Đại giả**» ở trên, đại chuyên chỉ bằng tứ dương ; chữ «**Đại giả**» ở dưới, thời đại là thuyết lý, chỉ nghĩa là lớn.

Chính mà to lớn, ấy là tình của thiên-địa. Thầy Mạnh bàn dưỡng khí mà nói rằng : Cái làm ra khí đó rất lớn rất mạnh, lấy lý thẳng nuôi nó mà không tổn hại đến nó 其為氣也至大至剛以直養而無害.

Mấy câu ấy, chính là học Soán truyện đại-tráng vậy.

Chữ «**Cương**», chữ «**Đại**», chữ «**Trực**» tức là chữ Chính-đại ở quẻ này.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, lời tại thiên thượng, đại tráng quân-tử di phi lễ phát lý.

象曰，雷在天上，大壯，君子，以非禮弗履。

Quẻ này Càn ở dưới, Chấn ở trên, tượng là sấm vang động trên trời, tiếng kêu được rất lớn, uy vang được rất xa 雷在天上.

Như thế, thời đại mà lại tráng 大壯.

Quân-tử xem tượng ấy, bắt chước Đại-tráng, mà làm cách đại-tráng của mình, phấn chấn tinh thần của mình, đề đánh đổ giặc tư-dục, tự cường bất tức, cố làm cho đến thánh hiền.

Hễ việc gì không hợp với thiên lý, thời quyết không làm ngay 君子以非禮弗履.

Phật-Kinh có nói rằng : nhất thiết giác ở ngoài, đều có thể đánh đổ được, duy có sáu giác ở trong mình 眼,耳,鼻,舌,身,意, khó đánh mà thôi, nếu đánh được giác đó, mới là đại tráng của quân tử. Sách trung dung thầy Tử-Lộ hỏi việc cường, đức Khổng Tử dạy cho rằng : quân tử hòa với chúng mà không trôi nổi theo chúng 君子和而不流, đứng bằng cách trung chính mà không nương dựa vào phía nào 中立而不倚. Mạnh vậy thay ! rất mạnh 强哉矯, thấy là như nghĩa tượng từ đây.

Xưa nay những cách bùng mang trợn mắt, xông sủng đạn, nhảy hăm than, tục thường vẫn khen làm tráng, những võ phu dũng sĩ thường hay làm được, đến như cấm được tư tình, biến hóa được khí chất, thời tất phải có nghĩa lý chỉ dũng được như quân-tử, mới làm nên được, nên nói rằng : quân tử dĩ phi lễ phát lý. (Lễ : tức là lẽ trời ; Lý : Nghĩa là làm).

HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Cửu, tráng vu chỉ, chinh hung, hữu phu.

初九，壯于趾，征凶，有孚。

Sơ Cửu dương cương Càn thể, mà xử vào địa vị dưới hết quẻ, lấy tượng bằng thân người, thời tượng là ngón chân ở dưới, mà ham tiến động.

Sơ Cửu vị dương cương mà lại thể kiện. Xử Sở chính là người ở địa vị thấp, mà lấp tấp láu tấu quá hăng bằng một cách nhuệ tiến. Thế là tráng vu chỉ. Chỉ, nghĩa là ngón chân, hăng lên mà chỉ dùng bằng ngón chân thế nào đi cũng vấp ngã, nên nói rằng : Chinh hung hữu phu. Nghĩa là : đi lên thời tất nhiên xấu. Nghĩa chữ « Hữu Phu » ở đây, khác nghĩa chữ « Hữu Phu » ở mọi nơi.

Phu : Nghĩa là chắc chắn ; Hung hữu phu : xấu chắc chắn.

Tượng viết, tráng vu chỉ, kỳ phu cùng dã.

象曰，壯于趾，其孚窮也。

Ở vào thì Đại-tráng, thời tráng vẫn có lẽ hay, nhưng Sơ là địa vị tối hạ, mà toan dùng cách hăng mạnh ra với đời, hạng người ấy tất nhiên cùng khốn vậy.

2.— Cửu nhị, trinh cát.

九二，貞吉。

Cửu Nhị bản chất vẫn dương cương, mà ở vào âm

nhu, lại ở được vị trung, thế là cương nhu vừa đắc trung, tráng mà không quá chừng tráng, ấy là được trình chính, mà có tốt lành vậy.

PHỤ CHÚ. Theo thường lệ ở quẻ khác thời dương cư âm vị mà bất chính.

Nhưng hào này Cửu-Nhị là đắc trung rồi, đã đắc trung thời chẳng bao giờ bất chính.

Đó lại là biến lệ ở trong Dịch, nên hào từ dùng chữ « Trình Cát ».

Tượng viết, Cửu Nhị trình cát, dĩ trung dã.

象曰, 九二貞吉, 以中也.

Cửu Nhị mà được trình cát, là vì được đạo trung vậy.

3.— Cửu Tam, tiểu nhân dụng tráng, quân tử dụng vọng, trình lệ, đê dương xúc phiên, luy kỳ đốc.

九三, 小人用壯, 君子用罔, 貞厲, 羝羊觸藩, 羸其角.

Cửu đã dương cương, **Tam** cũng dương cương, trùng dương mà xử vào thì Đại-tráng, lại ở cuối cùng Càn thể, là người tráng chi cực. Nếu tiểu nhân mà như thế, thời dùng cách ấy mà tỏ ra một cách hung mạnh 小人用壯.

Nếu ở về người quân-tử, thời dùng cách ấy, mà tỏ rõ ra một cách gan liều 君子用罔. Chữ tráng ở đây nghĩa là : hăng mạnh, chữ Vọng nguyên nghĩa như chữ vô, đây thời lại nghĩa là gan liều. Xem nhất thiết việc, như hình không mà không kiêng sợ gì, thời gọi bằng Vọng.

Tiểu-nhân quân-tử là địa vị khác nhau, dụng tráng dụng

vọng, là thủ đoạn khác nhau, nhưng tổng chi cũng là tráng
bường cả. Tráng mà tráng bường thời dầu có chinh nữa cũng
phải nguy 貞厲. Tượng như con dê đực ỷ mình có sừng,
hễ thấy giậu tường thời húc ngay, giậu tường thời không
đổ, mà sừng chắc phải gãy 羝羊觸藩, 羸其角. (Đê
dương, nghĩa là con dê đực ; Phiên, nghĩa là tường
giậu ; Xúc, nghĩa là húc chận ; Dốc, nghĩa là sừng ; Luy,
nghĩa là gãy). Đê dương xúc phiên, luy kỳ dốc, là thí
dụ bằng cách « Thái cương tắc chiết » 太剛則折.

Tượng viết, tiểu nhân dụng tráng, quân tử vọng dã.
象曰, 小人用壯, 君子罔也.

Tiểu-nhân mà như Cửu-Tam, thời là vì tráng mà sát
thân, quân tử mà như Cửu-Tam, thời là vì vọng mà
mang họa.

Dụng tráng in như câu : Bao hổ bằng hà, tử nhi vô hối
暴虎憑河, 死而無悔. Dụng vọng in như câu : Quân-tử hữu
dũng nhi vô nghĩa vi loạn 君子有勇, 而無義為亂.

PHỤ CHÚ.— Hễ mỗi hào ở trong Dịch, bao bọc
hết mấy hạng người, nên Thánh-nhân thường đặt ra hai
nghĩa : Lục-Ngũ quẻ Hằng, phụ nhân cát, phu tử hung
婦人吉, 夫子凶. Cửu-Tam quẻ Bỉ, tiểu nhân cát, đại
nhân bỉ hanh 小人吉, 大人否亨.

Cửu-Tứ quẻ Độn, quân-tử cát, tiểu nhân phủ 君子
吉, 小人否 như những loài ấy v.v... Cửu-Tam này
cũng thế. Người vận dụng được hào không phải hào
vận dụng được người. Xin học-giả chớ nệ văn mà không
biết lý.

4.— Cửu-Tứ, trình cát, hối vong, phiên quyết bất luy, tráng vu đại dư chi phúc.

九四，貞吉，悔亡，藩决不羸，壯于大輿之輹。

Cửu-Tứ này qua khỏi Càn mà vào Chấn thể, dương trưởng đã đến lúc cuối cùng, là tráng Thịnh đã đạt cực điểm, vả lại hào Tứ này ở trên hết quần dương, chính là người Lĩnh-tụ trong đám quân-tử, Thánh-nhân sợ vì quá đầy mà nghiêng, không khéo lại lằm về đường bất chính, nên có lời răn rằng : trình cát, hối vong. Nghĩa là : giữ được chính, thời lành, mà khỏi được những việc phải ăn năn.

Lại theo về thể quẻ : bước lên trên Tứ là hào Ngũ hào Thượng, rất là hào âm, âm đã đến lúc suy, đánh đổ nó có thể dễ, tượng như tường ở trước mặt, bây giờ đã đổ trống, không còn khốn nạn gì, nên nói rằng : phiên quyết bất luy. Chữ Phiên, chữ Luy tiếp Cửu Tam mà nói chuyện. Tam còn có Phiên, đến Tứ thời Phiên Quyết, không phải sợ lưu độc, Cửu Tứ đã gặp được cơ hội như thế, suất lĩnh cả ba dương ào ào mà lên, nước bước đường đi chắc rất thuận lý, tượng như cưỡi cỗ xe lớn, mà cốt bánh xe lại được vững vàng 壯于大輿之輹. Thí dụ bằng tượng ấy, là mắng cho quân tử đã đến ngày tiến hành thuận lý vậy.

(Đại dư, nghĩa là xe cỗ lớn, Phúc, là cốt bánh xe). Xử vào thì Đại tráng mà lại có tài liệu như cỗ xe lớn, cốt cứng thời xe mạnh thời tiến hành có khó gì đâu.

Tượng viết, phiên quyết bất luy, thượng vãng dã, 象曰，藩決之羸，尚往也。

Cửu-Tam sở dĩ không tiến được; là vì trước mặt
hãy có giau tường ngăn trở. Bây giờ đã phiên quyết
bất luy rồi, thời tiến mãi không thôi, là sự thế tất nhiên
尚往也.

(Thượng vãng: nghĩa là tiến lên hoài).

5.— Lục Ngũ, táng dương vu di, vô hối.

六五. 喪羊于易. 无悔.

Lục-Ngũ ở địa vị chí tôn, mà lại vừa thì Đại-tráug, quần
dương ở dưới, dương tiến mạnh là thường. Ngũ ở trên
họ mà bản chất Ngũ là âm nhu, thiết không thể lấy thế
lực mình áp phục được họ, chỉ duy có một cách, dùng
ngón nhu thuận, lấy hòa dị vui vẻ đối đãi với họ. Ngũ
đã không có lòng rầy rà với họ, thời quần dương kia
cũng không biết thả ngón cương cường vào chốn nào,
tượng như có bầy dê mà mất hẳn bầy dê bằng một cách
dung dị 喪羊于易. Nên thí dụ bằng táng dương vu di.

Táng dương, nghĩa là mất dê, dê hay đi bầy mà
tính ham chận. Dương là ví vào quần dương, lấy một
cách chí nhu đối đãi với quần dương, mà quần dương
tự nhiên mất thủ đoạn cương cường. Thế là mất dê bằng
cách dễ dàng vậy. Như thế, chắc không việc gì phải ăn
năn 无悔.

PHỤ-CHÚ. — Sách Lão tử có câu: lấy đạo chí nhu
trong thiên hạ mà lừa đầy được những món chí cương
ở trong thiên hạ 天下之至柔馳聘天下之至剛. Ông
Quang-Võ đời Hán có nói rằng: Ngô dĩ nhu đạo trị
thiên hạ 吾以柔道治天下, cũng tương tự như hào
tử này.

Tượng viết, táng dương vu dị ; vị bất đáng dã.

象曰，喪羊于易，位不當也。

Ở về thì Đại-tráng, mà cứ sao chỉ dùng bằng một cách nhu hòa. Bởi vì : Ngũ là âm nhu mà ở vào tôn vị, bản thân vẫn không tài dương cương, nếu không dùng cách nhu hòa thời làm sao mà ở được vị ấy.

6.— Thượng-Lục, đề dương xúc phiên, bất năng thối, bất năng toại, vô du lý, gian, tác cát.

上六，羝羊觸藩，不能退，不能遂，无攸往，艱則吉。

Thượng Lục ở cuối cùng quẻ Đại-tráng, lại ở trên hết thể Chấn, thể là tráng chi chung, động chi cực, nên lâu lâu chạy quàng, tường như dê đực ý thể có sừng mà húc vào tường gài 羝羊觸藩, muốn lui thời sừng đã mắc vào tường không thể lui được nữa 不能退, muốn lên thời sức không thể đẩy được tường, nên không thể lên được 不能遂.

Lúc bây giờ tiến thối lưỡng nan, thể là bất năng thối, bất năng toại, còn có gì lý nữa đâu 无不利. Bất năng thối, là vì táo động quá tay, bất năng toại, là vì bản chất quả nhu nhược, nên kết quả vô du lý. Tuy nhiên, địa vị hào Thượng là đại tráng đã đến lúc cùng, hễ cùng thời biến, may chi Thượng biến được tính chất của mình, bỏ nết táo động, mà tự xử bằng một cách gian nan. Thể là chỉ tình chế động thời có lẽ cát 艱則吉,

(Toại, cũng như nghĩa chữ Thành)

Trong Luận-ngữ có chữ « Toại sự » tức là nghĩa chữ Toại ở đây.

Tượng viết, bất năng thối, bất năng toại, bất tường dã, gian tắc cát, cữu bất tường dã.

象曰，不能退，不能遂，不詳也，艱則吉，咎不長也。

Muốn thối mà thối cũng không xong 不能退 muốn tiến mà tiến cũng không được 不能遂 là vì mình tự xử không được tường thắm nên đến nỗi thế 不詳也. Nhưng còn may, đến lúc đại tráng đã cùng rồi, nhân cùng mà biết biến đổi, biết gian nan tự thủ, thời tội lỗi cũng không bao nhiêu 咎不長也.

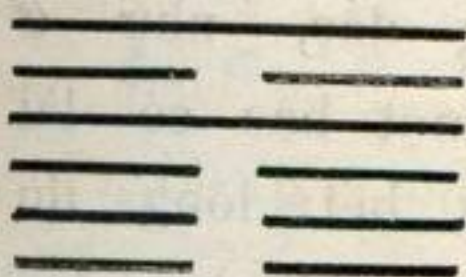
Vậy nên nói rằng : gian tắc cát 艱則吉.

PHỤ CHÚ.— Đại tráng là quẻ dương Thịnh âm suy, theo thường lệ là quẻ tốt, mà hào từ trong sáu hào, lại không có hào nào là thiết tốt. Là bởi vì : Thì Đại tráng tuy một vận-hội rất tốt. Nhưng hệ phúc thời thường nắp cơ họa, thịnh thời thường nắp cơ suy. Quái-từ là chỉ nói về thì, nên lời quẻ không thấy xấu.

Hào từ lại nói riêng từng hạng người ở trong thì Đại-tráng, thấy phúc phải lo đến họa, thấy thịnh phải lo đến suy, tất phải dùng những lời răn đe ngăn ngừa, nên hào từ không thể nói tốt. Đó chính là lẽ **tiêu, tức, dinh, hư**, ở trong Dịch mà Thánh-nhân phải dặn trước cho người ta, chính như nghĩa hào-từ Cửu Tam quẻ Thái, muốn cho người chớ thấy Đại tráng mà đắc ý.

XXXV. QUẺ HỎA-ĐỊA-TẤN

火 地 晉



Quẻ này là [quẻ] Hwa-Dia-Tan. Khôn hạ cũng là Nội Khôn. Ly thượng cũng là Ngoại Ly. Ly hỏa Khôn địa, nên tên quẻ đọc bằng Hwa-Dia-Tan.

TỰ QUÁI

離

坤

上

下

外

內

離

坤

Tự quái, vật bất khả dĩ chung tráng, cố thụ chi dĩ Tấn, Tấn giả tiến dã.

序卦. 物不可以終壯. 故受之以晉. 晉者進也.

Y sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Đại tráng tiếp lấy quẻ Tấn, là vì cớ sao?

Trên ấy là quẻ Đại tráng, vật lý không lẽ đến tráng mà thôi 物不可以終壯. Hễ đã tráng thịnh, thời tất nhiên tiến lên, nên sau quẻ Đại-tráng, tiếp lấy quẻ Tấn 故受之以晉. Tấn, nghĩa là tiến lên 晉者進也.

Theo về tượng quẻ, Ly ở trên Khôn, tượng là mặt trời đã mọc lên trên đất. Mặt trời lên khỏi đất, càng lên cao càng thêm sáng, tượng như thế là tấn mạnh lắm, nên tên quẻ đặt tên bằng Tấn.

SOÁN TỪ

Tấn, khang hầu, dụng tích mã phồn thứ, trú nhật tam tiếp.

晉, 康侯, 用錫馬蕃庶, 晝日三接.

Tên quẻ này là quẻ Tấn, có nghĩa là tấn thịnh 晉. Theo tượng quẻ, thời Ly minh ở trên, Khôn Thuận ở dưới. Thế là : xử ở đời Tấn thịnh. Người trên thời minh, người dưới thời thuận, quân thần tương đắc, như ở trong nước có một vị Khang hầu là một bậc có tài giúp nước an dân, nên vị Quốc trưởng hết lòng tin nhiệm, ân hậu lễ sùng, trên dưới đồng tâm với nhau, đặc người trong nước lên con đường tấn thịnh, nên nói rằng : Khang hầu dụng tích mã phồn thứ, trú nhật tam tiếp.

Khang, nghĩa là : yên, Khang hầu, nghĩa là : ông hầu có tài an được nước, phồn thứ, nghĩa là : đông nhiều; tích, nghĩa là cho, tích mã phồn thứ : là ban thưởng cho người vừa đông vừa nhiều, là ơn rất hậu đó vậy; trú nhật : là thuộc về ban ngày; trú nhật tam tiếp : là một ngày mà đến ba lần tiếp rước, là lễ đại rất trọng vọng đó vậy. Quái từ ở đây không nói những chữ : hanh, cát, ly là cơ sao ? Vì trong chữ Tấn đã ngầm hết ý hanh, cát, ly, rồi.

Thì đại đã vào lúc Tấn thịnh, còn phải nói hanh cát ly làm gì nữa. Chỉ nói hiền tài giúp nước, vua chúa trọng hiền thần, thời thấy được cái đạo nhân làm nên Tấn. Không cần phải nói kết quả.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Tấn tiến dã. Minh xuất địa thượng, thuận nhi lệ hồ đại minh, nhu tiến nhi thượng hành, thị dĩ Khang hầu dụng tích mã phồn thứ, trú nhật tam tiếp dã.

象曰，晉進也。明出地上，順而麗乎大明，柔進而上行，是以康侯用錫馬蕃庶，晝日三接也。

Soán viết, Tấn tiến dã.

象曰，晉進也。

Đây là thích nghĩa tên quẻ. Tấn, nghĩa là : tiến lên vậy.

Minh xuất địa thượng, thuận nhi lệ hồ đại minh, nhu tiến nhi thượng hành, thị dĩ Khang hầu dụng tích mã phồn thứ, trú nhật tam tiếp dã.

明出地上，順而麗乎大明，柔進而上行，是以康侯用錫馬蕃庶，晝日三接也。

Mặt trời mọc ra khỏi đất 明出地上, là đức sáng soi dọi khắc thế giới, cảnh tượng rất vẻ vang. Người ở dưới có đức có thuận mà dựa vào bậc đại minh 順而麗乎大明. (Đại minh là một vị Quốc-trưởng có đức thánh minh).

Kinh-thư nói rằng : Nguyên thủ minh tai 元首明哉 là thế.

Trong quẻ có Lục-Ngũ, nguyên hào giữa quẻ Càn biến làm hào nhu tấn mà đi lên, ở vào địa vị Ngũ, chính là địa vị Quốc-trưởng 柔進而上行. Đủ các tượng ấy thời là : có vị hầu yên nước yên dân, mà được vị

Nguyên-thủ hết lòng kính lễ vậy. Nên nói rằng : Khang hầu dụng tích mã phồn thứ, trú nhật tam tiếp.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, minh xuất địa thượng, Tấn ; quân tử di tự chiếu minh đức.

象曰, 明出地上, 晉. 君子以自昭明德.

Chát sáng của mặt trời, tấn không bao giờ tắt, nhưng vì trái địa cầu che mất trời, mà buổi đêm không thấy được tia sáng ; đức sáng của lòng người vẫn không bao giờ tắt, nhưng vì vật dục che lấp, nên không thấy rõ đức sáng. Quân tử xem tượng quẻ Tấn, mà biết được đức minh vẫn sáng như mặt trời, duy phải ngăn cấm vật dục, khiến cho tự mình làm sáng suốt đức minh, cũng in như minh xuất địa thượng, thời đức minh càng ngày càng tấn mãi 君子以自昭明德.

PHỤ CHÚ.— Tượng truyện ở trong Dịch duy quẻ Càn quẻ Tấn có chữ Tự. Tự, nghĩa là : giữa bản thân làm lấy. Bắt chước Càn mà Tự cường bất tức, là công phu học của quân-tử mà thuộc về phần lực hành. Bắt chước Tấn mà Tự chiếu minh đức, là công phu học của quân tử mà thuộc về phần trí tri, phần hành tất phải kiện được như thiên, phần tri tất phải minh được như Nhật, hai việc đó tất tinh tấn với nhau, thời năng sự của quân tử mới là viên mãn. Nhưng việc đó không phải ỷ lại người ngoài mà được đâu, nên tượng truyện nói chữ Tự 自.

HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Lục, Tấn như tời như, trinh cát, vọng phu, dữ, vô cữu.

初六, 晉如 摧如, 貞吉, 罔孚, 裕无咎.

Sơ Lục bản chất âm nhu, mà địa vị ở dưới hết quẻ Tấn. Kẻ ứng với Sơ là Tứ lại bất trung chính, mình đã hù hạ mà gặp bạn lại không ra gì, nên muốn tấn lên mà bị ngăn chẹn 晉如 摧如. Người mà gặp hoàn cảnh như thế, thời nên thế nào? Duy kiên cố giữ lấy đạo chính, thời kết quả cũng được tốt lành 貞吉.

Tuy nhiên, chính, không chính là quyền tại mình, tin không tin là quyền tại người.

Nên cũng có khi mình đã chính mà người chưa tin 罔孚. (Vọng phu: có người không tin mình).

Nếu tiểu nhân mà gặp lúc đó, nóng nảy chạy vạy, đề cầu người tin, hoặc đến nỗi đổi lòng biến tiếc, tất nhiên có lỗi. Duy quân tử xử hoàn cảnh ấy, thời tin hay không tin tùy kẻ người, mình cứ khoan thai thông thả 裕, ra sức tự tu thân, như thế thời không tội lỗi 无咎.

PHỤ CHÚ.— Mạnh-tử có nói: Ái nhân bất thân, phản kỳ nhân 愛人不親反其仁, tri nhân bất trị phản kỳ tri 治人不治反其智. Nghĩa là: ta yêu người, mà người không thân ta, thời ta trở lại trách đức nhân của ta, ta trị người mà người không chịu trị, thời ta trở lại trách đức tri của ta.

Đức Khổng-tử có nói rằng: nhân bất tri nhi bất uân
人不知而不愠. Nghĩa là: người không biết đến ta, mà
ta không lấy làm tức giận, chính là nghĩa vọng phu dĩ
罔孚裕.

Tượng viết, tấn như tồi như độc hành chính dã,
dĩ vô cữu, vị thụ mệnh dã.

象曰. 晉如摧如. 獨行正也. 裕无咎. 未受命也.

Người ta ở đời, trong một thời gian đầu Tấn cũng
chẳng lấy gì làm vui, đầu chưa Tấn cũng chẳng lấy gì
làm buồn, duy một mình làm đạo chính mới là quân tử
晉如摧如. 獨行正也. Huống gì Sơ Lục ở vào vị dưới
hết, mệnh lệnh quân thủ của triều đình mình chưa nhận
chịu bao giờ, thời lại càng thung dung tự tại lắm 裕无
咎. 未受命也.

**2.— Lục Nhị, Tấn như sào như, trinh cát, thụ tư giới
phúc vu kỳ vương mẫu.**

六二, 晉如愁如, 貞吉, 受茲介福于其王母.

Lục Nhị có đức trung chính, đáng lẽ Tấn được.
Nhưng vì ở trên không có người ứng viện với mình,
chỉ mình tự tấn lấy, thời cũng có ý khó khăn, nên lúc
tấn, mà không khỏi lòng riêng rầu rĩ 晉如愁如. Nghĩa
là: muốn tấn mà không lấy gì làm thuận thích.

Tuy nhiên, nhị sẵn có đức trung chính, chắc chẳng
bao lâu, danh vị cũng phải đến mình, chỉ duy lo giữ
lấy đạo chính thời được cát 貞吉. Khi cơ hội tốt đến rồi,
thời bạn đồng đức với Nhị là Lục Ngũ. Ngũ ở địa vị nguyên
thủ, mà có đức đại minh, tất cần đến người đồng đức là

Nhị, mà đem vị lộc trao cho, Nhị đến lúc bây giờ, in như người cháu đích-tôn, đội nhờ được phúc lớn ư bà tổ mình vậy 受茲介福于其王母. Giới : nghĩa là lớn ; Vương mẫu : nghĩa là tổ mẫu, là người đẻ ra cha mình, quẻ này thời chỉ vào hào Lục-Ngũ.

Tượng viết, thụ tư giới phúc, dĩ trung chính dã.

象曰, 受茲介福, 以中正也.

Người ta làm điều phải, chẳng lo gì không được phúc, nên đã có đức trung chính như Lục-Nhị này, tất nhiên có ngày thụ tư giới phúc. Tư, là đại danh từ, nghĩa là ấy, chịu được phúc lớn ấy, là vì có đức trung chính đó vậy.

3.— Lục Tam, chúng đoán, hối vong.

六三, 衆允, 悔亡.

Hào Lục ở vị Tam, theo như lệ quẻ khác, là bất trung chính. Đã bất chính lại bất trung ithubời đáng lẽ là hữu hối. Duy ở thì Tấn, tam âm ở dưới, sẵn đồng lòng muốn Tấn, mà Lục Tam lại ở trên hết thể Khôn thuận, nhị âm ở dưới đều đồng chí với Tam, tin nhau dặc nhau mà lên, thuận tòng với một bậc đại minh, ấy là chúng đoán.

Chúng, nghĩa là ; đại đa số nhân ; đoán : nghĩa là tin cần. Đại đa số nhân đã tin cần, thời có việc hối gì mà không tiêu một nữa đâu 衆允, 悔亡.

Người đời xưa có nói rằng : dân chi sở dục, thiên tất tòng chi 氏之所欲, 天必從之. Nghĩa là : mưu việc theo lòng chúng, thời hợp lòng trời.

Tả truyện có câu rằng : dự chúng đồng dục giả tể
與衆同欲者濟. Nghĩa là : với quần chúng đồng một
lòng muốn cả, thời việc tất nên.

Tể, nghĩa là ; nên, cũng có nghĩa là chúng doãn, hối
vong vậy.

Tượng viết, chúng doãn chí chí, thượng hành dã.

象曰, 衆允之志, 上行也,

Chí ý của Lục- Tam mà được chúng doãn, là vì ba
âm đồng một lòng với nhau thấy muốn tấn lên đó vậy.

4.— Cửu Tứ, tấn như, thạch thử, trinh lệ.

九四, 晉如, 鼫鼠, 貞厲.

Hào Cửu ở vị Tứ, địa vị vẫn đã không đúng, mà
huống gì ở trên Tam, bày âm ở dưới mình họ đặc nhau
tịnh tấn, thanh thế đáng ghê, mà Tứ này bất chính
bất trung, dám ngồi ngai cao trên họ, đã không lòng thối nhượng,
thời phải sợ tai họa vì mất ngai, tham ăn mà lại sợ
người, ở trong đời Tấn, mà tấn một cách như con
chuột đồng 晉如鼫鼠.

Chuột đồng tính tham ăn mà hay sợ người, Tứ
cũng in như nó. Nếu Tứ trung đồ biết cái quá tránh
ngai, thời đương còn được an ổn.

Nhưng Tứ có biết thế đâu, cứ giữ chặt nét hư của
mình 貞, chắc nguy tới nơi 厲.

Chữ Trinh ở đây, chỉ có nghĩa trinh là bền giữ,
không phải nghĩa trinh là chính.

Tượng viết, thạch thử trình lệ, vị bất đáng dã.

象曰，蛇鼠貞厲，位不當也。

Cửu-Tứ vẫn là người bất chính, mà trộm ở vị cao, thiệt là đức bất xứng kỳ vị. Vị Tứ đã không đáng, thời nguy là phải rồi, nên hào từ nói rằng : thạch thử trình lệ.

5.— Lục Ngũ, hối vong, thất đắc vật tuất, vãng cát vô bất lý.

六五，悔亡，失得勿恤，吉无不利。

Lục Ngũ làm chủ cho quẻ Tấn, có đức đại minh, mà lại quần âm ở dưới, thấy thuận phụ với, ở thì Tấn mà lại nhiều người đồng đức với mình, làm việc gì chắc cũng phải nên. Nghĩa là : không việc gì phải ăn năn.

Tuy nhiên, Lục-Ngũ là âm nhu, ở vào thì Tấn, cảnh ngộ quá chừng sung sướng, e có lòng tham đắc, mà hoạn thất.

Hễ thấy đạo lý đã đúng, cơ hội lại thuận, thời cứ thẳng tay làm ngay, thất bại rư ? thành công rư ? chớ quá lo gì 失得勿恤. Thất, nghĩa là : mất lợi, Đắc, nghĩa là : được công. Thất đắc, vật tuất, có ý như ta thường nói, may rủi thảy kể, mà sách xưa cũng có chữ : thành bại bất kể 成敗不計. Nếu đã có đức đại minh, mà lại có lòng định tĩnh như thế, thời tấn hành chắc được tốt 往吉, không việc gì là chẳng thuận lý 无不利.

Tượng viết, thất đắc vật tuất, vãng hữu khánh dã,

象曰，失得勿恤，往有慶也。

Có đức đại minh như Lục Ngũ, quần hạ tất thấy thuận tòng. Nếu lại hay quên hết tư tâm mà thất đức vật tuất, thời tấn lên chẳng những đã hối vong, mà lại có hạnh phúc nữa kia 往有慶也.

PHỤ CHÚ.— Chữ Tuất như nghĩa chữ Ưu, nhưng vật tuất thời có hai nghĩa : một nghĩa là bất tất ưu, Cửu Tam quẻ Thái, Cửu Ngũ quẻ Gia-nhân, Sơ Lục quẻ Tuy, thấy là thuộc về nghĩa ấy. Vật tuất nghĩa là : bất tất quá lo. Lại một nghĩa là : bất đương ưu. Lục Ngũ quẻ Tấn này thuộc về nghĩa ấy. Vật tuất chỉ là không nên lo.

Thượng Cửu, tấn kỳ đốc, duy dụng phạt ấp, lệ cát, vô cữu, trinh lần.

上九，晉其角，維用伐邑，厲吉，无咎，貞吝。

Thượng Cửu ở trên hết quẻ bản chất đã dương cương, mà lại ở cuối cùng quẻ, chính là cương chi cực, mà cũng tấn chi cực. Cương cực e không khỏi mắc lỗi bằng hung mạnh, tấn cực e không khỏi mắc vạ bằng đồ bề, ở vào thì đại Tấn, mà quá cương nhuệ tấn như thế, có khác gì loài muông mạnh Tấn, mà thì tấn bằng sừng mà thôi đâu.

Nên thủ tượng bằng « tấn kỳ đốc ». Dốc mà một giống cứng ở trên đầu. Hào Thượng Cửu ở trên hết quẻ, nên thủ tượng bằng đốc, cương cấp quá như hào Thượng, thời còn làm được việc gì lớn đâu, chỉ duy lo tự trị lấy phần riêng của mình mà thôi. Tỷ như : học trò thời chỉ vừa dạy riêng con em của mình, làm quan thời chỉ vừa dạy bộ thuộc riêng của mình, mà đầu người có quyền trị nước,

thời cũng chỉ vừa lo trừng trị những ấp riêng của mình 維用伐邑,

Như thế, thời dầu có nguy nữa nhưng kết quả cũng tốt lành mà không tội lỗi 屬吉无咎. Bởi vì: cách cương cực, tấn cực đem ra trị ngoại, thời vẫn không xong, nhưng đem vào trị nội thời lại rất đúng.

Tuy nhiên, ở về thì đại Tấn, chính là thì khả đại hữu vi, mà vì tài chất hào Thượng, té ra chỉ vừa làm việc nhỏ mọn mà thôi.

Như thế, thời tuy đặc chính cũng đáng xấu thẹn 貞吝.

Tượng viết, duy dụng phạt ấp, đạo vị quang dã.

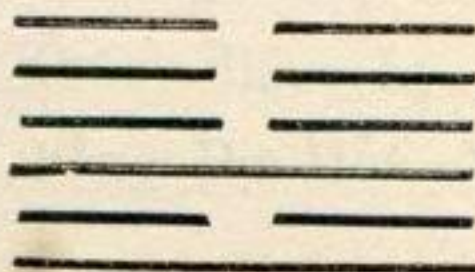
象曰, 維用伐邑, 道未光也.

Cảnh tượng thì Tấn, chính như mặt trời đương lên, mà vì Thượng Cửu, thất ư quá cương, cương minh đến lúc cuối cùng, không khỏi soi dọi đến thiên hạ, chỉ dùng vừa phạt ấp mà thôi, tiếc cho đạo Tấn chưa lấy gì làm sáng lớn vậy.

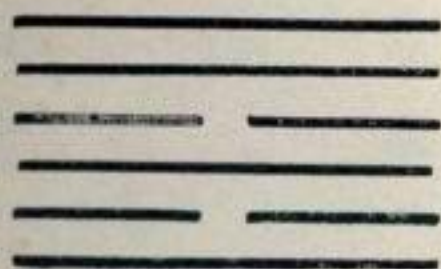
oOo .

XXXVI QUÊ ĐỊA HÒA MINH ĐỊA

夷明火地



家人火風



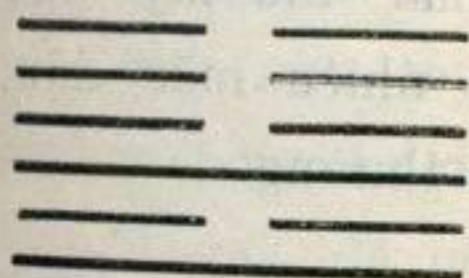
睽澤火



XXXVI. QUẺ ĐỊA-HỎA MINH-DI

地火明夷

Quẻ này là quẻ Địa-Hỏa Minh-Di. Ly hạ cũng là Nội-Ly. Khôn thượng cũng là Ngoại-Khôn.



Khôn địa, Ly hỏa. Nêu tên quẻ đọc bằng Địa-Hỏa Minh-Di.

TỰ QUÁI

坤
上
外
坤

離
下
內
離

Tự quái, Tấn giả tiến dã, tiến tất hữu sở thương, cố thụ chi dĩ Minh-di, Di giả thương dã.

序卦, 晉者進也, 進必有所傷, 故受之以明夷, 夷者傷也.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Tấn tiếp lấy quẻ Minh-di, là vì cớ sao?

Trên ấy là quẻ Tấn; Tấn, nghĩa là: Tấn lên 晉者進也, đã tấn lên tất cũng có chốn thương hại 進必有所傷. Nên sau quẻ Tấn tiếp lấy quẻ Minh di 故受之以明夷. Di, nghĩa là: đau 夷者傷也.

Hễ cứ Tấn mãi, tất cũng có bị thương mà đau. Vì thế, mà gọi bằng Minh-di.

Theo về thể quẻ, quẻ Tấn đảo ngược lại thành

quẻ Minh - di. Mặt trời mọc ở trên đất là Tấn. Bây giờ Khôn ở trên, Ly ở dưới, thời là mặt trời lặn vào dưới đất. Nguyên trước vẫn minh, mà bây giờ minh đã bị thương, thời gọi bằng Minh-di.

SOÁN TỪ

Minh di, ly gian trinh.

明夷. 利艱貞.

Quẻ Minh-di tượng là thi đại-đương ám, quân tử xử thi đại này, thiết là khó khăn, duy bảo thủ lấy đức chính của mình, gặp hoạn nạn đến bao nhiêu mặc dầu, mà thái độ mình in như xử cảnh bình thường.

Thi tuy biến, mà đạo thời bất biến, nên nói rằng: ly gian trinh. (Gian: buổi khó khăn; Trinh: là giữ lấy chính). Quân tử được như thế, tất là ly.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Minh nhập địa trung, Minh di. Nội văn minh, nhi ngoại nhu thuận, di mông đại nạn, Văn Vương di chi. Ly gian trinh, hối kỳ minh đã, nội nạn nhi năng chính kỳ chí, kỷ tử di chi.

彖曰, 明入地中, 明夷. 內文明, 而外柔順, 以蒙大難. 文王以之. 利艱貞, 晦其明也, 內難而能正其志, 箕子以之.

Soán viết, minh nhập địa trung, minh di.

曰彖. 明入地中. 明夷.

Nội thể Ly, Ly vi nhật, Ngoại thể Khôn, Khôn vi

địa, Ly nhật ở dưới Khôn địa, thế là vầng sáng sụp vào trong đất 明入地中, nên đặt tên quẻ bằng Minh di 明夷. Chữ Di cũng nghĩa là túi.

Nội Văn-minh, nhi ngoại nhu thuận, dĩ mông đại nạn, Văn-Vương dĩ chi.

內文明, 而外柔順. 以蒙大難. 文王以之.

Đây lại thích nghĩa tuyên quái. Nội Ly ở trong có tượng văn minh 內文明, ngoại Khôn ở ngoài có tượng nhu thuận 而外柔順. Đức văn minh chứa trữ ở trong, mà tính nhu thuận che đậy ở ngoài, dùng đạo ấy mà chống chọi với đời hoạn nạn lớn 以蒙大難, ngày xưa vua Văn-Vương đã từng làm như thế 文王以之.

Gặp đời vua Trụ là một ông vua rất vô đạo, thấy chư hầu qui phục với Văn-Vương, bắt Văn-Vương giam ở nhà pha Dụ-ly. Nhưng vì Văn-Vương làm một cách rất nhu-thuận, Trụ không thể giết được. Văn-Vương nhân ở ngục chín năm, mà diễn thành Dịch soán, kết quả Trụ phải tha Văn-Vương, đến đời con ngài là Võ-Vương mới diệt Trụ. Đó mới thiết là : nội văn minh, nhi ngoại nhu thuận, dĩ mông đại nạn.

Mông, nghĩa là : chịu, là đội, mà cũng có ý là chống chọi.

PHỤ-CHÚ. — Nội văn minh, nhi ngoại nhu thuận, sáu chữ ấy, chúng ta nên hết sức thể nhận, văn minh mà ở bề trong, là bảo tồn lấy chân tướng của mình, nhu thuận mà ở bề ngoài là để đối phó với uy quyền của giặc.

Trái lại, văn minh mà loè loẹt ra bề ngoài, thời không phải là văn minh thật, nhu thuận mà mềm chín ở bề trong, thời còn gì là nhân nhân chí sĩ.

Lại còn có hạng người, nội chưa chắc đã có văn minh, mà ngoại lại không chịu làm nhu thuận, thời kết quả có hai lỗi xấu: một là hạng người hiếu dũng tạt bản 好勇疾貧, một là hạng người bạo hổ bằng hà 暴虎憑河 tử nhi vô hối 死而無悔, thấy là vô dụng cả.

Ly gian Trinh, hối kỳ minh dã, nội nạn nhi năng chính kỳ chí, Ky-tử di chi.

利難貞,晦其明也,內難而能正其志,箕子以之.

Ở về thi Minh di, chỉ ly bằng một cách gian trinh, nghĩa là: dấu bịt cái chất sáng của mình, cố ý không cho người ngoài biết mình là mình 利難貞晦其明也. Chữ Hối là động từ; chữ Kỳ là đại danh từ; chữ Minh là danh từ.

Mình văn minh triết, mà cố công che dấu, thế là hối kỳ minh, hoàn cảnh đương ở trong hoạn nạn, mà xử một cách rất khôn khéo, đạo chính mình vẫn giữ chặt, mà hoàn cảnh không đánh đổ được chí mình 內難而能正其志, ngày xưa thầy Ky tử từng làm như thế 箕子以之.

Ky-tử là một vị Hoàng-thân của Trụ, Trụ quá vô đạo, Ky-tử can ngăn không xong, nước mất nhà tan e chỉ rày mai.

Ky-tử vì đại nghĩa của mình nên dự quốc cu vong 與國俱亡, mà lại mong có cơ hội còn ngày tái tạo.

Đương lúc đó, ông Tỷ-Can chịu chết với Trụ, ông Vi-tử bỏ nước ra đi. Duy ông Kỳ-tử chết không chết, đi không đi, giả làm một người điên-cuồng, hủy thân hoàng thân, mà làm con đòi nhà người ta.

Tới khi Thương mất Chu lên, Võ-Vương quả quý trọng Kỳ-tử, mời thầy ra, học sách Hồng phạm với thầy, nhưng thầy cố không chịu làm tôi nhà Chu. Lúc đó nước Triều tiên vẫn còn là một hòn cù-lao ở giữa biển. Võ-Vương mới cho thầy ra ở đó, tự lập làm một nước riêng, trọn đời nhà Chu, Triều-tiên vẫn riêng một nước, hiện nay nước ấy còn nhận thấy Kỳ-tử làm Quốc tổ. Lịch sự Kỳ-tử như thế, thiệt là nội nạn nhi năng chính Kỳ chí đó vậy.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, minh nhập địa trung, minh đi, quân tử đi lý chúng dụng hối nhi minh.

象曰. 明入地中. 明夷. 君子以蒞衆. 用晦而明.

Mặt trời lặn vào dưới đất là tượng quẻ Minh-di 明入地中. 明夷, quân-tử thể vào tượng ấy, dùng mà thống ngự quần chúng 君子以蒞衆, độ lượng rất là khoan dung, khí tượng rất là hòa nhã, bỏ ngo những việc tản-mãn, dung nạp những món ty ô, vẫn rất minh sát, mà như cách hồ-đồ, khiến cho người không kiêng né đức minh của mình, mà bao nhiêu vật lý nhân tình tất thấy trình lộ cho mình biết hết, dùng một cách làm lơ, mà kỳ thực chốn nào cũng soi xét tới. Thế, nghĩa là dụng hối nhi minh.

Dòm thoáng qua, thời như hình túi mờ, mà kỳ thực thời minh rất mực. Như thế, thời đức minh của mình, có gì phải lo đến bị thương nữa đâu.

PHỤ-CHÚ. — Minh xuất địa thượng như quả Tấn, thời quân-tử dụng lấy, mà tự chiêu minh đức.

Bởi vì, tri kỷ thì cần cho hết sức sáng. Minh nhập địa trung như quả Minh di, thời quân tử dụng lấy mà ly chúng, dụng hối nhi minh. Bởi vì, tri người thời không nên quá chừng minh.

Lão-tử có nói rằng: Kỳ chính sát, tắc kỳ dân khổn 其政察, 則其民困. Nghĩa là: chính trị soi xét quá rạch ròi, thời nhân dân lúc đó tất phải khổn. Vậy nên, dụng hối nhi minh, là một cách ly chúng rất hay của quân-tử đó vậy.

Câu « Hối kỳ minh » với câu « Dụng hối nhi minh » chỉ thay đổi có hai chữ, mà có hai thủ đoạn rất hay. Hối kỳ minh là thủ đoạn của thánh hiền gặp hồi hoạn nạn. Hối nhi minh, là thủ đoạn của thánh hiền khi được quyền thống ngự thiên hạ. Hai cách đó rất là diệu dụng của Dịch.

HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1. — Sở Cứu, Minh di, vu phi thùỳ kỳ dực, quân-tử vu hành, tam nhật bất thực, hữu du vãng, chủ nhân hữu ngôn.

初九. 明夷. 于飛垂其翼. 君子于行. 三日不食. 有攸往. 主人有言.

Ở về thì minh-di là một thế giới hắc ám, hễ người nào có chất minh, tất nhiên bị thương 明夷. Sơ Cửu có đức dương cương, chính là một người có chất minh ở trong thi-dại ấy.

Hiền, thời bị người ghét; tài, thời bị người ghen, bảo rằng không bị thương, thiệt là khó lắm.

Tượng như con chim toan bay mà cánh bị đau phải sa xuống 于飛垂其翼.

Nhưng đó là hạng người không kiến cơ mà đến nổi thế, chứ như quân-tử thời thấy được cơ vị ở lúc chưa rõ, thân chưa bị hại, mà gấp lo mang gói xéo ngay 君子于行. Đương lúc cất gói ra đi e đến nổi trong túi không xu, mà phải nhịn đói đến ba ngày 三日不食.

Chẳng những thế, mà lại bước chân vào đầu, thời những người chủ cũ của mình, quay lại bĩm mũi mà cười rằng: anh sao quá nhác như thế? miệng đời kinh-quái, trách vụng chê hèn 有攸往. 主人有言, mà có biết đâu khi đại cuộc rõ ràng, họa cơ hiển hiện, thời mới biết đạo minh triết của quân tử. Những người xử vào địa vị Sơ Cửu như ông Mục Công bỏ nước Sở, mà khỏi mắc họa như Thân Công Bạch-công.

Ông Phạm-Lê 范蠡 bỏ nước Việt rong chơi Ngũ-hồ để tránh Vạ lây như Đại phu Chung 大夫種 chính như nghĩa hào này. Vu: Nghĩa như chữ Vãng.

Tượng viết, quân tử vu hành, nghĩa bất thực dã.

象曰. 君子于行, 義不食也.

Quân - tử thấy sự cơ đáng đi mà đi, cốt cho

đúng nghĩa là hay, dầu chẳng ăn cũng đành vậy.

2. — Lục nhị, Minh di, di vu tả cổ, dụng chủng, mã tráng cát.

六二. 明夷. 夷于左股, 用極, 馬壯吉.

Lục Nhị làm chủ cho Nội Ly, là một bậc người có tài chí minh, vả lại đặc trung đặc chính, thiết là một vị quân tử.

Nhưng đau đớn thay ! đời đương hôn ám, chúng túy độc tinh, có thể nào khỏi bị thương ít nhiều, tài liệu để hành động của mình vẫn có bị món tiểu nhân cắt xẻo chút đỉnh. Tượng như thân một người vẫn là mạnh mẽ, mà trái vế bên tả có bị thương 夷于左股.

Tuy nhiên, chỉ bị thương ở trái vế bên tả, đã đến nỗi gì không đi được đâu. Hễ đã người quân tử, đức đã thịnh, mà tài lại cao, cái thủ đoạn cứu thương miễn họa chắc cũng chóng lành 用極, tượng như con ngựa mạnh bạo, đã cắt đến bốn vó thời không ai theo kịp 馬壯, ở vào thì Minh di mà kết quả vô tai hại, chẳng phải là tốt lành hay sao 吉.

PHỤ CHÚ.— Di vu tả cổ, là thí dụ bằng bị thương còn nhẹ ; mã tráng, là tỷ dụ bằng tránh họa rất mau. Hào Sơ nói : « Thùy dực », là hạm hại cái tài liệu bay của mình, hào Nhị nói « Tả cô » là hãm hại cái tài liệu đi của mình. Nhưng một bên thời vu hành, một bên thời mã tráng, là đạo minh triết, bảo thân in nhau.

Tượng viết, Lục Nhị chi cát, thuận dĩ tắc dã.

象曰. 六二之吉. 順以則也.

Việc tốt lành của Lục Nhị là bởi vì sẵn có đức trung chính, tuy xử vào nghịch cảnh mà vẫn cư thuận, vả lại có pháp tắc còn sợ gì Minh di nữa đâu.

3.— Cửu Tam, Minh di, vu nam thú, đắc kỳ đại thủ, bất khả tật trính.

九三，明夷，于南狩，得其大首，不可疾貞。

Cửu Tam ở trên hết Ly, là minh chi cực, hào Cửu vị Tam lại là cương chi cực, mà ứng với Thượng Lục ở trên hết thể Khôn, là ám chi cực.

Lấy một người minh chi cực, mà lại ở dưới, dụng phải một bác ám chi cực mà lại ở trên, có thể nào khỏi xung đột được. Huống gì theo về Dịch lý, hễ cùng tắc biến, ở thì Minh di, thượng đã cùng cao cực tôn mà lại một người hôn ám, chẳng bị thương vì người đánh đồ sao được. Nhưng đánh đồ thượng là ai, tất lại là Cửu Tam. Cửu Tam có tài dương cương, có đức văn minh, lại ở vị trên hết nội thể ; Tam cứ rán sức mà tiên tiến chụp cổ tên tội khỏi kia 于南狩.得其大首.

Nam, nghĩa là : mặt đường trước ; Thú : nghĩa là đi săn ; nam thú, tỷ dụ bằng việc khải binh trừ loạn ; đại thủ, là tên đầu bầy lớn ; Đắc kỳ đại thủ, là bắt sống được tên tội khỏi.

Tuy nhiên, anh hùng tạo thì thế, cũng phải rình đủ cơ hội, lựa đủ kế mưu, có cấp cũng phải có hoãn, có cương cũng phải có nhu.

Vì Tam là trùng cương bất trung, e có khi nóng nảy quá tay mà hỏng việc chẳng, nên thánh nhân lại

rắn cho rằng : bất khả tât trình, ý nói rằng : công việc Tam làm đó, vẫn là trình chính.

Nhưng không nên quá chừng gấp, phải lựa cơ thể cho đúng mới hay. (Tật, nghĩa là quá gấp, cũng nghĩa là quá nóng nảy).

PHỤ-CHÚ. — Hào từ này, in như việc vua Lê Thái Tổ ở nước ta, chém được Liễu-Thắng, bắt được Hoàng Thông. Đó là nam thú đặc kỳ đại thủ, nhưng công việc trải mười lăm năm mới xong. Đó là bất khả tât trình.

Người sinh ở đời Minh di, thiết trông mong nó Cửu Tam lắm.

Tượng viết, nam thú chi chí, nãi đại đắc dã.

象曰。南狩之志。乃大得也。

Lấy một người chí mình ở dưới, trừ khử được một người chí ám ở trên, chí ý của người ấy, há phải vị nhất thân nhất gia mà thôi. Vì sinh linh tạo phúc, vì thiên hạ trừ tàng hoai bảo lớn biết chừng nào.

Bây giờ nam thú mà chụp được tội khôi, công mình vẫn thành, mà thiên hạ đội phúc, như thế mới là đại đắc chí.

Nam thú chi chí, nghĩa là : chí Tam sở dĩ nam thú, đại đắc, nghĩa là chí không phải nhỏ hẹp đâu.

4. — Lục Tứ, nhập vu tả phúc, hoạch minh di chi tâm, vu xuất môn đình.

六四。入于左腹，獲明夷之心，于出門庭。

Hào Lục cư Tứ, âm cư âm, vẫn là đắc chính.

Nhưng vì bản chất âm nhu, mà lại xử vào thì đại Minh di. địa vị Tứ lại bán Thượng lạc hạ, nên bị người ta phỉnh lừa mà sụp vào một đám túi tắm. Vượt Ly mà sang Khôn tượng là bước chân vào chốn hôn ám, nên có tượng là nhập vu tả phúc. Tả phúc, là bụng về phía tay trái, là một chốn u ám ở trong thân thể người vào ở bụng phía trái, là tỷ như sụp vào chốn kín túi. Hoàn cảnh Tứ như thế, thiệt là khốn nạn.

Nhưng may thay ! Tứ vẫn là chính nhân, mà lại mới bắt đầu bước vào cảnh ám, thời rút chân ra khỏi cảnh ấy cũng còn có thể tự do được. Cái tấm lòng ở đời Minh di chỉ có bỏ quách nhà mà ra đi là thích ý lắm 獲明夷之心, 于出門庭. Vu xuất môn đình là ý phải tránh cho xa, từ môn đình trở vào, thôi thầy kệ nó.

Hoạch Minh di chi tâm, nghĩa là : thỏa thích lòng mình ở đời Minh di.

Hào từ này đúng được cảnh của ông Chu-Thuấn-Thủy, bỏ nước Tàu mà đi sang Nhật bản. Ông Mạc-ngọc-Luyến, 莫玉 棄 bỏ nước ta mà sang Long-Châu, cũng là ý ấy.

Tượng viết, nhập vu tả phúc, hoạch tâm ý dã.

彖曰. 入于左腹. 獲心意也.

Tứ tuy khi trước nhập vu tả phúc, nhưng sau vu xuất môn đình, kết quả tránh được chốn túi, mà tìm được lối sáng, cũng là hoạch tâm ý vậy.

5.— Lục Ngũ, Ky tử chi Minh di, lý tính.

六五. 箕子之明夷. 利貞.

Theo như thông lệ mỗi quẻ, thời hào Ngũ là vị chí tôn. Nhưng nghĩa Dịch tùy thì biến đổi. Ở vào quẻ Minh di, thời hào Thượng Lục ở trên hết thể Khôn, mà lại cao tốt nhất ở đời Minh di, nên Thượng Lục mới là Minh di chi chủ.

Ngũ thiết cận với Thượng cũng in như Ky tử thiết cận với Trạ Vương, lấy một người có đức trung, mà ở gần với Quân-trưởng của mình là một người chí ám, tâm trung thành mà xử vào nghịch cảnh.

Nhưng Ky Tử lấy lòng đau nước thương nhà, dương cuồng vi nô 佯狂爲奴. Đã không bị Trạ Vương giết, mà lại thả chung không chịu làm tôi với nhà Chu. Một phương diện thời giữ được tấm thân trong sạch, một phương diện thời bảo tồn được nòi giống cho nhà Thương.

Cách Minh-di của thầy Ky-tử vẫn trình chính, mà cũng không phải là bất lý 箕子之明夷, 利貞, ai xử địa vị Lục Ngũ này thấy nên như thế.

Tượng viết, Ky tử chi trình, minh bất khả tức dã.

象曰, 箕子之貞, 明不可息也.

Có được đạo trình chính như ông Ky-tử, thời đức minh mới không thể tắt được vậy. Ky-tử phía ngoài tuy giả cuồng, mà tinh thần phía trong vẫn định tĩnh, có bao giờ tắt được đức sáng đâu 明不可息也 (Tức, nghĩa là tắt).

PHỤ CHÚ,— Xưa nay bầu tâm sự của ông Ky-tử, chỉ

duy đức Khổng-Tử mới khen bằng người nhân, mà ngài chưa phát minh cho thấu triệt. Đến bài Ky-tử miếu bi văn 箕子廟碑文 của ông Liễu-Tông-Nguyên 柳宗元 mới nói được rõ ràng minh bạch, tiện dịch ra đây, cho bổ túc nghĩa hào tượng.

Ông Ky-Tử vì có sao không đi mà cũng không chết. Vi-Tử bỏ đi vẫn là người trí; Tỷ-Can tử tiết vẫn là người trung. Duy Ky-Tử giả người cuồng mà sống trơ ngời đó, chẳng phải tham sinh quý tử hay sao ?

Không ! không ! tâm sự của Thánh hiền há phải óc phùng lưu tục mà phán đoán ra được đâu. Xin thử nghĩ : lúc bây giờ vận mệnh nhà Thương còn chưa hết, công nghiệp nhà Chu còn chưa thành. Văn Vương còn giữ đạo làm tôi, âu-dân còn nhiều người luyến Chúa, mà trung thần như Tỷ Can thời đã chết quách, thân thần như Vi Tử thời đã bỏ đi. Nếu một mai lòng trời chánh họa, tổ tiên nhà Thương còn có ảnh linh, xui khiến lão Trụ kia vô có chết trước.

Con Trụ là Vô Canh, tất nhiên nối ngôi, hậu chúa biết cán việc cổ cho Cha, duy thần duy dân của nhà Thương, trông mong có người chinh đốn. Nếu một người quốc thân hiền thánh như Ky-Tử, mà cũng theo gót Tỷ Can, Vi-Tử, thời ngọn lửa tàn còn hơi hóp đó, toan cộ vào ai mà thổi nhen bây giờ.

Thầy Ky-Tử sở dĩ nhẫn nhục dương cuồng, mong hãy tồn thân, sẽ có ngày khôi phục nước cũ, chẳng phải là đại trung đại trí đại dũng đại nhân hay sao ?

Quẻ Minh đi hai lần nhắc đến Ky-tử, thiết không phải tùy tiện mà viết ra đâu.

6.— Thượng Lục, bất minh hối, sơ đăng vu thiên, hậu nhập vu địa.

上六, 不明晦, 初登于天, 後入于地.

Thượng Lục ở cuối cùng thì Minh đi, mà lại chính là làm chủ cho đời Minh đi, vả lại ở cuối cùng thể Khôn, chính là hôn ám chi cực, Minh bị thương đã đến thế, còn gì là minh nữa đâu, thiết là chẳng thấy sáng chỉ thấy tối mà thôi 不明晦.

Theo về thể hào, Thượng là cao tốt mực. Theo về đức hào, Thượng lại là tối tốt mực, tượng như lúc đầu vẫn lên cao tốt trời, mà sau thời sụp xuống đất 初登于天, 後入于地.

PHỤ CHÚ.— Hào từ này in như vua Đinh-Tiên-Hoàng ở nước ta, lúc đầu đánh được Thập nhị tướng quân lên làm vua một nước, chẳng phải là sơ đăng vu thiên hay sao? Đến lúc sáu hung bạo hoang dân, tin dụng gian thần, lập năm Hoàng hậu, chẳng bao lâu Đinh vong, chẳng phải là hậu nhập vu địa hay sao?

Tượng viết, Sơ đăng vu thiên, chiếu tứ quốc dã, hậu nhập vu địa thất tắc dã.

象曰, 初登于天, 照四國也, 後入于地, 失則也.

Sơ đăng vu thiên, nghĩa là theo như vị hào Thượng thời ở vị chí cao 初登于天 đáng lẽ là sáng dọi khắp nước bốn phương 照四國也. Hậu nhập vu địa, là nói

tính chất của hào Thượng hôn ám chi cực, bỏ mất hết nguyên tắc đức minh 後入于地失則也.

(Chữ Tắc ở đây, cũng nghĩa như chữ Đạo).

PHỤ CHÚ.— Lời năm hào trước, thấy có chữ Minh di, duy đến hào Thượng, thời không có chữ Minh di. Bởi vì : chất minh của năm hào trước thấy vì Thượng Lục làm cho bị thương, nên thấy có chữ Minh di. Đến hào Thượng Lục thời nó đã làm hại hết chất Minh di của người, cuối cùng nó lại tự hại chất minh có nó luôn, còn đâu là minh mà phải nói Di nữa. Đó cũng là một nghĩa đặc biệt ở trong quẻ này.

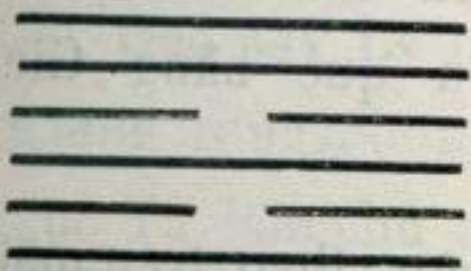
oOo

TIMSACH.COM.VN

XXXVII. QUẺ PHONG-HỎA GIA NHÂN

Quẻ này là quẻ Phong Hỏa Gia Nhân.

火風家人



Ly hạ cũng là nội-Ly. Tốn-thượng cũng là ngoại-Tốn. Tốn phong Ly hỏa. Nên tên quẻ đọc bằng Phong Hỏa Gia Nhân.

巽
上
外
巽

離
下
內
離

TỰ QUÁI

Tự quái, Di giả thương dã, Thương ư ngoại giả tất phản ư gia, cố thụ chi di Gia nhân.

序卦，夷者傷也，傷於外者，必反於家，故受之以家人。

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Minh di tiếp lấy quẻ Gia nhân, là vì cơ sao?

Trên ấy là quẻ Minh di, Di nghĩa là bị thương 夷者傷也, ở ngoài đã bị thương, tất nhiên quay lại trở về nhà 傷於外者，必反於家. Vậy nên sau quẻ Minh di tiếp lấy quẻ Gia nhân 故受之以家人.

Gia nhân là người ở trong một nhà. Đạo trong nhà tất có tình thần thuộc về cha con, nghĩa chính thuộc về vợ

chồng, thứ tự thuộc về tôn ty trưởng ấu, chính được luận lý, tròn vẹn, được ân với nghĩa đó là đại Gia nhân, muốn xử cho đúng đạo ấy, tất phải có đức sáng ở bề trong, mà hòa thuận ở bề ngoài.

Quẻ này nội Ly tượng là minh, ngoại Tốn tượng là Thuận, ở trong đã sáng, thời xử trí không đến nỗi hồ đồ, ở ngoài đã thuận, thời con em không ai ngỗ nghịch. Như thế, thời đạo tề gia đã hoàn toàn, tề được gia rồi, thời suy ra trị được quốc, bình được thiên hạ, cũng chỉ trong đạo tề gia mà mở rộng phạm vi ra nữa mà thôi nên nhân ở Nội Ly ngoại Tốn mà đặt tên quẻ bằng Gia nhân.

PHỤ CHÚ.— Đặt tên quẻ bằng Gia nhân, theo trên mặt chữ vẫn chỉ việc trong một nhà mà thôi.

Nhưng Dịch lý bao hàm rất rộng, biến thông rất nhiều. Người ở trong một nhà, thời nhà là nhà, người ở trong một nước, thời nước là nhà; Nếu kể đến cả loài người thế giới, thời thiên hạ lại là nhà. Lễ Ký có câu: Thánh nhân hay lấy thiên hạ làm một nhà 聖人能以天下為一家. Theo nghĩa đó mà suy ra, thời một nước chỉ là một người ở trong nhà thế giới, nên lại có câu rằng: Lấy cả một nước làm một người 以中國為一人. Bàu thông cho đến lẽ ấy, thời mới hợp với Dịch-lý.

Nói chắt lại, thời một quẻ chỉ có mỗi thì mỗi việc.

Nói rộng ra, thời một quẻ mà đủ cả mỗi thì mỗi việc.

Tỷ như: quẻ Gia-nhân mà chỉ hạn định bằng việc người một nhà mà thôi, thế thời sáu mươi tư quẻ, chỉ có

sáu mươi tư việc là hết chuyện có phải lẽ biến hóa vô cùng ở trong Dịch đạo đâu.

SOÁN TỪ

Gia nhân, lý nữ trinh.

家人, 利女貞.

Gia nhân, nghĩa là : nhất gia chi nhân, đạo lý ở trong nhất gia 家人, cần thứ nhất là chữ trinh, mà người ở trong một nhà lại cần nhất là phụ nữ cho được trinh chính.

Quẻ này Ly là trung nữ, Tốn là trưởng nữ, nhị nữ ở chung trong một nhà, mà hào Lục Nhị làm chủ cho Nội Ly, hào Lục Tứ làm chủ cho Ngoại Tốn, thấy được chính cả, hai vị nữ chủ, mà thấy được chính, thời chắc người trong một nhà không còn ai là bất chính nữa. Thế là đạo trị gia tốt lắm rồi. Nên quái từ nói rằng : gia nhân, lý nữ trinh.

PHỤ CHÚ.— Nghĩa hai chữ gia nhân là bao bọc cả gái và trai, cả già cả trẻ, mà có sao lại chỉ nói riêng về nữ trinh ? Thế thời nữ trinh nam bất trinh cũng được hay sao ? Ôi ! đọc Dịch mà như thế, thời không nên đọc Dịch, vì chỉ nói Nữ trinh mà thôi, mới biết Dịch lý là rất hay.

Tòng lai, ở trong thiên hạ, khó chính nhất là người trong một nhà, mà người trong một nhà lại khó chính nhất là phụ nữ. Muốn cho bọn phụ nữ được chính, tất nhiên bọn con trai phải chính trước. Bây giờ bọn phụ nữ đã chính, thời há lẽ bọn con trai mà bất chính được rư !

Quái từ sở dĩ chỉ nói lý nữ trinh, là cốt để cho chúng ta đọc Dịch lấy ý mà suy nữa vậy.

Mà thiết có thể. Ở trong nhà nữ đã bắt trình thời đầu nam trình đến bao nhiêu, cũng không thể thành gia được.

Muốn xem việc nước, trước phải xem ở việc nhà, muốn xem việc nhà, trước phải xem ở bọn phụ nữ, nghĩa ba chữ Lý nữ trình, thiết là hay tuyệt.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Gia nhân, nữ chính vị hồ nội, nam chính vị hồ ngoại, nam nữ chính, thiên địa chi đại nghĩa dã. Gia nhân hữu nghiêm quân yên, phụ mẫu chi vị dã. Phụ phụ, tử tử, huynh huynh, đệ đệ, phu phu, phụ phụ, nhi gia đạo chính, chính gia nhi thiên hạ định hỷ.

象曰，家人，女正位乎內，男正位乎外，男女正天
地之大義也，家人有嚴君焉，父母之謂也，父父子子，兄
兄，弟弟，夫夫，婦婦。而家道正，正家而天下定矣。

Soán viết, Gia nhân, nữ chính vị hồ nội, nam chính vị hồ ngoại, nam nữ chính, thiên địa chi đại nghĩa dã.

象曰，家人，女正位乎內，男正位乎外，男女正天
地之大義也。

Soán truyện ở đây, lại phát minh nghĩa quái từ cho đầy đủ hết ý tứ, người ở trong một nhà, tất có cả nam, cả nữ có cả việc trong việc ngoài. Theo như thể quẻ, quẻ này hào dương ở vị Ngũ là tại ngoại, hào âm ở vị nhị là tại nội.

Lục-Nhị âm cư âm vị, là nữ chính vị hồ nội, Cửu Ngũ dương cư dương vị, là nam chính vị hồ ngoại, nam nữ thủy giữ được đạo chính 男女正. Nam lấy việc chính mà xử trí việc ngoài, nữ lấy đạo chính mà xử trí việc trong, như thế

chính là hợp với nghĩa lớn của trời đất 天地之大義也.

Nguyên lại, có đạo Càn mới thành ra nam, có đạo Khôn mới thành ra nữ, nam nữ vẫn là đạo chung của trời đất. Nhưng công trời đất khác nhau là một bên sinh một bên thành.

Chất Nam nữ khác nhau là một bên âm, một bên dương, chỉ duy trời đất chung nhau bằng một chữ chính mới thành ra trời đất. Nên quái từ quẻ Càn quẻ Khôn thấy có chữ Trinh.

Nam nữ tất cũng phải chung nhau bằng một chữ chính, mới sánh với thiên địa mà làm nên tam tài. Nên quái từ Gia nhân chỉ cốt nhất là chữ Trinh.

Trinh chỉ nghĩa là Chính mà thôi. Nam Nữ mà chính, cả. Thế thời nam tức thiên, nữ tức địa. Tất thấy nam nữ trong đời mà được Chính cả, thời người tức là Thiên địa, mà thiên địa cũng chỉ là người mà thôi. Vậy nên nói rằng : Nam Nữ chính, thiên địa chi đại nghĩa dã.

Gia nhân hữu nghiêm quân yên, phụ mẫu chi vị dã.

家人有嚴君焉, 父母之謂也.

Trên ấy đã nói chung cả người một nhà, nhưng thánh nhân còn sợ người ta nhận lầm, chỉ đọc qua ba chữ : nam nữ chính, mà không nghĩ phương pháp làm sao là chính. Nên thánh nhân phải nói cho kỹ rằng : tuy nói chung bằng gia nhân, nhưng há lẽ không trật tự hay sao ? không phép kỷ hay sao ? nếu như thế, thời làm sao mà gia nhân chính được. Vậy nên có người tôn nghiêm để làm chủ tể cho 有嚴

君 焉. Người đó là ai ? chính là người làm cha mẹ trong nhà 父 母 之 謂 也.

Thường tục người ta, thường xưng Cha bằng nghiêm phụ mẹ bằng từ mẫu, mà chữ quân chỉ giải nghĩa là vua. Vậy thời quốc có quân mà gia không quân hay sao ?

Bây giờ đọc câu : Gia nhân hữu nghiêm quân yên, mới biết ý thánh nhân rất hay, mà hậu học nhận lầm rất dễ.

Thử hỏi, làm mẹ trong một nhà, nếu không nghiêm có dặng không, mẹ không nghiêm tất nhiên cung con cái, mà con cái hư, lớn thầy tớ, mà thầy tớ hoại, chỉ trách vào một người làm cha có lẽ được không. Người xưa có nói rằng : Mẫu chi bất nghiêm, gia chi đổ dã 母 之 不 嚴 , 家 之 蠹 也. Nghĩa là : làm mẹ bất nghiêm, là sâu mọt cho trong nhà ấy vậy.

Ý nghĩa chữ Nghiêm chung cả phụ mẫu, là hay tuyệt như thế.

Còn như chữ Quân, nguyên nghĩa là chủ, cũng nghĩa như chữ trưởng mà thôi, chứ cổ thánh không bao giờ đặt riêng chữ quân cho vua đâu.

Vua Thuấn khi còn cày ở Lịch-sơn, mà người ta đã gọi bằng Đô-quân. **Đông-phương-Sóc** gọi vợ bằng tể quân, thời biết rằng : quân chỉ nghĩa là chủ, người làm chủ trong một nhà thời gọi bằng gia-quân. Gia quân là ai ? tức là cha mẹ. Đã làm gia quân tất phải tôn nghiêm mới được đó là lẽ tự nhiên, mà cũng là lẽ đương nhiên, nên Soán truyện lấy hai chữ « Nghiêm quân » nói chung cả phụ mẫu. Muốn cho

những người làm cha mẹ biết chức phận mình, nghĩa vụ mình, phải làm sao cho xứng đáng hai chữ nghiêm quân.

Công việc lớn lao không khác gì một nước một thiên hạ, suy ra cho rộng há phải chỉ một nhà mà thôi đâu.

Phụ phụ, tử tử, huynh huynh, đệ đệ, phu phu, phụ phụ, nhi gia đạo chính; chính gia, nhi thiên hạ định hỷ.

父父, 子子, 兄兄, 弟弟, 夫夫, 婦婦, 而家道正, 正家而天下定矣.

Trên kia đã nói, riêng về phần phụ mẫu mà trao trách nhiệm riêng cho hai người.

Nhưng đạo lý trong một nhà, há chỉ hai người mà đủ được rư? Nèn đây lại nói chung khắp thấy người trong một nhà, người trong một nhà có bao nhiêu, vẫn không hạn định.

Nhưng nói tóm lại, chỉ có sáu hạng người, phụ là cha, tử là con, huynh là anh, đệ là em, phu là chồng, phụ là vợ, chỉ cử sáu hạng người đã bao quát tất cả người trong một nhà.

Cha phải làm sao cho đúng đạo làm cha, cha đúng đạo làm cha tức là phụ, phụ; con phải làm sao cho đúng đạo làm con, con đúng đạo làm con, tức là tử, tử; anh phải làm sao cho đúng đạo làm anh, anh đúng đạo làm anh, tức là huynh, huynh; em phải làm sao cho đúng đạo làm em, em đúng đạo làm em, tức là đệ, đệ; chồng phải làm sao cho đúng đạo làm chồng, chồng đúng đạo làm chồng, tức là phu phu; Vợ phải làm sao cho đúng đạo làm vợ, vợ đúng đạo làm vợ, tức là phụ phụ.

Nói tắt lại, cha hết nghĩa vụ làm cha, con hết nghĩa vụ

làm con, anh hết nghĩa vụ làm anh, em hết nghĩa vụ làm em, chồng hết nghĩa vụ làm chồng, vợ hết nghĩa vụ làm vợ.

Người trong một nhà, ai nấy cũng làm cho trọn nghĩa vụ người ấy, thời đạo nhà chính rồi 而家道正, chính được một nhà xong, suy rộng ra cho khắp cả thiên hạ, cũng có thể bình định được hết thảy 正家而天下定矣.

Chữ huynh đệ, theo nghĩa thường người đời học, thời chỉ học nghĩa là anh em. Nhưng theo về nghĩa nguyên văn của người xưa, thời gọi chị bằng nữ huynh, em gái bằng nữ đệ. Thế là hai chữ huynh đệ đã kiêm cả tỷ muội rồi, nên quái từ đã nói lý nữ trình, lại nói nam nữ chính, xem thế thời đủ chứng rằng : thánh nhân có bỏ sót chị em đâu.

PHỤ CHÚ.— Đọc giả đọc đi đọc lại lời Soán truyện quẻ Gia nhân, mà phát sinh ra ba món tâm lý :

Một là : nói việc tề gia mà nói rộng đến thiên địa chi đại nghĩa, mà đại nghĩa đó, lại chỉ ở nơi nam nữ chính, chúng ta bây giờ đọc lâu bốn chữ Nam Nữ bình quyền 男女平權 cơ hồ như miếng trầu điều thuốc, mà chẳng thấy ai nhắc tới nam nữ chính, thử hỏi nam bất chính mà cố trách nữ chính, có phải là nam áp chế nữ hay không. Trái lại nữ vẫn bất chính, mà cố trách nam chính không phải là nữ áp chế nam hay sao ?

Anh em chị em ta, nếu muốn nam nữ bình quyền thời xin trước bảo với nhau làm sao cho nam nữ chính, hễ đã đến khi nam nữ chính rồi, thời nam nữ bình quyền dễ như chơi, không cần chúng ta phải kêu rêu cho mệt.

Nếu nam chính mà nữ bất chính, hoặc giả nữ chính mà nam bất chính, hay là nam nữ thấy đều bất chính, thời chẳng bao giờ nam nữ bình quyền được.

Hai là : Thánh nhân chỉ nói có mười hai chữ : phụ phụ; tử tử, huynh huynh, đệ đệ, phu phu, phụ phụ, mà xét ra đạo lý rất công bình, ý nghĩa rất viên-mãn, chẳng thiên trọng về phía nào, mà cũng chẳng thiên khinh về phía nào, chẳng quá trách về phía nào, mà cũng chẳng bỏ ngor một phía nào. Giải thích cho thiệt kỹ, phụ có nên phụ, thời tử mới nên tử ; huynh có nên huynh, thời đệ mới nên đệ, phu có nên phu, thời phụ mới nên phụ, đó là một nghĩa.

Lại một nghĩa nữa, phụ phải cho nên phụ, tử phải cho nên tử, huynh phải cho nên huynh, đệ phải cho nên đệ, phu phải cho nên phu, phụ phải cho nên phụ.

Theo như nghĩa ấy rất bình đẳng, ai nấy cũng gánh nôi nghĩa vụ của người ấy, ai nấy cũng hưởng được hạnh phúc của người ấy, trong một nhà tất thấy được như thế, sừng biết chừng nào. Hai nghĩa trên kia thuộc về mặt chính.

Còn một nghĩa nữa là thuộc về mặt phản. Nếu cha không nên cha, là phụ bất phụ, thời trách con sao được, con không nên con là tử bất tử, thời trách phụ sao được, anh không nên anh, là huynh bất huynh, thời trách em sao được, em không nên em, là đệ bất đệ, thời trách anh sao được, chồng không nên chồng, là phu bất phu, thời trách phụ sao được, vợ không nên vợ, là phụ bất phụ, thời trách chồng sao được. Quả như thế, tức là gia bất chính, gia đạo là trách nhiệm chung

của tất cả người trong nhà. Nền Thánh nhân chỉ nói có mười hai chữ, mà rất công bình viên-mãn như thế.

Há phải như câu đời sau nói, phụ vi tử cương, phu vi tề cương đầu, chúng ta đọc đến câu : chính gia nhi thiên hạ định. Khi mới đọc qua, nghe như hình viên-vòng, mà cũng tựa hồ vu khoát, chỉ vừa chính gia mà thôi, cứ gì nói luôn đến thiên hạ định.

Xin nghĩ thiết kỹ, thời mới biết câu nói ấy là rất đúng, mà đạo lý trong loài người thiết có như thế, gia với thiên hạ phạm vi tuy có rộng hẹp khác nhau, nhưng đạo lý thời chỉ có một gốc.

Tỷ như : Bức gương chiếu ảnh khi đầu mới chiếu vào gương nhỏ, chẳng qua nhỏ bằng một phân một tấc, khi đem phóng đại ra, thời có thể lớn đến một tầm một trượng. Vì nguyên hình tuy rất nhỏ, mà phóng đại thời quang ảnh lại rất to, nhà với thiên hạ cũng chỉ đạo lý ấy.

Bao nhiêu loài người trong thế giới, hễ người già tức là phụ, người trẻ tức là tử, người lớn tuổi, tức là huynh, người nhỏ tuổi tức là đệ, người thuộc về phe trai, ai cũng có phận làm phụ, người thuộc về phe gái, ai cũng có phận làm phụ. Nếu loài người tuyền thế giới, ai nấy cũng phụ nên phụ, tử nên tử, huynh nên huynh, đệ nên đệ, phụ nên phụ, phụ nên phụ, theo ở gương gia đạo chính mà phóng đại cho đến tuyền loài người, thời thiên hạ khó gì mà chẳng bình định được đâu.

Lời thánh nhân nói tuy gần, mà ý tứ rất xa, như

thế mà ai dám bảo câu : gia chính nhi thiên hạ định là vu khoát viễn vòng rư ?

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, phong tự hỏa xuất, gia nhân, quân tử dĩ ngôn hữu vật, nhi hạnh hữu hàng.

象曰, 風自火出, 家人, 君子以言有, 物而行有. 恆

Quẻ này nội Ly là hỏa, ngoại Tốn là phong, hỏa ở trong, phong ở ngoài, tượng là gió ở trong lửa mà thổi ra 風自火出.

Lửa phun ra hơi, hơi phì ra gió, ấy là tượng quẻ Gia nhân 家人.

Quân tử xem ở tượng gió tự lửa thổi ra biết được lẽ ở trong thiên hạ, bao nhiêu việc ở ngoài, gốc tự ở trong mà nảy ra, nên muốn trị nước, trước phải trị gia, muốn tề gia trước phải tu thân. Tu thân thời nên thế nào ?

Tóm hết công việc ở trong một thân, thời chỉ ngôn với hạnh. Ngôn, nghĩa là nói, hoặc tự mình diễn giải ra, hoặc lời ứng đáp với mọi người, tất thấy gọi bằng ngôn, chẳng ngôn thời chớ, đã ngôn thời phải hữu vật. Hữu vật, nghĩa là : phải có thực-lý thực-sự. Hoặc một chủ nghĩa gì, đã nói ra, tất phải có căn cứ chứng thực, phải nhận chân thực hành, chứ không phải nói suông, như thế, là hữu vật 君子以言有物.

Những điều mà thân mình làm ra, nhỏ từ ứng phó

với một người, lớn đến gánh một trách nhiệm, thấy gọi bằng hạnh, hễ đã hạnh, tất phải hữu hằng.

Hữu hằng, nghĩa là thái độ phải cho thường, nghị lực phải cho bền dai, trước làm sao sau làm vậy. Trong bụng thế nào, thời hiện ra ngoài cũng thế. Thờ một chúa nghĩa gì tốt, tất phải tự thủ chí trung, làm một việc gì hay tất phải triệt thủ triệt vĩ, như thế, là hạnh hữu hằng 而行有恆. Ngôn đã hữu vật, hạnh đã hữu hằng, thế là thân tu rồi. Sẽ đem mô phạm ở trong một thân mình, suy ra mà rèn đúc một nhà, lại suy ra rèn đúc một nước, một thiên hạ, in như cái tượng gió tự trong lửa phun ra.

Thầy Trương-hoàng-Cử nói rằng : lửa là mẹ đẻ ra gió
火者風之母也.

Các nhà khoa-học Tây nhất thiết cơ-khí vận chuyển, thấy nhân hỏa hay điện phát sinh ra gió, mà điện cũng là hỏa khí tác dụng. Thế là đủ chứng cái câu : phong tự hỏa xuất, không phải là câu lý tưởng suông mà thôi đâu.

HÀO-TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Cửu, nhàn hữu gia, hối vong.

初九,閑有家,悔亡.

Sơ Cửu có đức dương cương, ở vào địa vị đầu hết quả Gia-nhân, chính là lúc đầu mới có nhà. Hễ trong dạ trỉ gia, tất phải cẩn thận từ lúc đầu, ư lúc đầu mà biết lấy lễ phép ngăn ngừa khiến cho người nhà khỏi

gây ra những mũi lười biếng kiêu xỉ, như thế là nhân hữu gia 閑有家 (nhân : ngăn đón).

Có nhà mà biết lo ngăn đón từ lúc đầu, thời việc gì đáng ăn năn sẽ tiêu diệt hết cả 悔亡.

Tượng viết, nhân hữu gia, chí vị biến dã.

象曰, 閑有家, 志未變也.

Gia nhân đương lúc bỡ ngỡ bắt đầu, chính là lúc chí ý của mỗi người chưa kịp biến động; nguồn nước đương trong, mầm măng mới lú, lúc đó mà gấp lo phòng nhân, chính là một phương pháp tề gia rất hay.

Tục ngữ có câu : dạy con dạy thuở đương thơ, dạy vợ dạy thuở mới đưa vợ về 教兒嬰孩, 教婦初來 chính là nghĩa ấy.

PHỤ CHÚ.— Thầy Chu-Liêm-Khê nói rằng : nhà khó mà thiên hạ dễ, vì nhà thân, mà thiên hạ sơ đó vậy 家難而天下易, 益家親, 而疎天下也.

Tòng lai, ở với người thiên hạ, thời chỉ có một chữ nghĩa mà thôi, còn như ở với người nhà, đã chữ nghĩa lại kiêm cả chữ ân. Nghĩa quá nặng thời hại mất ân, ân quá nhiều thời hại mất nghĩa, muốn cho ân nghĩa lưỡng tuyền tất tự lúc đầu phải cẩn thận cho hết sức. Vẫn là ân, mà không đến nỗi mạc tri kỳ tử chi ác 莫知其子之惡 vẫn là nghĩa mà không đến nỗi trách thiện tắc ly 責善則離. Thánh nhân ư hào. Sơ quê Gia nhân, mà dạy cho ta ba chữ «nhân hữu gia», làm khuôn mẫu cho những người tề gia, thiết nên như thế.

2.— Lục-Nhị, vô du tụy, tại trung qui, trinh, cát.

六二, 无攸遂, 在中饋, 貞吉.

Lục Nhị nhu cư âm, tượng là một người quá ư nhu nhược, xử vào địa vị gia chủ, nếu chỉ dùng bằng cách nhu hòa mà thôi, thời chỉ e thái nhu tác phế. Nhưng chỉ làm một người dâu, hay con gái thời có lẽ tốt.

Bởi vì, dâu và con gái, không cần có tài cương, việc lớn ở trong nhà đã có gia chủ, mình chỉ thừa thuận là xong, không việc gì mình phải chuyên phụ trách nhậm 无攸遂 cả.

Tụy, nghĩa là thành, vô du tụy, nghĩa là không việc gì tự mình chuyên lấy thành công.

Theo bốn phận người làm dâu, và người con gái, chỉ chăm nom việc trong qui cho hoàn tuyền chu đáo là xong 在中饋, mà cần phải cho trinh chính thời được tốt lành 貞吉.

Tại trung, nghĩa là xem xét những việc ở trong nhà; qui, nghĩa là: những việc bàn soạn nấu nướng ở trong nhà.

Nhà Nữ-học hiệu ở các ngoại quốc có đặt ra khoa « Gia chính », « phạn nhậm », « tài phùng » chính là vì những người như hào Lục Nhị.

PHỤ CHÚ.— Quẻ Gia nhân rất qui trọng là tài dương cương, nên hào Tam, hào Sơ, hào Ngũ, hào Thượng, thời hào từ nhận làm người tri gia. Duy hào Lục Nhị dĩ âm cư âm, vả lại ở về thể hạ quái, vì bản chất quá nhu nhược, không thể gánh nổi việc tri gia, nên bảo cho vô du tụy, tại trung qui.

Nếu những người có tài dương cương, thời công việc chẳng phải ngàn ấy mà thôi đâu.

Học-giả xem lại lời các dương hào sẽ rõ.

Tượng viết, Lục nhị chi cát, thuận dĩ Tốn dã.

象曰, 六二之吉, 順以巽也.

Hào Lục-Nhị sở dĩ được cát, là vì hay thuận tòng với hào Cửu-Ngũ, mà tự xử bằng một cách ty hạ vậy.

Hễ những kẻ âm nhu lại bất tài, vả còn xử ở địa vị thấp thấy nên như thế.

3.— Cửu Tam, gia nhân hác, hác, hối lệ, cát, phụ tử hy hy, chung lẫn.

九三, 家人嗃嗃, 悔厲, 吉, 婦子嘻嘻, 終吝.

Cửu Tam dương cư dương vị, là trùng cương bất trung, ấy là bản chất quá ư cương, lấy tư cách ấy đem làm tri gia, đối với người nhà tất quá ư nghiêm khắc, e có việc hại đến ân tình, mà phải hối lệ, nên nói rằng: gia nhân hác, hác hối lệ.

Hác hác, nghĩa là quá nghiêm khắc.

Tuy nhiên, đạo gia chủ mà quá trọng về phần nghiêm, lúc đầu tuy có chút thương ân, mà kết quả trong nhà giữ được trật-tự nghiêm chỉnh, ấy là đạo tốt cho trong nhà vậy 吉.

Nếu trái lại, phản đối với cách quá nghiêm, mà dụng cách quá khoan, thời đến nỗi trật tự không chỉnh tề, gia đình không nghiêm túc, dần con tối ngày hơn hờ chơi bời 婦子嘻嘻.

Hy hy, là có ý lòng tuồng, như thế thời kết quả phải mắc đều xấu hồ 終吝.

PHỤ CHÚ.— Chữ Hác Hác, với chữ Hy Hy phản đối với nhau. Hác Hác, thời quá ư nghiêm, Hy Hy thời quá ư khoan, tổng chi thấy chưa được trung đạo.

Nhưng trong đạo tri gia thà là quá ư nghiêm, chẳng thà quá ư khoan, nên một bên thời cát, một bên thời lẫn.

Cửu - Tam ở đoạn chính giữa quẻ, hai hào dưới trông lên, tượng như một vị Gia chủ, nên Thánh-nhân dạy cho đủ cả hai phương diện.

Tượng viết, Gia nhân hác hác, vị thất dã, phụ tử hy hy, thất gia tiết dã.

象曰，家人嗃嗃，未失也。婦子嘻嘻，失家節也。

Gia nhân hác hác, tuy vẫn quá nghiêm, nhưng theo về đạo tri gia, thời chẳng gì là hồng vậ 家人嗃嗃，未失也. Nếu phụ tử hy hy thời lễ tiết ở trong nhà nên nổi hồng ráo 婦子嘻嘻，失家節也.

4,— Lục-Tứ, phú gia, đại cát.

六四. 富家，大吉。

Chữ Phú này không phải phản đối với chữ bần, mà chính như chữ phú thịnh.

Phú gia, là làm cho gia đạo được hưng thịnh, cũng như nghĩa chữ gia phì.

Sách Lễ ký có câu : cha con thường dày ân tình với

nhau, anh em thường thỏa thuận với nhau, vợ chồng thường hòa hợp với nhau, ấy là nhà béo tốt vậy 父子篤, 兄弟睦, 夫婦和, 家之志也. (Chữ gia phi ở đây, tức là nghĩa chữ phú gia).

Lục Tứ âm nhu thể Tốn, ở vào vị Tứ, lại là đắc chính, đã nhu Tốn đắc chính lại ở về Thượng quái là ở vị tôn, tượng là bà mẹ ở trong nhà, gánh trách nhiệm làm gia mẫu, mà làm nên được phú thịnh cho gia đạo mình 富家, thời tốt lành có gì lớn hơn nữa 大吉.

PHỤ CHÚ — Xem chữ gia phi ở Lễ Ký càng thêm hiệu được nghĩa chữ **phú gia** ở đây.

Phụ tử chung nhau bằng chữ Đốc, không cần nói hiếu từ, huynh đệ chung nhau bằng chữ Muc, không cần nói Hửu, Cung. Phu phụ chung nhau bằng chữ hòa, không cần nói xướng tùy, người nào cũng hết nghĩa vụ của người ấy, mỗi người chung đồng hạnh phúc với mỗi người, trong nhà mà được như thế, thiết chẳng gì phúc hơn.

Thánh-nhân nói đạo-lý viên-mãn như thế, há phải như hậu-nho xuyên tạc đâu.

Tượng viết, phú gia đại cát, thuận tại vị dã.

象曰, 富家大吉, 順在位也.

Lục-Tứ có đức tốn thuận mà lại ở vị tôn, làm mẹ trong một nhà, nên hào-từ nói rằng: phú gia đại cát. Chữ Phú đây, chẳng phải phú bằng sản nghiệp, mà cốt phú bằng đức, đức đã phú thời sản nghiệp không cần phải nói.

Trên Soán - truyện đã nói : phụ phụ, tử tử, huynh huynh, đệ đệ, phu phu, phụ phụ. như thế chính là đạo phú gia, mà sở dĩ được đại cát cũng vì thế.

PHỤ CHÚ.— Xem hào-từ của bốn hào rất có thứ tự, **hào Sơ** là bắt đầu trị gia, cần nhất là gia giáo, nên nói chữ **Nhàn**.

Nghĩa là : trong nhà cần phải có khuôn khổ, đến **hào Nhị** là khi đã có gia giáo rồi, tất cần phải đầy đủ việc ăn, nên chú trọng bằng trung qui. Tiến đến **hào Tam** thời đủ giáo dưỡng rồi, đã có kẻ thầy người tớ. Thế là người nhà đã đông đúc rồi, tất phải có kỷ-cương trật tự, nên phải hác hác mới được cát. Tiến lên đến **Lục Tứ** ở vào vị cao, chính là gia chủ, duy lo trị gia, khuôn thước thế nào cho gia đạo hưng thịnh, tóm góp hết những qui mô trên kia mà làm nên phú gia, sắp đặt trong một nhà mà phải **trước, sau, hoản cấp, thứ tự** như thế.

Chúng ta muốn làm nên phú gia, tất phải đủ ngần ấy việc, ngần ấy người.

5.— Cửu Ngũ, Vương cách hữu gia, vật tuất, cát.

九五, 王假有家, 勿恤, 吉.

Cửu Ngũ ở vào vị chí tôn, tượng như người nguyên thủ ở trong một nước, nên gọi bằng vương.

Nhưng cứ sao không nói hữu quốc, mà chỉ nói hữu gia. Vương mà chỉ hữu gia chẳng hẹp hòi lắm hay sao ?

Chúng ta phải biết, quốc gia chỉ là một gốc, quốc tức là gia lớn, gia tức là quốc nhỏ, nói hữu gia là vì ở quê Gia nhân, nên không cần nói chữ quốc, mà trong ý thánh nhân vẫn xem quốc tức gia, gia tức quốc. Đứng vào địa vị quân trưởng như hào Cửu Ngũ, có đức dương cương trung chính, ở dưới lại có bậc trung chính như hào Lục Nhị làm chính ứng với mình, mình thời chinh vị hồ ngoại, mà Nhị thời chinh vị hồ nội, hữu gia mà được như thế, thiết là tận thiện tận mỹ đạt ư cực điểm, nên nói rằng : Vương cách hữu gia.

Chữ Cách như nghĩa chữ Chí, có ý là rất tốt. Vương mà đã rất tốt ở việc hữu gia, thời gia đã tề mà quốc cũng trị, suy rộng ra, thiên hạ cũng bình, đến lúc đó bất tất phải lo lắng gì, mà cũng được tốt 勿恤吉.

PHỤ CHÚ.— Sơ Cửu nhân hữu gia, là gia đạo chi thi, Cửu Ngũ Cách hữu gia, là gia đạo chi thành. Gia đạo đã đến lúc thành, nên nói rằng . vật tuất cát.

Còn như Cửu Tam là gia đạo chính đương lúc bán thượng lạc hạ, thời phải trải qua hối lộ, mới đến cát. Lục Tứ là vị gia mâu, thời làm cho được phú gia mới được cát. Cửu Ngũ là vị gia phụ, thời làm cho được cách hữu gia, mới được cát, chữ Cách là có ý đạt ư cực điểm.

Trong năm hào, có chương trình thứ tự, Sơ là tạo nhân, mà Ngũ là kết quả, một gia nhỏ như vậy, dần đến một gia lớn như quốc, như thiên hạ cũng như vậy. Đó là thâm ý của thánh nhân; chớ nhận lầm chữ gia là nhà mà thôi. Xem chữ gia đặt ở dưới chữ Vương thời đủ hiểu.

Tượng viết, Vương cách hữu gia, giao tương ái dã.
象曰,王假有家,交相愛也.

Vương sở dĩ cách hữu gia, là cốt khiến cho người trong một nhà, nào trai nào gái, nào trẻ nào già, nào lớn nào bé, giao yèu mến nhau, chẳng một người nào thương ân hại nghĩa, như thế mới được cách hữu gia.

PHỤ CHÚ.— Chữ Ái ở đây không phải tình ái và tư ái dâm. Xem địa vị Nhị, Ngũ thấy là trung chính, ái bằng cách trung chính, thời ái đó là bằng cách thiên lý, mà không phải ái bằng nhân dục, ái bằng đại công mà không phải ái bằng cách thiên tư. Vì trung chính như Nhị Ngũ, nên cảm cách được người nhà, mà hiện ra thực sự giao tương ái, nhận kỹ hai chữ giao tương, thời biết được chữ Ái không phải là thiên ái.

6.— Thượng Cửu, hữu phu, uy như, chung cát.

上九, 有孚, 威如, 終吉.

Thượng Cửu ở về cuối quẻ, chính là lúc gia-đạo đã đến lúc hoàn thành, tới lúc bây giờ chỉ lo thủ thành vĩnh viễn, mà đạo thủ thành ở trong gia nhân, thời chỉ có hai lối. Một là : giữa bản thân, phải có đức thành tín chứa chất ở bề trong, mình đã chí thành bất tức, thời cảm cách được lâu dài, nên nói rằng : « Hữu Phu ». Có đức thành tín, thời người vẫn tin mình, nhưng trong phép trị gia, nếu thiên vào tình sợ không nghiêm, thiên vào ân dễ lờn. Cho nên chỉ một mặt thành tín mà thôi, thời việc thủ thành chưa chắc đã hoàn tuyền, tất phải thêm bằng cách uy nghiêm nữa mới được, nên nói : Uy như.

Kẻ lớn người bé khiến cho có trật-tự, kẻ thầy người tớ khiến cho có pháp-kỷ, lấy nghĩa mà giúp đỡ cho ân,

lấy cương mà giúp đỡ cho nhu, như thế mới là hoàn toàn cách Hữu gia. Chữ Uy ở đây không phải như nghĩa Uy hình, mà như nghĩa nghiêm trang.

Luận-ngũ có câu : Quân-tử bất trọng, tắc bất uy 君子不重, 則不威, nghĩa là : quân tử nếu không trọng hân, thời không uy nghiêm, chính là nghĩa chữ Uy ở đây. Như thế thời được chung cát.

Nói tóm lại, đã thành tín, lại uy nghiêm, thời gia đạo được lâu dài tốt đẹp vậy, nên nói rằng : Chung cát.

Tượng viết, uy như chi cát, phản thân chi vị dã.

象曰, 威如之吉, 反身之謂也.

Cách các vị uy như mà được đó, không phải bảo cậy uy hình mà trừng trị người dẫu, chỉ bảo cho người gia chủ, cốt tôn nghiêm lấy giữa mình xét lại giữa mình, mà thiết được thân tu thời chính là Uy như đó vậy.

Thế thời còn lo gì gia bất tề dẫu.

Chữ « Phản thân » ở đây, cũng in như chữ « Tự phản » ở trong sách Mạnh-tử. Muốn cho người nhà được kính phục tất phải giữ bản thân tôn nghiêm, chính là Uy như chi cát.

PHỤ CHÚ. — Đọc hết sáu hào ở quẻ Gia-nhân, không hào nào có lời xấu, nhưng ba hào ở Nội quái, thời hào nào cũng có lời răn đe.

Hào Sơ thời có chữ « Nhân », hào nhị thời có chữ « Trinh », hào Tam thời có chữ « Lệ ».

Chúng ta mới biết đạo tề-gia, quan trọng thứ nhất ở nửa đoạn đầu, nửa đoạn đầu mà đã hay, thời nửa đoạn cuối chỉ là vun cao đắp lớn, thêm tốt, nối dài nữa là xong. Nên hào từ Tứ, Ngũ rất là vui vẻ thông thả. Cái hạnh phúc của đoạn sau là kết quả gian nan của đoạn trước. Nhưng đến hào Thượng-Cửu, thánh nhân lại dạy rằng : Hữu phu, Uy như, mà kết thúc lấy hai chữ « Phản thân ».

Than ôi ! Quốc chi bản tại gia, gia chi bản tại Thân. Nếu bản thân mà đã tinh nết chẳng trau dồi, đức nghiệp chẳng tu tấn, tài học chẳng vun trồng, chơi bời cho qua tháng ngày, giả dối để lừa chúng bạn. Thân đã như thế, thời bảo thân đã không nổi, còn nói gì đến quốc gia xã hội nữa đâu.

Thầy Mạnh có nói rằng : thân mình không làm hợp với đạo lý, thời chẳng lấy gì dạy được vợ con 身不行道, 不行於妻子.

Ý nghĩa quẻ Gia nhân thiết là hữu tử hữu chung, xin học giả nhận cho kỹ, chẳng những gia mà thôi, đến quốc, đến thiên hạ cũng chỉ ngần ấy. **Xem tuyên bộ Dịch, lời Soán của Văn vương; lời Hào của Chu Tông, lời truyện của Khổng Tử, từ đầu chí cuối, nhất dĩ quán chi, chỉ có quẻ ấy.**

XXXVIII. QUẾ HỎA TRẠCH KHUÊ

火 澤 睽



Quẻ này là quẻ Hỏa-trạch-Khuê. Đoái hạ cũng là Nội Đoái, Ly thượng cũng là Ngoại-Ly. Ly hỏa Đoái trạch. Nên tên quẻ đọc bằng Hỏa-trạch-Khuê.

TỰ QUÁI

離

兌

上

下

外

內

離

兌

Tự quái, gia đạo cùng tất quái, cố thụ chi di Khuê. Khuê giả quái dã.

序卦, 家道窮, 必垂, 故受之以睽, 睽者垂也.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Gia nhân tiếp lấy quẻ Khuê, là vì cớ sao? Gia đạo đã đến lúc cùng 家道窮 tất đến nỗi ngang trái chia lìa 必垂, vậy nên quẻ Gia-nhân tiếp lấy quẻ Khuê 故受之以睽. Khuê nghĩa là trái chống nhau 睽者垂也. Ý nghĩa sở dĩ đặt tên quẻ bằng Khuê. Soán truyện đã giải thích kỹ rồi, đây không cần phải giải thích nữa.

SOÁN TỪ

Khuê, tiểu sự, cát.

睽, 小事, 吉.

Người ở thì đại Khuê, tâm chí không đồng nhau, đường lối không chung nhau, nếu làm những việc lớn như quốc gia xã hội, thật không thể làm được. Duy theo ở thể quẻ, chỉ có hào Lục Ngũ âm nhu đặc trung ứng với Cửu Nhị dương cương đặc trung, ở về thì đại Khuê quai, mà còn có người cương nhu tương tế như thế.

Chúng Khuê mà bọn mình không Khuê, thời làm những việc nhỏ thuộc về cá nhân, hay là một tiểu đoàn thể 小事, còn có thể tốt lành được 吉. Nên nói rằng: Tiểu sự, cát, nghĩa là: chỉ làm việc nhỏ thời họa may được cát mà thôi.

PHỤ CHÚ.— Đạo Dịch rất hay là biến Dịch. Càn thượng Khôn hạ là Bỉ, đảo ngược lại Khôn thượng Càn hạ, thời là Thái.

Quẻ này Đoái hạ Ly thượng. Đoái là trạch, Ly là hỏa, tính trạch thời ngậm xuống, tính hỏa thời bùng lên, trên chẳng tiếp với dưới, dưới chẳng thông lên trên, tính hai bên trái nhau, thời tính hai bên cũng trái nhau, nên thành ra quẻ Khuê, Khuê là xấu quá xấu nhất ở trong kinh Dịch. Nhưng đảo trái lại, Ly ở dưới, Đoái ở trên, hỏa viêm thượng mà tiếp với trạch, trạch thủy ngậm xuống mà thông với hỏa, tính tình liên lạc với nhau, công việc giúp đỡ cho nhau, thời thành ra quẻ Cách.

Cách là một quẻ có công việc rất to ở trong Kinh Dịch, chúng ta xem lại hai quẻ ấy, thời biết rằng: Còn Khuê thời không bao giờ làm nên Cách, mà đã muốn Cách, thời trước phải chữa cái bệnh Khuê, nên quái từ quẻ Khuê, chỉ nói bằng tiểu sự cát, mà Soán từ quẻ Cách lại nói rằng: Thang Vô cách mệnh.

Than ôi! đời còn Khuê quai lý tán, dầu thánh nhân như Thang Võ, cũng làm gì nên Cách mệnh đầu.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Khuê, hỏa động nhi thượng, trạch động nhi hạ, nhi nữ đồng cư, kỳ chí bất đồng hành. Cuyệt nhi lộ hồ minh, nhu tán nhi thượng hành, đắc trung nhi ứng hồ cương, thị dĩ tiểu sự cát. Thiên địa Khuê, nhi kỳ sự đồng dã, nam nữ Khuê, nhi kỳ chí thông dã, vạn vật Khuê nhi kỳ sự loại dã. Khuê chi thì dụng, đại hỷ tai.

家曰，睽，火動而上，澤動而下，二女同居，其志不同行。說而麗乎明，柔進而上行，得中而應乎剛，是以小事吉。天地睽而其事同也，男女睽而其志通也，萬物睽而其事類也，睽之時用大矣哉。

Soán viết, Khuê, hỏa động nhi thượng, trạch động nhi hạ, nhi nữ đồng cư, kỳ chí bất đồng hành.

家曰，睽，火動而上，澤動而下，二女同居，其志不同行。

Đây là lấy tượng quẻ thích nghĩa tên quẻ để hình dung tính cách Khuê, chữ Khuê phản đối với chữ Đồng; tính khác nhau, chí khác nhau, ở chung với nhau một chốn, tất cũng không xong, làm chung một việc với nhau, tất cũng chẳng nên, nên gọi bằng Khuê 睽.

Theo về tượng quẻ, thời Ly là hỏa, tính hỏa khi đã phát động, tất bùng lên trên, 火動而上. Đoài là trạch, tính trạch khi đã phát động, tất chảy xuống dưới 澤動而下 một bên đã động nhi thượng, thì không dính dấp gì đến dưới, một bên đã động nhi hạ, thì không

dinh dập gi đến trên, đó là vì tính trái nhau mà thành ra Khuê.

Lại lấy bằng một tượng nữa Đoái là thiếu nữ, Ly là trung nữ, hợp Đoái Ly lại làm một quẻ, tượng là hai chị em ở chung trong một nhà, nhưng chí thú hai người vẫn khác nhau, chị gái út thời xu hướng về cha mẹ, chị gái giữa thời xu hướng về nhà chồng, hình thức bề ngoài vẫn là còn ở chung với nhau 二女同居, mà tinh thần bề trong thời hai người đi hai ngã 其志不同行, vì chí hướng khác nhau, mà thành ra Khuê.

Tính đã khác nhau, chí đã khác nhau, dầu có đồng cũng là tạm thời mà kết quả tất là ly dị. Vậy nên đặt tên quẻ bằng Khuê.

Duyệt nhi lệ hồ minh, nhu tiến nhi thượng hành, đắc trung nhi ứng hồ cương, thị dĩ tiểu sự cát.

說而麗乎明,柔進而上行,得中而應乎剛,是以小事咎.

Bây giờ lại lấy quái đức quái thể, thích quái từ. Theo về đức quẻ, thời Đoái có đức duyệt, Ly có đức minh, hòa duyệt mà nương tựa vào đức minh 說而麗乎明 (Lệ : nương tựa).

Theo như thể quẻ ở trong quẻ có hào Lục-Ngũ, chất tuy âm nhu nhưng tấn lên mà ở ngôi trên 柔進而上行, Lục Ngũ lại đắc trung mà thuận ứng với hào Cửu-Nhị là hào dương cương 得中而應乎剛.

Theo tượng quẻ, thể quẻ đủ những đức tốt ấy. Nếu làm việc lớn, chưa đến nói tuyệt đối không làm được.

Nhưng khốn nạn thay, ở thì đại mà thiên hạ đương còn Khuê quai, nhân tâm đương hoán tán, lấy gì làm nên việc lớn đầu, chỉ vì có đức tốt đã nói như trên, may vừa tiểu sự cát, cũng vừa đủ năng sự rồi 是以小事吉.

Thánh nhân nói đến đó, là muốn cho học giả phải tri thì, thì đã đến hồi Khuê quai, thời thành tựu cũng chỉ ngần ấy mà thôi.

Thiên địa Khuê, nhi kỳ sự đồng dã ; Nam nữ Khuê nhi kỳ chí thông dã ; Vạn vật Khuê nhi kỳ sự loại dã.

天地睽,而其事同也,男女睽,而其志通也.萬物睽,而其事類也.

Khuê chi thì dụng, đại hỷ tai.

睽之時用,大矣哉.

Như trên kia nói, thời thì đại Khuê, vẫn là xấu thiệt, nhưng Dịch đạo quý hay biến hóa. Nếu thấy thì đại Khuê, mà chỉ cho thì đại xấu, thời Thánh nhân còn tác Dịch làm gì.

Vậy nay lại suy rộng cho hết lẽ hợp Khuê. Hợp Khuê nghĩa là : ở trong chốn khác nhau, mà tìm cho ra lẽ sở dĩ hợp nhau, vật chất vẫn khác nhau, mà vật lý lại hợp nhau, ở giữa Khuê mà xét cho ra lý đồng, thời hiện ra được công dụng ở thì đại Khuê.

Thử xem ở thiên địa, trời bao giờ cũng thấy cao, đất bao giờ cũng thấy thấp, chẳng phải là thể Khuê hay sao ?

Nhưng mà dương khí thường hạ giáng mà giao với

đất, âm khí thường thượng đẳng mà giao với trời, trời đất hợp nhau mà nên công che chở. Thế là thể tuy Khuê, mà việc hóa dục vẫn đồng 天地睽,而其事同也.

Lại xem bằng nam nữ, trai thuộc về hình dương, gái thuộc về hình âm, chẳng phải là chất Khuê hay sao? nhưng mà trai tất cần hợp với gái, gái tất cần hợp với trai, trai gái hợp với nhau, mà thành công sanh dục, thế là chất tuy Khuê, mà chí Tương cần vẫn thông 男女睽,而其志通也. Bây giờ lại xem ở vạn vật Phi, Tiềm, Động, Thục, muôn sắc nghìn hình, chẳng phải cũng Khuê hay sao? Nhưng bao nhiêu giống bay, in nhau một cách bay, bao nhiêu giống ngầm, in nhau một cách ngầm, bao nhiêu động vật in nhau một cách đối sừng mang lông, bao nhiêu giống thục vật in nhau một cách khai hoa kết quả. Thế là cũng tuy Khuê, mà việc sinh hóa vẫn theo loài với nhau 萬物睽,而其事類也.

Xem các lẽ ấy, thời biết rằng: ở trong phạm vi khác nhau, tất cũng ngầm có một tâm lý đồng nhau.

Tìm cho ra cái đồng nhau mà đẳng buộc liên kết hết thấy cái khác nhau, hợp ngàn vạn cái dị lại, làm thành một cái đồng.

Như thế, mới thấy được cái diệu dụng ở thì Khuê rất lớn lao rồi vậy 睽之時用,大矣哉, chẳng phải Thánh nhân thời ai làm nên được.

PHỤ CHÚ. — Soán truyện ở mọi quẻ chỉ tán một chữ « Thì » hoặc chữ « Thì Nghĩa », mà ở đây lại tán chữ **Dụng**, là vì cơ sao?

Bởi vì, thì Khuê mà làm cho ra chẳng Khuê, mới là công việc lớn, xem ở câu « Khuê chi Thì dụng đại hỷ tai », thời biết được thánh-nhân ở trong thiên hạ không thì nào là bất khả vi, biến hóa chuyển đi chỉ cốt ở nơi chữ Dụng. Chữ Dụng là phương pháp cứu Thì của thánh-nhân, mà cũng là thủ-đoạn tạo Thì của anh-hùng.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, thượng hỏa hạ trạch, Khuê, quân-tử đi đồng nhi dị.

象曰, 上火下澤, 睽, 君子以同而異.

Trên Soán-truyện đã nói một cách dị mà đồng, bây giờ Tượng-truyện lại nói một cách đồng mà dị (Đồng : nghĩa là chung đồng, Dị : nghĩa là khác riêng).

Quân tử xem ở tượng quẻ Khuê thấy được Ly Đoái chung nhau đồng một quẻ, nhưng mà Ly hỏa thời tính viêm thượng, Đoái trạch thời tính tụt hạ, hai tính trái nhau, quân-tử mới biết rằng : lẽ ở trong thiên hạ, hễ trong lúc đại đồng, mà vẫn có chốn nên độc dị. Xưa nay thánh hiền xử thế, theo về việc nhân sinh nhật dụng, vẫn đại đồng với thế tục, nhưng đến những việc thế tục đã sai lầm, thời thánh-nhân không bao giờ đồng lưu hợp ô.

Cũng có việc thế-tục không chịu làm, mà một mình làm, cũng có việc thế tục thấy làm cả, mà duy một mình không chịu làm, ấy là ở trong chốn đại-dồng mà có chốn độc dị. Nghĩa ba chữ : « Đồng nhi dị », thoáng xem qua như hình mâu thuẫn, mà xem cho kỹ, thời chân chính đạo lý vẫn như thế. Có việc nên đồng mà đồng, có việc

nên dị mà dị, hễ những việc đúng với thiên lý, thuận với nhân tình, thời dẫu thánh-nhân cũng như chúng nhân. Nếu không thế, thời thành ra một hạn bất càn nhân tình, loạn thời trái lý, dẫu có liêm như Trần-trọng-Tử, tín như Vi-Sinh mà có gì là hợp đạo lý đâu.

Còn đến khi dư luận hỗn hào, tục lưu ô trọc. Phàm những việc mà thế tục đồng xu đó, chính là những việc trái với thiên lý nhân tâm. Thánh-nhân ư chốn đó, tất phải nhất ý cô hành, một mình đi riêng một lối, dẫu miệng thế chê cười, mà cũng không kể.

Tức như thời Chiến quốc, thiên hạ thấy xu phụ với Tần, mà một mình ông Lộ-trọng-Liên nghĩa bất để Tần, đành gieo thân bể đông mà chết, đó chính là nghĩa độc dị.

Vì có độc dị, mới là thánh hiền.

Nếu chẳng thế, thời thành ra một hạng người xu thì trọc tục, hùa với đời mà kiếm ăn, lấy gì làm quân tử nữa đâu.

Nên nói rằng : Quân tử dĩ đồng nhi dị.

Ba chữ : « Đồng nhi dị, » khó giải thích cho hết nghĩa, trong một quốc gia, một xã hội, một nhân quần, vẫn có lúc phải đồng nhi dị, mà chính giữa bản thân một người cũng có lúc phải đồng nhi dị, tức như : giữa một thân ông Y Doãn, mà khi tỵ Thang tỵ Kiệt khác nhau, giữa một thân đức Khổng Tử khi khứ Tề, khi khứ Lô khác nhau, ý nghĩa ba chữ : Đồng nhi dị, bao hàm rộng lớn

như thế, duy người ta phải xét đạo lý cho tinh thấu, nhận kỹ nghĩa vụ cho rành rỏ, cái nên đồng thời đồng mà không phải xu thì trực ly, cái nên đi thời đi mà không phải mua tiếng làm cao, như thế mới hợp đạo quân tử.

PHỤ CHÚ. — Quẻ Khuê với quẻ Đồng nhân là phản đối nhau, Thiên hỏa hai tính hợp nhau. thời thành quẻ Đồng nhân. Tượng truyện nói rằng : loại tộc biến vật, nghĩa là phải tìm cho ra cái dị, mới sắp đặt được nên cái đồng.

Hỏa trạch hai tính trái nhau, thời thành ra Khuê, tượng truyện nói rằng : Đồng nhi dị.

Nghĩa là : lựa chọn ở trong lúc đồng mà làm một cách dị. Thế mới biết rằng : đồng, mà không đồng không phải là hỗn-tạp, dị mà dị không phải là cuồng bạo.

Thánh-nhân giảng đạo lý, bao giờ cũng giảng đạo lý sống ; chẳng bao giờ giảng đạo lý chết, biết như thế, thời học được Dịch.

HÀO-TỬ VÀ TIỂU TUỢNG TRUYỆN

1 — Sơ Cửu, hối vong, táng mã, vật trọc, tự phục kiến ác nhân, vô cữu.

初九,悔亡,喪馬,勿逐,自復見惡人,无咎.

Sơ Cửu ở về đầu quẻ, là bắt đầu ở về thi-đại Khuê quai, Cửu lại sẵn có linh cương, ở vào địa vị dưới mà muốn hành động, tất nhiên hữu hối, nhưng may ở trên có hào Tứ là đồng đức mà ứng với mình, chính giữa

hồi quai Khuê mà gặp được bạn đồng-chí, thời cái hồi đó tất nhiên cũng vong được 悔亡.

Tuy nhiên, tính cương là vẫn muốn đi lên, mà khổ vì đường đời khấp-khểnh, chúng bạn hiếm hoi, muốn đi mà không thể nào đi đặng, khác gì người đi đường, mà mất quách ngựa đâu, chờ khi Cửu Tứ liên hợp với mình mà dắt dìu nhau đi, in như ngựa đã mất không phải tìm đuổi mà tự nhiên ngựa trở về 喪馬勿逐, 勿自復.

Táng mã, là một mình Sơ thời khó đi, vật trực tự phục, là lại gặp Tứ thời kết quả cũng đi được. Nhưng khốn nạn thay! Ở thì Khuê, người đồng chí với mình chẳng bao lâu, mà kẻ dị tâm với mình thời quá nhiều, tính dương cương là vẫn muốn đi lên. Nếu cự tuyệt hết những món ác nhân, thời người thù với mình càng thêm nhiều, mà hung họa e không tránh khỏi. Bây giờ nghĩ một cách tuyền thân viện họa, thời đối với những bọn ác nhân, vẫn không bày bạn với họ, nhưng cũng nên giả cách hân hiên với họ ở trước mặt. Thế thời không tội lỗi 見惡人无咎.

Hào-từ đã nói hồi vong, lại phải kiến ác nhân vô cự, chính là khổ tâm của quân tử ở thì Khuê, mà theo về thì nghĩa cũng phải như thế, tức như đức Khổng-Tử mà không tránh Dương Hỏa. Mạnh-Tử không cự Vương Hoan, thấy là đúng nghĩa ấy.

Tượng viết, kiến ác nhân, dĩ ty cự dã.

象曰, 見惡人, 以辟咎也.

Ác nhân vẫn không đáng kiến, nhưng ở vào thì Khuê,

thời cũng phải kiến ác nhân, là cốt tránh cho nó khỏi thù oán mình mà thôi.

(Kiến, nghĩa là phải tiếp mặt)

2. — Cửu Nhị Ngộ chủ vu hạng, vô cứu

九二，遇主于巷，无咎。

Hào Cửu Nhị dương cương đặc trung, ứng với Lục Ngũ, là âm nhu đặc trung. Nếu ở vào thì Thái thời có thua gì Cửu Nhị, Lục Ngũ quẻ Thái đần. Nhưng ở về thì Khuê, thời nhân vật tùy đồng, mà hoàn cảnh trái hẳn.

Ở về thì khác, thời âm dương vẫn ưa nhau. Nhưng ở về thì Khuê thời cương nhu lại có ý kiêng né nhau. Ngũ tuy là một hạng người trung chính, nhưng thấy Nhị cương cường e trái với tính mình, vì Ngũ là âm nhu, nên không dám thân cận với Nhị.

Tuy nhiên, đương sự thế bây giờ, mà Nhị Ngũ còn đương Khuê cách thời công việc cứu Khuê, chẳng hỏng hết hay sao?

Thánh nhân mới vẽ cho Cửu Nhị một cách ủy khúc cầu hợp, nên nói rằng: Ngộ chủ vu hạng. Hạng, nghĩa là ngõ hẹp, cũng nghĩa là đường tắc.

Cầu cho gặp ông chủ, mà không vào cửa chính, rình mò len lỏi nhẹ nhíp gặp nhau ở chốn ngõ hẹp mà kết hợp với nhau, tộiệt là khổ tâm ủy khúc mà cầu cho nên việc cứu Khuê.

Hào Ngũ đương vị nguyên thủ, nên gọi bằng chủ. Ngộ là có ý tình cò gặp nhau. Vu hạng là thí dụ bằng

một cách khôn khéo uốn nắn, lựa nhịp rình cơ, cầu cho được hai bên tương đắc, chung nhau gánh việc thiên hạ.

Theo về chính lý thường đạo, thời vẫn có ủy khúc ít nhiều, nhưng theo về thi nghĩa biến thông phải nên như thế, không có gì là tội lỗi 无咎.

PHỤ CHÚ.— Đạo lý ở trong thiên hạ, chỉ có lẽ phải mà thôi, mà lẽ phải lại thường phải tùy thì mà thay đổi.

Ông Y Doãn chờ vua Thang tam-sính mới chịu ra; đức Khổng-Minh chờ Lưu-Tiên-Chúa tam cố mới chịu ra. Nhưng Bạch-Lý-Hề thời làm nghề chăn trâu, mà cầu tiến-thân với Tần Mục-Công. Nịnh-Thích giả cách đi hát giữa chợ để cầu cảm động được Tề Hoàn Công, cũng chỉ chung một đạo lý, mà cơ-quyền thủ-đoạn có khác nhau, cho nên ở trong Dịch xử vào thì Khảm, dạy cho « Nạp ước tự dụ ». Xử vào thì Khuê, dạy cho « Ngộ-chủ-vu-hạng », chính là việc đạt tiết của thánh hiền, nhưng những hạng cố chấp, thời bao giờ biết được nghĩa ấy. (Đạt tiết : cầu cho đạt được chí tiết của mình).

Tả truyện có câu rằng : Thái-thượng đạt tiết, kỳ thủ tiết 太上達節, 其次守節 nghĩa là : bậc người tốt cao mới đạt được tiết, còn thứ nữa, chỉ nên thủ tiết mình là được.

Tượng viết, ngộ chủ vu hạng, vị thất đạo dã.

象曰, 遇主于巷, 未失道也.

Ngộ chủ mà làm bằng một cách ủy khúc, nhưng cầu cho gặp được người chính ứng với mình, cũng là nghĩa lý đương nhiên chẳng phải là thất đạo vậy.

3,— Lục Tam, kiến dư duệ, kỳ ngư xiết, kỳ nhân thiên thả tử, vô sơ hữu chung.

六三，見與曳，其牛掣，其人天且劓，无初，有終。

Hào Lục ở vị Tam bản thân đã bất chính, chính ứng với Thượng Cửu, Thượng vẫn cũng là bất chính, vì hai người là bạn chính ứng với nhau, nên hết sức cầu hợp với nhau.

Nhưng khốn nạn thay ! Ở vào thì Khuê Ly, mà Lục Tam lại ở xen vào giữa hai dương, muốn tiến lên theo hào Thượng mà mặt trước bị Tứ ngăn đón, mặt sau bị Nhị kéo dắt, công việc đi tới thiệt là khó khăn éo le.

Lục Tam đương ở lúc bây giờ, còn kinh nghi sợ hãi, thấy những kẻ đón trước người kéo sau, mà chính giữa bản thân, trời cố răn cho lên được, xâu xé hồi lâu, nên cũng bị dập đầu, đổ mủ, lượng như : Kiến dư duệ, kỳ ngư xiết, kỳ nhân thiên, thả tử 見與曳，其牛掣，其人天，且劓.

Dư : cỗ xe ; Duệ : kéo lui lại, người kéo xe mình lui lại, là chỉ vào hào Nhị. Ngư : là con trâu kéo xe ; Xiết : là cản không cho lên, người cản trâu lại, không cho lên, là chỉ vào hào Tứ ; Thiên : là người bị hình chạm giữa mặt ; Tử : là bị hình cắt mũi ; Kỳ nhân thiên thả Tử : bản thân Tam bị Thương.

Tam với Thượng, dầu bị Nhị, Tứ cách trở, mà không hợp với nhau được. Nhưng Nhị, Tứ là bọn tà tâm, tà bất thẳng chính, thời kết quả Tam với Thượng cũng được hòa hợp với nhau 无初，有終.

Tổng chi, ở vào thì Khuê đầu có chính ứng mà hòa hợp, cũng gay go như thế.

Tượng viết, kiến dư duệ, vị bất đáng dã, vô sở hữu chung, ngộ cương dã.

象曰, 見與曳, 位不當也, 无初有終. 遇剛也.

Hào Lục ở vị Tam, lại chen vào giữa hai dương, nên hoàn cảnh khó khăn, đến nỗi thấy xe mình đi bị người khác kéo lại. Bởi vì, địa vị mình bất đáng đó vậy.

Vô sở hữu chung, là lúc đầu tuy gay go, nhưng đến lúc cuối cùng cũng được gặp Thượng Cửu 遇剛也. (Cương, là chỉ vào Thượng Cửu).

4.— Cửu-Tứ, Khuê cô, ngộ nguyên phu, giao phu lệ, vô cữu.

九四, 睽孤, 遇元夫, 交孚, 厲, 无咎.

Hào Cửu ở vị Tứ, vị ở đã sai, dương giữa thì Khuê, lại càng khó khăn, dưới không chính ứng mà lại chét vào giữa khoảng hai âm, là người một mình đứng giữa thì Khó 睽孤.

Cô, nghĩa là độc lập, ở thì Khuê mà lại độc lập, tất phải kiếm người đồng thanh đồng chí, để cầu giúp đỡ với mình.

Người đó là ai? Chính là Sơ Cửu, Cửu với Cửu là đồng đức, Sơ với Tứ tương ứng, tất phải đem chí thành kết hợp với nhau 遇元夫, 交孚, thời hoàn cảnh đầu có nguy chẳng 厲, nhưng kết quả chắc không tội lỗi gì 无咎. Nguyên phu: là chỉ vào hào Sơ. Nguyên, nghĩa là lành lớn. Phu: một người trai.

Sơ Cửu dương cương đặc chính là nguyên phu. Tứ ngũ hợp với Sơ là ngũ nguyên phu chỉ duy chí thành kết hợp với nhau, là giao phu, thời đầu tuy nguy mà kết quả cũng vô cữu.

Tượng viết, giao phu, vô cữu, chí hành dã.

象曰，交孚，先咎，志行也。

Hai hào dương cương kết hợp với nhau bằng một cách chí thành 交孚, ở thì Khuê mà có bạn quân-tử như thế, thời chẳng những vô cữu 先咎, mà có lẽ lại phát triển được chí cứu thì của mình 志行也. Tượng truyện ở đây là bỏ tức ý nghĩa hào từ, hào từ chỉ nói vô cữu mà thôi.

5.— Lục Ngũ, hối vong, quyết tông phệ phu, vãng, hà cữu.

六五，悔亡，厥宗噬膚，往何咎，

Lục Ngũ âm cư dương vị, ở vào thì Khuê, lẽ nên hữu hối, nhưng vì Ngũ có đức trung, mà ở dưới lại có hào Cửu Nhị dương cương trung ứng mới mình, nên được hối vong 悔亡.

Sở dĩ được hối vong, không phải tài âm nhu như Ngũ, mà làm được nên. Vì có tài dương cương như Cửu Nhị chịu làm một phe với mình, gắn chặt vào sâu giúp đỡ cho Ngũ 厥宗噬膚. Vậy nên Ngũ tấn hành những việc gì, thấy nhờ Nhị mà được hoàn thiện, còn có tội lỗi gì nữa 往何咎. Chữ Quyết, như nghĩa chữ Kỳ-Tông, là phe đảng; Quyết Tông, là chỉ vào hào Cửu Nhị.

Phệ, nghĩa là cắn. Phu, nghĩa là: thịt trong da; Phệ phu, nghĩa là cắn mà vào được sâu.

Thí dụ như : Nhị thâm nhập vào Ngũ, tình ý hai bên hợp đã dễ, mà vào lại sâu, nên nói rằng : quyết tông phê phu.

Tượng viết, quyết tông phê phu, vãng hữu khánh dã.

象曰，厥宗噬膚，往有慶也。

Tượng truyện đây lại nói thêm nghĩa hào từ cho rộng, trên kia chỉ nói : Vãng hà cự, đức Thánh lại nói rằng : may cho ở thì Khuê mà được lưỡng hiền tương tín.

Nên nói thêm rằng : Nhị chịu kết hợp với Ngũ, là thâm nhập được một cách như phê phu, thời công việc tấn hành lại được phúc khánh nữa vậy 往有慶也.

PHỤ CHÚ.— Ở vào thì Khuê quai, dầu quân tử với quân tử mà kết hợp với nhau, cũng tất phải vừa ỷ khúc vừa khôn khéo, như Nhị Ngũ thấy có đức trung, vả lại chính ứng cùng nhau, nếu ở thì khác thời hai người ấy kết hợp với nhau, là việc rất dung dị. Song thì Khuê quai đành phải tùy cơ làm ứng, cho nên Cửu-Nhị nói « Ngộ chủ vu hạng », đến Lục Ngũ có chữ « Phê Phu ».

Vu hạng, tức là không phải đi thẳng vào ngay. Phê phu, tức là có cách lựa cơ rình thế, mới biết rằng : Ở về thì Khuê thiết không thể phân bì được như đời thái-bình vậy.

6.— Thượng Cửu, Khuê cơ, kiến thi phụ đồ, tái qui nhất xa, tiên trượng chi hồ, hậu thoát chi hồ, phi khấu hôn cấu, vãng ngộ vũ tất cát.

上九，睽孤，見豕負塗，載鬼一車，先張之弧，後脫之弧，匪寇婚媾，往遇雨則吉。

Đọc hào từ này, chẳng những đạo lý rất tinh thần, mà văn tự cũng ly kỳ biến hóa, nếu Dịch ra cho hết lời hết ý, e làm nên một bộ đoản thiên tiểu thuyết.

Xin đọc giả chịu khó nhận cho kỹ, thời đã bỏ ích về con đường xử thế, vả lại bỏ ích về lối làm văn. Đây trước xin thích nghĩa chữ một.

Thĩ: con heo; Phụ: đội; Đồ: bùn; Tải: chở; Qui: ma quỷ; Trương: dương lên; Hồ: cái cung; Thoát: cỡi ra; Khẩu: thẳng giặc. Hồn cầu: làm thông gia; Vãng: từ đây sắp qua; Ngộ vũ: dụng lấy mưa.

Bây giờ thích ý nghĩa tuyên văn:

Ở về thi Khuê là chính lúc nhân tình nghi kỵ nhau, dầu đến cha con anh em cũng khó khỏi ly tâm ly đức, huống gì những bầu bạn phe phái với nhau.

Thượng Cửu này ở cuối cùng quẻ Khuê là Khuê chi cực, Khuê đã đến cực điểm, thời nghi nhau ghét nhau là rất tầm thường, mà huống gì xử vào hoàn cảnh Thượng Cửu này, thiệt lại khốn khó muôn phần. Lấy một mình dương cương mà ở vào địa vị tối cao, ngó xuống bề dưới thời chắc không người nào tin mình cả, thiệt là Khuê quai mà lại cô độc 睽孤. Nhưng may thay: Thượng Cửu ở về thể Ly, vẫn có tính minh sát. Vì tính minh sát thái quá, nên dụng đầu nghi đó, tuy một người Chính ứng là Lục Tam, vẫn chẳng đáng nghi kỵ gì. Nhưng khổ vì

Lục Tam ở vào giữa Nhị dương, nên khiến cho Thượng Cửu nghi nhị dương mà nghi luôn đến Lục Tam. Đầu thời nghi nhị dương đồ mất Lục Tam, đoạn rồi sợ Lục Tam theo nhị dương mà làm hại mình, nghi tâm sinh quỷ, nhận trắng làm đen, trong mắt Thượng Cửu ở lúc bây giờ, thấy Tam kia in như hình con heo đội một cục bùn nào có biết đâu, người ta vẫn trong sạch mà mình nhận lầm làm dơ bầm 見豕負塗.

Chẳng những thế mà thôi, vì nghi sinh ghét, vì ghét mà lại càng thêm nghi, thậm chí giữa bạch nhật thanh thiên, mà chụp bóng bắt hơi, lấy không làm có, hễ thốt nghĩ đến Tam, thời xem như chở ma quỷ đầy một xe, để làm ma trùng bắt mình 載鬼一車. Ôi thôi! Lẽ trong thiên hạ thị hay phi, không hay có, đến lúc cùng tắc kiến, sẽ có một ngày nước rất đỏ trời, phương chi Thượng là người vẫn sẵn tính cương minh, mà tạm lại một người nhu thuận.

Một cặp bạn chính ứng ấy, tất có một ngày mù ughi tan sạch, lẽ chính rõ ràng, tuy vì hoàn cảnh bùng bịt, mà ghét giận nhau trong tạm thì, đến khi chủ nghĩa của hai bên đã rõ ràng, tâm lý hiểu thấu nhau, sắc giận hóa sắc vui.

Tượng như trước thời Thượng toan dương cung bắn Tam 先張之弧, sau lại còi giây cung 後脫之弧 mà tạ lỗi cùng Tam rằng: ủa ủa, chị Tam ôi! Chị thiệt không bao giờ có lòng làm hại tôi, mà tôi quyết không phải là một người làm hại chị chẳng qua tôi với chị cầu làm vợ chồng mà thôi 匪寇婚媾,

Từ đó sắp đi, ý nghi kỵ đã hết sạch sành sanh, âm dương hòa hợp, kẻ vai chung cật, mà cùng nhau gánh công việc cứu thì Khuê. Khuê cực mà huề hợp với nhau, cái cảnh tượng vui vầy, cái tình ý đậm thắm, in như nắng lâu ngày gặp được trận mưa ngọt 遇雨, tốt lành còn gì hơn 則吉.

PHỤ CHÚ.— Đọc hào từ này phải chia làm ba đoạn, ba câu trên là thuộc về đoạn trước, hai bên đương nghi kỵ nhau, thần hôn mê loạn, lấy không làm có, nên nổi không phải heo, mà thấy là heo không phải quỉ; mà thấy là quỉ, chính là lúc Khuê chi cực. Từ câu tiên trương chi hồ sắp xuống ba câu, là thuộc về đoạn giữa.

Lúc đó sắp đi, hết tương nghi mà bước vào tương tin. Nền trước thời đương cương, mà sau thời lột giây cung, biết ác cảm là sự huyền không, mà ái tình mới là sự thực, đó là Khuê chung, mà đã sắp sửa hợp, vãng, ngộ vũ tắc cát, là thuộc về đoạn cuối, lòng Khuê nghi đã hết sạch, mà tình hòa hợp càng đậm thắm, chính là : cùng tắc biến, biến tắc thông, suốt cả bộ Dịch thấy đều có ý như thế.

Chẳng những cá nhân với cá nhân, dầu đến quốc gia xã hội, hễ gặp thì Khuê quai, thời tất có tình hình như Thượng Cửu với Lục Tam, chỉ cần thứ nhất là hai bên thấy đều đắc chính cả, phi bất Dịch thị chính tất thắng tà, tất nhiên cũng tiền hung hậu hỷ; người ta xử thế xin cố công tìm bạn chính ứng mà chơi, hoàn cảnh thì Khuê, chúng ta không phải sợ.

Tượng viết, ngộ vũ chi cát, quần nghi vong dã.

象曰, 遇雨之吉, 羣疑亡也.

Âm dương hòa với nhau, mà nên mưa, cương nhu hợp với nhau mà được cát, hào từ nói rằng: «Vãng ngộ vũ tắc cát» nghĩa là: những tình trạng hồ nghi huyền hoặc như trước kia thấy tiêu mất rảo.

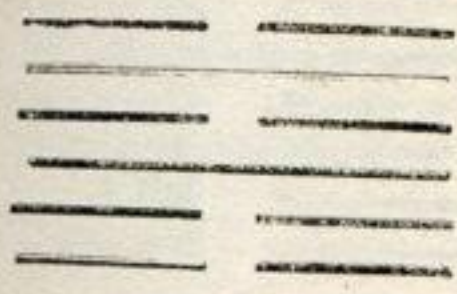
PHỤ CHÚ.— Quả Khuê là một quả rất xấu ở trong Kinh Dịch, nhưng đến hào từ, tượng truyện, thời tuy có cay co lúng túng. Nhưng đến kết quả thời không có gì xấu. **Hào Sơ** thời hối vong mà vô cữu; **Hào Nhị**, hào **Tứ** thời thấy được vô cữu; hào **Tam** thời được hữu chung, hào **Ngũ** thời được hối vong, tượng truyện lại có câu: Vãng hữu Khánh; hào **Thượng** Cửu thời được chữ Cát, mà tượng truyện lại thúc kết bằng câu quần nghi vong dã. Đó mới biết, duyên hợp sinh ở giữa lúc Ly, cơ phúc nấp ở giữa hối họa.

Chúng ta chỉ lo không **người tạo thì thế**, chứ đừng lo **không thì thế tạo mình**, có lẽ đâu Khuê hoại, Khuê mãi, mà không có một ngày thông thái rư?????

oOo

THUY SON KIEN

水 山 蹇



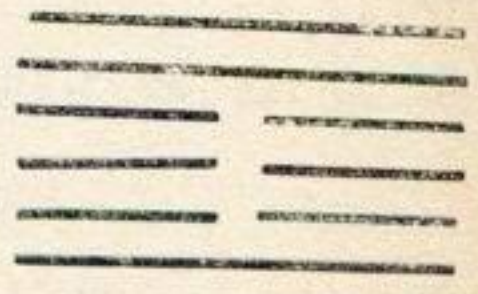
雷 水 解



山 澤 損

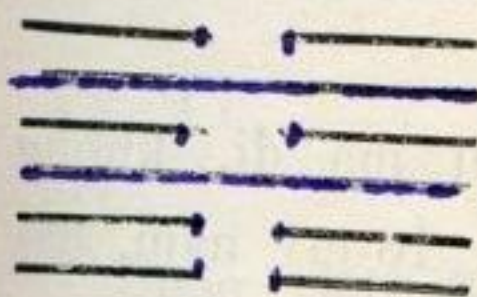


風 雷 益



XXXIX. QUẺ THỦY SƠN KIẾN

水 山 蹇



Quẻ này là quẻ Thủy - Sơn - Kiến. Cấn hạ cũng là Nội-Cấn. Khảm thượng cũng là ngoại Khảm. Khảm thủy Cấn sơn. Nên tên quẻ đọc bằng Thủy-Sơn-Kiến.

TỰ QUÁI

坎
上
外
坎

艮
下
內
艮

Tự quái, Khuê giả quái dã, quái tất hữu nạn, cố thụ chi di Kiến, Kiến giả nạn dã.

序卦, 睽者垂也, 垂必有難, 故受之以蹇, 蹇者難也.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Khuê tiếp lấy quẻ Kiến, là vì cớ sao?

Vì rằng: hễ đương lúc Khuê quái, tất nhiên có Kiến nạn 垂必有難, nên sau quẻ Khuê, tiếp lấy quẻ Kiến 故受之以蹇. Kiến nghĩa là: gay go hiểm trở 蹇者難也.

Theo như thể quẻ, Khảm ở trên, Cấn ở dưới, trên hiểm mà dưới phải chỉ.

Trước mặt bị sông đón, sau lưng bị núi ngăn, đi đứng thiệt là khốn nạn, nên đặt tên quẻ bằng Kiến.

SOÁN TỪ

Kiến, ly tây nam, bất ly đông bắc, ly kiến đại nhân, trinh cát.

蹇, 利西南, 不利東北, 利見大人, 貞, 吉.

Kiến là nguy hiểm rồi, người ở vào thì ấy mà lại cứ nhè vào đường lối hiểm trở mà đi. Thế thời hiểm lại thêm hiểm; dầu hành động việc gì tất cũng không lợi 蹇.

Vậy chỉ nên tìm phương nào thân đi mà đi, không nên đi vào đường hiểm, nên nói rằng: ly tây nam, bất ly đông bắc.

Tây nam là phương hướng Khôn, là đường lối thân đi, đông-bắc là phương hướng Cấn là đường lối hiểm trở; ly đi vào đường lối thân đi, không ly đi vào đường lối hiểm trở, là thì nghĩa ở thì Kiến.

Hễ trong thiên hạ đã tới thì Kiến nạn, người trong đời ấy ai cũng trông cho thoát khỏi vòng kiến nạn. Nhưng công việc cứu Kiến thoát nạn, há phải những hạng người tầm thường mà làm nên rư? Cứu được kiến, thoát được nạn, tất phải nhờ người phi thường, mà người phi thường đó là ai? Chính là bậc đại-nhân, nên nói rằng: Ly kiến đại nhân.

Đại-nhân: tức là Thánh hiền có đại tài đại đức, chứ không phải đại nhân như tục ta thường gọi đâu! Đó lại là một thì nghĩa ở đời Kiến.

Lại một nghĩa nữa, hễ thường nhân gặp phải thì Kiến,

hoặc kẻ thời bị hoàn cảnh xấu bắt buộc, hoặc kẻ thời bị làn sóng dữ xô đẩy, đến nỗi biến tâm dịch tính, bỏ chính theo tà, kết quả chỉ là tiểu-nhân, mà thân danh đến nỗi hồng cả.

Quân-tử biết như thế, nên bền giữ một cách trinh chính, dầu hoàn cảnh xấu, cũng chẳng lay chuyển được mình, dầu phong-trào dữ, cũng chẳng xô đẩy được mình, như thế thời kết quả được tốt lành 貞, 吉.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Kiển nạn dã, hiểm tại tiền dã, Kiển hiểm nhi năng chi, trí hỷ tai. Kiển lý tây nam, vãng đắc trung dã, bất lý đông bắc, kỳ đạo cùng dã; lý kiến đại nhân, vãng hữu công dã, đang vị trình cát, di chính bang dã. Kiển chi thì dụng đại hỷ tai.

彖曰, 蹇難也, 險在前也, 見險而能止, 知矣哉, 蹇利西南, 往得中也, 不利東北, 其道窮也, 利見大人, 往有功也, 當位貞吉, 以正邦也. 蹇之時用大矣哉.

Soán viết, Kiển nạn dã, hiểm tại tiền dã.

彖曰, 蹇難也, 險在前也.

Kiển, nghĩa là nạn, vì Khảm hiểm ở trước mặt mà không tiến được vậy.

PHỤ CHÚ. – Nghĩa tên quẻ có ba quẻ in nhau, **Kiển**, **Truân**, **Khốn**, thấy thích nghĩa bằng nạn, nhưng ý tứ thời có khác nhau. **Truân**, thời bắt đầu vào nạn; **Khốn**, thời khi nạn đã đến lúc cùng; **Kiển**, thời chính giữa lúc nạn,

muốn tiến lên, mà bị Khảm thủy đón ở mặt trước, muốn thối lui thời bị Cấn sơn ngăn ở mặt sau, tượng như đại tướng ra trận mà sụp vào giữa trùng vi, nên đặt tên bằng Kiển.

Kiến hiềm nhi năng chỉ, trí hỷ tai.

見險而能止, 知矣哉.

Đây lại không nói bằng tượng quẻ, mà chỉ nói bằng đức quẻ. Thượng Khảm là có tính hiềm, hạ Cấn là có tính chỉ, thấy cơ hiềm mà hay chỉ 見險而能止, thiết là người rất khôn đó 知矣哉.

Chữ trí ở đây là hay tại kiến hiềm nhi năng chỉ, việc thiên hạ không chốn nào không thấy có hiềm, mà hiềm thứ nhất là nhân tâm, khi hiềm đã hình hiện rồi, thời dầu thường nhân cũng dòm thấy được, duy hiềm đương ẩn nấp ở chốn vô hình, thời tất duy thánh triết, mới thấy được trước. Chữ Kiến ở đây là cốt thấy ở khi cơ tiên kia vậy.

Kiến hiềm nhi năng chỉ, với kiến cơ nhi tác, cũng chỉ là một cặp nhãn quang, nên gọi bằng trí.

Kiến lý tây nam, vãng đắc trung dã, bất lý đông bắc, kỳ đạo cùng dã.

蹇利西南, 往得中也, 不利東北, 其道窮也.

Tây nam là dựa theo lối bình thản mà đi, thời được đạo trung vậy 蹇利西南, 往得中也. Nếu nhè vào đường lối hiềm mà đi, thời tất nhiên đường lối đi phải cùng vậy 不利東北, 其道窮也. tây nam là đường lối

bình dị, đông bắc là đường lối hiểm trở, nên nói ly tây nam, bất ly đông bắc, chữ tây nam, chữ đông bắc là mườn danh từ đã thiết, để tỏ chỉ cho người đời một phương hướng rằng : Nên đi đường bình dị, không nên đi đường hiểm trở, chứ không phải nhất định có phương tây nam, phương đông bắc như các nhà thuật số nói đâu.

Lý kiến đại nhân, vãng hữu công dã, đang vị trình cát, di chính bang dã.

利見大人，往有功也，當位貞吉，以正邦也。

Hễ đến thì Kiến-nạn, thời những công việc duy trì thể đạo, khuông cứu thì gian, tất phải chờ đến tay đại tài đại đức, nên phải lý kiến đại nhân 利見大人, lý kiến đại nhân, thời tấn hành mới được hữu công 往有功也, lại phải ở được vị trung chính, làm được đạo đại chính, mới chính được bang quốc, mà qua khỏi được thì kiến nạn 當位貞吉, 以正邦也, nên nói rằng : trình cát 貞吉.

Kiến chi thì dụng đại hỷ tai.

蹇之時用大矣哉。

Ở vào thì Kiến, có đạo tế Kiến ; có công dụng tế Kiến, tất phải có cặp mắt xem thì, có trí khôn ứng biến, có thủ đoạn đại hữu vi. Nếu không phải thánh hiền mà kiêm cả anh hùng thời chẳng làm nên, cái công dụng đó thiệt là to lớn, nên lại tán rằng : Công dụng ở về thì Kiến thiệt lớn vậy thay !

PHỤ CHÚ.— Quẻ **Khảm**, quẻ **Kiến**, quẻ **Khuê**, ở những thì ấy thấy là nghịch cảnh, nhưng hay lý dụng được thì ấy, sẽ chuyển di được nghịch cảnh làm ra thuận cảnh, thời

công nghiệp mới lớn vậy. Nên thánh nhân ư ba quẻ ấy, thấy nói chữ **Thì** mà kiêm cả chữ **Dụng**. Vì rằng : những bậc người hay dụng được thì ấy, thời trong thiên hạ không ngày nào mà không hữu vi được. Như thế thời biết được nghĩa chữ **Thì** bao học được rất lớn.

Nếu chỉ chờ đến thì thái bình thuận, mà sau mới hữu vi được, thời còn gì là nghĩa chữ **Thì**, nên thánh nhân ư ba quẻ ấy, thấy tán rằng : **Thì** dụng đại hỷ tai.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, sơn thượng hữu thủy, Kiển, quân tử di phản thân tu đức.

象曰. 山上有水, 蹇, 君子以反身修德.

Cấn sơn vẫn đã hiểm trở, mà ở trên lại có Khảm thủy, là thêm một tầng hiểm trở nữa 山上有水. Thế là tượng Kiển nạn 蹇, quân tử gặp phải thì Kiển nạn, thời nên đường nào ?

Chỉ nên trở lại xét trong mình, mà tu thêm đức 反身修德. Đức nhân mình tới nơi, tất được nhiều người yêu mến, đức trí mình tới nơi, thời dầu nhân tâm hiểm cũng chẳng sợ, đức dũng mình tới nơi, thời dầu đường đời hiểm, mình cũng chả lui, đó là đạo tể Kiển vậy.

Chữ **Đức** ở đây, chính là chữ Tam đạt đức ở sách Trung dung, tức là « trí », « nhân », « dũng ».

Ở vào thì Kiển mà xét lại trong tâm thân, tu được ba đức ấy, có lo gì Kiển nạn nữa đâu.

PHỤ CHÚ.— Quê Khốn với quê Kiến, cảnh ngộ có hơi giống nhau, nhưng tượng truyện quê Khốn thời nói rằng : « trí mệnh toại chí ». Tượng truyện quê Kiến thời nói rằng : « phản thân tu đức », hai việc đó có khác nhau. Nhưng há phải trái nhau đâu. Kiến với Khốn thì có khác nhau, nên quân tử tùy thì từng đạo cũng có khác nhau ; Kiến là nạn đương ở trung-gian, chẳng qua khó khăn gay go mà thôi, nên quân tử phải phản thân tu đức, lánh thân thoát nạn ; còn như thì Khốn, thì nạn đã đạt ư cực điểm, quân tử gặp thì ấy, chỉ có một cách trí mệnh toại chí, nghĩa là vứt cái sinh mệnh để hoàn toàn chi tiết của mình, việc tuy khác nhau, nhưng cũng chung một đạo tùy thì của quân tử.

HÀO-TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Lục, Vãng, Kiến, lai dự.

初六, 往蹇, 來譽.

Ở vào thì Kiến là thì kiến nạn. Sơ Lục bản chất âm nhu, vẫn không tài tế Kiến, may mới bắt đầu vào thì Kiến, nếu không kiến cơ tri thì, mà toan muốn thượng tiến, tất phải sập vào giữa Kiến, như thế, thời vãng là Kiến 往蹇.

Nếu Sơ kiến cơ tri thì, ngồi im yên phận, thời tất nhiên kết quả được tiếng khôn ngoan, thế là lai thời có danh dự 來譽,

Nghĩa chữ « Lai » phản đối với chữ « Vãng ». Tiến lên là vãng, không tiến lên mà chỉ, là lai.

Lai dự cũng như lời Lão Tử nói. Biết chỉ lại thời không bao giờ nguy 知止則不殆.

Tượng viết, vắng kiền lai dự, nghi đãi dã.

象曰，往蹇來譽，宜待也。

Vừa đầu thì Kiền, tiến lên thời kiền thêm, chỉ duy nên ngồi lặng mà chờ thì 宜待也. Vì vậy, nên nói rằng : Lai dự.

2.— Lục Nhị, vương thần Kiển Kiển, phi cung chi cố.

六二，王臣蹇蹇，匪躬之故。

Lục Nhị có đức nhu thuận trung chính, mà ở trên có hào Cửu Ngũ là một vị Quốc-trưởng, lấy đức dương cương trung chính mà đồng đức với Nhị, phó thác cho Nhị lấy gánh tế Kiển. Thế thời Nhị chính là một bậc Vương thần, gặp thì vận Kiển, được Quốc-trưởng tin-nhậm mình, không lẽ trút gánh tế Kiển cho ai được, chỉ hữu mang thân Kiển nạn, mà chống chỏi với đời Kiển 王臣蹇蹇, gian nan không quản, nguy hiểm không từ, đó thiệt là vương thần kiển kiển.

Nhưng sở dĩ kiển kiển, là cốt theo tấm lòng Cửu-Ngũ, trên vì nước, dưới vì dân, há vì cơ thân riêng rư? 匪躬之故. (Cung : thân mình ; Phỉ : chẳng phải ; Cố : cơ).

PHỤ CHÚ.— Tận trung kiệt tiết như Lục Nhị, nhưng hào từ chỉ nói kiển kiển phỉ cung, mà không thấy nói tới công hiệu.

Than ôi ! Phù nguy cứu hiểm cần phải có bậc đại

tài, Nhị bản chất âm nhu, có tài gì cứu được đại kiến, nhưng tâm sự Nhị thời thiệt đáng khen.

Bài xuất sư biểu của ông Khổng-Minh có câu rằng :
tôi chỉ biết gò mình hết mệt, đến chết mà sau mới thôi,
đến như thành hay bại, ly hay độn, thời không phải sức
mình của tôi mà thấy trước được 臣惟鞠躬盡瘁,死而
後已,至於成敗利鈍,非臣之明所能逆覩也, thiệt đúng
như nghĩa hào này.

Sử nước ta như ông **Đặng-Dung**, **Nguyễn Cảnh-Dị** ở đời
Trần cũng bậc người ấy.

Tượng viết, vương thần kiến kiến, chung vô vu dã.

象曰,王臣蹇蹇,終无尤也.

Một bậc vương thần liêu thân mà trung với nước, tuy
kiến qua kiến lại chẳng thành công mặc dầu, nhưng tâm sự
vân lỗi lạc, nghĩa-vụ cũng hoàn toàn, kết quả thiệt không điều
gì đáng chê trách 无尤也也.

3.— Cứu Tam, vãng kiến, lai phản.

九三,往蹇,來反.

Cứu Tam này dương cương đắc chính, ở trên hết hạ
thể, nhưng cũng vẫn còn ở hạ thể, chính ứng với Tam
là Thượng Lục thời âm nhu vô vị không lấy gì giúp đỡ
được mình, mà ngó xuống hai hào âm là Sơ với nhị, âm
nhu tất phải dựa vào dương cương, cứ theo như hoàn
cảnh Cứu Tam, qua lên mà cầu Thượng Lục cũng không
ích gì, đã không ích gì, thời có phần thiệt hại. Vậy nên
vãng thời kiến, âu là quày lại mà liên kết với bạn Nhị
âm. Bởi vì : họ đã qui phụ với mình, mà mình lại phau

với họ, thời vây cánh có thể vững vàng, mà may ra khỏi được sự Kiềm nạn chăng? Nền hào từ nói rằng : lai phản (Phản : trở về, chẳng vãng tức là phản, lai phản, nghĩa là : bảo nên trở lại với Nhị âm, không nên tiến lên tìm Thượng-Lục).

Tượng viết, vãng kiềm, lai phản, nội hỷ chi dã.

象曰,往蹇來反,內喜之也.

Không nên vãng kiềm, chỉ nên lai phản, là vì hai âm ở nội quái, thấy sẵn lòng hoan-nghênh Cửu Tam đó vậy 內喜之也.

(Nội là chỉ vào hai hào âm ở dưới).

PHỤ CHÚ.— Ở vào thì Kiềm nạn, cần thứ nhất là người có tài, đã có tài lại cần phải có bạn.

Sơ với Nhị vì âm nhu mà không tài, nên phải ý lại vào Cửu Tam, Cửu Tam tuy có tài dương cương, nhưng lại khổ nổi không bạn đồng đức, nên phải riu rít với hai âm, liên quần còn hơn cô lập, không đại gì một mình chạy quàng mắc lấy Kiềm thêm, đó là ý Thánh-nhân dạy cho ta liệu thì mà xử thế đó vậy.

4,— Lục Tứ, vãng kiềm, lai liên.

六四,往蹇來連,

Lục Tứ đã thoát khỏi hạ thể, mà bắt đầu bước vào Thượng thể Khảm hiểm, hiểm còn chưa sâu, còn có thể thoát được. Nếu Tứ không đạt thì lưỡng lực, làm một cách lên bước chạy liều, thời lên chừng nào, càng hiểm thêm sâu chừng ấy. Thế là vãng Kiềm 往蹇.

Bây giờ nghĩ cho Tứ một phương pháp ở thì Kiềm,

kề tận mình có Cửu Tam, Tam lại có thể lực dắt được nhị âm, thiết là một người sừng sỏ ở trong thi Kiến. Nếu Tứ biết thối lại mà liên lạc với Tam, Tam lại dắt diu nhị âm mà làm một bè với mình, phương pháp của Tứ ở thi Kiến như thế là rất hay, nên hào từ lại nói rằng: Lai liên 來連. Lai, nghĩa là lai với Cửu Tam; Liên, nghĩa là liên hợp với ba hào nội quái. Tứ liên với Tam, Tam lại liên với Nhị âm, có thể thành được một đảng lớn, đó là một cách rất hay ở đạo tế Kiến.

Tượng viết, vãng Kiến lai liên, đương vị thực dã.

象曰，往蹇來連，當位實也。

Tứ sở dĩ lai với Tam, mà liên hợp cả nhị âm, vì bốn hào ấy thấy ở vào địa vị thi Kiến, mà đem một tấm lòng thành thực cứu nhau ở giữa đời hoạn nạn, còn gì tốt hơn.

5.— Cửu Ngũ, đại kiến, bằng lai.

九五，大蹇，朋來。

Cửu Ngũ ở chính giữa ngoại Khảm, đã ở thi Kiến-nạn, mà lại đứng giữa Khảm hiểm, thiết là đã Kiến phi thường, hưởng gì thân mình lại ở vị chí tôn, trăm dầu đổ cả dầu tấm, thi Kiến nạn lại càng to lớn, nên nói rằng: đại kiến. Kiến đã to lớn như thế, một cột đá ở giữa giòng nước chảy, một cây cối ở giữa trận gió thu, dầu Ngũ có tài dương cương đến thế nào, cũng khó mong cho thoát khỏi Kiến nạn. Nhưng may thay, ở dưới có hào chính ứng với mình là Lục-Nhị, là một bậc quân-tử có đức trung chính. Nhị đã sẵn lòng giúp Ngũ, tất dắt bày kéo bạn đến giúp Ngũ khá đông

朋來. Bản thân đã dương cương lại có bạn trung chính giúp giúp cho mình, đó là việc đáng mừng cho Cửu-Ngũ.

PHỤ CHÚ.— Bằng lai, mà không thấy nói cát hanh, thế thời công việc tế Kiền, chẳng hèn mọn lắm hay sao? Phải, thiệt như thế.

Xưa nay đời có phi-thường chi biến, tất phải cậy có phi thường chi tài, mà có phi thường chi tài, mới nên được phi thường chi công.

Bây giờ Ngũ tuy dương cương mà những người giúp công với Ngũ, chỉ một Cửu-Tam là dương cương, còn Lục-Tứ, Lục-Nhị, Sơ Lục, thấy là bạn âm nhu. Nguyên thủ tuy có cương cường, mà tay chân hơn nữa là đồ nhu-nhược, ở vào thì Kiền mà chỉ có một mình Ngũ trời hơn hết, lấy gì làm nên được công nghiệp phi thường được rư. Vậy nên hào từ không có chữ Cát, hanh.

Còn như các hào có nói: chữ Vãng lai, mà Nhị, Ngũ thấy chỉ nói: chữ Kiền, là vì sao?

Bởi vì, Ngũ là bậc nguyên-thủ, Nhị là bậc đại thần, trách nhậm quá chùng nặng, nên nghĩa vụ không thể chối từ, chẳng lẽ gì mà thương lượng được vãng hay lai nữa. Vậy nên các hào thời lo cho vãng kiền.

Duy Nhị, Ngũ thời đầu Kiền cũng phải vãng, mà nói lai, cũng chẳng biết lai vào đâu. Đó lại là ý thánh-nhân, hy vọng cho những người có trách-nhiệm ở về thì Kiền vậy.

Tượng viết, đại kiền, bằng lai, dĩ trung tiết dã.

象曰, 大蹇, 朋來, 以中節也.

Đặt thân vào giữa Khảm hiểm, thiệt là nạn kiền hung

lắm, mà may được bằng lai, là vì Ngũ này có đức trung chính vậy (chữ Tiết là thay cho chữ Đức).

PHỤ CHÚ.— Chữ Trung ở về thì Kiến, có đạo lý rất hay, mà cũng thủ đoạn rất cao, cuộc đời đến khi diên đảo, việc đời đến hội rồi rã, nếu nóng nảy quá một phân, thời không trúng với đạo lý.

Nếu trì trễ quá một phân, thời hụt mất cơ hội, nên cần nhất là chữ Trung, xử trí đặc nghị, cương nhu vừa phải, mới mong cứu được đại nạn, mà thành được đại công, như thế là tác dụng của chữ Trung, mà cũng có thể gọi bằng chữ trung, trung thời trúng, trúng thời chẳng bao giờ trật. Vậy nên, tượng truyện Cửu Ngũ, kết thúc lấy chữ trung.

6.— Thượng Lục, vãng kiến, lai thạc, cát, lý kiến đại nhân.

上六, 往蹇, 來碩, 吉, 利見大人.

Đạo lý trong Dịch, quý trọng nhất là chữ Thì, mỗi một hào nào, có thì của hào ấy, ở thì Kiến, mà đến hào Thượng Lục này là một dịp đáng mừng lắm.

Vì hào này ở cuối cùng quẻ, chính là thì Kiến đã đến lúc cuối cùng, Kiến đã cực rồi, tất nhiên phải thông, duy cốt bản thân hào Thượng, biết lựa thì mà xử trí, thời chắc được tốt lành, nên hào từ lại dạy cho rằng: mình đã ở thì Kiến cực, mình nên tự xét địa vị của mình, tự liệu tài mình là âm nhu. Không thể một mình mạo hiểm mà đi được. Nếu mình không lượng lực mà cứ đi càn, thời Kiến chỉ hoàn Kiến, chỉ bằng mình cứ ngồi im mà lo tìm bạn dương cương, kề bên mình có

hào Cửu Ngũ, là bậc dương cương trung chính, rất đủ tài lực mà giúp đỡ cho mình, nên nói rằng: Lai thạc cát. Nghĩa là mình hãy quay lại mà tìm người phụ bật, thời có lẽ làm nên được việc lớn, mà được tốt lành 來碩, 吉.

Thạc: to lớn, cũng như nghĩa chữ Thạc ở quẻ Bác, là chỉ vào hào dương cương, nhưng mà chỉ nói «Lai thạc», Thánh nhân còn sợ chúng mình không hiểu, nên lại nói thêm rằng: Ly kiến đại nhân.

Đại nhân là chỉ vào hào Cửu Ngũ, tuyền quẻ duy Cửu Ngũ dương cương đắc trung, mà lại ở tôn vị, chính là bậc đại nhân hữu tài hữu đức, mà Thượng Lục nên ly kiến người ấy đó vậy.

PHỤ-CHÚ.— Thượng Lục kẻ tài không bằng Cửu Tam, kẻ vị với đức thời không bằng Cửu Ngũ, kẻ tính âm nhu có khác gì Sơ, Nhị, Tứ đâu. Nhưng cớ sao các hào kia không được chữ Cát, mà một mình Thượng lại được Cát? May phúc cho Thượng, vì Thượng đã ở vào thị Kiển cực, vật cùng tắc phản, cùng cực tắc thông, đó là lẽ tự nhiên. Nếu Thượng không biết lai thạc, không biết ly kiến đại nhân, thời làm gì được cát rư?

Mới biết rằng: nhân-sự với khi-số thường giúp nhau mà nên, cũng thường tranh nhau mà thắng. Xem như hào cuối cùng quẻ Kiển có chữ Cát, mà năm hào trước kia thấy không hung, hối, lân. Đó mới biết thánh nhân bàn đạo-lý có bao giờ đổ tại khi-số đâu, mà chỉ cốt ở hai chữ «Thì Trung».

Nếu nhân-sự mà đúng được thì trung, thời dầu khí-số xấu thế nào, chúng ta cũng thấy kệ.

Tượng viết, Vãng kiến, lai thạc, chí tại nội dã, lý kiến đại nhân, dĩ tòng quý dã.

象曰，往蹇，來碩，志在內也，利見大人，以從貴也。

Thượng-Lục ứng với Tam, thân với Ngũ, sẵn lòng cầu trợ với bạn dương cương ở trong 志在內也 mà lại biết phục tòng với hào quý là hào Cửu-Ngũ, mà chúng đã tin ngưỡng bằng đại nhân 利見大人, 以從貴也, nên hào từ nói: lai thạc cát.

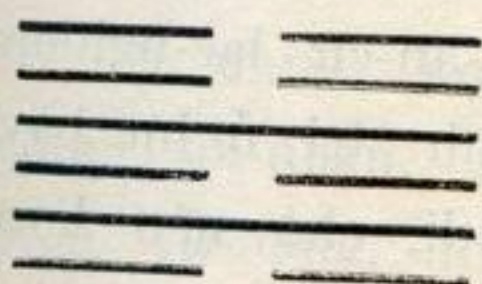
(Chữ Quý là chỉ vào Cửu-Ngũ).

TIMSACH.COM.VN



XXXX. QUẺ LÔI-THỦY-GIẢI

雷 水 解



Quẻ này là Quẻ Lôi-Thủy - Giải. Khảm hạ cũng là Nội - Khảm, Chấn thượng cũng là Ngoại - Chấn. Chấn lôi, Khảm thủy; nên tên quẻ gọi bằng Lôi Thủy-Giải.

TỰ QUÁI

震
上
外
震

坎
下
內
坎

Tự quái, Kiển giả nạn dã, vật bất khả dĩ chung nạn, cố thụ chi dĩ Giải, Giải giả hoãn dã.

序卦, 蹇者難也, 物不可以終難, 故受之以解, 解者緩也.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Kiển tiếp lấy quẻ Giải, là vì cớ sao?

Trên kia là Kiển, Kiển nghĩa là nạn 蹇者難也, vật không lẽ cứ nạn hoài, nạn cực rồi, tất có lúc tan 物不可以終難. Nên sau quẻ Kiển, tiếp lấy quẻ Giải 故受之以解. Giải, nghĩa là tan, bao nhiêu việc khốn nạn đến bây giờ đều giải tán cả. In như tượng quẻ, Chấn là lôi, Khảm là vũ, âm dương giao-cảm hòa xướng mà

đồng thì mưa sấm lung tung, bao nhiêu khí u-uất đến lúc bảy giờ giải tán hết ráo, ấy là chữ Giải.

Nên đặt tên quẻ bằng Giải 解者緩也.

SOÁN TỪ

Giải, ly tây-nam, vô sở vãng, kỳ lai phục, cát, hữu du vãng, túc cát.

解, 利西南, 无所往, 其来复, 吉, 有攸往, 夙吉.

Thì đại vừa đến lúc Giải, kiển nạn vừa qua, nhân tâm yếm loạn, ai nấy chỉ trông được an-cư lạc-nghệp là hay. Hễ những người có quyền chính trị ở lúc bây giờ, chỉ làm một cách khoan đại giản dị, chớ nên làm những cách phiền hà rối rắm, vậy nên quái-từ nói : Giải, ly tây-nam. (Tây-Nam là đường lối khoan-dại bình dị, chính thể theo cách khoan dân, thí dụ như đi về Tây-Nam).

Đến khi thiết đã bình an vô sự rồi, như đã đi đường lối tây-nam, là chốn nhất định lâu dài. Lúc bấy giờ chỉ nên sửa sang lại những tích-lệ, giữ gìn lấy trật-tự cũ. Không cần phải sinh sự nhiều dân làm gì nữa, ấy là vô sở vãng, kỳ lai phục.

Vô sở vãng, nghĩa là : chớ có làm gì đa sự ; kỳ lai phục : (chữ kỳ đây là phát-ngữ-từ). Nghĩa là : bao nhiêu trật tự cũ thời khôi phục lại cho y-nhiên. Bao nhiêu nhân dân cũ, thời hồi phục lại cho an lặng. Bao nhiêu nền tảng cũ, thời xây đắp lại cho hoàn-toàn, ấy là nghĩa chữ : Lai phục, lúc đã giải rồi, chỉ có thể là được cát.

Tuy nhiên, khi loạn đã trừ rồi, tất phải đồ trị, bảo chỉ một mực vô vi mà thôi, thời sợ mắc lấy bệnh nhân-tuần cô-lức. Nên những việc bảo chương trị-an, phế trừ tích-tệ, mong cho nền tảng trị-bình được lâu dài, tất phải có việc đáng làm 有攸往.

Những việc đáng làm đó, tất phải làm gấp ngay 夙, thời chẳng những việc loạn cũ không mầm tái sinh, mà sự nghiệp thái-bình lại có cơ nảy nở, nên lại nói rằng : hữu du vãng, tức cát. (Hữu du vãng, nghĩa là có việc phải làm ; Tức, nghĩa là làm cho lạnh chóng).

Tỷ như : họa loạn đã bình rồi ; phải gấp lo phát chính thi-nhân, ác đảng đã tan rồi, phải gấp lo tiến-hiền cử-năng, thấy là nghĩa « hữu du vãng tức cát » đó vậy.

Thích tóm lại, lý tây nam, là cốt theo đường giản-dị ; vô sở vãng, là không [nên thêm chuyện làm rầy ; kỳ lai phục, là làm cho hồi-phục lại như khi chưa loạn.

Hữu du vãng, là tính một cách làm trị an được lâu dài ; Tức, là gấp dịp phải làm mau.

PHỤ CHÚ.— Đọc sử Tào, trải qua loạn Tần Sở, thiên hạ khốn khổ suốt ba mươi năm, đến lúc Hán hưng, Tào Tham bắt đầu làm tướng, nhất thiết lấy thanh tịnh vô vi, vi trị, thiên hạ xưng Tào Tham làm Hiền tướng, đó là nghĩa vô sở vãng, kỳ lai phục cát.

Lại như, hồi Tam quốc nhiều loạn, ông Khổng Minh trị nước Thục, khuyên dân cày cấy, rộng mở đường sinh lý cho dân, thiết lập nhiều nhà Học hiệu, giảm phú thuế,

tuyển dụng những quan lại hiền năng, tu lý hết kiêu lương đạo lộ, chỉ trong mười năm mà trong nước Thục thành ra một nước thái bình nhỏ. Người trong đời xưng Khổng Minh trường ư trị quốc, đó là nghĩa câu: hữu du vãng, túc cát.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Giải, hiểm di động, động nhi miễn hồ hiểm Giải; Giải lý tây nam, vãng đắc chúng dã, kỳ lai phục, cát nãi đắc trung dã, hữu du vãng, túc cát, vãng hữu công dã. Thiên địa giải, nhi lôi vũ tác, lôi vũ tác, nhi bách quả thảo mộc giai giáp tích. Giải chi thì đại hỷ tai.

彖曰，解，險以動，動而免乎險，解，解利西南，往得衆也，其來復吉，乃得中也，有攸往夙吉，往有功也，天地解而雷雨作，雷雨作而百果草木皆甲坼，解之時大矣哉。

Soán viết, giải, hiểm di động, động nhi miễn hồ hiểm, Giải.

彖曰，解，險以動，動而免乎險，解。

Đây là lấy đức quả thích nghĩa tên quả, Khảm là có tính hiểm, Chấn là có tính động, vì hiểm mà sinh ra nạn, vì động mà thoát được nạn, ngộ hiểm mà còn động được, mới thấy được người có tài 險以動, động mà thoát khỏi hiểm mới thấy có tài giải nạn 動而免乎險, nên đặt tên quả bằng Giải 解.

Giải, lý tây nam, vãng đắc chúng dã.

解，利西南，往得衆也。

Vì sao mà nói : Giải ly tây nam 解利西南. Bởi vì, thì giải, chỉ nên đi vào đường lối quảng đại khoan-bình, thời tất được lòng người thuận về với mình, sẽ làm chóng được công việc Giải 往得衆也. Kỳ lai phục, cát, nãi đắc trung dã 其來復吉乃得中也.

Khi họa hoạn đã giải tán rồi, thời chỉ nên trở lại đường lối an tĩnh, nghĩ một cách trị-an cho được lâu dài, nên nói rằng : Kỳ lai phục cát, nghĩa là : có như thế mới được đạo trung vậy 乃得中也. Chữ Trung ở đây là bảo cho chớ phiến nhiều, mà cũng chớ quá cô tức, chỉ cốt cho vừa đắc trung là hay.

Hữu du vãng, túc cát, vãng hữu công dã.

有攸往, 夙吉, 往有功也.

Tuy nhiên, theo về đạo giải nạn, thời khi nạn đã giải rồi, còn phải tính sao cho nạn khỏi tái phát, há phải vô sở vi mà thôi đâu, việc đáng vô sở vi thời vô vi, việc đáng hữu sở vi cũng tất phải hữu vi, nên lại nói rằng : Hữu du vãng túc cát. Nghĩa là : cũng phải có tấn hành thời mới hữu công ở thì Giải.

Thiên địa giải, nhi lôi vũ tác, lôi vũ tác, nhi bách quả thảo mộc giai giáp tích. Giải chi thì đại hỷ tai.

天地解, 而雷雨作, 雷雨作, 而百果草木皆甲坼, 解之時大矣哉.

Chữ thiên địa đây, là chỉ nói về khí âm dương. Khí âm dương còn u uất, thời vạn vật khó phát sinh, dụng có một ngày khí âm dương hòa hoãn giải tán, mà mưa

sấm ở trong một lúc bùng tóe ra 天地解, 而雷雨作, mưa sấm đã đồng thì tác dụng, mà lúc bấy giờ cây cỏ cho đến trăm thức hoa quả thấy nứt nở 而百果草木皆甲坼.

Tùng lai, thế đạo chưa đến hồi giải, thời nhân tình còn u uất, sát khí còn bịt bùng, muốn bỏ việc dở mà chưa có dịp ra tay, muốn làm trăm việc hay, mà chưa có đường gỡ mối.

Bây giờ đã đến thì Giải, thời bao nhiêu nỗi uất tắc đã thư tán, bao nhiêu đường bế tắc đã mở thông, bao nhiêu sát cơ đã dẹp sạch, mà sinh cơ vừa vụt vụt vùng vùng, bao nhiêu việc hại có thể trừ bỏ ngay, bao nhiêu việc ky có thể hưng khởi được ngay, to lớn vậy thay ! là thì giải đó vậy, nên nói rằng : Giải chi thì đại hỷ tai.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, lôi vũ tác, giải, quân tử di xá quá hữu tội.

象曰, 雷雨作, 解, 君子以赦過, 宥罪.

Lôi vũ tác, là tượng quẻ Giải 雷雨作解, Chấn vi lôi, Khảm vi vũ, tượng là khí âm dương hòa giải, mà thành ra sấm mưa.

Quân tử xem tượng ấy, theo như lòng nhân trời đất, mà thi ân trạch với dân, làm một cách khoan-đại, gặp những người có lầm lỗi thời xa quách cho họ 君子以赦過, gặp những đũa có tội ác thời khoan thứ cho nó 宥罪. (Xá, nghĩa là tha bổng, vì nó chỉ quá thất, thời xá

ngay; hữu, nghĩa là khoan thứ cho, vì nó phạm vào tội ác không có thể tuyền-xá được, nên dùng bằng cách khoan hựu. Tỷ như : hình phạt đáng án nặng mà giảm cho nhẹ án. Nhân ân như thế, là một cách tùy thi của quân-tử ở thi Giải.

Ngoài nữa còn có nhiều việc, thời đã có quái-từ Soán-truyện hào-từ nói đủ rồi, chúng ta chớ thấy tượng-truyện mà bảo rằng : chỉ có bấy nhiêu là xong thể phép đọc Dịch tất thấy như thế.

HÀO-TỪ VÀ TIỂU-TƯỢNG-TRUYỆN

1.— Sơ Lục, vô cữu.

初六，无咎。

Sơ Lục này, trong hào từ không một lời gì, chúng ta nên nhận ý thánh-nhân ở chốn không chữ. Bởi vì : Ở thi Giải mà hào này lại bắt đầu vào thi đại ấy, chất nhu mà xử vào vị dương, là một người cương nhu đặc nghi, lại ở vào đầu thi Giải, chính là thi nên an-tĩnh hựu tức, bảo Sơ làm việc gì, thời chưa có việc gì đáng làm, bảo Sơ không làm việc gì, thời Sơ vẫn là người vô sự.

Bởi vì : thi nghĩa ở hào Sơ, chỉ nên êm đềm lặng lẽ, là đúng nghĩa rồi. Vậy nên hào-từ không thêm một chữ gì, chính là tỏ ý vô vi đó vậy.

Lẽ trong thiên hạ, duy có làm mới sinh ra lỗi, đã không làm, thời lỗi còn sinh ở đâu, nên chỉ hai chữ Sơ Lục, là đạo lý xử đầu thi Giải đã xác định rồi, cho nên hào-từ chỉ thêm hai chữ vô cữu là đủ.

Tượng viết, cương nhu chi tế, nghĩa vô cữu dã.

象曰，剛柔之際，義无咎也。

Hào Sơ nhu ứng với hào Tứ cương, thế là cương mà pha vào nhu, nhu mà chế thêm cương, chẳng thiên vào cương, mà cũng chẳng thiên vào nhu, cương nhu chi tế, là cái thủ đoạn ở đầu thì Giải rất hay, cứ theo thì nghĩa thiệt không gì đáng trách lỗi.

2.— Cửu-Nhị, điền hoạch tam hồ, đắc hoàng thi, trinh, cát.

九二，田獲三狐，得黃矢，貞，吉。

Ở về thì Giải, hoạn nạn đã giải tán, mà địa vị Cửu Nhị xử vào giữa nội quái, bản thân Nhị dương cương đắc trung, mà ứng với Lục Ngũ ở Thượng quái. Ngũ là tượng một vị Nguyên Thủ, thì đã tiến, thế cũng khá mạnh, há lẽ như Sơ Lục mà xong được rư! Nhị vì địa vị trách nhiệm như thế, nên phải một cách duy trì trị an, phòng bị hậu hoạn, trừ khử cho hết nọc tiểu nhân, bảo tồn lấy những người trung trực, tượng như ông chủ săn trong lúc đi săn bắt sống được ba con hồ 田獲三狐, mà lại giữ được mũi sắt vàng 得黃矢. (Hồ, là một giống muống tà my, bắt được ba con hồ, nghĩa là chụp óc được ba anh tiểu nhân đầu bầy; Hoàng là sắc trung. Thi là mũi sắt, là một giống ngay thẳng. Đắc hoàng thi, là giữ gìn được hạng người trung trực).

Ở vào thì Giải, lại có địa vị như Cửu-Nhị, nếu trừng trị được tiểu nhân, giữ gìn được trung trực, còn gì tốt hơn,

Nhưng còn lo cho Cửu-Nhị, công việc ở thi Giải, thời còn bộn bề, mà sợ Cửu-Nhị lâu ngày sinh mối, không bền giữ được đạo cương trung, nên hào-từ lại răn cho hai chữ trinh cát, nghĩa là có bền giữ được đạo trung chính, mới được cát 貞吉.

Tượng viết, Cửu-Nhị trinh cát, đắc trung đạo dã.

象曰，九二，貞吉，得中道也。

Cửu-Nhị mà còn phải răn bằng trinh cát, nghĩa là : mình tuy chính trực, nhưng phải giữ cho được đạo trung. Bởi vì : chính trực mà nếu bất trung, cũng thường hay cấp kích thái quá, mà té ra hỏng việc. Vậy nên tượng truyền lại nói : đắc trung đạo dã.

3. — Lục Tam, phụ thả thờng, trí khấu chí, trinh lẫn.

六三，負且乘，致寇至，貞，吝。

Lục vẫn đã âm nhu, mà ở vào vị Tam là vị dương cương, thế là sở xử bất chính, đã bất chính lại bất trung, là một hạng tiểu nhân, thế mà nhảy lên trên Nội-quái là vị khá cao, tiểu nhân nhi cư cao vị, có khác gì một hạng người vừa mang đội, vừa ngồi xe 負且乘 ngất ngưỡng khó xem, thế ai cũng ghét, chỉ làm ngựa măt cho bọn trộm cướp, mà dắt trộm cướp tới hại mình 致寇至. Nếu Tam giữ lấy cách ấy mà không chừa 貞 thiệt đáng xấu hổ 吝, (Chữ trinh ở đây, chỉ nghĩa là cố thủ, không phải trinh là chính, như nghĩa ở các hào khác).

Phụ là mang đội, lưng đội vai mang, là việc của tiểu nhân ; Thờng, nghĩa là cỡi xe, là đồ sang trọng để dãi người quân-tử.

PHỤ CHÚ.— Hào-từ hệ-từ đã giải nghĩa rất kỹ, tiện dịch ra đây : Hệ-từ nói rằng : người làm Dịch thiết biết được tình trạng của bọn trộm cướp đó, mà Dịch đã từng nói rằng : phụ thả thừng trí khấu chí. Nhưng bọn trộm cướp, há phải tự nhiên vô cớ mà nó tới đâu. Mang đội là công việc của tiểu-nhân, xe cộ là khí-cụ để đãi phượng quân-tử. Lấy mình là tiểu nhân, mà cỡi ngang khí-cụ của quân-tử, chỉ xui khiến cho bọn trộm cướp, trù tính cách cướp mà thôi.

Xưa nay làm việc một nhà một nước, hoặc một xã-hội, người ở trên thời lớn lẽ loàng xoàng, người ở dưới thời ý thể hoành-hành, tất nhiên bọn trộm cướp tính cách đánh đuổi ngay.

Chẳng những thế mà thôi, lẽ thường trong thiên hạ, nhà giàu có của mà sơ sai cách thu dẫu, là dạy cho trộm cướp vào lấy của mình.

Con gái có dung dáng mà ngày đêm trau dồi, là dạy cho tui gian dâm đến hiếp mình.

Nếu mình không mạn tàng, thời trộm cướp biết đâu mà tới, nếu mình không dạ dung, thời dứa dâm nào ngó tới. Nên hào từ trong Dịch nói rằng : Phụ thả thừng, trí khấu chí, là thí dụ tiểu nhân mà lên mặt quân tử chỉ là làm môi giới cho đạo tặc mà thôi.

作易者其知盜乎,易曰,負且乘致寇至,負也者小人之事也,乘也者君子之器也,小人而乘君子之器,盜思奪之矣.上慢下暴盜思伐之矣,慢藏誨盜,冶容誨淫.易曰,負且乘致寇至盜之招也.

Tượng viết, phụ thả thừng, diệc khả xú dã, tự ngã trí dung, hựu thù cự dã.

象曰，負且乘，亦可醜也，自我致戎，又誰咎也。

Tư cách một hạng người chỉ đáng mang đội mà lại ngồi xe, cũng đáng xấu hổ vậy 負且乘，亦可醜也， tự giữa mình làm quấy mà dặt giặc tới nhà 自我致戎， lại còn trách lỗi được ai nữa 又誰咎也. Giặc lớn gọi bằng nhung, giặc bé gọi bằng đạo, chữ Nhung thay cho chữ Khấu.

4—. Cửu Tứ, Giải nhi mẫu, bằng chí tư phu.

九四，解而拇，朋至斯孚。

Chữ Nhi đại danh từ, nghĩa là mây, chỉ vào bản thân hào Tứ. Mẫu là ngón chân cái, chỉ vào Sơ Lục, Cửu Tứ có tài dương cương lại ở vào địa vị trên, thân cận với Lục Ngũ là vị Nguyên thủ. Thế là bản thân Cửu Tứ vẫn là một bậc quân tử đặc thì, nhưng vì hạ ứng với Sơ là âm nhu tiểu nhân, tất đến nỗi bề quân tử không ai dám gần mình. Nên Thánh nhân răn cho Tứ rằng: Tứ vẫn là người tốt, song vì chính ứng với Tứ là Sơ Lục. Sơ Lục là một hạng âm Nhu tiểu nhân. Nếu Tứ muốn được lòng quân tử thời gấp mau tuyệt giao với Sơ 解而拇. Tiểu nhân đã tránh xa, thời bề quân tử mới vui tới mà tin cần Tứ 朋至斯孚.

Giải nhi mẫu, nghĩa là cắt quách ngón chân cái của mây; Sơ ở dưới là vị tiện, mà dính liú với Tứ, nên thí dụ bằng mẫu. Xa tránh Sơ tức là giải nhi mẫu.

Tượng viết, Giải nhi mẫu, vị đáng vị dã.

象曰，解而拇，未當位也。

Tứ vẫn dương cương, nhưng xử vị âm nhu, là vị không được chính đáng vậy. Vì có hiềm nghi như thế, nên răn rằng: Giải nhi mẫu, xa được lũ tiểu-nhân, thời bề quân-tới. Vậy nên ly thoát Sơ sẽ bỏ cứu cho Tứ đó vậy.

5.— Lục Ngũ, quân-tử duy hữu giải, cát, hữu, phu vu tiểu nhân.

六五, 君子維有解, 吉, 有孚于小人.

Tuyền cả quẻ, hai hào dương là loài quân-tử, bốn hào âm là loài tiểu nhân.

Lục Ngũ này, đồng loại với ba hào âm, có hiềm nghi là không phải quân-tử.

Nhưng Ngũ ở địa vị chí tôn, là người nguyên thủ ở trong một nước. Ngũ làm chủ ở thì Giải, quan hệ với thế đạo rất to, nên Thánh-nhân răn cho rằng: Tự thân Ngũ nếu là quân-tử, chẳng gì tốt hơn bằng cách hữu Giải, kia Tam âm đồng loại với Ngũ, Ngũ gấp giải tán nó cho mau, như thế thời được cát 君子維有解吉. Giải: cắt đứt bọn tam âm; duy hữu: chỉ có cách ấy.

Nhưng vì Ngũ cũng là âm nhu, không lấy gì chắc là quân-tử. Nên lại nói rằng: hữu phu vu tiểu nhân.

Chữ Phu ở đây, khác với nghĩa chữ Phu ở mọi nơi.

Muốn biết Ngũ làm được quân-tử hay không, tất chứng nghiệm vào bọn tiểu nhân 有孚于小人, tiểu nhân còn ở gần cạnh Ngũ, thời Ngũ, là tiểu nhân, tiểu nhân không dám thân cận Ngũ, thời Ngũ mới là quân-tử.

Xem ở tiểu-nhân gần hay xa thời chứng nghiệm được Ngũ, là ý hào từ rất hy vọng cho Ngũ.

QUẺ LÔI THỦY GIẢI

Tượng viết, quân-tử hữu giải, tiểu-nhân thối dã.

象曰，君子有解，小人退也。

Quân-tử hữu giải, thời chứng nghiệm vào chốn nào? nghiệm vào nơi tiểu-nhân, tiểu-nhân lui hết, thời biết đạo quân-tử đã tấn rồi vậy.

PHỤ CHÚ.— Kiền với Giải hai quẻ tiếp nhau, Kiền là chính giữa lúc hoạn-nạn, Giải là khi hoạn-nạn đã tán rồi, thì thể khác nhau, thời nhân tài cũng phải khác nhau. Vậy nên, đồng một hào Ngũ, mà khác nhau chữ Cửu và chữ Lục. Cửu có đức dương cương nên có tài bất loạn mà Cửu được Kiền nạn. Lục chẳng qua là tài âm nhu, nên hào từ hào Ngũ không dám quyết đoán. Kiền Cửu Ngũ, thời nói rằng : đại kiền bằng lai. Giải Lục Ngũ, thời nói rằng : hữu phu vu tiểu-nhân. Ngũ tuy đồng, mà Cửu với Lục không đồng, nên hào-từ phải có cân lượng.

6.— Thượng Lục, công dụng thiệc chuẩn vu cao dung chi thượng, hoạch chi, vô bất lý.

上六，公用射隼于高墉之上，不獲之无咎。

Thiệc, nghĩa là : nhè mà bắn ; Chuẩn là một giống chim rất dữ mạnh ; cao dung, nghĩa là bức tường cao ; hoạch là hấn được.

Tuyên văn hào này thích qua nghĩa là : một vị công, dụng bắn con chim chuẩn ở còi bức tường cao 公用射隼于高之上, bắn đự: nó獲之; có tượng như thế, không việc gì là không lý 无不利. Hệ-từ thích nghĩa rất kỹ, xin tiện dịch ra đây.



Hệ-từ nói rằng: 隼者禽也, 弓矢者器也, 射之者人也. chuẩn giả cầm dã, cung thi giả khí dã, thiệp chi giả nhân dã. Nghĩa là : Chuẩn là giống cầm ; Cung thi là đồ để bắn, còn người bắn được nó, là người có tài hay bắn vậy, chỉ ba câu ấy ý nghĩa rất giản minh.

Tỷ như : bắt tay làm việc, nhân là người làm việc, khí là tài liệu với tri thức ; cầm là mục đích vật. Có người làm việc mà lại cốt có tài liệu có tri thức, thời cái mục đích mình nhắm chắc phải trúng ngay.

Vậy nên, hạ văn lại tiếp nói rằng : quân tử tàng khí vu thân, đãi thì nhi động, hà bất lý chi hữu 君子藏器于身, 待时而动, 何不利之有. Hễ quân tử toan làm việc, vẫn trước phải có mục đích.

Nhưng trước khi chưa làm việc, phải chứa sẵn những đồ dùng ở trong thân mình, chờ đến có thì cơ mà động.

Chúng ta đọc hai câu ấy, nên phải nghĩ khí là gì ? Khi mà lại trữ ở trong mình, là khí gì ?

Tài năng với học thức chính là cái khí nên trữ sẵn trong mình.

Tuy nhiên, tài năng vẫn giỏi, học thức vẫn cao, nhưng mà làm việc thiên hạ, lại cần phải dòm vào thì.

Thì là gì ? tức là cơ hội, thí như cung tên là khí tàng sẵn rồi, nhưng khi đem ra bắn tức phải rình cơ hội, khi chim đương đậu, hay chim đương ngủ, hoặc khi chim đương ngủ say mồi, mà không thấy mình, ấy là cách chờ thì. Hễ đã dấu sẵn khí cụ ở trong mình, lại

chờ đúng thì cơ mà phát động, thời có gì là bất lý nữa đâu.

Động nhi bất quát, thì dĩ xuất nhi hữu hoạch, ngữ thành khí nhi động giả dã 動而不括,是以出而有獲,語成器而動者也.

Phát động mà không ai bó buộc được mình, không không vật gì chướng ngại được mình, tất nhiên ra làm mà thành công 動而不括,是以出而有獲.

(Quát, nghĩa là ngăn, cũng nghĩa là vấp chạm, hoạch, nghĩa là thành công. Động mà không trở ngại vấp chạm tất nhiên thành công. Bất quát hữu hoạch, là kết quả mà tàng khí đại thì là tạo nhân.

Nếu tàng khí mà động không đúng thì thời khí cụ đó hóa vô dụng, thì cơ vẫn đúng, nhưng khí cụ chưa trữ sẵn, thời thì cơ chốc phút chạy mất.

Thượng Lục ở về cuối cùng thì Giải, là một vận hội rất tốt. Rây giờ cung tên đã sẵn, người bắn lại hay, chuẩn lại đậu trên cao dung, có lẽ gì mà bắn không được. Hào từ sở dĩ nói thế là thiết ra cách thí dụ: mà bảo cho chúng ta, hễ trước khi chưa làm việc, tất phải lo thành khí, mà lại lo động cho đúng thì vậy 語成器而動者也.

Chữ « thành khí » với chữ « tàng khí » nên nhận cho kỹ.

Tàng, nghĩa là phải lo chứa trữ cho sẵn ; Thành,

nghĩa là phải trau dồi cho tốt, nếu tàng khí, mà lại không thành khí, thời dầu có khí cũng như không. Nếu thành mà không tàng, thời đến nổi sự cơ bất mật, còn lấy gì mà chờ được thì nữa ư, chỉ bấy nhiêu lời là vẻ hết trí cho chúng ta làm việc.

Tượng viết, công dụng thiệc chuẩn dĩ giải bội dã.

象曰, 公用射隼, 以解悖也.

Đời Giải đã đến lúc cuối cùng, nội loạn đã an rồi, dầu ở phía ngoài còn có người dám bội loạn, thời nhân dịp mà giải trừ nó, chắc công việc tất thành, cũng in như bắn chim-chuẩn mà trúng được.

Chữ Bội này, ở về ngoại-quái, chỉ vào giặc cướp ở phía ngoài.

oOo

XXXXI. QUẺ SƠN-TRẠCH-TỒN

山澤損



Quẻ này là quẻ Sơn-Trạch-Tồn. Đoái hạ cũng là nội Đoái. Cấn thượng cũng là ngoại Cấn. Cấn sơn, Đoái trạch, nên tên quẻ đọc bằng Sơn-Trạch-Tồn.

TỰ QUÁI

艮
上
外
良

兌
下
內
兌

Tự quái, Giải giả hoạn dã, hoạn tất hữu sở thất, cố thụ chi dĩ tổn.

序卦，解者緩也，緩必有所失，故受之以損。

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Giải tiếp lấy quẻ Tồn, là vì có sao? Bởi vì, trên ấy là quẻ Giải. Giải, nghĩa là khoan nới 解者緩也, thường tình người đời, hễ khi nguy cấp thường hay lo lắng, đã hay lo lắng thời khỏi thiệt hại, đến khi đã khoan nới, thường quên lo, quên lo thời chắc có thiệt hại, nên sau quẻ Giải tiếp lấy quẻ Tồn 緩必有所失, 故受之以損.

Tồn có nghĩa là thiệt hại, cũng có nghĩa là giảm bớt. Ý nghĩa tên quẻ thời... Soán truyện, tượng truyện đã thích kỹ rồi. Ở đây không cần phải thích.

PHỤ CHÚ.- Quẻ này nguyên là quẻ Thái, nội Càn biến hào Tam, mà thành ra Đoái, ngoại Khôn biến hào Thượng mà thành ra Cấn. Thế là nguyên quẻ Địa Thiên Thái, biến hai hào mà thành Sơn-Trạch-Tồn.

Bớt hào dương ở dưới mà thêm vào trên, ở dưới tuy Tồn mà trên thời được ích, cứ sao không đặt tên quẻ bằng ích, mà lại đặt tên bằng Tồn, đó thiệt là ý tứ rất hay. Bởi vì ở trên muốn cao, tất phải dưới cho dày, trên vững nhờ dưới làm nền. Ví như đắp tường hay xây tháp, muốn tường tháp được vững, tất phải dưới nền cho dày và rộng, thời tường tháp mới đứng yên.

Bây giờ khoét đất ở dưới, đưa đắp lên trên, thời nền hỏng mà tường tháp phải đổ ngay. Thế thời tồn dưới ích trên, là việc rất nguy hiểm, nên đặt tên quẻ bằng Tồn.

Hễ thi đại đã đến Tồn, thời nền tảng Thái đã hỏng rồi, đó là thâm ý của thánh nhân đặt tên quẻ.

SOÁN TỪ

Tồn, hữu phu nguyên cát, vô cữu, khả trình, lý hữu du vãng ; Hạt chi dụng, nhị qui khả dụng hưởng.

損, 有孚元吉, 无咎, 可貞, 利有攸往, 曷之用, 二簋可用享.

Tồn, hữu phu, nguyên cát vô cữu, khả trình, lý hữu du vãng.

損, 有孚元吉, 无咎, 可貞, 利有攸往.

Theo như tượng quẻ Tồn bớt hạ Đoái mà thêm vào

Thượng Cấn, bớt nét dương ở dưới mà thêm cho nét âm ở trên, có tượng là bớt của người dưới mà thêm cho người trên, bớt của phía trong mà thêm cho phía ngoài, bóc lột của dân, thêm vào cho vua quan, chỉ là tượng xấu mà thôi, nhưng quái từ không lấy bằng tượng quẻ, mà chỉ lấy nghĩa bằng tên quẻ, tên quẻ là Tồn 損.

Tồn, là giảm bớt. Đạo lý ở trong thiên hạ, hễ việc gì thái quá, thời phải giảm bớt cho vừa đặc trung, chỉ cốt cho đúng việc nên tồn mà Tồn.

Tỷ như : Dung độ, thời bớt xa xỉ ; Uy quyền thời bớt lạm dụng ; hình luật, thời bớt hà khắc v. v...

Tồn mà được như thế, thời càng tồn càng hay, nhưng trong khi giảm bớt, tất xuất ư chí thành 有孚, tất phải thuận với đạo lý, mà cho được thập phần tốt lành 元吉. Lại tất phải xử trí cho đặc nghi, mà không lầm lỗi 无咎. Nếu tồn mà được như thế, thời có thể kiên cố mà giữ lấy hoài hoài 可貞, mà lại tấn hành việc gì cũng tiện lợi 利有攸往.

Hạt chi dụng, nhị qui khả dụng hưởng.

曷之用, 二簋可用享.

Trên ấy đã nói những việc tồn sở đương tồn, nhưng chỉ nói về đạo lý chung. Bây giờ trích cử lấy một việc ở trong thì Tồn, khiến cho chúng ta suy rộng ra, sẽ làm các việc ở thì Tồn. Nên quái từ lại nói, nghĩa trong thì Tồn, nên dùng bằng thế nào 曷之用.

Tỷ như : lễ cúng hưởng yến tế, chỉ cốt ở thành tín cung kính, mà chẳng cần gì nhiều vật phẩm lắm.

Vì thành kính tới nơi, mà lễ nghi quá dần, dầu chỉ đơn bạc có nhị qui cũng cảm cách được qui thần 二簋可用享, dùng làm việc hưởng tự như thế cũng tốt, đó là theo về thì nghĩa ở thì Tôn, chỉ nên như thế, cái đã nên tồn mà tồn, thời dầu ít cũng chẳng ngại gì.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Tồn, Tồn hạ ích thượng, kỳ đạo thượng hành, Tồn nhi hữu phu nguyên cát, vô cữu, khả trình, lý hữu du vãng; Hạp chi dụng, nhị qui khả dụng hưởng, nhị qui ứng hữu thì, tồn cương ích nhu hữu thì; Tồn ích dinh hư, dữ thì giai hành.

彖曰, 損, 損下益上, 其道上行, 損而有孚元吉, 无咎, 可貞, 利有攸往. 曷之用, 二簋可用享, 二簋應有時, 損剛益柔, 有時, 損益盈虛, 與時偕行.

Soán viết, Tồn, tồn hạ ích thượng kỳ đạo thượng hành.

彖曰, 損, 損下益上, 其道上行.

Quẻ này sở dĩ đặt tên bằng quẻ Tồn 損 là vì tượng quẻ, nội quái nguyên là Càn, ngoại quái nguyên là Khôn, bây giờ bớt hào Tam Càn hạ, mà đem lên thêm cho hào Thượng Khôn thượng. Thế là bớt dưới mà thêm cho trên 損下益上, đạo ấy chỉ làm ích phía trên 其道上行.

Tồn nhi hữu phu nguyên cát, vô cữu, khả trình, lý hữu du vãng.

損而有孚元吉, 无咎, 可貞, 利有攸往.

Tồn mà lấy chỉ thành làm những công việc đáng tồn, mà lại nguyên cát vô cữu, khả trình, thời lý hữu

du vãng. Nguyên cát : nghĩa là làm cho hoàn thiện ; vô cữu : nghĩa là làm cho khỏi lầm lỗi ; khả trình : nghĩa là làm cho thường hợp với lễ chính, như thế thời tồn mà cũng có công hiệu, cũng là làm ly ích cho thì Tồn đó vậy.

Hạt chi dụng, nhị qui khả dụng hưởng, nhị qui ứng hữu thì, tồn cương ích nhu, hữu thì.

曷之用，二簋可用享，二簋應有時，損剛益柔，有時。

Trên quái-từ có nói rằng : Hạt chi dụng, nhị qui khả dụng hưởng, ý nghĩa của Văn-Vương là bảo cho người ta ở thì Tồn, nên giảm bớt về phần văn sức, mà dày thêm về phần bản chất, nhưng đức Khổng-Tử còn sợ người ta nhận lầm rằng : nhất thiết văn sức dầu thì nào cũng phải bỏ như thế, thời trái với đạo Dịch, nên lại nói cho rõ thêm rằng :

Hễ việc trong thiên hạ, vô bản thời bất lập, vô văn thời bất hành, văn sức có phải khi nào cũng bỏ được đâu, chỉ duy ở về thì Tồn, thời văn đã thẳng chất, phần sức quá nhiều, mà thành thực quá ít, ứng dụng thuộc về thì ấy phải bớt hư văn, dầu giản đơn chỉ có Nhị qui cũng đã thích dụng, ứng dụng theo thì Tồn như thế là hay 二簋應有時. Chẳng những văn sức có thì nên Tồn mà thôi, còn suy ra cho hết đạo lý, tuy cương vẫn nên nhiều hơn nhu, nhưng đến lúc cương đã thái quá, mà nhu thời bất cập, muốn cho cương nhu vừa thích hợp với nhau, tất phải theo thì mà bớt phần cương, để thêm vào phần nhu, đó cũng là cứu thì, có thì phải nên như thế 損剛益柔應有時,

Tồn ích dinh hư dư thì giai hành.

損益盈虛，與時偕行。

Nói tóm lại, vừa đúng với nhịp phải, là gọi bằng thì, thì nên tồn mà tồn, thì nên ích mà ích, thì nên dinh mà dinh, thì nên hư mà hư, chỉ duy theo ở nơi thì, mà lựa cách làm việc cho rập với thì, hễ đã thái quá thời phải bớt, hễ còn bất cập thời phải thêm, hễ còn kém hụt thời phải khiến cho đầy, hễ đã quá bành trướng, thời nên khiến cho lưng. Bốn lẽ ấy phải theo Thì mà làm cho đúng 損益盈虛，與時偕行.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, Sơn hạ hư trạch, Tồn, quân tử, di trủng phận trát dục.

象曰，山下有澤，損，君子，以懲忿窒欲。

Quẻ này ở dưới Cấn-sơn có Đoái trạch 山下有澤, tượng là khoét ở bề dưới, mà thêm vào phía trên cao, trạch sâu chừng nào, sơn càng thêm cao chừng ấy, nhưng lâu ngày thời chân núi phải hỏng, chân đã hỏng, tất núi phải tróc đổ. Thế là tượng quẻ Tồn 損.

Quân-tử xem tượng ấy, nên nghĩ một cách tồn ở trong mình.

Trong mình mà nên tồn là những cái gì? tức là : Phận với dục. Phận, nghĩa là : hăng giận bằng khí-huyết; dục, nghĩa là : ham muốn bằng tư-tình. Người đương khi khí-huyết vừa hăng lên, tất nhiên khi phận-nộ không đúng với đạo-lý, muốn cho giảm bớt cái giận, tất phải

dùng bằng cách trừng. Trừng, nghĩa là dẫn ép khí giận xuống cho nó khỏi vùng lên, nên nói rằng: trừng phạm.

Muốn cho bớt tư-dục, tất phải dùng một cách bằng trất. Trất, nghĩa là đương khi tình-dục mới động, phải lo dẫn lấp cái hạng dục không cho nó lù ra, nên nói rằng: trất dục.

Nói tóm lại, phạm và dục là hai bệnh rất lớn ở trong mình, chữ Trừng, chữ Trất là phương thuốc rất hay để chữa bệnh ấy.

Phạm, nghĩa là giận, vì người có tính ố mới sinh ra giận. Dục, nghĩa là muốn vì người có tình ái mới sinh ra dục, ái ố không phải tuyệt đối xấu, nhưng ái ố mà đúng với thiên lý, thời ái ố đặc chính, nên ố mà ố, không phải phạm; nên ái mà ái, không phải dục, chỉ duy ái ố mà xuất ư tư tình, hoặc vì khí huyết bậy mà sinh ra, cái không nên ghét mà ghét, ghét sinh ra phạm, cái không nên yêu mà yêu, yêu sinh ra dục, muốn tồn hết những bệnh ấy, tất phải trừng phạm trất dục.

Tuy nhiên, ở trong hai điều đó, trừng phạm có dễ hơn trất dục, bởi vì, phạm nộ thường hay phát lộ ra bề ngoài, nếu những người có tính ôn hòa, có khí cương quyết, thời trừng-phạm không khó lắm.

Duy tình dục là đầm-ngấm ở bề trong, chính là nhân-tâm duy nguy, nếu không phải thấu lý rất tinh, dụng công chuyên nhất, thời chưa dễ trất được dục đâu.

Xưa thầy Nhan tuy có lúc giận, mà không giận lây đến ai 不遷怒, tuy có lầm lỗi, mà chẳng lầm lỗi đến

hai lần 不貳過, đức Khổng-Tử thấy thế mà khen làm hiếu học. Chúng ta phải biết trừng phạt trất dục, tất phải học vấn thấu đáo như thầy Nhan, mới có thể làm tới nơi.

HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— **Sơ Cửu**, dĩ sự suyền vãng, vô cữu, chúc tồn chi.

初九, 己事遄往, 无咎, 酌損之.

Ở về thì Tồn, chính là thì Tồn hạ Ích thượng, tồn Cương ích nhu, Sơ là dương cương mà thượng ứng với Tứ, Tứ là âm nhu mà cầu ích với Sơ. Theo nghĩa thì Tồn, thời Sơ nên giúp lý ích cho Tứ, nên nói rằng : Dĩ sự suyền vãng (Dĩ sự : nghĩa là nghĩ việc của mình ; Suyền : nghĩa là lan chóng ; Suyền vãng : nghĩa là gấp đi lên), nghĩ việc của mình mà đi lên giùm giúp cho Tứ 己事遄往, theo nghĩa vụ của Sơ, như thế mới không tội lỗi 无咎.

Tuy nhiên, địa vị bậc dưới, mà làm ích cho người trên, người trên ích quá nhiều, thời mình cũng chịu tổn quá nặng, nên phải cân lường chằm chước, lựa những việc đáng bớt của mình, mà làm ích cho Tứ 酌損之. Tuy không nên bắt cấp, mà cũng chẳng nên thái quá, nên nói rằng : chúc tồn chi.

(Chước : câu nhắc chằm chước, cũng có ý đon lường).

Tượng viết, dĩ sự suyền vãng, thượng hợp chi dã.

象曰, 己事遄往, 上合志也.

Thượng, nghĩa là trên, không phải thượng là chuộng.

Sơ Cửu, nghĩa là phải làm cho Lục Tứ nên phải nghĩ việc mình mà gấp qua.

Bởi vì, ở về thì Tồn, có như thế mới hợp được chí người trên vậy.

2.— Cửu Nhị, Lý trình, chính, hung, phát tổn ích chi.

九二, 利貞, 征, 凶, 弗損益之.

Cửu Nhị có đức cương trung, nhưng ở vào thì Tồn cương ích nhu, và Nhị chính ứng với Lục-Ngũ là âm nhu bất chính.

Người ở trên mình là bất chính, lại xử vào thì Tồn hạ ích thượng, chắc Ngũ thường lấy những việc mà cầu Nhị ích cho. Nếu Nhị không biết tự trọng, mà giữ lấy đức cương của mình, làm những cách nhu duyệt bất chính để giúp cho Ngũ; như thế, thời tổn hại đức mình mà cũng chẳng ích gì đến Ngũ, nên thánh nhân răn rằng: Cửu-Nhị ơi! Nhị nếu muốn làm ích cho Ngũ, thời nên biết rằng: Quân-tử yêu người thường lấy đức 君子愛人以德, Nhị chỉ nên lấy đức cương của Nhị 利貞. Nếu không thế, Ngũ cầu Nhị làm điều bất chính, mà Nhị đi ngay, tất nhiên xấu hung 征凶. (Chính, nghĩa là bỏ đức cương trung của mình mà chịu Ngũ, như thế, tất nhiên hung).

Tuy nhiên, Nhị giữ lấy đức trình đó, há phải không làm ích cho Ngũ đâu, hễ mình đã chính kỷ, tất nhiên người cũng phải chính. Nhị không tổn hại đức cương của mình, tức là làm ích cho Ngũ đó vậy 弗損益之. « Phát tổn, mà nói rằng: ích chi, cũng như nói rằng: bất ích chi ích. 不益之益.

Tượng viết, Cửu Nhị ly trinh, trung dĩ vi chí dã.

象曰，九二利貞，中以為志也。

Hào Cửu-Nhị mà ly ư trinh, vì Nhị đã sẵn cương trung, thời nên cố chí giữ đức ấy 中以為志也. Nghĩa là : chí đề nơi cương trung : Trinh, nghĩa là chính ; nhưng tượng-truyện lại chú trọng bằng chữ trung. Bởi vì, trung quý trọng hơn chính, đã được trung, tức là chính. nếu chính mà thôi, thời chưa chắc đã trung. Vậy nên lấy chữ Trung bao chữ Chính.

3.— Lục Tam, tam nhân hành, tác tổn nhất nhân, nhất nhân hành, tác đắc kỳ hữu.

六三，三人行，則損一人，一人行，則得其友。

Nguyên lẽ trong trời đất, lý là giống vô hình, đến hữu hình mới thành ra số, muôn việc thấy ở số mà sinh ra, nguyên ở số chỉ có nhất với nhất đối đãi với nhau, vì nhất tương đối với nhất, mới thành ra Nhị, đến Nhị là vừa khéo, tức là lý nhất âm nhất dương chỉ vị đạo ở trong Dịch. Hễ đã đến tam thời không nhất âm thừa, thời cũng nhất dương thừa, đã thừa tất phải bớt, nên nói rằng : ba người đi thời trừa hai người tương đối ra, dư một người, tất phải bớt người ấy đi mới đúng nguyên số 三人行則損一人, một người đi, là còn thiếu một người, trái với lẽ tương đối, tất phải thêm vào một người cho đúng lẽ tương đối, thời một người kia tất nhiên được bạn 一人行，則得其友. Bởi vì, nguyên lý ở trong vũ-trụ chỉ có tương đối mà không gì tuyệt đối, có tương đối mới vừa cân với nhau. Nếu có giống gì tuyệt đối, thời cái giống đó thừa ra, thừa tất phải tổn.

Tỷ như, quân quyền đã tuyệt đối cao, tất nhiên phải có dân quyền để tương đối. Bởi vì, quân quyền thừa, tất phải bớt.

Lại giả như, thần quyền đã tuyệt đối trọng, tất phải có nhân-quyền tương đối, khi đã có nhân-quyền thời thần quyền thừa ra, thừa tất phải bớt, suy rộng ra đến vạn sự vạn vật, chỉ có nhất với nhất đối đãi cân nhau, đến nhị là vừa, nếu dư một cái mà thành ra Tam, tất nhiên phải tồn.

Hào-từ ở đây chỉ mượn tượng quẻ, ba dương thấy đi, thời bớt một nét dương là Cửu Tam, ba âm đều đi, thời bớt một nét âm là Thượng Lục, như thế là tam nhân hành, tắc tồn nhất nhân.

Một hào Tam đi lên, một hào Thượng đi xuống hai hào tương đắc, mà thành ra quẻ Tồn. Sơ tương đắc với Tứ, Nhị tương đắc với Ngũ, Tam tương đắc với Thượng, tổng chi, là nhất tương đắc với nhất, như thế, là nhất nhân hành tắc đắc kỳ hữu.

Chỉ theo thể quẻ mà nói, tuy có ngàn ấy lời, nhưng đạo lý bao hàm thiết rộng. Vậy nên, tiên Thánh sư thích hệ từ ở hào này rất kỹ.

Hệ từ nói rằng : trời với đất chỉ nhất âm nhất dương, giao cảm với nhau, mà vạn vật nhờ đó hóa thuần, nam với nữ chỉ một vợ một chồng giao cấu tinh khí với nhau, mà vạn vật nhờ đó hóa sinh.

Hào từ Dịch rằng : Tam nhân hành tắc tồn nhất nhân, nhất nhân hành, tắc đắc kỳ hữu, là nói rằng : lẽ phải

ở trong trời đất, chỉ chuyên chú vào nhất với nhất mà thôi
 天地絪縕, 萬物化醇, 男女媾精, 萬物化生, 易曰, 三
 人行, 則損一人, 一人行, 則得其友, 言致一也.

Nhân huân, là có ý giao cảm thân mật. Thiên địa, chỉ nói bằng khí âm khí dương. Hóa thuần nghĩa là tạo hóa ra các loài, loài gì cũng đậm-đà dày-dặn; chữ nam chữ nữ đây chỉ nói bằng âm dương, tức như trống mái, đực cái v. v... thầy gọi bằng nam nữ. Cấu, nghĩa là kết hợp; tinh, nghĩa là tinh khí; hóa sanh, nghĩa là sanh nở biến hóa mãi mãi. Tục Nhật bản gọi gà mái bằng chim gái, gà trống bằng chim trai, chính đúng với nghĩa nam nữ ở đây.

PHỤ CHÚ.— Hai chữ « trí nhất », chúng ta nên nhận ý nghĩa cho ra. Bởi vì, nguyên thủy ở trong vũ trụ chỉ có một chữ dê-rô, mà bắt đầu thành ra có số, số đầu tiên là nhất, đặt số nhất trên dê-rô thành mười, cứ tiến lên mãi trăm ngàn vạn ức triệu v.v... cũng chỉ thấy ở trên mấy dê-rô là số nhất, đó mới biết được nguyên lý ở trong vũ trụ, chỉ có cái nhất, nhưng mà đã có sinh tất có thành, nên lại phải có nhất nữa để tương đối với nhất, nhất tương đối với nhất thành ra nhị, đến nhị là bao bọc hết công dụng ở trong vũ-trụ.

Tuy nói cho đến những giống phức tạp tản mản, vạn trạng thiên hình, nhưng rút thùng chỉ nhất với nhất, đó vậy.

Tỷ như, nhất âm nhất dương, nhất thiện, nhất ác, nhất hùng, nhất thư, nhất tấn, nhất đậu, có giống gì tránh khỏi nhất với nhất tương đối đâu. Nên Kinh văn mới có hai chữ « trí nhất », theo về đạo lý vẫn là trí nhất, mà kể về làm việc lại nên trí nhất lắm. Vô luận, học thuật, văn nghệ và thực nghiệp, công tác, hễ đã làm việc gì tất phải trí nhất việc ấy,

nếu không tri nhất thời không làm nên, người xưa có câu : lòng mình không dùng được hai ngã 心无二用. Lại có câu : Đạo lý không hai đường phải 理无二是. Lại có câu : hễ các giống không giống nào hai bên lớn địch nhau 物莫能兩大, tất thấy là lẽ tri nhất đó vậy.

Tượng viết, nhất nhân hành, tam tắc nghi dã.

象曰, 一人行, 三則疑也.

Hễ nhất nhân hành, thời chỉ thêm vào nhất nhân nữa là vừa tương đắc, nếu ở ngoài hai người đó, mà lại thêm vào một người nữa. Thế là Tam thời tất nhiên bên nào cũng nghi cả 三則疑也.

Bây giờ thiết ra một cách thí dụ cho minh bạch, chữ Nhân chớ câu nệ, nhân là người, ta bỏ lơ chữ nhân mà chỉ nói chữ nhất và chữ tam mà thôi.

Lệ như : Chú Giáp và anh Ất cặp nhau mà đi, tất nhiên Giáp phải chuyên tâm vào Ất, mà Ất cũng chuyên tâm vào Giáp, nếu đột nhiên thêm Binh vào nữa, thời vì trước kia đã có Ất với Giáp rồi, bây giờ Binh biết chuyện tâm với ai, chẳng phải là nghi hay sao ?

Vả lại, Giáp hay Ất thấy Binh chấp vào, tất anh nào cũng phải chia lòng vào Binh, mà cái lòng chuyên nhất ở lúc xưa, nhân đó mà sinh ra hồ hoặc, chẳng phải là nghi hay sao ? Vậy nên, nhỏ từ nhất vật, nhất sự, lớn đến nhất đảng nhất phái, nhất chủ nghĩa, không bao giờ tránh khỏi nhất tắc đắc, nên nói rằng : nhất nhân hành, tắc đắc kỳ hữu, đọc Kinh-văn thấy nên chú ý như thế, chớ nên câu nệ ở nơi mặt chữ, mà bỏ mất thâm ý của Thánh-nhân.

2.— Lục Tứ, tổn kỳ tật, sử suyền, hữu hỷ, vô cữu.

六四, 損其疾, 使遄, 有喜, 无咎.

Chữ Suyền ở đây với chữ Suyền hào Sơ tương ứng, Sơ với Tứ là bạn tương ứng, nhưng Sơ có đức dương cương mà ở dưới. Tứ có bệnh âm nhu mà ở trên, xử vào thì tổn hạ ích thượng, tất nhiên Sơ phải làm ích cho Tứ, vả lại Tứ cũng phải cầu ích với Sơ, Sơ muốn làm ích cho Tứ thì nên thế nào ?

Chỉ duy bớt tật âm nhu của Tứ, mà lấy đức dương cương của mình giúp cho Tứ, khiến Tứ chóng trừ được tật âm nhu 損其疾使遄.

Như thế, thời hữu hỷ mà lại vô cữu 有喜无咎.

Hỷ, là mừng cho Tứ được mau khỏi bệnh ; Tật là vết xấu bằng âm nhu ; Suyền, nghĩa là lạnh chóng, chữ « Suyền vãng » ở hào Sơ, nghĩa là phải đi lên mau giúp cho Tứ. Chữ « sử suyền » ở hào Tứ, là khiến cho Tứ mau khỏi bệnh, đồng một chữ, mà công dụng khác nhau.

Tượng viết, tổn kỳ tật, diệt khả hỷ dã.

象曰, 損其疾, 亦可喜也.

Tứ sẵn có tật, vẫn không lấy gì đáng mừng, nhưng vì Sơ làm ích mà giảm được bệnh cho mình, thời hai bên thấy đáng mừng đó vậy 亦可喜也.

Sở dĩ có chữ Diệt, nghĩa là chẳng những người bớt được bệnh mình đã đành, mà người chữa lành được bệnh cho người, cũng lấy làm mừng vậy.

5.— Lục Ngũ, hoặc ích chi thập bằng chi qui, phát khắc vi, nguyên cát.

六五，或益之十朋之龜，弗克違，元吉。

Lục Ngũ có đức nhu trung, ở được vị nguyên thủ, lại có bạn chính ứng là Cửu Nhị, Nhị có đức cương trung làm ích cho Ngũ, mà Ngũ cũng hết lòng thuận tòng với Nhị, ở vào thì tồn hạ ích thượng, mà cương nhu tương đắc như thế, thời thiên hạ ai chẳng vui làm ích cho mình.

Thí dụ như: có con rùa thiêng, nặng tới mười bằng, mà thỉnh linh có người đưa tới làm ích cho mình 或益之十朋之龜, mà mình không thể từ chối 弗克違, thụ ích bằng một cách rất tự nhiên, mà lại rất to lớn, thế là bao nhiêu cái ích của thiên hạ, thấy làm ích cho mình, chắc được tốt lành to lớn vậy 元吉.

Hoặc ích chi, nghĩa là thỉnh linh có người đưa đến làm ích cho. Bằng, là một tên con số ở đời xưa, hai buổi thời gọi một bằng, mười bằng thời chu vi lớn đến hai nghìn một trăm sáu mươi thước.

Thập bằng chi qui, là tỷ dụ việc ích cực kỳ lớn. Vi, nghĩa là từ chối. Phát khắc vi, nghĩa là không thể từ chối được. Làm ích đến mười bằng, là việc rất lớn, mà mình không thể từ chối được. Nên nói rằng: hoặc ích chi thập bằng chi qui, phát khắc vi.

Thập bằng chi qui chỉ nói việc thụ ích rất lớn là được, không cần phải nói con rùa lớn làm gì.

PHỤ-CHÚ. — Theo về nghĩa quẻ, thời tồn hạ ích thượng vẫn là xấu, có gì là tốt đâu. Nhưng theo nghĩa hào, thời

cương trung với nhu trung đủ hai đức ấy mà ngồi chịu thiên hạ đem ích đến cho, chính là tốt lớn nhất ở trong Tồn. Nên ở trong sáu hào, duy hào Ngũ được nguyên cát, đó chính là nghĩa tùy thì biến dịch ở trong Dịch.

Tượng viết, Lục Ngũ nguyên cát, tự thượng hựu dã.

象曰，六五元吉，自上佑也。

Hào này sở dĩ được nguyên cát, vì có đức nhu trung, nên thu thập được lòng người, lòng người đã qui-hướng vào, thời lòng trời cũng phải bênh vực, cái nguyên cát đó, là lòng trời giúp cho đó vậy 自上佑也.

(Thượng, nghĩa là thượng thiên).

6. – Thượng Cửu, phát tổn ích chi, vô cữu, trinh cát, lý hữu du vãng, đắc thần vô gia.

上九，弗損益之，无咎，贞吉，利有攸往，得臣无家。

Hào này ở trên hết quẻ Tồn, đương thì ích thượng, mà Thượng-Cửu lại ở trên hết, tất nhiên thụ ích được quá nhiều, ích quá nhiều tất nhiên đầy, đầy tất nhiên đồ, nên thánh-nhân mới dạy rằng: Thượng-Cửu ơi! Thượng ở vào cuối cùng thì Tồn, lại ở trên hết người ta, tồn cực tất nhiên phải biến, chịu ích quá nhiều, tất phải lo đền giá.

Thượng-Cửu nên lấy đức dương cương của mình, mà tùy thì thiện xử, bỏ những việc làm tổn người, mà lo những việc làm ích cho người 弗損益之. Như thế, thời không tội lỗi, lại được chính vừa lành 无咎，贞吉. Ở về cuối cùng thì Tồn mà biết làm lý ích cho người, ấy là hợp với nghĩa biến thông, mà lại rất đúng với đạo nhân thượng, chắc thiên hạ ai nấy cũng phục tòng, nếu có tấn hành những việc gì, hay có đi ở chốn nào chỉ thấy được lòng qui phụ mà thôi, té ra nước đó là nhà của mình 利有攸往，得臣无家.

Đắc thần, là được lòng người thần phục. Vô gia, nghĩa là không cần nhà mình riêng mới là nhà. Đắc thần vô gia, tương tự câu : hóa gia vi quốc 化家為國, có ý là mất hẳn giới hạn nhà với nước.

Tượng viết, phát tồn ích chi, đại đắc chí dã.

象曰，弗損益之，大得志也。

Người ở trên hết chúng nhân, mà không chịn làm việc tồn nhân, chỉ lo làm việc ích nhân, chí nguyện của quân tử đến lúc bây giờ mới thỏa thích lớn. Bởi vì, lòng quân tử không bao giờ muốn làm tồn người, chỉ duy làm ly ích cho người, ích bao nhiêu, thời lòng người được vui vẻ bấy nhiêu, nên nói rằng : đại đắc chí dã.

Chữ Đắc ở đây, chính là : « Lạc dĩ thiên hạ », thiên hạ vui thời mình mới vui, đó là chí của quân tử.

PHỤ CHÚ.— Bàn tóm hết cả quẻ Tồn, nguyên chữ Tồn có ba nghĩa : một nghĩa là tồn kỹ, như hào Sơ tồn kỹ, mà ích cho Tứ, hào Tam tồn nhất mà thêm cho Thượng. Một nghĩa là tồn nhân, như tượng quẻ, tồn kẻ dưới mà ích cho kẻ trên. Một nghĩa nữa là : tồn đều xấu, mà ít đều lành ; tức như ở tượng truyện nói rằng : trùng phạm trất dục ; ở Cửu Nhị nói : ly trinh ; ở Lục Tứ nói : tồn kỳ tật, thấy là thuộc về nghĩa ấy. Duy đến hào Thượng Cửu thời tồn đã cùng cực rồi, nên biến nghĩa Tồn là làm ra nghĩa Ích, nên hào từ nói phát tồn ích chi. Nhưng bốn chữ phát tồn ích chi ở Thượng Cửu, với Cửu Nhị vẫn tuy đồng mà nghĩa khác nhau xa, hào Cửu Nhị thời bảo giữ đức mình mà không tồn, là vừa đủ làm ích cho người, đến như Thượng Cửu, thời bảo chớ tồn người, mà chỉ lo làm ích cho người,

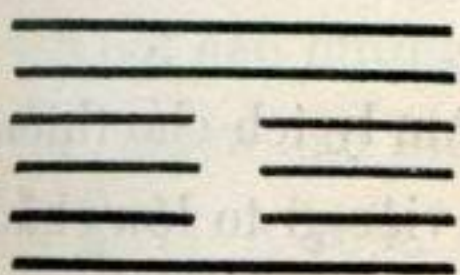
Tóm xem cả sáu hào, vẫn ở chung trong một thì Tồn, nhưng vì nghĩa tồn khác nhau, mà cách làm tồn cũng khác nhau, nên hiệu quả cũng khác nhau, đó là vì tạo nhân bất đồng, thời kết quả cũng bất đồng. Nếu bảo rằng tồn chỉ là tồn, mà không ích gì ở trong thì Tồn, thời thánh nhân còn tác Dịch làm gì.

oOo

TIMSACH.COM.VN

XXXXII. QUẺ PHONG-LÔI-ÍCH

風 雷 益



Quẻ này là quẻ Phong-Lôi-ÍCH. Chấn hạ cũng là Nội-Chấn. Tốn thượng cũng là ngoại Tốn. Tốn phong, Chấn lôi. Nên tên quẻ đọc bằng Phong-Lôi-ÍCH.

TỰ QUÁI

巽
上
外
巽

震
下
內
震

Tự quái, Tốn nhi bát di, tất Ích, có thụ chi di Ích.

序卦, 損而不已, 必益, 故受之以益。

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Tồn tiếp lấy quẻ Ích, là vì cơ sao ?

Trên ấy là quẻ Tồn, tồn ích thịnh suy là như cái vòng xoay tròn, tồn đã cùng cực tất nhiên phải ích 損而不已, 必益. Vậy nên sau quẻ Tồn tiếp lấy quẻ Ích 故受之以益.

Theo về tượng quẻ, Tồn là phong, Chấn là lôi, lôi với phong là hai giống làm ích cho nhau. Gió mạnh thời sấm càng hung, sấm choảng thời gió càng dữ, gió sấm phụ ích cho nhau, nên gọi bằng ích,

Còn theo về nghĩa quẻ bát hào dương ở quẻ trên, thêm cho hào âm ở dưới, quẻ trên nguyên là quẻ Càn, bớt một hào dương thành ra Tốn, quẻ dưới nguyên là quẻ Khôn, thêm vào một hào dương thành ra Chấn, thế là bớt của kẻ trên, thêm cho người dưới đã dày, thời trên thêm vững, nên đặt tên quẻ bằng Ích.

SOÁN TỪ

Ích, lý hữu du vãng, lý thiệp đại xuyên.

益, 利 有 攸 往, 利 涉 大 川.

Ở về thì đại Ích 益, là công dụng cốt làm lý ích cho thiên hạ, thiên hạ thấy đã được thụ ích cả, thời việc gì to lớn chắc cũng làm xong 利 有 攸 往, dầu có gian nan nguy hiểm gì, chắc cũng cứu vớt được lành chóng 利 涉 大 川.

Nói tóm lại, vô luận quốc gia nào, xã hội nào, muốn làm nên công việc lớn, muốn tiêu trừ được hoạn nạn lớn, tất trước phải hết sức làm những việc lý ích chung. Tức như, mở mang đường kinh tế cho lý khắp nhân dân, mở rộng đường giáo dục cho phổ-cập xã-hội, thấy là việc tổn thương ích hạ, lúc bấy giờ hữu du vãng, hay thiệp-đại-xuyên, thấy kết quả được viên mãn.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Ích, tổn thương ích hạ, dân duyệt vô cương, tự thượng há hạ, kỳ đạo đại quang, lý hữu du vãng, trung chính hữu khánh, lý thiệp đại xuyên, mộc đạo nãi hành, ích động nhi tổn, nhất tiến vô cương, thiên thí địa sanh, kỳ ích vô phương ; phàm ích chi đạo, dự thì giai hành.

彖曰，益，損上益下，民說无疆，自上下下，其道大光，利有攸往，中正有慶，利涉大川，木道乃行，益動而巽，日進无疆，天施地生，其益无方，凡益之道，與時偕行。

Soán viết, Ích, tổn thượng ích hạ, dân duyệt vô cương, tự thượng há hạ, kỳ đạo đại quang.

彖曰，益，損上益下，民說无疆，自上下下，其道大光。

Quẻ này sở dĩ đặt tên bằng quẻ Ích, là theo thể quẻ với đức quẻ mà đặt ra. 益. Nguyên lý của vũ trụ ba nét dương ở trên làm Càn, là trời, ba nét âm ở dưới làm Khôn, là đất, bây giờ bớt hào dương quẻ trên, mà ích cho hai hào âm ở quẻ dưới, tất nhiên dân tình hòa thỏa, vui vẻ không biết chừng nào 損上益下，民說无疆。

Tự mình là địa vị trên, chịu lún mình khuất phục với kẻ dưới, thời đạo của mình càng rõ rệt hung 自上下下，其道大光。

Bốn câu này là tóm thích nghĩa chữ Ích.

PHỤ CHÚ.— Tồn hạ ích thượng thời thượng vẫn được ích, cớ sao tên quẻ gọi bằng Tồn, tồn thượng ích hạ, thời kẻ trên vẫn có phần tồn, cớ sao tên quẻ gọi bằng Ích, chẳng phải là vu khoát viên vòng lẩn hay sao.

Ôi! Lý thuyết đến thế, thiệt là đúng lắm, đúng lắm. Xưa Lão-Tử nói rằng : muốn sáng tất lấy người hèn làm gốc 貴以賤為本, muốn cao tất lấy đám thấp làm nền 高以下為基。

Vậy nên xem lấy phía trước, thời phía trên phải lung lay, thế là tồn hạ, thời kết quả kẻ trên cũng phải tồn,

ích hạ thời kẻ trên cũng được ích, trên chỉ lo làm ích cho mình, té ra dưới bị tổn, mà mình cũng chịu tổn, nên đặt tên quẻ bằng Tồn.

Trái lại, trên chỉ biết lo làm ích cho dưới, thời dưới đã thụ ích, mà cuối cùng mình cũng thụ ích, nên đặt tên quẻ bằng Ích, chỉ xem ở hai chữ tên quẻ, mà đạo lý vạn cổ bất dịch. Xem ở Soán truyện đây thích nghĩa lại càng minh bạch lắm, há phải vu khoát rư ?

Xưa Đường-Huyền-Tông 唐玄宗 làm vua nước Trung-Hoa, nói rằng : Hình dáng ta tuy gầy, nhưng có thể thiên hạ tất béo 吾貌雖瘦,而天下必肥 chính là đúng câu tồn thương ích hạ, dân duyệt vô cương đó vậy.

Lý hữu du vãng, trung chính hữu khánh.

利有攸往,中正有慶.

Quái từ nói rằng : Lý hữu du vãng, là vì ở trong quẻ, hào Ngũ có đức dương cương trung chính, hào Nhị lại thấy đức trung chính mà ứng với Ngũ, đó là lấy đạo trung chính làm ích cho thiên hạ, mà thiên hạ được nhờ phúc khánh đó vậy.

Lý thiệp đại xuyên, mộc đạo nãi hành.

利涉大川,木道乃行.

Quái từ sở dĩ nói rằng : lý thiệp đại xuyên, nghĩa là : Đã ở thì đại Ích, có đến lúc nguy hiểm gian nan, mới tỏ rõ ra một cách tấn hành thuận lý, trên mặt chữ đáng nói ích đạo, nhưng vì tượng quẻ, Chấn, Tốn thấy có tượng mộc, mộc làm được thuyền tàu là đồ dùng thiệp đại xuyên, nên nói rằng : Mộc đạo nãi hành,

PHỤ CHÚ.— Hiệu quả của ích hạ nếu ở lúc bình thường vô sự, thời ích còn nhỏ nhen, duy đến lúc hiểm trở gian nan, mới thấy được ích rất lớn. Xưa Mạnh-thường-Quân làm Thủ-tướng nước Tề, phát nợ cho dân huyện Triết vay, kể có hàng mấy vạn, đến khi sai người đi thu tiền lý, khách là Phùng-Hoan xin lĩnh-khoán đi thu. Lúc ra đi, hỏi Mạnh-thường-Quân rằng : tới thu được nợ thời nên mua gì đem về, Mạnh-thường-Quân bảo rằng : anh cứ xem trong nhà ta cái gì không sẵn, tùy ý anh liệu mua.

Phùng-Hoan ra đi mang giấy khế nợ đầy một xe, vừa tới huyện Triết, thấy dân huyện gặp năm mất mùa đói kém, sinh kế tiêu-diêu. Phùng-Hoan tức thì nhóm dân huyện mà nói rằng : Quan Thủ-tướng bảo ta ra đây là cốt để ý thăm dân tình, chớ không phải cốt ra đòi nợ đâu. Bây giờ dân tình khốn khổ thế này, ta thể lòng Thủ-tướng, tha ráo nợ cho dân, lập tức đốt bao nhiêu khế ở trước mặt dân. Phùng-Hoan rủ hai tay trắng về phục-mệnh với Mạnh-thường-Quân. Mạnh-thường-Quân hỏi rằng : sao anh về tay không chứ ? Phùng-Hoan thưa rằng : tôi thấy dân huyện đói khổ quá, nên khế ước tôi đốt ráo, và xem trong nhà Ngài, bao nhiêu đồ sang vật lạ sẵn thấy thừa cả rồi, duy có một giống còn thiếu, là giống nghia, tôi mua giống nghia ấy đem về hiến Ngài. Mạnh-thường-Quân có ý không bằng lòng, nhưng cũng được mặc nhiên, mời Phùng-Hoan ra nhà khách.

Chẳng bao lâu Tề-Vương mất, vua con tức vị, các Quý-thích Đại-thần, thấy ghét thế lực Mạnh-thường-Quân, dèm với vua, kể hết những việc xấu của Mạnh-thường-Quân, vua giận lắm, cách chức Thủ-tướng, hạ lệnh đuổi Mạnh-thường-Quân không được ở Kinh-đô nữa.

Mạnh-thường-Quân kinh hoàng e tính mạng khó tuyền ;
 Phùng-Hoan vào bàn với Mạnh-thường-Quân gấp gấp trở về
 huyện Triết, Mạnh-thường-Quân nghe lời, nửa đêm thành lĩnh
 lửa xe ngựa chạy mau về huyện Triết, tới địa giới chính vừa
 nửa ngày, dân huyện biết nghe Mạnh-thường-Quân về, già trẻ
 trai gái đổ ra hết, để đón xe Mạnh-thường-Quân, xum nhau
 trước ngựa và hô lớn lên rằng : Cha Huyện ta đã về, hai bên
 xe dân bọc có mấy hàng vạn.

Mạnh-thường-Quân ngó lại nói với Phùng-Hoan rằng :
 ngày nay tôi mới biết cái lý mà tiên-sinh mua nghĩa, hữu hiệu
 lớn như thế.

Vua Tề nghe việc ấy, sợ Mạnh-thường-Quân quá đặc
 nhân-tâm, mà e có ngày làm phản chẳng, lập tức mời Mạnh-
 thường-Quân trở về nước, phục vị Thủ-tướng như xưa, lại
 nghiêm trách những bọn lúc xưa dèm Mạh.

Chúng ta thử xem việc ấy mới biết tổn thương ích hại, mà
 lý thiệp đại xuyên chẳng phải là lời nói suông đâu.

Ích động nhi tổn, nhật tấn vô cương.

益動而巽,日進无疆.

Ở vào thì Ích, mà làm công việc ích, tất phải tinh động như
 Chấn, tinh thuận như Tốn, hễ động làm việc gì, tất thuận
 với đạo lý, thuận với thì thế 益動而巽, thời những công
 việc ích ngày càng tiến lên mãi, mà không chừng mực 日進
 无疆.

Thiên thí địa sanh, kỳ ích vô phương.

天施地生,其益无方.

Bây giờ lại nói đạo ích cho được thiết rộng, ích ở trong thiên hạ có gì lớn hơn công trời đất, vì rằng trời lấy khí dương làm ích cho đất cũng là bớt trên làm ích cho dưới, đất lại nhờ ơn trời làm ích mà sinh dục được vạn vật 天施地生, vạn vật lại nhờ phần ích đó rộng lớn mệnh mông không thể hạn định được phương hướng nào 其益无疆.

Vô phương, nghĩa là không có hạn lượng, cũng như chữ vô cương, chỉ là hình dung ý quang đại.

Phàm ích chi đạo, dự thì giai hành.

凡益之道, 與時偕行.

Đây lại nói tóm hết nghĩa quẻ Ích, hễ những đạo làm được cho ích, thiên địa cũng vậy, thánh nhân cũng vậy, vẫn không thì nào mà không làm việc ích, nhưng mà cái phương pháp làm cho nên ích, cái đường lối lên cho tới ích 凡益之道, cũng phải rập với thì mà cặp nhau đi 與時偕行, làm đúng với thì tức là ích, làm trái với thì tức là vô ích. Tỷ như : đương mùa cày cấy, mà bảo dân đi làm đường, đương mùa bảo lụt mà bảo dân đi đào sông, đương hồi tạt dịch mà cấp đồ ăn uống cho dân, dân đương lúc đói khổ, mà cưỡng bách giáo dục cho dân, há phải không làm ích đâu, nhưng vì trái với thì, thời chẳng những đã vô ích mà lại tổn nữa kia.

PHỤ CHÚ.- Ở vào thì Tồn, là tồn hạ ích thượng, ở vào thì Ích, là tồn thượng ích hạ, nhưng mà Soán-truyện thấy có câu : dự thì giai hành, chữ Thì ở hai quẻ rất có thú vị.

Lý vẫn nhất định, mà Thì không nhất định, Thì có thường có biến, mà đạo lý cũng nhân đó mà có Kinh có quyền. Tồn hạ vẫn không phải là hay, nhưng gặp khi quyền biến cũng phải tùy thì mà tồn hạ. Tỷ như : trong nước gặp lúc binh trận, mộ

của dân mà giúp cho chính phủ, chẳng phải là tổn hạ hay sao, nhưng chẳng qua tạm thì mà thôi. Vì thì đáng tổn mà tổn, là thuộc về nghĩa quyền biến.

Còn như thì đáng ích mà ích, thời tổn thương ích hạ, chính là đạo kinh thường, dầu thì nào cũng phải như thế. Thánh nhân sợ ta không hiểu nghĩa ấy, vậy nên ở trong hai quẻ, chung có một chữ Thi.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, Phong lôi ích, quân tử di kiến thiên tác thiên, hữu quá tác cải.

象曰，風雷益，君子，以見善則遷，有過則改。

Phong lôi hợp nhau lại, mà giúp thêm thế lực cho nhau, ấy là tượng quẻ Ích 風雷益, quân tử xem ở tượng ấy, mà cầu việc ích ở nơi tu thân. Hễ mình thấy được việc lành, mà mình chưa làm tới, thời phải gấp gấp xê xích cho tới nơi chốn lành 見善則遷. Hễ mình biết được mình có những điều gì làm lỗi, phải gấp gấp chữa đỏi ngay 有過則改, hai câu ấy nói tắc, thời chỉ có bốn chữ : giới mình vào sự lành, là thiên thiện ; chữa đỏi sự làm lỗi, là Cải quá.

Thiên Thiện, Cải Quá 遷善, 改過, là việc ích to lớn nhất ở trong thân, mà tinh thần lại ở một chữ Tắc, chữ Tắc có hàm ý nhanh chóng và quả quyết. Nhưng cải quá lại khó hơn thiên thiện Thiên thiện tỷ dụ như : việc gì mình làm chưa được thiệt khéo, thấy người ta khéo hơn, mình lo nhích lên cho khéo bằng người. Cải quá, tỷ dụ như : mình có cái vết đen bây giờ mình cố mài đánh cho hóa trắng, nên công phu cải quá tất phải hết sức dũng cảm, mới làm được xong.

PHỤ CHÚ.— Thánh-nhân làm Dịch cốt khiến cho chúng ta đúc nên nhân cách, mà muốn đúc nên nhân cách, thời chỉ xem tượng truyện ở hai quẻ Tồn, Ích là công việc hoàn toàn rồi. Trừng phạt, trất dục, là công phu tồn lớn nhất ở trong mình, thiên thiện cải quá, là công phu ích lớn nhất ở trong mình, chúng ta nếu làm được công phu ấy, thời nhân cách đã thập phần cao thượng, suy rộng ra mà làm việc Quốc-gia Xã-hội. Chắc cũng đúng với đạo tồn ích, nhưng chỉ tám chữ, mà công phu thiệt khó hoàn toàn, ai học Dịch xin thể nhận cho kỹ.

HÀO-TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Cửu, lý dụng vi đại tác, nguyên cát, vô cữu.

初九, 利用爲大作, 元吉, 无咎.

Sơ Cửu có đức dương cương, lại làm chủ cho Nội-quái, là có thể chấn động được. Vả lại, ở vào thì Ích, ở trên có bạn chính ứng với mình là Lục-Tứ, Tứ ở ngôi tôn lại sẵn lòng làm ích cho Sơ, như thế, là một người có tài lại gặp thì gặp chủ, tuy địa vị còn thấp, không thể tự mình hữu vi được.

Nhưng người trên đã tin dụng mình, mà thì ích với mình, há lẽ ngồi không mà chẳng làm việc báo hiệu rừ, tất nhiên phải hết sức đem tài dương cương của mình chia vai với Tứ, mà làm việc đại ích cho thiên hạ 利用爲大作. Nhưng hiềm Sơ là người ở dưới mà đỡ lấy gánh quá to, e có lúc đổ bể chẳng, nên lại cần phải có đờm đại tâm tiểu, hạnh phương trí viên, thủ đoạn cho thiệt khôn khéo, kế hoạch cho được hoàn toàn, những việc mình sở vi cầu cho được hoàn thiện 元吉, nguyên cát tất như thế, mới được vô cữu 无咎. Chữ nguyên cát đây không phải nói bằng kết quả, chĩnhhĩa là làm

cho được tốt lành. Thế thời nguyên cát chỉ là tạo nhân, mà vô cữu mới là kết quả.

Tượng viết, nguyên cát, vô cữu, hạ bất hậu sự dã,

象曰, 元吉, 无咎, 下不厚事也.

Nguyên cát vô cữu, nghĩa là làm cho được rất phải, mới khỏi tội lỗi 元, 吉 无 咎. Hào từ như thế là răn cho Sơ Cửu, bởi vì Sơ Cửu là địa vị còn ở dưới thấp, không nên gánh lấy những việc nặng lớn vậy.

Hậu, nghĩa là to lớn nặng nề, làm kẻ dưới mà dám gánh việc to, nếu không nguyên cát, thời làm sao được vô cữu.

2.— Lục nhị, hoặc ích chi thập bằng chi qui, phát khắc vi, vĩnh trình cát, vương dụng hưởng vu đế, cát.

六二, 或益之十朋之龜, 弗克違, 永貞吉, 王用享于帝. 吉.

Lục Nhị âm nhu xử vào vị trung chính, và bản thể lại • nhu thuận, trung chính mà lại nhu thuận, nhân cách như thế, ở vào thì ích hạ, chắc người trên ích cho rất nhiều, e có người đem cái ích thiết to mà trao cho mình, mà mình không thể từ chối được 或益之十朋之龜, 弗克違, được ích to lớn như thế vẫn không gì là xấu, nhưng còn sợ Lục-Nhị âm nhu hoặc vì quá mềm mà có lúc thay đổi, nếu đổi đức trung chính thời còn ai làm ích cho, nên lại răn cho rằng: phải thường lâu dài trình độ, giữ chặt đức trung chính, thời mới được cát 永貞吉.

Nhị mà quả nhiên được vĩnh trình, thời đem lòng thành kính trung trực, mà cầu ích với trời, chắc trời cũng vui giúp cho, huống gì người nữa rư? Nên lại thiết lời giả phỏng

mà nói rằng: Vương dụng hưởng vu đế, cát 王用享于帝, 吉.

Nghĩa là: giả như Nhị mà làm đến Vương thời đức trung chính đó, dùng lên tế thần. Thượng đế thần cũng hưởng cho mà được phúc cát.

Thích tóm lại, hoặc ích chi, thập bằng chi qui, phát khắc vi, cũng in như Lục ngũ quẻ Tồn.

Xem nghĩa trên kia thích đã đủ hiểu. Vĩnh trinh, cát, là lời cảnh giới, nhị vương dụng hưởng vu đế, cát, là lời giả thiết ý như nói rằng; có đức trung chính, mà lại vĩnh trinh, thời chẳng những người ích cho mà trời cũng làm ích cho nữa vậy.

Tượng viết, hoặc ích chi, tự ngoại lai dã.

象曰, 或益之, 自外來也.

Tư cách một người đã trung chính, lại vĩnh trinh, như hào Lục nhị, tất nhiên người ích cho rất nhiều, bao nhiêu việc ích rất là tự ngoại đưa đến cho mình.

Nên nói: hoặc ích chi, tự ngoại lai dã.

Chữ Hoặc, là có ý nói không nhất định người nào. Ngoại, là chỉ ở ngoại quái, người ở phía trên.

3.— Lục Tam, Ích chi dụng hung sự, vô cữu, hữu phu trung hàng, cáo công dụng quē.

六三, 益之用凶事, 无咎, 有孚中行, 告公用圭.

Hào này bản chất đã âm nhu, mà lại bất trung bất chính, nhân cách như thế, vẫn không đáng được ích, nhưng vì ở về thị Ích, nhờ hoàn cảnh đó, làm ly ích cho Tam, mà

Tam cũng đương được một phần thụ ích. Theo về bản chất của Tam, nên ích cho Tam một cách lấy họa làm phúc, gieo thân vào vòng hoạn nạn, thử sắt lấy than, thử vàng lấy đá, khiến cho anh đổi lòng sửa nết, thành ra một người có giá trị trong đời, như thế, gọi bằng ích chi dụng hung sự 益之用凶事. Dụng hung sự, nghĩa là : dùng những việc răn đe trừng trị. Dùng những việc răn đe trừng trị, mà làm ích cho Tam, Tam cũng nhờ được những việc làm ích cho mình, nên Tam động tâm nhẫn tính, lảng ích những việc sở bất năng, mà không đến tội lỗi 无咎.

Tuy nhiên, bản chất Tam nguyên không được tốt, nếu miễn cưỡng vi thiện, chỉ yếm sức ở mặt ngoài, thời cũng không ra gì, nên hào-từ răn rằng : Tam đã nhờ được hung sự mà làm ích cho mình rồi, thời Tam phải hết sức chân thành 有孚, cực đoan tu tỉnh, làm sao cho đúng với đạo trung 中行. Nếu đi cho suốt đường lối ấy, kết quả tất lòng thành tin thông đạt đến người bậc trên mình, mà mình thụ ích hoài hoài 告公用圭.

Câu này giả thiết bằng một việc dùng ngọc què cáo với vương công, què là một thứ ngọc trắng mà trong. Cáo công dụng què, là ý thông đạt lòng thành lên bậc trên, vì ở vào thì Ích là thể tồn thượng ích hạ, nếu Tam đã hửu phu, trung hàng tất nhiên được lòng người trên, mà người trên vui lòng làm ích cho, cũng ví như dùng ngọc què cáo với công, mà công vui lòng nhận vậy.

Tượng viết, ích dụng hung sự, cố hữu chi dã.

象曰, 益用凶事, 固有之也.

Ích chi dụng hung sự, là cốt muốn cho Tam thể lấy

tấm lòng kẻ ích cho mình, mà giữ lấy lòng trung chính cho bền vững 固有之也. Hai chữ cố hữu, có ý ngầm bốn chữ Hữu phu trung hàng.

Rằng : Hữu phu, thời là thiết lòng không đổi.

Rằng : Trung hàng, thời cân kéo chuông chính không chệch lệch đồ bề, như thế, mới là cố hữu chi.

PHỤ CHÚ.— Năm chữ : **Ích chi dụng hung sự**, đầu mới đọc qua, thiết là khó hiểu, hung sự là việc xấu, cớ sao lại nói ích chi, chúng ta nghĩ cho thiết kỹ, mới biết là rất hay.

Nguyên lai, tính người ai cũng có thể làm được việc lành, làm được việc lành tất nhiên được phúc, được phúc tất nhiên là thụ ích. Nhưng khí chất người ta có trí, ngu, minh, ám khác nhau, thời cách làm ích cho người có khác nhau. Nếu gặp lấy người ngu ám như Lục-Tam, mà lại làm ích cho những việc bình thường, thuận thảo, chắc nó lại kiêu dâm thủ họa, chẳng phải là yêu nhau mà lại bằng mười phụ nhau hay sao ? Vậy nên, muốn làm ích cho nó, tất phải dụng hung sự. Hung sự, là những việc khốn khó gay go.

Tục-ngữ ta có câu: Thương con cho đòn. Lại người xưa có câu: thuốc độc đắng miệng, nhưng ly ư thời bệnh 毒藥苦口利於病. Dịch đến hào-từ này lại nhớ đến lời thầy Mạnh và thầy Trương, Thầy Mạnh nói rằng : trời toan trao sự nghiệp lớn cho người ấy, tất trước làm cho khổ mệt tâm chí, đau mệt xương gân, đói rét thân thể, nó toan làm việc gì thời bắt buộc cho trái lòng nó, là cố khiến cho phát động những lòng lành, nhìn những tính xấu, mà những việc nó không hay làm được, càng ngày càng tăng ích lên 天之將降大任於是人也,必先苦其心志,勞其筋骨,餓其體膚,行拂亂其所爲,使之動心忍性,增益其所不能.

Động tâm, nghĩa là : cảm động được lương tâm. Nhân tính : nghĩa là nín nhịn tính xấu.

Thầy Thương có nói : nghèo hèn khốn khổ, trải bao những cảnh gay go, chính là trời báu quý mây, rèn luyện mây, làm cho mây nên tư cách một con người 貧, 賤, 憂, 戚, 銘 玉 汝 于 成.

Hai chữ ngọc thành đó, chính là ích chi bản tiện ưu thích, tức là hung sự, lấy ưu thích bản tiện sẽ để ngọc thành cho mây, tức là ích chi dụng hung sự. Tham hợp với câu nói thầy Mạnh. Giảng đại nhậm là việc ích rất lớn, mà trước phải bắt cho khốn tâm hành lự, chẳng phải dụng hung sự hay sao ? Nghĩa hào Lục Tam này chớ đọc qua mà bảo là khó hiểu.

4.- Lục Tứ, trung hàng, cáo công, tòng lý dụng vi y thiên quốc.

六四, 中行, 告公從, 利用 為依遷國.

Hào này ở về thì Ích, mà lại ở quẻ trên, chính là trách nhậm phải ích cho dưới. Vả lại, địa vị mình, tuy không phải nguyên thủ của một nước, nhưng thân cận với nguyên thủ, thời trách nhậm lại càng nặng hung, mà hiềm vì Tứ âm nhu, lại kém đức trung, nên hào từ mới dạy cho rằng : địa vị Tứ đã quá cao, trách nhậm Tứ lại quá nặng, thời bao nhiêu việc ích hạ ở thì Ích, chẳng Tứ ghé vai mà ai nữa.

Tứ phải biết sức sắp đặt sửa sang, làm những việc gì tất phải hợp với trung đạo 中 行, giữa bản thân Tứ đã hoàn toàn được chữ trung, thời chẳng những người dưới tin, mà người trên cũng tin nhậm, cáo với vương công, mà vương công cũng tin theo 告 公 從.

Tuy ở về thì Ích hạ cần phải làm ích cho nước, vẫn chẳng phải dung dị đâu, nhưng cứ theo một lối trung hàng, dầu việc lớn lao, như việc giới Quốc-đô, cũng có thể lý dụng đạo trung của Túc, làm một tay nương tựa, mà cất nổi việc ấy 利用爲依遷固.

Thiên quốc : nghĩa là : giới Quốc đô xứ này qua xứ khác.

Như Sử ta, vua Lê Thái Tổ, nghe lời Lê Chích mà thiên đô vào Nghệ An.

Trần Đế gặp nạn Mông Cổ, mà thiên đô vào Thanh Hóa Lý dụng vi y thiên quốc, ý nói việc dầu to lớn như thế, cũng làm nổi, thời việc nhỏ không cần phải nói, ý Kinh không phải hạn định một việc thiên quốc mà thôi đâu.

Tượng viết, cáo công tòng, dĩ ích chí dã.

象曰, 告公從, 以益志也.

Đem tâm sự cáo với công, mà công nghe theo 告公從, là vì tâm chí mình chỉ cốt làm lý ích cho thiên hạ mà thôi 以益志也.

Ích chí : phải cắt nghĩa ngược, nghĩa là chí mình, chỉ ở nơi làm ích cho thiên hạ.

5.— Cửu Ngũ, hữu phu huệ tâm, vật vấn, nguyên cát hữu phu, huệ ngã đức.

九五, 有 无, 惠 心, 勿 問, 元 吉, 有 无 惠 我 德.

Cửu Ngũ có tài dương cương, có đức trung chính, mà địa vị sơ xử lại là quốc-trưởng, địa vị ấy mà người tài đức ấy ở vào, thời lòng sốt sắng làm lý ích cho người, thiết là xuất ư chí thành mà không giả dối, nên nói hữu phu huệ tâm.

Hữu phu, huệ tâm, nghĩa là có lòng chí thành làm ơn đức. Phu, là chí thành ; huệ, là ơn đức, Ngũ đã có lòng phu huệ, thành tắc trừ, trừ tắc minh; chắc là một người rất lành, chẳng cần hỏi, cũng biết là nguyên cát 勿問元吉. Tòng lai, lẽ trong thiên hạ, tự mình lấy chí thành cảm động người, tất nhiên người cũng lấy chí thành thân yêu mình.

Lúc bây giờ trong thiên hạ ai cũng tin ngưỡng vào đức Ngũ làm ơn cho mình 有孚惠我德.

Hai chữ Phu Huệ trên là chỉ vào bản thân Ngũ, hai chữ Phu Huệ dưới, là chỉ vào những hạng yêu mến Ngũ ; chữ Ngã là chỉ vào những người nhờ Ngũ làm ích cho ; chữ Huệ trên, chữ Huệ dưới chiếu ứng với nhau.

Huệ tâm, là tâm của bản thân Ngũ ; Huệ ngã đức, là đức của Ngũ làm ơn cho các hạng người, chữ Hữu Phu thời nói chung cả hai bên xuất ư chí thành. Nói về phần Ngũ, thời là không giả dối, nói về bên người thụ ích, thời là không nghi ngờ.

Tượng viết, hữu phu huệ tâm vật vấn chi hỷ, huệ ngã đức, đại đắc chí dã.

象曰, 有孚惠心, 勿問之矣, 惠我德, 大得志也.

Lòng thành huệ ích cho người, mà đã xuất ư chí thành 有孚惠心 thời còn gì phải nghi vấn nữa 勿問之矣.

Huệ ngã đức, là đức mình làm ơn cho người mà người tin ngưỡng 惠我德, như thế, là ý chí của Ngũ được thỏa thích lắm vậy 大得志也. Câu : Huệ ngã đức, vẫn hấn đỡ câu trên, nên không cần thêm chữ hữu phu. Giả sử : huệ ngã

đức, mà không phải hữu phụ, thời lấy gì đại đắc chí được. Hễ đọc kinh văn, nên hiểu ý ấy.

PHỤ CHÚ.— Câu : Đại đắc chí, Thượng Cửu quẻ Tồn với Cửu Ngũ quẻ Ích văn tuy đồng nhau, mà ý nghĩa khác nhau. Thượng Cửu quẻ Tồn sở dĩ đắc chí 'là vì ở thì Tồn, mà được làm việc ích hạ, nên quân tử cho là đắc chí vậy.

Cửu Ngũ quẻ Ích, sở dĩ đắc chí, là vì ở thì Ích mà được làm ích cho tất cả loài người, nên quân-tử càng đắc chí lắm; người xưa có nói rằng : Chí của người đời có ba hạng. Một là : Chí ư phú quý, là hạng thấp nhất, cũng gọi bằng hạ lưu. Một là : chí ư công danh, là bậc cao hơn, cũng gọi bằng trung Cửu. Duy một hạng chí ư đạo đức, mới là người cao tột mực, mới gọi bằng thượng Cửu.

Nhưng mà đạo đức cực điểm, tất phải phù tri tất thấy nhân loại, che chở hết thấy đồng bào, như thế, thời chí đạo đức của mình, mới thập phần như nguyện. Tâm sự hào Thượng quẻ Tồn, và hào Ngũ quẻ Ích, thấy như thế, vậy nên tượng truyện chung một câu : đại đắc chí dã.

6.— Thượng Cửu, mạc ích chi hoặc kích chi, lập tâm vật hằng, hung.

上九,莫益之或擊之,立心勿恆凶.

Hào này có tính dương cương mà ở hào cuối cùng quẻ Ích, là ích đến cùng cực, nên lòng tham cầu ích, càng không mực không chừng.

Đức Khổng có câu : Hễ người mà cứ nhè vào đường lợi mà đi, thời tất nhiên người oán 放於利而行多怨,

Thầy Mạnh cũng có nói : Nếu cứ mục đích ở làm lý, mà không nghĩ đến nghĩa, thời không cướp hãm không chán 苟爲先利而後義不柰不饜. Tính cương như Thượng-Cửu mà lại tham ích quá chừng, tất nhiên ai cũng ghét, còn ai chịu làm ích cho mình, chẳng những không ai làm ích cho mà thôi, e lại có kẻ choảng cho Thượng nữa 莫益之或擊之.

Vì sao nên thế ? Bối : người ở đời quý nhất là hăng tâm, bây giờ thượng lập tâm đã bắt hăng, tất mang lấy xấu 立心勿恆凶. Hăng tâm, nghĩa là người có lòng thường tốt luôn luôn).

Hào-từ này, hệ từ thích nghĩa rất kỹ, mà ý tứ rất bao la, xin biên dịch vào đây.

Hệ từ nói rằng : Quân-tử ở trong đời, đối phó với hoàn cảnh, chỉ cần thiết có ba điều. Một là : Cách hành động ; hai là : lời nói phô ; ba là : lời yêu cầu.

Ba điều đó vẫn chung một mục đích, nhưng muốn cho mục đích tới nơi, tất trước phải có chương-trình phương-châm.

Chương-trình và phương-châm thời như thế nào, tất phải như ba câu sau này :

Làm sao cho thân mình được an ổn, mà sau mới hành động 子曰,君子安其身而後動, làm sao cho lòng mình được thản dị êm đềm, mà sau mới nói phô 易其心而後語.

Làm sao cho giao tình được cố kết chắc chắn mà sau mới yêu cầu 定其交而後求, quân tử vì tu tập ba điều ấy, vậy nên được hoàn toàn 君子修此三者,故全也. Nếu thân

mình còn xử vào cảnh nguy-hiểm, mà vội hành động, tất nhiên dân không tin theo 危以動, 則民不與也. Nếu trong lòng mình còn nấp cái cơ sợ hãi, mà đã vội nói phô, thời tất nhiên dân không hưởng ứng 惧以語, 則民不應也, không có giây giao-động kết cho thân mật mà đã vội yêu cầu, thời tất nhiên dân không bênh vực 死交而求, 則民不與也. Đã không ai biểu đồng tình với mình, thời những kẻ làm hại mình tới ngay 莫之與則傷之者至矣.

Thân chẳng an mà động, ấy là táo động, tâm chẳng dị, mà ngự, ấy là vọng ngữ, giao chẳng định mà cầu, ấy là si cầu; đủ cả táo, vọng, si, chính là hạng người vô hăng tâm, còn có ai thương tới mình đâu, nên Dịch nói rằng: Mạc ích chi, hoặc kích chi, lập tâm vật hăng, hung. Chữ nguy phản đối với chữ an, chữ Cự phản đối với chữ dị, chữ vô giao phản đối với chữ định; trong ba câu ấy rất khó hiểu là câu: dị kỳ tâm, nhi hậu ngự. Ngự là có ý như giảng diễn khuyên dạy, cốt tác dụng bằng khẩu thiết, cơ sao thánh-nhân bảo cho dị kỳ tâm.

Chữ Dị là có ý bằng phản hòa dị.

Bởi vì, lấy ngôn ngữ cảm nhân, là việc đã rất thiện cận. Vậy nên ư khi trước chưa nói phô, tất phải chứa sẵn một tấm lòng hòa bình thân dị, khiến cho người ta tin mình ở trước khi chưa nói. Trái lại, trong tâm mình còn nấp một cái cơ nguy hiểm, hoặc hở một cái mũi khuynh trắc, thời trước khi chưa nói, mà dân đã hoài nghi rồi, còn lấy gì cảm động được dân nữa rư?

Xem câu: cù dĩ ngự, tắc dân bất ứng, thời càng hiểu lắm,

Tượng viết, mạc ích chi, thiên từ dã, hoặc kích chi, tự ngoại lai dã.

象曰，莫益之，偏辭也，或擊之，自外來也。

Đạo lý là cốt ở chí công, không thể thiên về phía nào, mui lý là của chung cả công chúng, không thể thiên về một phe nào, nếu không tấm lòng công ích, mà chỉ thiên về lý kỷ, thời những lời lẽ nhả ra rất là thiên từ 偏辭也 (Thiên : méch ; từ : lời lẽ). Lời lẽ mà chỉ méch về phía mình, thời tất nhiên người ghét, mà ai chịu làm ích cho, vả lại, những người ở ngoài, xum nhau lại đánh nữa kia 或擊之，自外來也.

PHỤ CHÚ.— Quẻ Tồn và quẻ Ích, chỉ theo về nghĩa tên quẻ, thời Tồn là xấu, mà Ích là tốt, nhưng hào từ Thượng Cửu quẻ Tồn rất tốt, hào từ Thượng Cửu quẻ Ích lại rất xấu, chúng ta xem tới đó, thời biết được Dịch đạo là biến hóa vô cùng, ở vào thì tồn hạ ích thượng, mà đến hào Thượng Cửu là tồn chi cực, thời quay lại lấy tự tồn ích hạ làm tốt, nên nói rằng phát tồn ích chi, đó là biết tồn đã cực, mà quay buồm chiều gió, nên được cát lợi.

Ở vào thì tồn thượng ích hạ, nhưng đến hào Thượng Cửu thời lại lấy cầu ích làm xấu. Bởi vì, thì Ích đã cực, há lẽ cứ cầu ích hoài, vì Thượng Cửu không biết thì nghĩa ấy, mà cứ gạn nước chẳng trừ cợn. Vậy nên mắc lấy hung.

Mới biết rằng : Tồn cùng thời biến, phải chịu tồn mình mà rước lấy ích ; ích cùng thời biến, chớ nên quá cầu ích mà mang lấy tồn, Kinh Thư có câu : Mãn chiêu tồn, Khiêm thụ ích

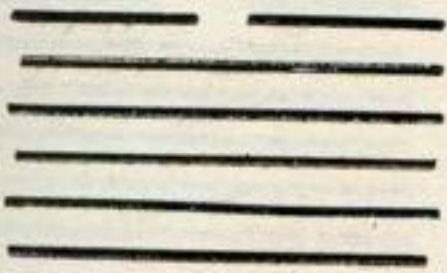
滿招損謙受益, nghĩa là : tràn đầy tất nhiên bị đổ, mà mang lấy tổn, Khiêm hư thời nhiều người giúp, mà thụ được ích. Xem gương ở hai hào Thượng Cửu quẻ Tồn, quẻ Ích sẽ biết đạo lý ấy rất đúng.

oOo

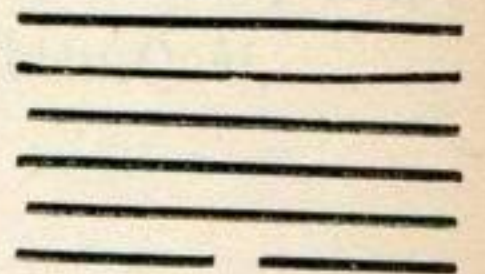
TIMSACH.COM.VN

QUÊ TRẠCH THIÊN QUÂN

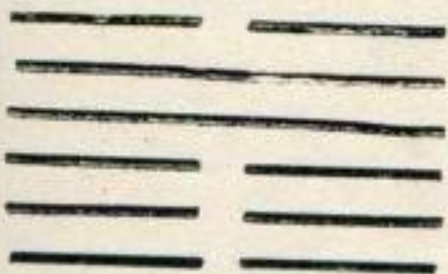
澤 天 夬



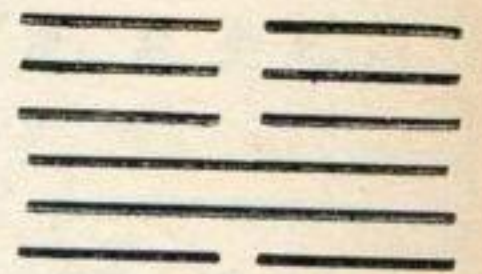
天 風 姤



澤 地 萃

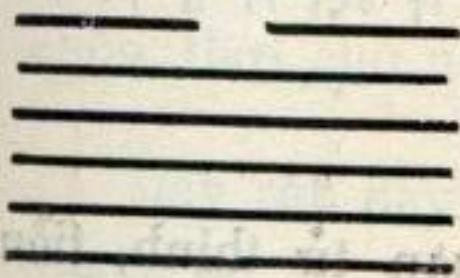


地 風 升



ILIII. QUẺ TRẠCH THIÊN QUẢI

澤 天 决



Quẻ này là quẻ Trạch-Thiên-Quải. Càn hạ cũng là Nội-Càn. Đoái thượng cũng là ngoại Đoái. Đoái trạch, Càn thiên; nên tên quẻ đọc bằng Trạch-Thiên-Quải.

TỰ QUẢI

兌
上
外
兌

乾
下
內
乾

Tự quải, Ích chi bất di tất quyết, cố thụ chi di Quải, Quải giả quyết dã.

序卦, 益而不已, 必决, 故受之以决, 决者决也.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Ích tiếp lấy quẻ Quải, là vì cơ sao?

Trên ấy là quẻ Ích, ích đã đến lúc cực 益而不已, tất nhiên tràn đầy 必决, đầy tất phải nứt vỡ, nên sau quẻ Ích, tiếp lấy quẻ Quải 故受之以决.

Chữ Quải có hai nghĩa: một nghĩa Quải là quyết-liệt, cũng có ý là rách vỡ. Lại một nghĩa Quải là hội quyết, có ý là nẻ troạng 决者决也.

Theo về tượng quẻ, Càn là trời, Đoái là nước chằm, nước chằm lên cao tột trời, tất nhiên nứt vỡ khắp nơi.

Lại theo về thể quẻ, năm dương ở dưới, một âm ở trên, năm dương hòa nhau, dùng thủ đoạn cương quyết mà trừ khử một âm, tượng là một bầy quân-tử, quyết khử một đứa tiểu-nhân, gồm hai nghĩa ấy, mà đặt tên bằng quẻ Quải.

SOÁN TỪ

Quải, dương vu vương đình, phu hiệu hữu lệ, cáo tự ấp, bất lý tức nhưng, lý hữu du vãng.

夬, 揚于王庭, 孚號有厲, 告自邑, 不利即戎, 利有攸往.

Chữ Quải đây, nghĩa là cương quyết 夬.

Quẻ này là quẻ dương thịnh âm suy, quân tử thịnh, tiểu nhân suy, vẫn là thì rất tốt, nhưng vì nhất âm ở hào Thượng, chính là đảng tiểu nhân còn chưa trừ hết, quân tử ở lúc bây giờ, nghĩ cách trừ ác, phải trừ cho tận gốc, thời đối với tụi tiểu-nhân, nên tuyên tội ác chúng nó ra trước mặt công chúng 揚于王庭, lấy một cách chí thành mà phát hiệu lệnh 孚號. Dương, nghĩa là tuyên bố minh bạch. Vương đình, tức là công triều là một chốn hội họp công chúng. Dương vu Vương đình, là thanh minh tội ác nó, sẽ dễ trừng trị nó. Hiệu : là lời xuất mệnh lệnh. Phu hiệu : nghĩa là lấy thành tín phát mệnh lệnh, đó là những cách dự bị mà trừ cho hết những món tiểu nhân.

Tuy nhiên, sự lý ở trong thiên hạ, rất vô thường là cơ họa phúc, rất bất trắc là mưu tiểu nhân, nên Soán từ lại răn cho rằng : phe Quân tử tuy thịnh, nhưng chớ nên kiêu, phe tiểu nhân tuy suy, nhưng chớ nên khinh nó, phe quân tử tất phải thường thường có lòng lo sợ, mà tính như được một cách vạn toàn. Vậy nên quải từ rằng : hữu lệ, nghĩa là có ý nguy cụ ; cốt mong cho quân tử thường phòng bị tiểu nhân.

Tòng lai, trị lũ tiểu nhân, in như đánh một toán giặc, toan khởi **thế công** với nó, trước phải lo giữ **thế thủ** giữa mình, nên lại có lời răn : cáo tự ấp, bất lý tức nhung. Nghĩa là : trước lo tự trị trong mình cho hoàn Thiện 有屬, 告自邑, mà lại không nên chuyên dùng võ lực 不利即戎. Tự ấp, nghĩa là : ấp riêng của mình, dạy cho ấp riêng mình là trước lo tự trị khiến cho tiểu nhân không chốn gián khích mà lọt vào ; 間隙. Tức nhung, nghĩa là chuyên dùng võ lực; Bất lý tức nhung, là muốn tiểu nhân an lòng quí phục ; cũng như câu trong binh thư : giặc đã cùng khốn, thời chớ nên đuổi dài 窮寇勿追.

Mấy câu dạy như trên, là dạy cho một cách hiệu thi phòng bị.

Nhưng mà tà đảng chưa hết, tiền đồ còn dài, thời những việc tấn hành về tương lai càng nên làm sao cho sự nghiệp của Quân-tử mỗi ngày mỗi tấn tới 利有攸往.

PHỤ CHÚ.— Năm dương khử một âm, năm quân-tử khử một tiểu-nhân, đáng lẽ là rất dễ, mà quái-tử lại có ý rất gay go, trên quê **Bác** năm tiểu-nhân khử một quân-tử, thánh nhân đã hết sức lo cho quân-tử.

Bây giờ quê **Quải**, năm quân-tử khử một tiểu-nhân, mà thánh nhân lại răn đe cho quân-tử, ý tứ Dịch thâm thúy biết đến chừng nào !

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, **Quải**, quyết dã, cương quyết nhu dã, kiện nhi duyệt, quyết nhi hòa ; dương vu vương đình, nhu thừa ngũ cương dã. Phu hiệu hữu lệ, kỳ nguy nãi quang dã ; Cáo tự

áp, bất lý tức nhưng, sở thượng nãi cùng dã. Lý hữu du vãng, cương trưởng nãi chung dã.

彖曰, 夬 決也, 剛 決 柔也, 健 而 說, 決 而 和, 揚 于 王 庭, 柔 乘 五 剛 也, 孚 號 有 厲, 其 危 乃 光 也, 告 自 邑, 不 利 即 戎, 所 尚 乃 窮 也, 利 有 攸 往, 剛 長 乃 終 也.

Soán viết, Quải quyết dã, cương quyết nhu dã; kiện nhi duyệt, quyết nhi hòa.

彖曰, 夬 決也, 剛 決 柔也, 健 而 說, 決 而 和.

Quải, nghĩa là quyết 夬 決也. Đường dê vừa mà nước tràn ra, ta thường nói rằng: đề quyết 提 夬 chính là nghĩa đây.

Quẻ này năm hào cương quyết một hào nhu 剛 決 柔也. Nèn nói rằng: Quải. Theo như thiề quẻ, Nội Càn là kiện, ngoại Đoái là duyệt; thời biết được đạo Quải không phải quá ư cương.

Vẫn cương kiện, nhưng mà êm dềm 健 而 說, vẫn quả quyết, nhưng mà hòa thuận 決 而 和.

Dương vu vương đình, nhu thừa ngũ cương dã.

揚 于 王 庭, 柔 乘 五 剛 也.

Sở dĩ phải tuyên bố tội tiểu-nhân ở nơi Vương đình, là vì rằng: một nhu mà cưỡi trên năm cương, thiệt quá nghịch lý, tội tiểu-nhân như thế phải tuyên bố cho chúng nhân biết mới xong.

Phu hiệu hữu lệ, kỳ nguy nãi quang dã.

孚 號 有 厲, 其 危 乃 光 也.

Sở dĩ phu hiệu hữu lệ, vì rằng: phe quân-tử phải

để lòng phòng bị nguy cu, thời đạo mình mới quang đại được vậy.

Cáo tự ấp, bất lý tức hung, sở thượng nãi cùng dã.

告自邑,不利即戎,所尚乃窮也.

Vì sao mà lại chỉ cáo tự ấp, không nên chuyên thượng uy vũ.

Vì rằng : phương pháp trị tiểu nhân, không phải chuyên thượng một mặt uy vũ mà trị được. Nếu chuyên thượng uy vũ e có lúc cùng vậy. Chữ sở là đại danh từ, là hứng lấy chữ tức hung.

Lý hữu du vãng, cương trường nãi chung dã.

利有攸往,剛長乃終也.

Dương đã thịnh trưởng đến năm hào, âm chỉ còn một hào, thời phe quân tử gấp lo tấn hành cho riết, bao giờ tuyền một nước thấy là quân tử, cũng in như một hào âm biến hóa ra Thuần Càn, mới là dương cương Thịnh trưởng đạt ư cực điểm.

Chữ Chung như nghĩa chữ hoàn thành.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, trạch thượng ư thiên, Quải ; quân-tử di thí lộc cập hạ, cư đức tác kỳ.

象曰,澤上於天,夬,君子以施祿及下,居德則忌.

Nước chằm mà lên đến tột trời, là tượng quẻ Quải澤上於天,夬, nước đã lên tột cao, thế tất hội quyết khắp mọi nơi, quân-tử xem tượng ấy, mà lo phòng bị đến lúc hội quyết,

sợ tài-tụ mà đến nổi dân tán, nên bổ thí các thức ly lộc cho vạn dân 不施祿及下. Sợ quên sự đề phòng mà gây ra sự hậu-hoạn, nên an xử vào nền đạo đức, mà lại trong lòng thường kiêng kỵ 居德則忌.

Cư đức : nghĩa là lấy đạo đức làm chốn an ở, cũng như nghĩa cư nhân ở sách Mạnh-Tử, chữ tắc đây, như nghĩa chữ Nhi ; chữ Kỵ đây cũng như nghĩa chữ Kỵ đạn sách Trung dung, nghĩa là kiêng sợ. Yên ở bằng đạo đức, mà trong lòng kiêng sợ, như thế thời tránh khỏi họa hội quyết.

HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Cửu, tráng vu tiền chi, vãng, bất thắng vi cửu.

初九, 壯于前趾, 往, 不勝爲咎.

Chi, là ngón chân ; Tiền chi, là ngón chân bước lên trước.

Hào này ở dưới hết quả, vì tính dương hăng tấn, nên thủ tượng bằng tiền chi.

Tráng vu tiền chi, nghĩa là hăng mạnh ư tiến hành 壯于前趾, ở về thì Quả, mà hăng lên theo bạn quần dương để đánh nhất âm, cũng là bản phận mình đáng làm, nhưng mà địa vị còn ở dưới thấp, mà tính chất lại quá hăng, nên thánh nhân răn cho rằng : Sơ vị thấp sức hèn, mà cố tiến liều, sợ không cất nổi gánh, là tội lỗi đó 往, 不勝爲咎.

PHỤ CHÚ.— Vãng bất thắng, là vì theo địa vị Sơ mà nói, địa ty vị thấp mà muốn làm công việc quá to, nên thánh nhân phải răn cho như thế. Nếu theo về tuyên thể quả, thời năm dương đánh một âm, có lẽ gì mà bất thắng sở dĩ bất thắng là lỗi chỉ chuyên trách ở Sơ. Thế thời Sơ nên dường nào ? Tất

nên nuôi sức chờ thì, xem gương Tứ dương ở trên, nhằm cơ hội đã tất thắng, thời ta tấn lên, chắc được vô cữu.

Tượng viết, bất thắng nhi vãng, cữu dã.

象曰, 不勝而往, 咎也.

Sức mình chưa chắc thắng, mà cứ tiến lên, tất nhiên có tội lỗi vậy.

PHỤ CHÚ.— Binh thư có câu rằng : Hễ cách cầm quân đánh giặc, tính toán cách đánh được, trước khi chưa ra đi, như thế, thời chắc được, ra đi ở trước khi chưa tính cách được, như thế, thời chắc phải thua 勝在往先者, 勝. 往在勝先者, 負.

Tức như Sử nước ta, ở triều Tây-Sơn, vua Quang-Trung nghe giặc Mãn-Thanh vào Hà-nội, ngài sắp sẵn kế-hoạch trước, khiến người mang biếu ra cầu hàng với Mãn-Thanh, để cho giặc sinh lòng kiêu, rồi liền chia năm đạo quân xuất kỳ bất ý, trực bức Long-thành, đuổi sạch mười lăm vạn quân Mãn-Thanh, đó là thắng tại vãng tiên giả thắng.

Lại như nước Tiêm-La, đương lúc vua Gia-Long cầu viện, vội vàng khinh địch, kéo hơn mười lăm vạn binh, xuống tận đất Cao-man, toan cướp Nam kỳ, chẳng dè bị vua Quang-Trung kéo qua từ Bắc thành vào thẳng Nam kỳ, đánh trượt lên Cao-man, chỉ một trận mà quân Xiêm đổ như lá rụng, đó là vãng tại thắng tiên giả phụ.

Huống hồ bất thắng nhi vãng, còn làm gì được nên việc rư ? Trên hào-từ chỉ nói vãng bất thắng, là trách lỗi ở sau lúc vãng.

Tượng truyện nói đảo lại, bất thắng nhi vãng là khuyên

cho phải tính toán ở trước khi vắng. Nếu chưa nghĩ đến bất thắng mà vội vắng, thời làm gì thắng được. Đó chính là nhân vô viễn lự tất hữu cận ưu, độc giả nên xem đến thâm-ý của thánh-nhân.

2. — Cửu Nhị, dịch, hào, mộ dạ hữu hung, vật tuất.

九二，惕，號，莫夜有戎，勿恤。

Ở về thì Quải, chính là lúc quân-tử quyết tiểu-nhân, thành thời được phúc chung cho cả quốc-gia xã-hội, bại thời họa lây cả quốc-gia xã-hội, nên công việc phòng bị cảnh giới chẳng bao giờ dám quên, hào Nhị dương cương đặc trưng rất biết đạo lý như thế, nên trong lòng thường lo sợ mà khuyên-lơn cảnh-cáo với chúng bạn luôn luôn 惕, 號.

(Dịch, nghĩa là lo sợ; Hào, nghĩa là la kêu. Hay dịch hào như thế, thời chẳng những giặc phát giữa ban ngày mà không sợ đã đành, ví dù ban đêm tối tăm, mà thoát có giặc tới 莫夜有戎, cũng chẳng phải kinh hoàng lo sợ gì 勿恤. (Mộ dạ, nghĩa là đêm khuya; Hữu hung, nghĩa là có giặc; Vật tuất, nghĩa là chớ lo sợ.

Tượng viết, hữu hung, vật tuất, đặc trưng đạo đã.

象曰，有戎勿恤，得中道也。

Mộ dạ, hữu hung, là việc đáng lo sợ, sao lại nói vật tuất.

Bởi vì, hào Nhị này vẫn sẵn được đạo trung nên ư khi vô sự, mà vẫn đã thường phòng bị, đến khi hữu biến mà vẫn cứ thung dung, nếu không đặc trưng sao được như thế.

PHỤ CHÚ. — Hào-từ chỉ có tám chữ, mà đủ làm tư cách một người đại-tướng. Xưa nay nhà binh sở dĩ thất bại, chỉ vì

hai có : Một là : khi chưa có giấc, chỉ lơ lửng hững hờ, ấy là không biết nghĩa chữ dịch hào. Hai là : thoát khi nghe giấc tới, thời kinh hoàng hoảng hốt, chính là không biết nghĩa hữu chung vật tuất.

Đường sử khen một vị danh tướng rằng : khi ông ở trong quân, suốt cả ngày cứ lăm lăm như hình đương đối địch với giấc, khi có giấc mà lăm trăn, thời lại khoan thai êm đềm như không muốn đánh.

終日欽欽如對大敵，及臨陣，則志氣安閑，如不欲戰。

Đó là chỉ vì lúc vô sự mà hay dịch hào, nên lúc hữu sự mới được vật tuất, như thế là gọi bằng đặc trung đạo.

3.— Cửu Tam, tráng vu qui, hữu hung, quân tử quyết quyết, độc hành ngộ vũ, nhược nhu, hữu uẩn, vô cự.

九三，壯于頄，有凶，君子夬夬，獨行遇雨，若濡，有愠，无咎。

Văn lý hào này rất hay, mà lại rất hợp với đạo lý, và cũng đúng với cơ quyền. Người ở vào đời quân tử tiểu-nhân giao chiến, thời lai nên biết nghĩa hào này. Trước thích nghĩa đen chữ một. Qui là xương còn má, tức là lưỡng quyền. Tráng vu qui, nghĩa là : thần sắc cường bạo hình hiện ra trên nét mặt.

Quân tử quyết quyết, chữ quyết trên là hoạt-động từ, chữ quyết dưới là động-từ, nghĩa là quân-tử phải quyết bằng cương quyết.

Độc hành ngộ vũ, là đi một mình ngộ lấy mưa. Nhược

nhu, nghĩa là như hình có dầm lấm. Hữu uẩn, nghĩa là có người giận mình.

Ở vào thì Quải, năm quân-tử xúm nhau mà đuổi một tiểu nhân, tiểu nhân tức là hào Thượng Lục, Cửu Tam vẫn trộn vào trong đám quần đưng, mà riêng một mình chính ứng với Thượng Lục. Thế là, mặt ngoài Tam vẫn một bề với quân tử, mà mặt trong thì Tam chính là bạn thân với tiểu nhân, thánh nhân ghét tiểu nhân, mà lo cho quân tử, nên hiểu cho Cửu Tam rằng : Tam ơi ! Tam muốn tốt hay xấu, chết hay sống, khôn hay dại, chỉ tại giữa bản thân Tam, Tam khôn thời sống, vớng thời chết, ta bảo cho Tam rằng : Tam vẫn một phe với quân tử, nhưng Tam lại có ý làm nội-diệp 內謀 cho tiểu nhân, xem mặt mũi Tam tỏ rõ ra một cách cương bạo, tuy Tam vẫn khuyển hướng với Thượng Lục kia rồi. Nhưng Tam vẫn trông mong cho Tam biết bênh vực lấy bề quân tử với mình.

Tuy thế mặc dầu, nhưng cách cương bạo trở tràng ở trước mặt 壯于頄, tất nhiên quân tử không ưa Tam, mà đến tiểu-nhân lâu cũng chán Tam, kết quả chỉ là rước vạ vào mình mà thôi 有凶.

Ta đối với Tam vẫn xem là loài người, mà ta rất thương yêu Tam, bây giờ chỉ trông mong cho Tam hóa ra quân tử thiệt. Nếu Tam có lòng làm quân tử thiệt, thời Tam phải quyết bằng một cách quả quyết. Tuy lâu nay Tam đã trót làm bạn với Thượng-Lục, không khác gì đi riêng một lối đường mà đặng lấy mưa 獨行遇雨, e không khỏi dầm lấm vì mưa 若濡, tất nhiên trong bạn quân-tử có người giận Tam 有愠 nhưng chẳng hề gì đâu, thân Tam tuy gần với tiểu-nhân, mà tâm Tam vẫn thường để nơi quân-tử, cứ giữ lấy tinh thần quyết quyết, chắc cuối cùng thời Thượng-Lục bị đánh đổ ; mà đánh đổ Thượng-Lục lại chính ở trong tay Tam, tâm sự Tam nếu được như thế, thời có sợ gì đi với ma phải mặc áo giấy đâu, như thế thời vô cữu 咎.

Nói cho đúng, Tam làm bằng cách tráng vu qui, thời hữu hung, mà hung đó là vì Tam tự thủ. Nếu Tam làm bằng cách quân-tử quyết quyết, thời vô cữu, mà vô cữu đó cũng là Tam tự thủ. Thánh nhân bảo Tam có hai lối như thế, theo phúc hay theo họa, theo quân-tử hay theo tiểu-nhân, tùy Tam lựa lấy; những người ở địa vị Cửu Tam rất nên cẩn thận.

PHỤ CHÚ.— Cửu-Tam dương cương bất trung, là có tính láu táu dễ mắc đại, làm chính ứng với Thượng-Lục là đã dỏ làm nội-diệp cho tiểu nhân, nhưng thánh-nhân còn mong cho nó làm nên quân-tử. Vậy nên, hào-từ ủy khúc như thế, đó mới là thâm ý của thánh-nhân.

Tượng viết, quân-tử quyết, quyết, chung vô cữu dã.

象曰，君子夬夬，終无咎也。

Cửu-Tam vẫn chính ứng với Thượng-Lục, là ở trong đám quân tử, mà một mình đi riêng một lối, nhưng mà trong đạo tương giao cốt ở tinh-thần, không cần ở hình thức.

Nếu Tam thiệt có lòng quân-tử quả quyết 君子夬夬, thời cuối cùng chắc không tội lỗi 終无咎也.

4.— Cửu Tứ, đồn vô phu, kỳ hành từ thư, khiên dương hối vong, văn ngôn bất tín.

九四，臀无膚，其行次且，牽羊，悔亡，聞言不信。

Ở vào thì Quyết, mà như hào Cửu Tứ này, chất dương ở vào vị âm, bất trung bất chính, ngồi im thời sợ bày dương tiến cả, mình không lẽ ngồi im, muốn dậy đi nhưng vì tài ực mình đi không được mạnh, nên phải chấp chừng lạng

thụng mà thôi. Vì vậy, hào-tử nói rằng : Đồn vô phu, kỳ hành từ thư 脍先膚, 其行且次.

Đồn, nghĩa là bàn tròn. Phu, nghĩa là thịt trong dĩa mỏng ; bàn tròn mà không thịt tất nhiên ngồi không được yên. Từ thư, nghĩa là : chấp chửng. Kỳ hành từ thư, là cách đi chấp chửng như đưa trẻ mới tập đi.

Cửu Tứ ngồi yên lặng, thời không thể ngồi an được, nhưng muốn đi mà không thể đi được chổng. Tỷ như ; một người bàn tròn không thịt, thời ngồi không an, muốn dậy đi, thời đi không thể mạnh. Vì thế, thánh nhân mới nghĩ cho Cửu Tứ một phương pháp rằng : Tứ ơi ! Ở đời quần dương tịnh tấn, há lẽ một mình ngồi im, nhưng vì xét tính chất không phải là bậc tài cao chân chạy, thời âu là nhường cho bầy dương lên trước, mà mình tiếp gót theo sau, tượng như người chăn dê, mình cầm roi đứng sau bầy dê, bầy dê lên tới đâu, mình lên tới đấy, có lo gì đồn vô phu, mà hành từ thư nữa đâu. Vậy nên nói rằng : Khiên dương hối vong 牽羊悔亡.

(Khiên dương, nghĩa là lừa bầy dê).

Hễ khiên dương tất phải nhường cho dương đi trước, nhường cho quần dương đi trước cũng in như thế. Tuy nhiên, ở thì Quải là thì thế rất hay, một phương diện thời thấy phong trào mà nóng nảy, một phương diện thời sợ thầy chê bạn trách, mà cố gắng lên liều. Nếu không phải người hiểu lẽ rất minh, tính việc rất chín, dầu nghe người vẽ cho cách khiên dương, mà mình có chịu tin đâu, nên lại nói : Văn ngôn bất tín 聞言不信.

Nói tóm lại, khiến dương hối vong là tính một cách hoàn toàn cho Tứ. Văn ngôn bất tin, lại thấy Tứ bất trung, bất chính mà e cho Tứ chẳng chịu nghe lời. Xưa nay những người làm việc đời mà có thành công, quý trọng thứ nhất là cương-kien trung-chính, hay lạch chân nhẹ bước, để đi trước được người. Nếu chẳng thế, thời phải mông tai biết nghe, mà hiểu được lẽ phải trái. Bây giờ Cửu Tứ không trọn cả hai đặc điểm đó, chỉ là một người dở dang ở thì Quải. Vậy nên hào từ nói lưỡng dạng.

Tượng viết, kỳ hành từ thư, vị bất đáng dã, văn ngôn bất tin, thông bất minh dã.

象曰，其行且次，位不當也，聞言不信，聽不明也。

Cửu Tứ chất dương, xử vào vị âm, vì địa vị không xứng đáng, nên mất hẳn tính cương quyết, vì vậy mà nói rằng Kỳ hành từ thư. Từ xử vào vị nhu, là đã sụp vào vùng hắc ám, đức nghe của lỗ tai còn đâu là tỏ sáng nữa, chắc là nghe lời nói hay cũng chẳng in 聞言不信, 聽不明也. Chữ thông: công dụng của lỗ tai. Luận ngữ có câu: « Thính tư thông », nghĩa là lỗ tai nghe phải nghĩ làm sao cho được thông tỏ. Vì thông bất minh, thời văn ngôn bất tin.

5.— Cửu Ngũ, nghiệm lục, quyết quyết, trung hàng vô cự.

九五，覓陸，夬夬，中行无咎。

Cửu Ngũ ở thì Quải, mà lại thân cận với Thượng Lục. Thượng Lục là tiểu nhân ở thì Quải. Ngũ thân cận với nó, e không khỏi gần mực thời đen.

Tuy nhiên, Ngũ vẫn là bậc dương cương trung chính, có lẽ đâu bịu rín với Thượng Lục mà không nhân tình quyết

tuyệt được rư ? Nên hào từ nói rằng : Nghiện lục quyết quyết. Nghĩa là : một người trung chính như Ngũ, há có lẽ Thượng Lục trây như được rư ? Chẳng qua xem nó như rau nghiện lục, chỉ quyết một quyết là đào tận gốc ngay. Ngũ mà quyết tuyệt được Thượng Lục như thế, chính là hợp với đạo trung mà không tội lỗi vậy 中行无咎.

Nghiện lục, có một tên gọi bằng mã xỉ 馬齒. Nghiện : lục ta gọi bằng rau sam, nó là một giống dễ sống mà khó khô, tính chất nó thuộc về loài âm, nên ví với tiểu-nhân.

Tượng viết, trung hàng vô cữu, trung vị quang đã.

象曰, 中行无咎, 中未光也.

Trên hào từ chỉ nói rằng : quyết quyết trung hàng vô cữu, tượng truyện lại bổ túc cho hào từ, nó nói rằng : Cửu Ngũ tuy quyết tuyệt được Thượng Lục, nhưng nguyên đầu đã thân cận với Thượng Lục. Thế là trong lòng đã có chút tư tình dây dướng, e theo về trung đạo chưa lấy gì làm quang đại, nên lấy hai chữ trung hàng mà trách lại với Ngũ.

Nghĩa là xem ở sự thực tuy đã quyết được tiểu nhân, nhưng xét đến tâm lý chưa hẳn đã quyết tuyệt chẳng ? Nếu tâm lý lờ mờ một phen, thời thực tế đạo trung chưa được quang đại vậy 中未光也.

Bởi vì, tâm lý của người ta, nếu còn tư tình chút đỉnh, thời mầm ác e lại có ngày phục sinh, nên thánh nhân có lời răn như thế.

6. — Thượng Lục, vô hào, chung hữu hung.

上六, 无號終, 有凶.

Thượng Lục là một hào âm ở trên năm dương, chính là một tên tiểu nhân ở trong rừng quân tử. Thế đạo vì nó mà còn mầm nguy cơ, nhân tâm vì nó mà còn mầm bại hoại, tuy lòng nhân ái của Thánh nhân, cũng không thể nào mà không ghét nó được, nhưng may thay ! quần dương thế mạnh, cô âm lực cùng, bầy quân tử xúm nhau mà đuổi một tiểu nhân, thánh nhân quá hân hạnh cho thế đạo nhân tâm, nên bảo với nó rằng : Thượng Lục ơi ! mày đã lên vị cực cao, tất nhiên phải đổ, mày đã làm việc cực ác, còn ai thương mày nữa, mày chớ kêu rêu khóc lóc làm gì 无號. Hào, nghĩa là kêu rêu khóc lóc, kết quả mày chỉ là người họa thủ, tất cũng đến chết 終有凶.

Tượng viết, vô hào, chi hung, chung bất khả trường dã.

象曰, 无號, 之凶, 終不可長也.

Hung họa của Thượng Lục, là bởi vì đạo của tiểu nhân đã đến lúc cùng cực, còn gì lâu dài được nữa rư ?

PHỤ CHÚ.— Chúng ta đọc suốt cả lời sáu hào, nên có cặp mắt riêng mà xem Dịch lý. **Quải** với **Phục** hai quẻ trái nhau, Phục thời năm tiểu nhân kinh với một quân tử. Một quân tử là Sơ Cửu, mà trong năm âm có Lục Tứ chịu làm chính ứng cho Sơ, ấy là một tay đặc biệt ở trong bọn tiểu nhân, nên thánh nhân quá trọng Lục Tứ mà khen cho rằng : « trung hành độc phục », nghĩa là : một mình Tứ biết trở lại theo quân-tử. Quải thời năm quân tử đuổi một tiểu nhân, là Thượng Lục, mà lại trong năm dương có Cửu Tam quay ra làm chính ứng với Thượng Lục, ấy là một tay khả nghi ở trong đám quân tử. Thánh nhân quá lo sợ Cửu Tam, nhưng lại muốn ly dụng Cửu Tam, nên khuyên lơn cho rằng : độc hành ngộ vũ nhược nhu, hữu vãn, vô cự, nghĩa là : một mình Tam tu

đi riêng một đường, nhưng nếu Tam thiết tốt, thời cũng chẳng tội lỗi gì, chúng ta chỉ xem chữ Độc ở hai hào thuộc về hai quẻ, thời biết rằng: Thảm thì thức thế, chính là diệu dụng ở trong Dịch, thánh nhân tuy trọng nghĩa lý, nhưng có phải bỏ hẳn quyền biến đâu.

Độc suốt sáu hào quẻ Quải, thời càng biết thủ đoạn thánh nhân rất cao, năm dương quyết một âm, năm quân tử quyết một tiểu nhân, mà có sao mọi hào không có chữ quyết. Duy Cửu Tam với Cửu Ngũ có hai chữ quyết quyết, chẳng phải là cơ quan họa phúc ở thì Quải, nắm vào trong tay hai hào ấy hay sao? Mà thiết vẫn có thể, Sơ tuy là quân tử, mà vị vị thấp tài hèn, may làm được một người vô danh anh hùng là đã tốt rồi; nên phải lo cho Sơ vắng bắt thắng. Nhị vẫn là tay đại tướng, nhưng nếu việc chưa đáng nhịp, chỉ là dịch hào mà thôi. Cửu Tứ vẫn là một vị quân tử, có giá trị ở trong đảng, nhưng vì khí hữu dư mà tài bất túc, chỉ vừa làm được một người đồng sự hậu viện mà thôi, nên bảo rằng khiến dương hối vong.

Tự trung duy Cửu Tam với Cửu Ngũ. Tam là bạn thân với Thượng Lục, chính là một tay làm được nội dân cho bề quân tử. Nếu Tam mà tâm sự thiết tốt, thời ông Y-Doãn tự Kiệt, Dịch nhân Kiệt thờ Chu, hưng Thương, phục Đường chẳng phải tay Tam mà ai?

Trong khi toàn Càn chuyển Khôn, đổi sông thay núi, thiết không thể thiếu được hạng người ấy, nên thánh nhân cực tán cho rằng: quân tử quyết quyết. Đến như Cửu Ngũ thời địa vị ở trên hết quần dương, chính là linh tụ trong đám quân tử, dụng đầu óc mà khu xử tay chân, vận tài năng mà di chuyển ả thì thế, chính là nhờ vì hạng người ấy.

Nếu người ấy mà dở, thời còn ai làm nổi được việc Quải rư ? Nền thánh nhân tán cho rằng : quyết quyết trung hàng.

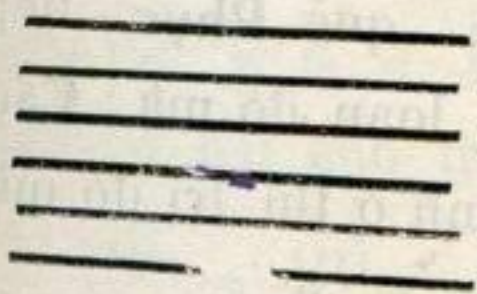
Tóm trong sáu hào mà công việc quyết quyết chỉ đặt vào trên vai Cửu Tam với Cửu Ngũ. Dụng Cửu Tam là kỳ biến, tôn Cửu Ngũ là chính kinh. Nếu không Cửu-Ngũ thời té ra rần không đầu, sao mà đi được 蛇無頭, 刺不行. Nếu không Cửu Tam, thời té ra đánh giặc không có nội công, sao mà thắng địch.

Xem hai hào-từ ấy thời thủ đoạn thánh nhân càng đáng ghê.

TIMSACH.COM.VN

XLIV. QUẺ THIÊN-PHONG-CẦU

天 風 姤



Quẻ này là quẻ Thiên-Phong-Cầu. Tồn hạ cũng là nội Tồn, Càn thượng cũng là ngoại Càn. Càn thiên, Tồn phong. Nên tên quẻ đọc bằng Thiên-Phong-Cầu.

TỰ QUÁI

乾
上
外
乾

巽
下
內
巽

Tự quái, Quái giả quyết dã, quyết tất hữu sở ngộ, cố thụ chi dĩ Cầu, Cầu giả ngộ dã.

序卦，决者决也，决必有所遇，故受之以姤姤，者遇也。

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Quái tiếp lấy quẻ Cầu, là vì cơ sao ?

Trên ấy là quẻ Quái, Quái nghĩa là phán quyết 决者决也. Hễ đã phán quyết xong rồi, tất biết được lành hay dữ, phải hay chẳng, chắc có người mà gặp gỡ 决必有所遇.

Vậy nên sau quẻ Quái, tiếp lấy quẻ Cầu 故受之以姤.

Cầu, nghĩa là : đụng gặp 姤者遇也. Theo về tượng quẻ, Càn là trời, Tồn là gió, Càn trên Tồn dưới, tượng là

gió đi dưới trời, ở dưới trời tất thấy là vạn vật, gió đi tới đâu, thấy dụng chạm đấy, đó là một tượng mà thành được quẻ Cẩu.

Lại vì từ lúc vào quẻ Thuần-Càn mà âm tiêu hết, bây giờ nhất âm mới sinh ở dưới hết, âm tình cò mà dụng lấy dương, con gái tình cò mà dụng lấy con trai, cũng là nghĩa Cẩu, nên đặt tên quẻ bằng Cẩu.

PHỤ CHÚ.— Thầy Thiệu nói rằng : quẻ **Phục** tiếp sau quẻ **Bác**, thời biết rằng : trị sinh ở thì loạn đó mà ; **Cẩu** tiếp sau quẻ **Quái**, thời biết rằng : loạn sinh ở thì trị đó mà 復後剝,明治生於亂乎,姤次夬,明亂生於治乎.

Vì vậy, nên thánh nhân phòng bị ư khi việc chưa thấy 是以聖人貴未然之訪. Quẻ **Bác** là quẻ năm âm bác một dương, dương bác chưa hết, là đạo quân tử chưa tiêu hết, chốc tiếp sang **Phục** là một dương lại sinh, thời là đạo quân tử đã toan trưởng rồi. Quẻ **Quái** là quẻ năm dương quyết một âm, âm quyết chưa được hết, cũng là tiểu-nhân chưa trừ được sạch, vừa bắt liền sang **Cẩu**, thời nhất âm đã lù ra rồi, cũng là tiểu-nhân đã nảy ra rồi. Thế mới biết cơ trời vận nước quan hệ ở tiểu-nhân quân-tử đáp đối thịnh suy, nhưng quân-tử thời khó vun trồng, mà tiểu-nhân thời dễ nảy nở.

Nếu xét thấu đến Dịch lý, thời ghê tởm biết dường nào.

SOÁN TỪ

Cẩu, nữ tráng, vật dụng thú nữ.

姤,女壯,勿用取女.

Quẻ này là quẻ nhất âm mới sinh ở dưới, mà dụng gặp ngũ dương 姤, ngũ dương ở trên, mà nhất âm gánh đỡ nổi, âm tượng là gái, một gái mà gánh đỡ nổi năm trai, ấy thiệt cường tráng lắm 女壯.

Tòng lai, thường lý trong thiên hạ, chỉ một gái địch nổi một trai, bây giờ một gái địch nổi năm trai, ấy là thể phách rất hung mãnh, mà đức tính lại cực kỳ bất trính, quân tử ở thì Cầu, xin chớ khinh rẻ hững hờ, mà lấy phải hạng gái như thế 勿用取女, là bởi vì lấy phải hạng gái như thế, chỉ là làm hại cho trai mà thôi.

PHỤ CHÚ.— Chữ Nữ tráng, và chữ thú nữ, chẳng qua thánh nhân xem ở tượng quẻ, vì có một hào âm mới, thành được quẻ Cầu. Nếu không một hào âm ấy, thời là quẻ Thuần-Càn.

Thế là nhất âm tuy thử sinh, mà làm chủ cho quẻ Cầu. Xem ở hiện tại, thời âm tuy còn hèn, nhưng nghĩ đến tương lai, thời âm chắc tiến thịnh, thánh nhân lo cho thế đạo, muốn lấy thiên đạo mà suy đến nhân đạo, nên lấy chữ Nữ thay chữ âm, kỳ thực thánh nhân chẳng phải chuyên dạy cho người ta bằng việc lấy vợ mà thôi.

Theo ở lý Kinh Dịch, âm là nữ, mà chính là tiểu nhân, chúng ta nên hội ý của thánh nhân, mà thích quái-từ rằng : Cầu tiểu nhân tráng, vật dụng thân tiểu nhân 姤, 小人壯, 勿用親小人.

Chữ Nữ thay làm chữ tiểu nhân, chữ thú thay làm chữ thân. Nghĩa là : một đứa tiểu nhân, dám đương địch với năm quân tử, chà chà dữ mạnh biết dường nào ! Chớ thân-tín những hạng người ấy mà nguy hiểm,

Nếu thấy chữ Nữ, mà chỉ học Nữ là con gái, còn gì là tinh lý của Dịch nữa đâu ! Chẳng những quẻ Cẩu mà thôi, thấy suốt sáu mươi tư quẻ, nên học bằng cách ấy.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Cẩu, ngộ dã, nhu ngộ cương dã ; vật dụng thú nữ, bất khả dự trường dã ; thiên địa tương ngộ, phẩm vật hàm chương dã ; Cương ngộ trung chính, thiên hạ đại hành dã. Cẩu chi thì nghĩa đại hỷ tai

彖曰，姤，遇也，柔遇剛也，勿用取女，不可與長也，天地相遇，品物咸章也，剛遇中正，天下大行也，姤之時義大矣哉。

Soán viết, Cẩu, ngộ dã, nhu ngộ cương dã.

彖曰，姤，遇也，柔遇剛也。

Cẩu, nghĩa là đụng gặp 姤 遇 也, nhất âm mới sinh, vừa đụng gặp ngũ dương. Thế là nhu gặp cương vậy 柔 遇 剛 也.

Vật dụng thú nữ, bất khả dự trường dã.

勿用取女，不可與長也。

Quái từ nói rằng: vật dụng thú nữ.

Bởi vì, nhất âm là thuộc về loài tiểu nhân, tiểu nhân đã có thể tiệm thịnh, thời nên mau xa tránh nó, không nên với nó tính việc lâu dài được, đây chỉ thích lời quẻ.

Thiên địa tương ngộ, phẩm vật hàm chương dã.

天地相遇，品物咸章也。

Đức Khổng Tử xem ở tượng quẻ, mà đặt ra nghĩa khác,

không theo nghĩa quái từ. Khí dương thuộc về trời, khí âm thuộc về đất, âm dương đã hội ngộ với nhau, thời vạn vật nhờ đó mà sinh trưởng, loài gì thức ấy thấy được phát đạt rõ ràng, ấy là thiên địa tương ngộ, thời phẩm vật được hàm chương.

(Hàm, nghĩa là tất thấy; Chương, nghĩa là rực rỡ).

Cương ngộ trung chính, thiên hạ đại hành dã.

剛遇中正，天下大行也。

Lại theo như đức quẻ, Cửu Ngũ ở ngoại quái, có đức dương cương, mà lại đứng vị trung chính, đức đã thịnh mà lại gặp được vị tôn, chắc là đạo quân tử đại hành được khắp cả thiên hạ. Chữ **Đại** ở đây, chỉ về **dương cương**, đạo dương cương lưu hành phát triển được, nên nói rằng đại hành.

Theo thẻ quẻ thời là âm sinh; Soán truyện lại nói riêng bằng Cửu Ngũ, mà mắng cho dương cương được tôn vị, ấy là nghĩa phù dương ức âm của Khổng Tử; dương là quân tử, quân tử đắc vị là một việc đáng mừng cho thế đạo. Nên có lời tán rằng: Thiên hạ đại hành.

Cấu chi thì nghĩa đại hỷ tai.

姤之時義大矣哉。

Thiên địa có gặp nhau, thời phẩm vật mới hàm chương, dương cương gặp vị trung-chính, thời thiên-hạ mới thấy được đại hành. Suy cho đến mọi việc rất nhỏ, Nhân với Mã có tương đắc thời mới dong ruổi được đường xa, thợ với khí có tương đắc, thời bách công mới thành tựu, chẳng một việc gì mà chẳng cần có dụng gặp, như thế là thì với nghĩa của

Cầu, thiệt rất lớn vậy thay, nên lại tán rằng : Cầu chi thì nghĩa đại hỷ tai!!!

PHỤ CHÚ.— Cầu chi thì mà lại phải thêm vào chữ Nghĩa. Bởi vì, quẻ Cầu là quẻ nhất âm sinh, âm từ đó mà tiến lên lần lần, thời hai âm thành ra Độn, ba âm thành ra Bĩ, dần đến năm âm thành ra Bác, thiệt là một thi tiết rất đang lo, chẳng lấy gì mà đáng tán tụng được, tất phải lấy bằng nghĩa chữ Cầu, chỉ giảng rằng : Cầu, nghĩa là đung gắp, thời quan hệ với nhân sự lại rất nhiều, nhỏ từ vợ chồng gắp nhau, bạn bầy gắp nhau, thầy trò gắp nhau, lớn đến Thánh Hiền hào kiệt gắp nhau, mới làm nên sự nghiệp quốc-gia xã-hội, rước được hạnh phúc cho dân tộc dân sinh, như thế là nghĩa Cầu to lớn lắm, nên nói rằng thi nghĩa.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, thiên hạ hữu phong, Cầu, hậu di thi mệnh cáo tứ phương.

象曰,天下有風,姤,后,以施命誥四方.

Ở dưới trời có gió 天下有風, gió đi tới đâu thời đụng chạm muôn vật, ấy là tượng quẻ Cầu 姤. Những bậc quân trưởng xem tượng ấy mà thi hành mệnh lệnh, cáo dụ hiệu thi khắp vạn phương, cũng im như gió đi khắp dưới trời 后,以施命誥四方. Gió là hiệu lệnh của trời, mệnh là hiệu lệnh của hậu. Hậu, là người nguyên-thủ trong một nước.

Tượng truyện lại lấy bằng tượng quẻ, mà không lấy bằng nghĩa quẻ, với ý âm ngọ dương tuyệt vô quan hệ, lời các tượng truyện phần nhiều như thế, đó cũng là nghĩa biến-

dịch ở trong Kinh-văn, mà cũng là lẽ biến-dịch ở trong Dịch-lý.

HÀO-TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1 — Sơ Lục, hệ vu kim nhị, trinh cát ; hữu du vãng, kiến hung ; luy thi phu trịch trục.

初六, 學于金柅貞吉. 有攸往, 見凶, 羸豕孚蹢躅.

Quẻ này nguyên là quẻ Càn, Càn là quẻ Thuần dương, dương biến ra âm, mà hóa ra hào Sơ Lục, nên thành ra quẻ Cầu. Vì thế, cho nên bản thân Sơ tuy là nhỏ mọn, nhưng có thể lực âm ngầm, thế nào cũng đến ngày trưởng thịnh, quan hệ với thế-đạo rất lớn.

Quân-tử ở về thi Cầu, tất phải biết âm có cơ trưởng lẫn, chúng ta tất phải ngăn đón ở lúc mới sinh, nhỏ cỏ phải nhổ từ khi cỏ mới mọc, đốn tre phải đốn từ khi tre mới măng, chính giữa lúc tiểu-nhân mới ra đời, thời quân-tử càng nên chú ý lắm, nên hào-tử đặt ra làm hai nghĩa, mà răn đe cho quân-tử. Một nghĩa : hệ vu kim nhị, trinh cát. Nhị là cái đồ để hãm xe ; Kim nhị, là lấy sắt làm nhị, là một giống rất kiên-cương xe đi mà đưng nó hãm lại, thời xe không đi được nữa. Hệ : trói.

Bảo cho quân-tử rằng : phải dùng một cách mà ngăn bộn tiểu-nhân, cố làm cho nó không lên được, tượng như hệ vu kim nhị ; nghĩa là : trói xe vào cái kim nhị ; ngăn tiểu-nhân được bền chặt như thế ; thời đạo trinh của quân-tử mới được tốt lành 貞吉.

Trái lại, lỡ hụt tay mà để cho nó tiến lên được, tất nhiên thấy chuyện xấu ngay 有攸往, 見凶.

Bốn câu trên kia, là một nghĩa chính, một nghĩa phản.

Theo về nghĩa chính, thời hệ vu kim nị mà trịnh cát, ấy là hạnh-phúc cho quân-tử. Theo về nghĩa phản, thời hữu du vãng mà kiến hung, thời tai họa cho quân tử.

Thánh nhân nói đến đó, nhưng còn e tỏm cho Sơ Lục, nên lại nói thêm rằng : một đứa tiểu nhân kia tuy còn nhỏ mọn, nhưng các người chớ nên khinh thường nó, nó mới ra đời chưa lấy gì làm mạnh, nhưng quyết có ngày nhảy nhót lung tung, in như con heo gầy mà vẫn cố nhảy nhót 羸豕孚蹢躅. Luy, nghĩa là hèn yếu ; Thỉ, nghĩa là con heo ; Phu, nghĩa là quyết hẳn ; Trịch trịch, nghĩa là nhảy nhót. Con heo tuy còn yếu gầy, nhưng quyết hẳn có ngày sẽ nhảy nhót.

Câu ấy là bảo Sơ Lục tuy còn yếu, nhưng có ngày thịnh mà làm hại quân tử, quân tử phải đề ý ngăn ngừa mới được.

Tượng viết, hệ vu kim nị, nhu đạo khiên dã.

象曰, 繫于金柅, 柔道牽也.

Vì đạo âm nhu đương dắt kéo nhau lên, thời quân tử phải lo đón trước ; mà cách đón nó, phải cho cực kỳ bền chặt, nên nói rằng : hệ vu kim nị, là sợ nhu đạo khiên đó vậy ; Khiên, nghĩa là dắt kéo nhau mà lên.

PHỤ CHÚ.— Lời trong Kinh văn, tuyền là ngôn thiện ý thâm, như hào từ này chỉ bày vẽ cho quân tử, mà gấp ngăn đón bọn tiểu nhân.

Nhưng thâm ý của thánh nhân chẳng những kiêng sợ

quân tử, tiểu nhân ở hình thức mà thôi, mà kiêng sợ thứ nhất lại là quân tử tiểu nhân ở tinh thần. Quân tử ở tinh thần là gì? tức là thiên lý. Tiểu nhân ở tinh thần là gì? tức là nhân dục; há phải quốc gia xã hội có tiểu nhân quân tử mà thôi, mà chính giữa thân ta, thời quân tử tiểu nhân lại càng ghê tởm lắm. Hễ có một tư tưởng gì đúng với thiên lý, tức là quân tử, hễ có một tư tưởng gì xây về tình dục, tức là tiểu nhân. Chúng ta muốn ngăn đón tiểu nhân ở trong thân ta, tất phải hết sức ngăn đón nhân dục. Tai hại thuộc về nhân dục, e còn thậm hơn luy thử phu trịch trực; chỉ duy hệ vu kim nị, thời chúng ta nghĩ bằng cách gì. Phàm ai đọc đến Kinh văn phải nghĩ đến ý ấy.

2. — Cửu Nhị, bao hữu ngư, vô cữu, bất lý tân.

九二, 包有魚, 无咎, 不利賓.

Ở vào thì Cầu, là chú trọng về cách gặp nhau, Cửu Nhị mặt thiết với Sơ, Sơ vẫn là tiểu nhân ở trong thì Cầu, nhưng vì Nhị có đức cương trung, tuy có đụng gặp Sơ, mà Nhị có tài chế ngự được tiểu nhân. Sơ tiểu nhân mặc lòng, nhưng cũng bị nhốt vào tay Nhị bao bọc, Nhị chế ngự được Sơ thời Sơ cũng phải phục tùng với Nhị, tượng như Sơ là một con cá, mà Nhị trùm bọc được thật chặt, cá không thể nhảy ra được 包有魚. Như thế, vẫn không lợi lỗi gì 无咎.

Tuy nhiên, Sơ là tiểu nhân khéo léo bẻm bầy, duy tài đức Nhị mới bọc được Sơ, chỉ nên giữ nó ở bên cạnh mình, không nên thả nó ra mà đụng gặp phải người khác, sợ cho người khác không tài đức như Nhị. Nếu đụng lấy Sơ, thời chắc bị Sơ quyến rũ mất 不利賓.

Bất lý tân, nghĩa là: chỉ gần Nhị thời không hề gì, chứ không nên cho nó gặp khách khác nữa.

Tượng viết, bao hữu ngư, nghĩa bất cập tân dã.

象曰，包有魚，義不及鰌也。

Sơ, nguyên là chính ứng với Tứ, nhưng Tứ với Sơ còn cách nhau xa, vả tài Tứ lại thua Nhị, nên Nhị bao bọc được Sơ. Nếu Sơ lại đụng gặp Tứ, tất trái nghĩa Cấu, nên nói rằng : bao hữu ngư, nghĩa bất cập tân dã, là nghĩa Cấu của Nhị, Nhị đã gặp Sơ, thời Sơ cũng nên chuyên nhất vào Nhị, nghĩa Sơ không nên gặp khách khác nữa vậy. (Tân, là chỉ vào hào Tứ).

3.— Cửu Tam, đồn vô phu, kỳ hành từ thư, lệ, vô đại cữu.

九三，膚无臀，其行且次，厲，无大咎。

Theo lẽ thường, âm với dương vu ư nhau, mầa tuyến quẻ duy Sơ là âm, nên anh nào cũng duyệt Sơ, nhưng vì Nhị đã gặp Sơ rồi, nên Tam không gặp được Sơ nữa, Tam là người quá cương bất trung, đã không gặp được Sơ, cũng chẳng chịu ngồi an phận, muốn lên ứng với Thượng, thời Thượng lại không phải người ứng với mình, thành ra lóng nhóng vất vả, ngồi không an ngồi, đi không xong đi, tượng như bàn tròn không thịt, ngồi đã không an, muốn đứng dậy đi, thời nước đi lại khắp khềnh 臀无膚, 其行且次. Nhưng còn may, Tam vẫn dương cương, mà đặc chính, chắc không lẽ mè mằn hoại. Nếu biết thế là nguy cù 厲, mà thủ phận an thân, thời không tội lỗi gì lớn 无大咎.

Tượng viết, kỳ hành từ thư, hành vị khiên dã.

象曰，其行且次，行未牽也。

Cửu Tam, sở dĩ kỳ hành từ thư, là vì dưới không gặp được Sơ, trên không ứng được Thượng, dầu có đi ra, cũng chẳng ai khiên dẫn mình vậy.

4.— Cửu Tứ, bao vô ngư, khi hung.

九四, 包无魚, 起凶.

Chữ Ngũ ở đây cũng chỉ vào hào Sơ, Sơ vẫn là chính ứng với Tứ, có lẽ đáng gặp nhau, nhưng vì Sơ đã gặp Nhị, Nhị đã thu nạp được Sơ, thời Tứ hồng mất phần, nên nói rằng: bao vô ngư. Tượng như một con cá ấy đã lọt vào bọc Nhị, thời trong bọc Tứ có cá đâu nữa.

Nguyên lai, Tứ là người ở vị trên, Sơ là người ở vị dưới, người ở trên không thu phục được người dưới, chẳng phải là: quan mất dân, thầy mất trò, vợ mất chồng hay sao, làm người trên, mà để đến nỗi người bỏ mình, ư chẳng bao lâu, tất có tai nạn phát sinh 起凶.

Tượng viết, vô ngư chi hung, viễn dân dã.

象曰, 无魚之凶, 遠民也.

Vô ngư mà mắc lấy hung, chỉ vì mất đạo làm kẻ trên, mà đến nỗi tự tuyệt với dân đó vậy.

Chữ Viễn đây là động từ, cũng như chữ Viễn tiểu nhân. Theo như tượng quẻ vẫn âm là tiểu nhân, mà tiểu tượng lại lấy riêng một nghĩa. Viễn tiểu nhân thời hay, mà viễn dân thời dở, nghĩa Dịch biến hóa không chấp nhất, là như thế.

5.— Cửu Ngũ, di kỷ bao qua, hàm chương, hữu vận tự thiên.

九五, 以杞包瓜, 含章, 有隕自天,

Kỷ là tên một thứ cây, cây cao mà lớn, có thể che bọc được các cây nhỏ; Qua, là cây dưa, thuộc loài âm mà ở dưới thấp, có dây hay mọc leo vào cây to.

Cửu Ngũ có đức dương cương trung chính, lại ở vào vị nguyên thủ ở trong một nước. Vì đức tốt mà ở vị cao, biết hay khuất kỷ há hiền, nên quần dương giúp đỡ mà phòng ngự được tiểu nhân, là Sơ Lục, tượng như lấy cây kỷ mà che bọc cây dừa 以杞包瓜. Kỷ, thí dụ bằng Ngũ, là người có tài đức ở ngôi cao; Qua, thí dụ bằng Sơ, là tiểu nhân ở dưới thấp.

Ngũ có tài đức như thế, lại hay chứa ngậm đức tốt ở trong, chẳng khoe trể loè loẹt với người 含章.

Đạo người đã rất tốt, thời lòng trời phải chìm nghe, cơ hội may bỗng chốc xui khiến, mà sự nghiệp lớn thành linh tới trước mặt, ví như: tự trên trời nẩy xuống 有陨自天.

Vận, nghĩa là sa nẩy. Hữu vận tự thiên, là hình dung thì vận tốt, chứ chẳng phải sự thực đầu.

PHỤ CHÚ.— Quẻ này nguyên là quẻ Càn, vì Sơ dương hào biến động, mà hóa ra âm hào, thành ra quẻ Cấu. **Bản thân hào Sơ trước vẫn tiềm long, ở quẻ Càn, khi vào Cấu thời lại hóa ra luy thi.** Một người vì hoàn cảnh thay đổi, mà thiện ác xa nhau đến như thế, chúng ta muốn cải lương nhân cách mà không lo cải lương hoàn cảnh xấu, **thời thế đạo làm sao khỏi có tiểu nhân.**

Hoàn cảnh xấu là vì sao? Là vì những chế độ bất lương của xã hội, may thay ở thì Cấu này, mà còn có Cửu Ngũ dương cương trung chính, nguyên trước là ở vị phi long quẻ Càn, bốn bạn dương nhờ Ngũ dắt dìu, một hào Sơ âm bị Ngũ chế ngự, mà cơ họa chuyển làm phúc, vận trời phải chiu người.

Hào từ nói : hữu vận thiên, tuy không được như phi long tại thiên, nhưng vẫn hân hạnh cho thể đạo nhân tâm, may mà có Cửu Ngũ, nhân sự vẫn hồi được khí số, há phải ngẫu nhiên đâu.

Tượng viết, Cửu Ngũ hàm chương, trung chính dã, hữu vận tự thiên, chí bất xả mệnh dã.

象曰，九五含章，中正也，有隕自天，志不舍命也

Cửu Ngũ ngậm chứa được chương mỹ, há phải vận mình vô đầu, mà chỉ đức trung chính đó vậy 九五, 含章, 中正也. Hữu vận tự thiên, cũng chẳng phải chuyên ý vận trời, chỉ vì tâm chí của người không chống trái với đạo trời vậy 志不舍命也. Mệnh, nghĩa là đạo trời : Xã, cũng như nghĩa chữ Vi 違 ; trên Văn ngôn quẻ Càn đã có câu : **Tiên thiếu nhi thiên phát vi**. Bởi vì, mình phát vi thiên, nên thiên phát vi mình. Vi, cũng nghĩa là trái.

6.— Thượng Cửu, cầu kỳ dắc, lẫn vô cự.

上九，姤其角，吝，无咎。

Thượng Cửu chí cương, mà ở trên hết quẻ ; thí dụ bằng hình giống thú, thời hào Thượng này là cái sừng, nên nói rằng : Cầu kỳ dắc, nghĩa là ở về thì Cầu, chỉ dùng bằng cách cương trường ở trên 姤其角, cầu không nhằm cách, tất nhiên chúng phản thân ly, như thế thời mang lấy xấu hổ, mà không trách lỗi ai được nữa 吝 无咎.

Chữ Vô cự đây, khác với chữ vô cự ở mọi nơi. Vô cự, nghĩa là vô sở qui cự. Bởi vì, tội lỗi mình làm ra, nên không trách được ai.

Tượng viết, Cầu kỳ dắc, thượng cùng lẫn dã.

象曰姤其角，上窮吝也。

Cầu kỳ đặc, là vì Thượng Cửu này cương quá mà lại ở cuối cùng thí Cầu, Cầu đã đến cuối cùng, chỉ mang lấy xấu mà thôi.

PHỤ.CHÚ.— Theo về lý Dịch, thời âm dương vẫn tương đối, dương chẳng phải tuyệt đối tốt, mà âm cũng chẳng phải phải tuyệt đối xấu, chỉ tranh nhau thì với vị, trung hay bất trung, chính hay bất chính, mà tốt xấu mới khác nhau.

Hào Sơ quả này một âm mà gánh đỡ năm dương, chẳng khác gì một vợ lấy năm chồng, một tờ mà thờ năm chủ, thiệt là một đứa tiểu nhân bại hoại đến cực điểm, nên năm dương trên thấy dòm vào Sơ làm tốt xấu. Hễ ai hạn chế được Sơ thời tốt, nhưng trong phép hạn chế Sơ, thời cốt có lượng bao dung, có đức trung chính, nên Cửu Ngũ, Cửu Nhị thấy có dung chữ bao. Vì hai hào ấy có đức cương trung, nên Sơ không dám khinh lờn và oán hận gì. Sở dĩ bao hữu ngư, thuộc về Cửu Nhị, bao qua thuộc về Cửu Ngũ, trị tiểu nhân mà khôn khéo như thế, còn sợ gì tiểu nhân đâu. Kia Cửu Tam vì quá cương bất trung; Cửu Tứ vì bất trung bất chính, nên tiểu nhân bất phục.

Hễ tiểu nhân đã bất phục, thời không thể tốt lành, nên Cửu Tam đồn vô phu; Cửu Tứ bao vô ngư.

Vậy mới biết, trong đời không thể không tiểu nhân, nhưng phải biết thủ đoạn trị tiểu nhân, thời tuy có dụng gặp tiểu nhân, cũng không hại gì.

Duy có một nghĩa: chúng ta nên chú ý, chế trị tiểu nhân tất phải phòng bị ư lúc mới manh nha, nên tuyền quẻ Cầu chỉ có một chữ Cát, mà chữ Cát đó lại phải ở dưới câu: hệ vu kim nị, ý thánh nhân sâu xa biết đường nào !!!

Nếu ở lúc Sơ mà không biết hạn chế, chờ đến lúc cuối cùng mới toan cạy cọ, thời chỉ như Thượng Cửu Cầu kỳ dắc lằn mà thôi, ở hào Sơ quẻ Khôn, thời đã báo cho rằng : Lý sương kiên băng chí ; ở hào Sơ quẻ Cầu thời vội báo rằng : hệ vu kim nị trính.

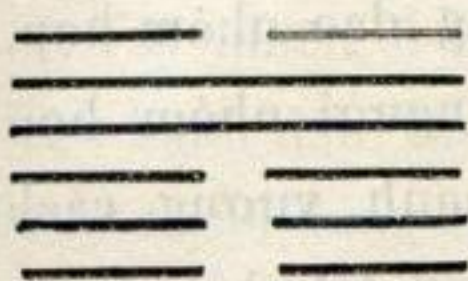
Thì tuy khác nhau, mà thận thỉ phòng vi, ý in như nhau.

oOo



ILV. QUÊ TRẠCH-ĐỊA-TỤY

澤 地 萃



Quẻ này là quẻ Trạch-Địa-Tụy. Khôn hạ cũng là nội Khôn, Đoái thượng cũng là ngoại Đoái. Đoái trạch Khôn địa. Nên tên quẻ đọc bằng Trạch-Địa-Tụy.

TỤ QUÁI

兌
下
外
兌

坤
下
內
坤

Tụ quái, Cấu giả ngộ dã, vật tương ngộ nhi hậu tụ, cố thụ chi dĩ Tụy, Tụy giả tụ dã.

序卦，姤者遇也，物相遇而後聚，故受之以萃，萃者聚也。

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Cấu tiếp lấy quẻ Tụy, là vì cơ sao?

Trên ấy là quẻ Cấu; Cấu, nghĩa là đụng gặp 姤者遇也, hễ vật có đụng gặp nhau mà sau mới thành bầy, đã thành bầy tất nhiên nhóm 物相遇而後聚. Vậy nên sau quẻ Cấu tiếp lấy quẻ Tụy 故受之以萃. Tụy nghĩa là nhóm họp 聚者聚也. Nghĩa tên quẻ đã tường ở Soán truyện, sẽ dịch ra sau.

SOÁN TỪ

Tụy, hanh, vương cách hữu miếu, lý kiến đại nhân, hanh, lý trình; dụng đại sinh, cát, lý hữu du vãng.

萃, 亨, 王假有廟, 利見大人, 亨, 利貞, 用大牲, 吉, 利有攸往.

Tụy, hanh, vương cách hữu miếu.

萃, 亨, 王假有廟.

Tụy, nghĩa là nhóm họp, nhưng ở trong đạo nhóm họp, rất khó khăn và rất huyền bí, là thần với người nhóm họp ở một chốn, nên Soán từ nói rằng: Tụy hanh, vương cách hữu miếu, nghĩa là: đã nhóm được bầy người, tất nhiên hanh thông 萃 亨.

Nhưng sở dĩ nhóm được bầy người, tất cốt ở chí thành, mà muốn chứng nghiệm lòng chí thành, tất phải xem ở nơi cảm cách thần linh, nhóm tinh thành ở nơi tôn miếu, mà tinh thần của thần linh cũng phảng phất bên tả hữu mình, ấy là thần với người nhóm nhau ở một chốn; nhà vương tới ở tông miếu, là lấy tinh thành mà nhóm họp được loài vô hình đó vậy 王假有廟.

Lý kiến đại nhân, hanh, lý trình.

利見大人, 亨, 利貞.

Trên ấy nói: thần nhóm với người, là thuộc về phần lý luận. Dịch chẳng phải chỉ thuyết lý mà thôi, mà lại nói cho tường đến sự thực, lẽ trong thiên hạ rất khó chỉnh tề là đám đông người, người nhóm lại thời dễ sinh ra mối tranh, rất khó hoàn toàn là đám nhiều việc, hễ việc nhóm lại thời nấy

ra sự rối. Vậy nên ở trong đám đông người nhiều việc, tất phải có người Chủ tể mới xong.

Người Chủ tể tức là người đầu bầy, mà chính là người đại tài đại đức, nên lại nói : lý kiến đại nhân, hanh. Nghĩa là : tuy vẫn hanh thông được, nhưng tất phải lý kiến đại nhân, thời đám tụy đó mới được hanh 利見大人,亨. Tỷ như : nhóm người một đảng, tất có người đại nhân làm đảng trưởng, nhóm người một nước, tất phải có đại nhân làm quốc trưởng, thấy là nghĩa ấy.

Tuy nhiên, ở trong đám Tụy, há phải lý kiến đại nhân mà được hanh đầu, tất phải xem ở nơi chủ nghĩa sở dĩ nhóm, có được chính đáng hay không.

Nếu chủ nghĩa đám nhóm đó mà không chính đáng, tất nhiên ở trong đám ấy, làm sao mà được tụy hanh, nên nói rằng : Ly trinh, nghĩa là : muốn nhóm cho được hanh thông, tất phải đường lối cho chính đáng.

Trái lại, nếu nhóm họp bằng cách bất chính, thời chỉ là hữu danh vô thực, hữu thi vô chung, dầu có nhóm được đông người ở trong nhất thì, cũng chẳng làm gì nên.

Dịch-lý quý trọng nhất là chữ Thi, Thi đã đến lúc Tụy rồi, về phương diện tinh thần vẫn nên long trọng, mà phương diện vật chất, cũng không thể sơ bạc. Tỷ như : tế thần, hoặc là tiếp tân khách, vẫn quý trọng thành tâm thực ý, nhưng cũng phải lễ vật phong hậu cho xứng thì, nên nói rằng : dụng đại sinh, cát 用大牲,吉.

Đại sinh, nghĩa là cỗ sanh lớn, tế hưởng mà dụng đại

sinh chỉ là thiết lời cho tỏ rõ, thì nghĩa nên hậu mà hậu, như thế mới được cát.

Lại còn một lẽ nữa, người ta đã đông đúc, của đã phong phú, chính là nhịp đại hữu vi, hề những công việc ly dân dụng, hậu dân sinh, tất phải lo tấn hành tiếp tục, cho sự nghiệp được lâu dài phát đạt, nên lại nói : ly hữu du vãng 利有攸往.

PHỤ CHÚ.— Quái từ này xem có ý như hình tán mạn nhưng thích tóm lại, thời ý nghĩa vừa minh bạch và hoàn thiện lắm.

Câu Vương cách hữu miếu, là cốt nhóm họp bằng tinh thần, nên nói lấy tinh-thành người mà nhóm họp được thần thần còn nhóm họp được, huống còn người nữa rư ? Đó là căn bản làm nên Tuy.

Nhưng mà : Tuy là nhóm, nhóm mà không người đầu bầy, thời Tuy không xong, nên phải ly kiến người đại tài đại đức, đó là chương trình bắt đầu làm công việc Tuy. Nhóm bầy tất phải có Chúa-nghĩa cho chính-đảng, sẽ đề quần chúng theo đường lối mà đi, nên lại cần phải ly trình, như thế, tất kết quả được Tuy hanh. Lúc bây giờ lại cần phải dùng đến vật chất, và sắp đặt tiến hành những công việc thiện hậu, sẽ đề cho tuy tu được lâu dài, nên lại phải dụng đại sinh, cát ly, hữu du vãng. Tổng chi, căn bản thứ nhất là tinh thành, bắt tay vào làm thời phải có chương trình, có chúa-nghĩa, toan đến lúc kết quả, lại phải kiêm có vật chất, với những việc lạc ly về phần sau, chúng ta nhận suốt ý nghĩa như thế thời trên mặt chữ Kinh-văn, bất tất quá câu nệ.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết. Tụy tụ dã, thuận di duyệt, cương trung nhi ứng, cố tụ dã ; vương cách hữu miếu, trí hiếu hưởng dã ; lý kiến đại nhân, hanh, tụ di chính dã ; dụng đại sinh, cát, lý hữu du vãng, thuận thiên mệnh dã ; quan kỳ sở tụ, nhi thiên địa vạn vật chi tình, khả kiến hỷ.

彖曰，萃聚也，順以說，剛中而應，故聚也，王假有廟，致孝享也，利見大人，亨，聚以正也。用大牲，吉，利有往，順天命也，觀其所聚，而天地萬物之情，可見矣。

Soán viết, tụy tụ dã, thuận di duyệt, cương trung nhi ứng, cố tụ dã.

彖曰，萃聚也，順以說，剛中而應，故聚也。

Tụy, nghĩa là nhóm được đông người 萃聚也. Theo về đức quả, Khôn có tính thuận, Đoái có tính duyệt, thuận với lòng người, mà lòng người hòa duyệt 順以說, lại bậc trên có đức cương trung tức là Cửu-Ngũ, mà người ở dưới tất thấy ứng trợ cho 剛中而應. Vì vậy, nên nhóm được đông người 故聚也.

Vương cách hữu miếu, trí hiếu hưởng dã.

王假有廟，致孝享也。

Câu vương cách hữu miếu, là nói về phần tinh-thần, tất phải chí thành chí kính, in như con cháu hiếu đem lòng chí-hành chí-kính, mà hưởng tổ tiên vậy.

Lý kiến đại nhân, hanh, tụ di chính dã.

利見大人，亨，聚以正也。

Ở trong thì Tụy, mà nhóm họp bằng cách chính đạo, tất

nhiên trong đám nhóm đó có đại nhân, bầy mà có người làm chủ, thời nhóm được đông mà hanh thông vậy.

Dụng đại sinh cát, lý hữu du vãng, thuận thiên mệnh dã.

用大牲吉,利有攸往,順天命也.

Sở dĩ nói dụng đại sinh, cát, lý hữu du vãng, là vì theo thì Tuy mà ứng phó cho hợp với thì, người nhóm đã đông, sinh sản đã nhiều, thời về đường vật chất không thể keo sền được, vả công việc phát triển phải lo tiến hoài, chỉ là thuận đạo trời mà làm vậy.

Nghĩa chữ Mệnh đây, kiêm cả thì với đạo, thuận theo thì trời và đạo trời, tức là thuận thiên mệnh.

Quan kỳ sở tụ, nhi thiên địa vạn vật chi tình, khả kiến hỷ.

觀其所聚,而天地萬物之情,可見矣.

Xem đạo-lý sở dĩ Tuy, thời tình của thiên địa vạn vật có thể thấy được, thiên địa có tụ mới nên được công hóa-dục, vạn vật có Tuy mới nên được việc hợp quần.

Trái lại, chỉ tan tan tác tác rời rời rạc rạc, mỗi cái mỗi đường, mỗi người mỗi nơi, tất đến nỗi tương bội tương hại, còn gì là tình thiên địa vạn vật đâu. Vậy nên, muốn thấy được tình thiên địa vạn vật, tất phải xem ở chốn Tuy vậy.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, trạch thượng ư địa, Tuy, quân tử di trừ hung khí, giới bất ngu.

象曰,澤上於地,萃,君子以除戎器,戒不虞.

Quê này dưới Khôn trên Đoái, Khôn tượng là đất, Đoái tượng là nước chăm, nước chăm lên trên mặt đất 澤上於地, tượng là nước có chốn nhóm, nên đặt tên quê bằng Tụy 萃.

Quân tử xem ở tượng quê Tụy mới nghĩ rằng : hễ nhóm người lại đông thường sinh ra việc tranh nhau, vật nhóm lại nhiều, thường lo có lúc cướp nhau, nên muốn ngăn ngừa cho khỏi cái họa tranh cướp, tất phải trừ nhung-khí, để giới bất ngu. Trừ, nghĩa là chứa nhóm, cũng nghĩa là sửa sang ; Nhung khí, là những đồ dùng vào việc binh. Bất ngu, là những sự biến chẳng ngừa mà nảy ra. Chứa nhóm sửa sang những việc binh, 除戎器, răn đe những sự biến chẳng ngừa mà nảy ra 戒不虞, cốt muốn được thường nhóm mà không tan đó vậy.

HÀO-TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ lục, hữu phu bất chung, nãi loạn nãi tụy, nhược hào, nhất ác vi tiểu, vật tuất, vãng vô cự.

初六, 有孚, 不終, 乃亂乃萃, 若號, 一握, 爲笑, 勿恤, 往, 无咎.

Hào Sơ-Lục này, chính ứng trên có hào Cửu-Tứ, Tứ là dương-cương ; Sơ là âm-nhu, cứ lẽ thời âm dương đáng tương đắc, tin cần nhau cho hữu thi hữu chung. Nhưng vì thì Tụy ba âm nhóm nhau ở nội-quái, Sơ-Lục vì âm nhu chất nhược, giữ chính không được vững vàng, theo đua với hai hào âm, mà làm cách nhóm tầm bậy, như thế thiệt là hữu phu bất chung. Có kẻ tin thật với mình, mà mình không tin theo cho đến cuối cùng 有孚, 不終, đến nỗi rối loạn cách nhóm của mây 乃亂乃萃. (Chữ Nãi trên là động-tử ; chữ Nãi dưới là đại-danh-tử. Nãi, nghĩa là mây, chỉ vào

Sơ-Lục). Người mình đáng Tuy, mà mình không tuy. Thế là nhóm bầy với bầy xằng, là nải loạn nải tuy.

Hào từ mới nghĩ dùm cho Sơ-Lục một cách mà bảo rằng : Sơ kia ơi ! mày vẫn dở theo lầm bầy tiểu nhân, nhưng mày vẫn có chính ứng của mày kia mà, phỏng khiến mày biết đại, mà hô hào chính ứng của mày 若震, chắc có một lớp kia, xúm nhau cười 一哄為笑, nhưng mày thầy kệ nó, chớ ái ngại gì 勿恤, cứ giữ chủ nghĩa mình mà đi theo chính ứng, thời không tội lỗi gì 往,无咎. Nhất ác, nghĩa là một xúm người, là chỉ vào bầy Nhị âm ; Vật tuất, là có ý như chẳng quản, nó có cười cũng kệ thầy ; Vãng, nghĩa là : đi theo bạn dương cương.

Tượng viết, nải loạn nải tuy, kỳ chí loạn dã.

象曰,乃亂乃萃,其志亂也.

Nguyên Sơ-Lục với Cửu-Tứ là sẵn có bạn tuy rất chính đáng ; vì tâm chí Sơ quá nhu nhược, dễ cho bầy nhị âm rối loạn được, chí Sơ đã loạn thời nhóm có chính đáng nữa đâu. Vậy nên, nói rằng : nải loạn nải tuy.

PHỤ CHÚ.— Từ Nhược hào sắp xuống bốn câu ; là dạy vẽ cho Sơ Lục, nhưng không chắc Sơ Lục đã làm được như thế, nên tượng truyện không nhắc đến bốn câu dưới.

2.— Lục Nhị, dẫn, cát, vô cữu, phu, nải lý dụng thược.

六二,引,吉,无咎,孚,乃利用禴.

Lục nhị âm nhu mà trung chính, thượng ứng với Cửu Ngũ cũng dương cương trung chính, hai hào trung chính ứng với nhau, là một đám nhóm rất tốt ở trong thì Tuy. Nhưng còn hiểm địa vị Nhị chen vào giữa Nhị âm, mà Nhị với Ngũ xa nhau, nên thánh nhân mới răn cho rằng : Nhị ơi ! mày phải biết,

người mà mây đã định tụy đó, đủ đức dương cương trung chính, mây nên dắt kéo bạn bầu mây đề lên nhóm với Ngũ, thời bản thân mây được lốt lành, mà chúng bạn mây tất thấy không tội lỗi 引吉, 无咎. Tuy nhiên, đạo Tuy cốt nhất là chí thành. Nếu Nhị lấy lòng chí thành mà thượng ứng với Ngũ thời Ngũ cũng lấy chí thành mà hạ giao với Nhị 孚, nhóm nhau bằng cách chí thành, thời văn sức chẳng cần gì phiền, vật chất chẳng cần gì Thịnh. Ví như : chí thành tế thần mà dùng, một cách trá đan giản như lệ tế thược là vừa xong 乃利用禴. Nếu quả được tinh thành như thế, thời có lẽ nhóm được cả thiên hạ, chẳng những Nhị với Ngũ nhóm với nhau mà thôi. Hào từ đây chỉ cốt có hai chữ, chữ « Dẫn » với chữ « Phu ». Dẫn là thuộc về thủ đoạn, Phu là thuộc về tinh thần.

Lấy một mình mà dắt kéo cả trên dưới tới nhóm với Cửu Ngũ, là thủ đoạn rất hay. Trước khi chưa nhóm, mà đức trung chính thành thực đã đủ cho người tin, đương khi đã nhóm, mà trọng thành tín giảm hư văn, càng khiến cho thiên hạ dốc lòng tin ngưỡng, đó là tinh thần rất tốt, đủ nghĩa cả hai chữ ấy, nên được cát vô cực.

Tượng viết, dẫn cát, vô cực, trung vị biến dã.

象曰, 引吉, 无咎, 中未變也.

Lục Nhị vẫn ứng với Cửu Ngũ, nhưng ở chen vào khoảng Nhị âm, bây giờ dắt cả Sơ, Tam lên tụy với Ngũ, như thế là đức trung của Ngũ không bao giờ biến vậy. Nếu đức trung có biến, thời còn dẫn được ai.

3.— Lục Tam, tụy như, ta như, vô du lý vãng, vô cực tiểu lần.

六三, 萃如, 嗟如, 无攸利, 往, 无咎, 小吝.

Thông thường Tam với Thượng là tương ứng, nhưng Tam âm nhu, Thượng cũng âm nhu, nên Tam có ý không khuynh hướng với Thượng. Bởi vì, địa vị Tam gần Tứ, Ngũ là hai hào dương cương, nên Tam muốn cầu Tuy với Tứ, Ngũ. Nhưng Tứ đã ứng với Sơ; Ngũ đã ứng với Nhị, lại thấy Tam là hạng người âm nhu bất trung bất chính, nên Tứ, Ngũ chẳng thêm nhóm cùng, cầu với Tứ, Ngũ thời họ đã chẳng thêm ứng cầu với Sơ, Nhị, thời họ có chính ứng của họ, họ cũng chẳng ngó, Tam muốn tuy nhóm bao nhiêu, lại càng âu sầu bấy nhiêu, chẳng có gì là tốt đâu 萃如, 嗟如, 先攸利 (Chữ Như là trợ-ngữ-từ). Muốn tuy mà không được, nên phải than thở.

Như thế, thời chỉ có một phương pháp : ở ngoại quái có hào Thượng là bạn đồng loại với Tam, vả lại ở vào vị tương ứng, Tam nên tấn lên cầu tuy với Thượng, cũng không tội lỗi gì 往, 无咎.

Bởi vì : những người có thể lực đã không chịu ứng với mình, còn có bạn cùng giao ở phương xa, thời mình cũng nên kiết-nạp.

Ở về thì Tuy mà như thế, tuy có xấu thẹn chút đỉnh 小吝. Nhưng theo về đạo lý phải, vẫn là vô cớ.

Tượng viết, vắng vô cớ, thượng tổn dã.

象曰 往无咎, 上巽也.

Hào từ bảo cho Tam, phải tấn lên theo hào Thượng, là vì Thượng có tính tổn thuận, Tam vắng cầu với Thượng, thời Thượng cũng thuận thụ mà ứng vậy.

4.— Cửu Tứ, đại cát, vô cớ.

九四, 大吉, 无咎.

Cửu Tứ có đức dương cương vẫn là người tốt, nhưng sở xử lại vào vị âm, có hiểm vì bất chính, duy Tứ ở vào thì Tuy, lại thân cận với Cửu-Ngũ, là hai hào đồng đức, nên kẻ trên người dưới thấy khuynh hướng vào. Trên thời Cửu-Ngũ, dưới thời quần âm, thấy xum nhau nhóm ở trước Tứ; hoàn cảnh Tứ như thế, thì thế Tứ như thế; muốn cho được hoàn toàn mỹ mãn, há phải dễ đâu! Nên hào-tứ răn rằng: tất phải đại cát mới được vô cữu. Chữ đại cát, là tạo nhân, chữ vô cữu, là kết quả. Nghĩa là: trước đại cát, sau mới vô cữu. Trái lại, bất cát, thời hữu cữu.

Đại, nghĩa là qui-mô cho thiết rộng lớn, mà chớ chật hẹp; cát là hành động cho thiết tốt lành; mà chớ sai-suyễn. Nếu có việc gì sai đạo trái lý, tất là nhóm không được chính, có làm gì được vô cữu nữa rư?

Tượng viết, đại cát vô cữu, vị bất đáng dã.

象曰，大吉无咎，位不當也。

Hào tứ sở dĩ phải có bài răn là vì dương hào ở vào âm vị, vị đã bất đáng, nên nghi không được cát chăng? Phải dặn cho rằng: có được đại cát thời mới được vô cữu.

5. Cửu Ngũ, tụy hữu vị, vô cữu, phi phu, nguyên vĩnh trinh, hối vong.

九五，萃有位，无咎，匪孚，元永贞，悔亡。

Quẻ này bốn âm khuynh hướng vào nhị dương, nhưng Tứ mới bước vào quẻ trên, chữ chưa phải ở vào vị chi tôn, duy Ngũ đã có đức dương cương lại ở vị chi tôn, làm một người nguyên thủ của thiên hạ, đức rất thịnh mà vị lại rất tôn, chắc người thiên hạ thấy nhóm vào, mà không có gì là tội lỗi 萃不位，无咎。

Vì ở kề cạnh mình có Cửu Tứ, Tứ cũng là một người có

giả trị ở trong thì Tụy, thế lực Ngũ e chưa chắc đã thống nhất được, mà nhân linh thì tuy cũng chưa dễ thống nhất.

Ngũ tuy hữu vị, mà e còn có người chẳng tin phục 匪孚. Nhưng điều đó chẳng lo gì, vị đã sẵn rồi, thời Ngũ chỉ nên tu đức thêm, đức mình làm cho xứng đáng vị nguyên thủ 元, mà lại lâu dài trinh cố 永貞. Bất tức, tắc cửu, cửu, tắc trùng, trùng, tắc du viễn 不息則久, 久, 則悠, 悠, 則攸遠. Tinh thành đã đến nơi, thời những người xưa kia chưa phục, bây giờ cũng thấy qui phục, chẳng còn việc gì phải ăn-năn 悔亡. Nguyên, vĩnh, trinh, ba chữ ba nghĩa. Nguyên, nghĩa là làm cho xứng đáng người nguyên thủ; Vĩnh, nghĩa là lâu dài, mà không nghỉ; Trinh, nghĩa là trinh chính vững bền.

Tượng viết, tuy hữu vị, chí vị quang dã.

象曰, 萃有位, 志未光也.

Ở thì Tụy mà lại hữu vị như Cửu-Ngũ 萃有位, cơ sao còn phỉ phụ. Là vì chí thành tín của mình chưa quang đại vậy 志未光也.

Nếu đã tỏ ra đức nguyên, vĩnh, trinh, thế là chí quang đại rồi, chắc không còn ai phỉ phụ nữa.

6.— Thượng Lục, tê tư, thế di; vô cữu.

上六, 齎咨, 涕洟. 先咎.

Thượng Lục âm nhu ở vào trên hết thì Tụy, mà lại thì Tụy đã đến cuối cùng, một người tư cách đã tiểu-nhân, mà lại xử vào thì vị như thế, muốn cầu tụy với ai, mà không ai chịu tụy với mình, chỉ duy than thở khóc lóc, mà không biết trách với ai. Tê tư, nghĩa là than thở; Thế, nghĩa là khóc chảy nước mắt; Di, nghĩa là khóc chảy nước mũi,

Tượng viết, tề tư thế di, vị an thượng dã.

象曰，齋咨涕洟，未安上也。

Thượng Lục ở về vị trên cao, nhưng vì tài đức quá hèn hạ, không thể ở an được đảm trên, đến nỗi tề tư thế di, chính là linh trạng của đức tiểu nhân như thế.

PHỤ CHÚ.— Chữ vô cữu đây, với chữ vô cữu **Thượng Cửu** **quẻ Cẩu**, nghĩa in như nhau, vô cữu là kết quả xấu; còn vô cữu ở mọi hào các quẻ, thời lại phần nhiều là thuộc về kết quả tốt.

Tuy vẫn là một việc rất tốt ở trong loài người, vô luận quốc gia nào, dân tộc nào, xã hội nào, tất phải có nhóm họp đông mới làm nên mọi việc. Vậy nên, quái từ nói rằng: Tuy hanh, mà sáu hào không thấy chữ hung, nhưng quái hào tuyền quẻ được chữ Cát, cũng chỉ có ba chữ, là vì cơ sao?

Là vì rằng trong sự nhóm họp thường có hai phương diện: một phương diện là có tài chủ động mà nhóm được người; một phương diện là bị động mà nhóm hùa theo người.

Phương diện chủ động, là phân thiếu số, tất phải như Lục Nhị, Cửu Ngũ. Lục Nhị tuy vị còn thấp, mà đức rất cao, Cửu Ngũ đức đã cao, mà vị lại trời, chính như quái từ nói rằng: Ly kiến đại nhân, mới nhóm họp được người.

Thứ nữa cũng phải như Cửu-Tứ, tài đức đã khá tốt, mà địa vị lại xử gần bậc chí tôn, uy quyền ở trong tay, hoàn cảnh lại thuận lý, cũng có thể nhóm họp được người, chính là thì thế tạo anh hùng, mới mong làm nên sự nghiệp Tuy. Vậy nên, Cửu Nhị có chữ: Dân cát. Cửu-Tứ có chữ Đại cát; Cửu Ngũ có chữ: Hối vong.

Nếu chẳng thế, vô vị như hào Sơ, hào Thượng, bán thượng lạc hạ như hào Tam, mà lại tài đức chẳng hơn ai, thời chẳng những không nhóm họp được người, mà muốn nhóm họp theo người cũng gay go lắm. Vậy nên hào Sơ thời nói : nải loạn nải tụy ; hào Tam thời tụy như ta như ; hào Thượng thời tê tư thế di ; chúng ta mới biết có đức mà không vị, vẫn không làm nên Tụy, có vị mà không đức, lại càng không làm được nên Tụy.

Ở vào thì Tụy mà khó tụy như thế, há phải chỉ chắc ở thì thế mà không dõm vào ty ky trí tuệ hay sao ?

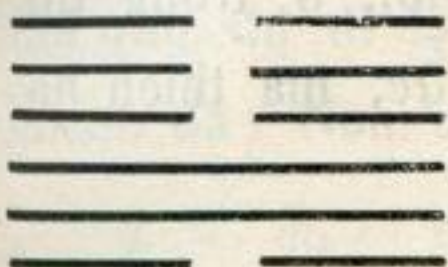
Xem ở trong sáu hào, mà chỉ hai hào có chữ Cát, chúng ta sẽ hiểu.

TIMSACH.COM.VN

oOo

ILVI. QUẺ ĐỊA-PHONG-THĂNG

地 風 升



Quẻ này là quẻ Địa-Phong-Thăng. Tồn hạ cũng là Nội Tồn. Khôn thượng cũng là ngoại Khôn. Khôn địa, Tồn phong. Nên tên quẻ đọc bằng Địa-Phong-Thăng.

TỰ QUÁI

坤
上
外
坤

巽
下
內
巽

Tự quái, Tụ giả tự dã, Tụ nhi thượng giả, vị chi thăng ; cố thụ chi dĩ thăng.

序卦，萃者聚也，聚而上者，謂之升。故受之以升。

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Tụ, tiếp lấy quẻ Thăng, là vì cớ sao ?

Trên ấy là quẻ Tụ. Tụ, nghĩa là nhóm 萃者聚也, vật đã nhóm lại, tất cứ chồng chất lên lần lần 聚而上者謂之升. Nên sau quẻ Tụ tiếp lấy quẻ Thăng 故受之以升. Thăng, nghĩa là chồng chất lên cao.

Khôn là địa, Tồn là mộc, cây ở dưới đất, tất phải mọc lên, lên càng lớn, lớn càng cao. Thế là thượng thăng. Nên đặt tên quẻ bằng Thăng.

SOÁN TỪ

Thăng, nguyên hanh, dụng kiến đại nhân, vật tuất, nam chinh, cát.

升, 元亨, 用見大人, 勿恤, 南征, 吉.

Quái từ ở đây, chỉ lấy nghĩa bằng chữ thăng, hễ đã tiến lên được, buồm theo gió thuận, ngựa ruổi đường trời, chắc là được đại thông 升, 元亨. Nhưng mà sở dĩ được nguyên hanh, chẳng những vì thi thể xui nên mà thôi, ở trong thi đại ấy, tất phải có hạng người đại tài đại đức, mà thiên hạ tin ngưỡng là đại-nhân 用見大人.

Nếu quả như thế, thời chẳng cần lo ngại gì 勿恤. Duy có một mục tiền tiến, mà sự nghiệp phát triển hoài 南征, 吉. Nam, nghĩa là mặt trước; Nam chinh: nhè mặt trước mà tiến lên hoài.

Hai chữ Nam-chinh, là hình dung ý tiền tiến; Cát, tức là tượng nguyên hanh; chớ nệ rằng: Nam chinh là đi phương nam.

PHỤ CHÚ.— Quái từ ở trong Dịch chỉ có hai chữ Nguyên hanh trọi, mà chẳng phải răn bằng lý trình, như thế, chỉ được có ba quẻ là: « **Đại hữu** », « **Đỉnh** », « **Thăng** », như ba quẻ ấy là rất đặc thi hành đạo.

Thăng, là thi quân-tử tấn hành không trở ngại; Đỉnh, là thi quân-tử được hưởng thiên-lộc; Đại-hữu, là thi quân-tử được đại hữu vi, quân-tử đặc chí không bao giờ hơn ba quẻ ấy. Vậy nên, Quái từ chỉ nói, hai chữ Nguyên hanh, mà không cần răn bằng lý trình. Bây giờ ta xét đến quái thể ba quẻ ấy, tất thấy là

Cửu cư Nhị, Lục cư Ngũ, mới biết rằng : ở trong cương mà có nhu ở trong nhu mà có cương, và thấy đặc trung, cương nhu đặc-trung mà ứng với nhau mới hay tạo thành thì-thể như ba quả ấy, thiên-thì nhân-sự, dặt nhau mà lên, há phải lời nói không rư ?

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, nhu, dĩ thì thăng, Tốn nhi thuận, cương trung nhi ứng, thị dĩ đại hanh, Dụng kiến đại nhân, vật tuất, hữu khánh dã ; Nam chinh cát, chí hành dã.

彖曰, 柔, 以時升. 巽而順, 剛中而應, 是以大亨. 用見大人, 勿恤, 有慶也. 南征吉, 志行也.

Soán viết, Nhu dĩ thì thăng.

彖曰, 柔, 以時升,

Theo như thể quả Thăng, thời Khôn là âm nhu, mà tiến lên Thượng quái, ấy là theo thì mà thăng đó vậy 柔, 以時升. Cương thượng thăng là lẽ thường. Bây giờ trái lại, nhu mà thượng thăng là vì thì nên như thế. Nên nói rằng ; Nhu dĩ thì thăng. Vậy có thức thì, mới nói được Dịch.

邵先生曰, 識時, 然後可以語易.

Tốn nhi thuận, cương trung nhi ứng, thị dĩ đại hanh.

巽而順, 剛中而應, 是以大亨.

Nội Tốn là có tính tốn ; ngoại Khôn là có tính thuận 巽而順. Cửu Nhị có đức cương trung ứng với Lục-Ngũ, Ngũ lấy đức nhu trung ứng với Nhị 剛中而應, ấy là tốn Nhi thuận, cương trung nhi ứng. Vì vậy, nên được đại hanh 是以大亨.

Dụng kiến đại nhân, vật tuất, hữu khánh dã.

用見大人, 勿恤, 有慶也.

Thế đạo tuy có lúc đến thắng, nhưng mà làm nên thắng, tất nhiên do ở nhân sự, Vương công thời thắng ư vị, thánh hiền thời thắng ư đạo, có đạo thánh hiền, mà lại có vị vương công, chính là bậc đại nhân ở thì Thắng. Thiên hạ thấy được bậc đại nhân ấy 用見大人, thời chẳng cần lo gì 勿恤, mà chắc có phúc khánh đó vậy 有慶也. « Chử đại nhân, chỉ vào Cửu-Nhị, hề có đức cương trung, mới đang được chử đại nhân ».

Nam chinh cát, chí hành dã.

南征吉, 志行也.

Ở vào thì Thắng, mà lại kiến được đại nhân, thời chi của mình tiền tiến, chắc không ai ngăn đón được nữa, Nên nói rằng : Nam chinh cát, chí hành dã.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, địa trung sanh mộc, Thăng ; quân tử dĩ thuận đức, tích tiểu dĩ cao đại.

象曰, 地中生木, 升. 君子, 以順德, 積小以高大.

Tổn ở dưới Khôn, Khôn là đất, Tổn là cây, cây mọc lên ở giữa đất 地中生木, đất làm tốt cho cây, cây càng ngày càng cao lớn, thế là tượng quả Thăng 升. Quân-tử xem tượng ấy, thuận đường lối mà tu đức mình, tích lũy từ lúc nhỏ, mà lần cao đến tột mực 君子, 以順德, 積小以高大. (Chử thuận đức ở đây, chỉ cắt nghĩa xuôi, nghĩa là : thuận theo lối đạo đức).

Sách Sử ký có câu: Thuận đức giả xương 順德者昌, cũng là nghĩa ấy. Còn chữ thuận đức ở mọi nơi, phần nhiều cắt nghĩa ngược, nghĩa là: đức thuận.

PHỤ CHÚ.— Tượng truyện ở đây, rất hay là chữ Tích. Hệ từ đã nói rằng: việc lành không chứa trữ, không đủ thành được danh 善不積,不足以成名, Nếu muốn thăng mà không tích, thời không bao giờ thăng được

Tích, nghĩa là chồng chứa lại, ví như trèo thang, tất bắt đầu trèo từ bậc dưới hết, mà trèo dần lên hoài, thời dần thang dài đến mấy bậc, cũng lên tới nơi. Ví như đắp tháp, tất bắt đầu đắp từ nền dưới hết, mà tích lớp đắp hoài, thời tháp dần cao mấy tầng cũng xây nên, cho nên công nghiệp làm thăng, tất trước phải tích tiểu.

Bây giờ nói tới sự nghiệp cao đại, chúng ta ai chẳng muốn làm, mà nói tích tiểu thiện thời lại chẳng ai muốn làm, té ra cất chân một bước, mà muốn vọt tới mười bậc thang, sắp đất một hòn, mà muốn xây nên mười tầng tháp, thiệt là vô lý. Vậy nên, muốn xây một lâu đài Thăng, tất phải lấy thuận đức tích tiểu làm nền tảng vậy.

Xưa Lưu-Huyền-Đức có nói rằng: chớ khinh điều thiện nhỏ mà không làm 勿以善小而為.

Sách Trung Dung có câu: đạo của quân-tử, ví như: lên cao, tất khi tự chốn thấp 君子之道,譬如登高必自卑, là nghĩa chữ Tích ở đây.

HÀO-TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Lục, đoán thăng, đại cát.

初六, 允升, 大吉.

Sơ-Lục linh chất âm nhu, ở dưới thể Tốn, làm chủ cho Tốn, là người rất có đức tổn thuận, đương ở thì Thăng mà hay tổn thuận với hai dương ở trên mình, nhờ bạn dương cương mà dắt mình lên. Thế là vì có lòng tin theo mà thắng được 允升, tốt lành rất lớn đó vậy 大吉.

Tượng viết, đoán thắng đại cát, thượng hợp chí dã.

象曰, 允升大吉, 上合志也.

Ở đầu thì Thăng mà được đoán thắng đại cát, là vì : có hai hào dương ở trên, đồng chí với Sơ vậy 上合志也.

PHỤ CHÚ.— Hào Lục-Tam quẻ Tấn (晉) có chữ « Chúng đoán », vì có hai âm ở dưới tin mình, mà mình tấn được, Sơ Lục quẻ Thăng, có chữ « Đoán thắng », vì ở trên có hai dương tin mình mà mình thắng được.

Chúng ta xem ở chữ Đoán. Đoán, nghĩa là tin, bạn âm tin nhau mà được hồi vọng, dương với âm tin nhau mà được đại cát. Thế mới biết: trong xã-hội vô luận hạng người nào, hễ đã đồng công cộng sự với nhau, tất có tin nhau mới mong có hiệu quả.

Trái lại, nghi nhau ghét nhau, mà mong làm sự nghiệp tấn thăng, té ra muốn bay mà xén mất cánh, muốn đi mà cắt quách chân, có làm gì nên. Vậy nên tượng truyện kết thúc lấy chữ hợp chí.

2.— Cửu Nhị, phu, nãi lý dụng thược, vô cửu.

九二, 孚, 乃利用禴, 无咎.

Cửu-Nhị chính ứng với Lục-Ngũ, Cửu-Nhị dương cương mà ở dưới, Lục Ngũ âm nhu mà ở trên, tính chất khác nhau bên minh bên ám, địa vị khác nhau bên tôn bên ty. Thế mà chung nhau làm sự nghiệp Thăng ở

thì Thăng. Nếu không phải cảm nhau bằng cách chí-thành, thời kẻ trên nghi kẻ dưới, kẻ dưới né kẻ trên, chẳng bao giờ thăng được, nên hào từ nói rằng: Nhị đã ứng với Ngũ, Ngũ tuy nhu nhược mặc lòng, Nhị nên lấy đức dương cương mà giúp giúp cho Ngũ, cần phải hết lòng chí thành mà cảm cách với người trên, tất nhiên người trên cũng lấy chí thành mà tin nhậm mình 孚.

Thành ý đã cố kiết cả hai bên, thời ngoại sức phiền văn chẳng cần dùng đến, tỷ như: tế thần mà chỉ lấy chí thành cảm thần, lễ vật rất đơn sơ như tế thực, nhưng hữu thành thời hữu thần, không cần gì lễ vật ráo 乃利用禴.

Phu, nghĩa là chí thành; lý dụng thực, nghĩa là trọng chí thành, không cần văn sức. Như thế, thời được vô cữu 夷咎.

Tượng viết, Cửu Nhị chí phu, hữu hỷ dã.

象曰，九二之孚，有喜也。

Cửu-Nhị lấy chí-thành mà cảm cách được Lục-Ngũ, thời chẳng những vô cữu mà thôi, lại còn bổ-thí được ân-trách khắp thiên hạ, là việc đáng vui vẻ lắm vậy.

3.— Cửu Tam, thăng hư ấp.

九三，升虛邑。

Dương hào ở dương vị, vẫn là đã đắc chính, lại ở trên hết nội Tốn là Tốn chí cực; có tài dương cương, mà lại pha vào đức tổn thuận, nên tam âm ở trên thấy thuận theo với mình, ở vào thì Thăng, mà sức lên của mình đã giới, người dắt mình lên lại đông, thăng tới đâu cũng được một cách dễ dàng, tượng như vào một ấp bỏ trống không ai ngăn cản 升虛邑.

Tượng viết, thăng hư ấp, vô sở nghi dã.

象曰，升虛邑，无所疑也。

Cửu-Tam có tài dương cương, có đức tổn thuận, mà lại đồng bạn gặp thì, thăng quá dễ dàng như: Nhập vô nhân chi ấp 入無人之邑, thiết không nghi ngại gì nữa.

4.— Lục Tứ, vương dụng hanh vu kỳ sơn, cát, vô cữu.

六四，王用亨于岐山，吉，无咎。

Lục-Tứ có đức nhu thuận đặc chính, lại ở vào thể quẻ trên, địa vị mình lại ở gần Lục-Ngũ, như ở vào đời phong-kiến thời chính là vua một nước chư hầu, trên giúp sự nghiệp thăng cho thiên-tử, dưới dắt quần hiền mà thăng tiến với mình, đưa dân một nước lên cõi thăng bình; ngày xưa vua, Văn Vương đã từng dùng đạo ấy mà hanh thịnh ở kỳ-sơn, nên hào từ nói rằng: Vương dụng hanh vu kỳ sơn 王用亨于岐山.

Người ta ở vào địa vị Tứ, mà nếu được như thế, thời cũng in như vua Văn-Vương, đã cát, mà lại vô cữu 吉，无咎.

Tượng viết, vương dụng hanh vu kỳ sơn, thuận sự dã.

象曰，王用亨于岐山，順事也。

Vương dụng hanh vu kỳ-sơn, chỉ là thuận theo thì nên thăng mà thăng, trên thời thuận với việc người trên, dưới thời thuận với việc người dưới, thuận theo như nghĩa vụ của mình, thấy là một việc thuận mà thôi.

PHỤ CHÚ.— Hào-từ này vẫn rất tốt, đáng có chữ Thăng như mọi hào, cơ sao không có chữ Thăng?

Bởi vì, hào Tứ bức cận với Ngũ, Ngũ là địa vị rất tôn, nếu giữa bản thân Tứ mà còn có chữ Thăng, thời thăng vào đầu, tất là đánh đổ Ngũ, nên hào từ không có chữ Thăng, cốt cho tránh khỏi họa bức thượng, nên tượng truyện lại thêm vào hai chữ «Thuận sự» thời ý nghĩa lại càng rõ lắm.

Nguyên lai, Dịch lý thường ở chốn không chữ. Xem như hào từ không chữ Thăng, chúng ta đọc Dịch nên để ý vào chốn ấy.

5.— Lục Ngũ, Trinh cát, thăng dai.

六五, 貞吉, 升階,

Lục Ngũ bản chất tuy âm nhu, nhưng ở vào vị dương cương mà lại đắc trung, ở dưới có Cửu Nhị là bậc hiền thần, có đức cương trung, đem lòng phu tín, mà giúp đỡ cho Ngũ. Chắc hay trinh cổ mà chuyên nhậm hiền thần, tất nhiên được cát 貞吉, vả lại các bậc hiền thần ở dưới thấy làm bậc thêm cho Ngũ lên vậy 升階.

Trinh cát thăng dai, nghĩa là giữ được trinh thời cát, mà lên đề như bước lên thêm vậy.

Dai, nghĩa là bậc thêm : thăng dai, là thí dụ một cách lên rất dễ, cũng như thăng hư ấp ở hào Tam.

Tượng viết, trinh cát thăng dai, đại đắc chí dã.

象曰, 貞吉, 升階, 大得志也

Trinh cát mà thăng được dai, lúc bây giờ chí mình ra làm việc thiên hạ, sẽ dắt người thiên hạ lên, mới là thỏa thích lắm vậy 大得志也.

PHỤ CHÚ.— Trên kia Soán từ: Nam chinh cái, thời Soán-truyện nói: chí hành dã, ở hào từ đây tượng truyện lại nói: đại đắc chí dã. Hai chữ **Chí đó**, chỉ có một chữ, nhưng chúng ta phải biết, chí đó là Chí gì?

Xưa nay quân tử ở về thì Thăng, mục đích Thăng, há phải muốn lên ngôi cao rư! dắt **thế-đạo** cho lên **tháp đại-đồng**, **đẩy nhân-loại** cho lên **đài cực-lạc**. Thế mới đạt mục đích thăng của quân-tử.

Nói cho đúng, chí tại thiên hạ, mà không phải chí tại thân gia, nên nói rằng: đại đắc.

Nếu chí tại thân gia, thời ty bỉ nhỏ mọn lắm, làm sao mà gọi **bằng Đại được** rư.

Thượng Lục, minh thăng, lý vu bất tức chí trình.

上六，冥升，利于不息之貞，

Thượng Lục ở trên hết quẻ Thăng, thế là thì Thăng đạt cực điểm, nhưng vì tính chất âm nhu hôn ám, thăng đã cực rồi mà còn cầu thăng hoài, tâm sự của Thượng thiết là người hôn minh ở thì Thăng vậy 冥升. Lòng cầu thăng bất dĩ như thế, thiết chẳng đi đâu mà lý, nhưng quân tử xử vào thì vị ấy, thời lại có một cách rất hay, đổi lòng cầu thăng bất dĩ, mà chuyển làm lòng tự cường bất tức, chẳng cầu thăng ở nơi địa vị, mà chỉ cầu thăng ở nơi đạo đức, đạo đức trình chính chẳng bao giờ nghỉ, dụng lòng cầu thăng vào chốn ấy, thời lại rất hay 利于不息之貞.

PHỤ CHÚ.— Thăng đã đến cực rồi, mà còn cầu thăng, lấy tâm sự ấy mà thiệp thế, thời không gì là hay. Nhưng xây vào

việc tu đức thời lại rất hay. Trung-Dung khen vua Văn-Vương :
thuần diệc bất dĩ 純亦不已, khen bậc thánh nhân, chí thành
vô tức 至誠無息, thấy là lý vụ bất tức chí trình.

Vị, mà cầu thăng không thôi, thời là tiểu nhân cực điểm,
đạo đức mà cầu thăng không thôi, thời là quân tử cực điểm,
cũng một làm sự tác dụng, mà thánh phạm khác nhau xa, ai
ngờ hào tử phát huy ý nghĩa như thế, mới biết thì nghĩa của
Dịch, chẳng bao giờ tuyệt đối xấu, chỉ cốt độc giả biết biến
thông mà thôi.

Tượng viết, minh thăng tại thượng, tiếu, bất phú dã.

象曰, 冥升在上, 消, 不富也.

Ở trên hết quẻ, mà còn minh thăng 冥升在上, tất nhiên
thăng cực lất giáng, trưởng cực tất tiếu, còn có gì thêm được
nữa 消不富也.

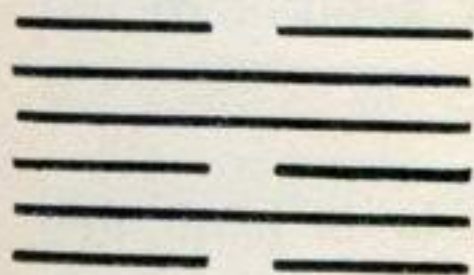
Chữ tiếu, là ngậm ý chữ giáng, tức là tiếu, chữ phú đây là
không phải danh từ, chỉ là động từ. Phú, là gia thêm vào, không
lên thêm được nữa, tức là bất phú.

Chẳng thăng được nữa, tất phải giáng.

oOo

ILVII. QUẺ TRẠCH-THỦY-KHỐN

澤 水 困



Quẻ này là Quẻ Trạch-Thủy-Khốn. Khảm hạ cũng là nội Khảm. Đoái thượng cũng là ngoại Đoái.

Đoái trạch, Khảm thủy; nên tên quẻ đọc bằng Trạch-Thủy-Khốn.

兌
上
外
兌

坎
下
內
坎

TỰ QUÁI

Tự quái, Thăng nhi bất dĩ, tất Khốn, cố thụ chi dĩ Khốn.

序卦, 升而不已, 必困, 故受之以困.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ, 序卦. Sau quẻ thăng tiếp lấy quẻ Khốn, là vì cơ sao?

Trên kia là quẻ Thăng; Thăng, nghĩa là lên, lên mãi không thôi, tất nhiên phải Khốn. Tỷ như: Thăng đã lên bậc cuối cùng, mà còn cứ trèo lên, tất nhiên phải té mà chết 升而不已, 必困. Vậy nên sau quẻ Thăng tiếp lấy quẻ Khốn 故受之以困. Khốn cũng nghĩa là khốn khổ.

Theo về thể quẻ, Đoái âm ở trên, Khảm dương ở dưới;

Ngoại quái, nhị dương ở dưới nhất âm. Nội quái, nhất dương sụp vào giữa nhị âm, thấy là dương cương bị âm nhu che lấp. Thế là quân tử sụp vào tay tiểu nhân, thiệt là thế đạo đương lúc cùng khốn, nên tên quẻ đặt bằng Khốn.

SOÁN TỪ

Khốn, hanh ; trinh, đại nhân, cát, vô cữu, hữu ngôn bất thân.

困，亨。貞，大人吉，无咎，有言不信。

Ở về thì Khốn, theo như mắt thế tục, thấy khốn thời chỉ là Khốn, có gì thông thái đâu.

Nhưng theo về mắt thánh hiền, thời Khốn lại là hanh, nên nói rằng : Khốn, hanh ; Khốn hanh là có nghĩa, một là thân mình tuy Khốn, nhưng thì cùng, mới thấy tiết nghĩa, cảnh nghịch mới thấy phẩm người, thân tuy Khốn, mà đạo mình vẫn hanh thông, đó là một nghĩa. Lại còn một nghĩa : bao nhiêu cảnh cùng khốn là hòn đá mài của tạo hóa mài luyện anh hùng. mà cũng là lò lửa nóng của thiên nhiên, để đúc nung chí sĩ, càng khốn tâm hành lự đến bao nhiêu, lại càng tăng ích sở bất năng đến bấy nhiêu, nhân giữa lúc thất bại, mà đúc nên cái khuôn mẫu thành công, chính là Khốn mà Hanh đó vậy.

Nhưng mà lẽ Khốn, Hanh đó, há phải ai nấy cũng thấy đâu, tiểu nhân dụng Khốn, thời biến tiết ngay, dụng nhân dụng Khốn, thời càng truy lạc, nên tất phải hạng người có lòng trinh chính, có tài đức đại nhân, mới đương được cảnh Khốn, chống được thì Khốn, mà làm được Khốn nhi Hanh, như thế thời cát mà vô cữu 貞，大人吉，无咎。

Nên nói rằng : trinh, đại nhân, cát vô cữu. Nghĩa là : có đức trinh, có tư cách đại nhân, mới hay đương thì Khốn mà cát, lại vô cữu.

Trái lại, nếu hạng người bất trinh, và tiểu nhân, tất nhiên hung và hữu cữu.

Trên ấy nói cho rõ nghĩa Khốn hanh, nhưng mà chỉ nghĩa đặc biệt về phần quân tử, đây lại dạy một cách cho hạng người phả thông.

Hễ thế đạo đã đến thì Khốn, tất nhiên cường quyền lòng loạt, công lý tối tăm. dầu có nói phô biện bạch, cũng chỉ chịu oan ngậm khuất mà thôi 有言不信.

Nghĩa là : Dầu có nói phò những lẽ chính trực cũng chẳng thân được, người ta ở thì ấy chỉ nên kín lặng giữ miệng là hay ; «chữ Thân phản đối với chữ Khuất». (Thân nghĩa là ngay duỗi).

Công lý đã không ngay duỗi được, thời còn nói làm gì. Hữu ngôn : bất thân, là răn cho người ở thì Khốn, không nên đua nói.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Khốn, cương yểm dã ; hiểm di duyệt, Khốn nhi bất thất kỳ sở hanh, kỳ duy quân tử hồ ; trinh, đại nhân cát, di cương cương trung dã ; hữu ngôn bất thân, thượng khẩu nãi cùng dã.

象曰, 困, 剛揜也, 險以說. 困而不失其所亨, 其唯君子乎. 貞大人吉, 以剛也. 有言不信, 尚口乃窮也.

Soán viết, Khốn, cương, yểm dã.

彖曰, 困, 剛揜也.

Quẻ này sở dĩ đặt tên bằng Khốn 困. Bởi vì Khảm dương ở dưới, Đoài âm ở trên. Thế là quân-tử dương cương, bị tiểu-nhân che bịt 剛揜也.

Thì ấy chính là quân tử đạo Khốn, nên đặt tên quẻ bằng Khốn. « Yểm : nghĩa là che súp ».

Hiểm di duyệt, Khốn nhi bất thất kỳ sở hanh, kỳ duy quân tử hồ.

險以說, 困而不失其所亨, 其唯君子乎.

Đây lại thích nghĩa chữ Khốn hanh. Theo về thể quẻ, hạ Khảm là hiểm, thượng Đoài là duyệt. Thế là ở trong hiểm mà vẫn cứ hòa duyệt 險以說. Theo ở hoàn cảnh thời vẫn là Khốn, nhưng mà ở trong tâm lý thời vẫn thản nhiên tự đắc, xem bằng một cách rất hanh thông. Thế là ở hanh không bao giờ mất 困而不失其所亨. Được như thế, chắc chỉ bậc quân tử mà thôi 其唯君子乎.

PHỤ CHÚ.— Quái từ nói rằng : Khốn hanh, đây Soán truyện lại nói rằng : kỳ duy quân tử hồ. Thế thời hai chữ Khốn hanh, chẳng phải riêng về quân tử hay sao ?

Thiệt có thế, người thường khốn ở cảnh, thời khốn đến cả tâm. Khốn ở thì, thời khốn đến cả đạo ; chỉ duy quân tử : cảnh tuy khốn, mà tâm vẫn hanh, thì tuy khốn, mà đạo vẫn hanh.

Tức như : đức Khổng Tử tuyệt lương ở Trần Thái bảy ngày, mà đánh đòn đọc sách không ngớt tiếng. Vua Văn

Vương bị tù ở Dự lý chín năm, mà cầm đầu diễn Dịch không ngớt bút, chẳng phải là Khốn mà Hanh hay sao ?

Tuy nhiên, có địa vị như Văn Vương, có tài đức như Khổng tử, mà gặp lấy cảnh tuyệt lương, bị tù, mới gọi bằng Khốn. Nhân vì có cảnh Khốn ấy, mới tỏ rõ ra thánh nhân, mới gọi rằng : **Khốn nhi hanh.**

Nếu những hạng người địa vị tài học thiên vạn bất cấp hai người ấy, thời khốn là sự thường mà cũng không thể nào hanh được.

Vậy nên Soán truyện nói rằng : kỳ duy quân tử hồ ; câu nói ấy chẳng được bênh riêng gì quân tử, nhưng vẫn trông mong cho loài người ai nấy cũng làm quân tử.

Ở trong thì Khốn, chẳng ai là tuyệt đối không Khốn, nhưng mà Khốn hanh thời hiếm quá.

Trình đại nhân cát, di cương trung dã.

貞大人吉, 以剛中也。

Thông thường người ta, xử vào thì Khốn, chẳng biến tâm dịch tiết, tất chán đời bỏ mình.

Như Dương Hùng, ủy thân với Vương Mạng Giả Nghị đau khóc mà đến nỗi chết, đó là vì cơ không đủ đức cương trung ; thiếu đức cương thời không gan chống nổi hoàn cảnh, thiếu đức trung, thời hay chạy cuồng vào lối quá kích ; chỉ duy một hạng người có đức cương, lại có đạo trung mới được cát. Vậy nên, Khốn mà vẫn cứ trinh, Khốn mà vẫn cứ tỏ rõ ra cách đại nhân. Nên quái từ nói rằng : trình đại nhân cát.

Chữ Đại nhân ở đây không phải đại nhân ở quê Càn, mà chính là đại-nhân ở quê Bĩ.

Lục Nhị quẻ Bi có câu rằng : **Đại nhân bi hanh**, tức là **đại nhân cát ở quẻ Khốn**.

Hữu ngôn bất thân, thượng khẩu nãi cùng dã.

有言不信,尚口乃窮也.

Ở vào thì Khốn, chính là thì hữu cường quyền vô công lý dầu mình có biện-bạch, cũng chẳng thể nào thân được lẽ phải 有言不信, âu là cam miệng cho rồi, nếu cứ đua miệng chỉ là thêm khốn cùng 尚口乃窮也.

Thượng khẩu, nghĩa là **đua niệng**, hai chữ ấy rất nhiều nghĩa. Tỷ như : **múa miệng để lấy tiếng**, **xảo ngôn để cầu người thương**, hoặc là **bươi móc tội người để mong mình khỏi tội**, hoặc **dùng hai lưỡi để mong lừa phỉnh người**, **thả gọng bằng thượng khẩu**. Nhưng đến lúc cuối cùng chỉ **thêm vào Khốn cùng mà thôi**, nên nói rằng : **thượng khẩu nãi cùng dã**.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, trạch vô thủy, Khốn ; quân tử, di trí mệnh toái chí.

象曰,澤无水,困.君子,以致命遂志.

Theo như tượng quẻ, thời Trạch ở trên, Thủy ở dưới, nên thành ra tượng Khốn.

Chăm để đựng nước, bây giờ nước mót xuống dưới, mà chăm phải khô, nên tượng quẻ là Khốn 澤无水困.

Quân-tử xem ở tượng ấy, mà nghĩ ra được đạo lý ở thì Khốn. Đạo quân tử, đã đến khốn cùng, muốn cứu dân mà dân không thể cứu đặng, muốn thương nước mà nước không thể thương xong, thời chỉ duy có một phương pháp : Sinh bình sở chí như

thế nào ? sát thân thành nhân, xã sinh thủ nghĩa, là chí gốc của mình ở lúc sinh-bình.

Bây giờ rủi đụng vào cảnh ngộ khốn cùng, thời chỉ duy bỏ liều cả sinh mạng của mình, để cho thỏa chí-nguyện của mình. Như thế, là trí mệnh toại chí.

Trong Luận-ngữ có câu : kiến nguy thụ mệnh 見危授命 nghĩa chữ Trí ở đây cũng như nghĩa chữ Thụ, Trao sinh mệnh của mình hiến cho quốc dân xã hội, ấy là trí mệnh, chỉ cốt cho thành chí 成志 giữ đạo của mình, ấy là toại-chí.

« Trí, nghĩa là trao vút ; Toại, nghĩa là làm cho đến nơi ; Mệnh, là quyền ở trời sắp đặt cho mình ; Chí là quyền sở hữu của mình, muốn sao được vậy. »

Bỏ vút mạng mình mà hoàn thành chí mình là một phương pháp rất hay cho quân tử ở thì Khốn, cho nên Luận ngữ nói rằng : Kiến nguy thụ mệnh 見危授命, nghĩa là : thấy đến thì nguy thời trao quách mệnh mình.

PHỤ CHÚ.— Tượng truyện ở trong Dịch, chẳng qua muốn tượng hữu hình để tỏ rõ lý vô hình, nhưng có nhiều lúc ý vị.

Như tượng **quẻ Khốn**, **quẻ Cách**. Đoái trên, Khảm dưới mà nói rằng : Trạch vô thủy.

Bởi vì, thủy nên ở trên trạch, bây giờ trạch trồi lên trên thủy, là thủy lậu mà trạch phải khô, như thế, là chằm không nước, chẳng phải Khốn mà gì. Đến như : Đoái trên Ly dưới, là quẻ Cách, thời tượng lại nói rằng : Trạch trung hữu hỏa. Bởi vì trong chằm chỉ nên đựng nước, mà bây giờ lại có lửa ở trong chằm, chẳng phải biến đổi lạ thường hay sao, nên gọi bằng Cách. Tổng chi, Khốn với Cách thấy thuộc về thì biến,

nhưng Khốn là lúc cùng, chưa kịp biến. Cách thời trải qua lúc biến mà làm cho đến thông. Xem vào ý nghĩa tượng truyện, chằm mà khô hết nước thời là Khốn, giữa chằm mà bỏ lửa vào thời là Cách xem ở chữ «**Hữu**» với chữ «**vô**» hình dung được Khốn, Cách rất rõ.

HÀO-TỪ VÀ TIỂU-TƯỢNG-TRUYỆN

1.— Sơ Lục, đồn Khốn vu châu mộc, nhập vu u cốc, tam tuế bất dịch.

初六，臀困于株木，入于幽谷，三歲不覿。

Đồn, là bàn tròn, là giống đẽ mà ngồi. Châu mộc, là ngùm cây trụi, cây không nhánh lá chỉ trời gốc ra, là gọi bằng châu mộc; Cốc, là hang; U, là túi; Dịch, là trông thấy, cũng nghĩa là xap mặt.

Ở vào thì Khốn, mà Sơ Lục là âm nhu, lại ở dưới quẻ, chính là ở vào đáy hang Khốn.

Theo như thể quẻ, thời Sơ lại là ở dưới hết khoản hiểm, phỏng như chính ứng của Sơ là hào Cửu-Tứ. Mà giúp đỡ được Sơ, thời hãy còn khá. Nhưng khốn nạn thay! Tứ đã bất trung, bất chính, mà lại sụp vào dưới lưới âm nhu. Tứ ở thì ấy, thử thân bất độ, độ hà thân 此身不度，度何身. Tội nghiệp cho Sơ muốn ngồi yên chịu Khốn, thời không chốn ngồi, toan nhúc nhích để tìm người cứu mình, thời tiền đồ càng trông càng mờ mịt, tượng như bàn tròn mình bị khốn ở góc rồi 臀困于株木, mà lại sụp vào trong bóng hang kín 入于幽谷, lâu tới ba năm mà không thấy được người cứu mình 三歲不覿.

Tượng viết, nhập vu u cốc, u bất minh dã.

象曰，入于幽谷，幽不明也。

Người ở vào thi Khốn, chắc ai cũng tất thấy Khốn, há riêng gì mình Sơ đầu, mà hào từ hào Sơ lại xấu đạt ư cực điểm, là vì cớ sao ?

Tùng lai, người ta sở dĩ chống chỏi được hoàn cảnh, chỉ cậy có óc thông minh, biết đường họa mà tránh, biết đường phúc mà tìm, biết người phải mà theo, biết người vợ mà cự, thời dầu có rủi đụng phải Khốn nữa, còn có thể rút chân ra được. Kia Sơ Lục âm nhu hôn-âm, bản-thân vẫn đã bắt minh tượng như châu mộc là chốn không đáng ngồi, mà anh đặt tròn ngồi, u cốc, là chỗ không nên xuống, mà anh cứ đặt chân xuống, bắt minh đến như thế, còn mong gì đến cơ tốt nữa đâu. Hào từ chỉ nói kết quả, mà tượng truyện nói thêm ba chữ : «U bắt minh», là truy nguyên cho đến tạo nhân. Vì tạo nhân đã u bắt minh, nên kết quả tất phải Khốn đến tận kiếp.

2.— Cửu Nhị, Khốn vu tửu tự, chu phát phương lai, lý dụng hưởng tự, chinh, hung, vô cự.

九二，困于酒食。朱紱方來，利用享祀。征凶，无咎，

Cửu Nhị dương cương đắc trung, vẫn là người tài-đức kiêm bị, mà ở trên có Cửu Ngũ đồng đức tương ứng. Nếu ở vào thi đại khác, thời sung sướng biết chừng nào, nhưng ở vào thi Khốn, không thể được thập phần như ý, nên cũng phải có Khốn, mà khốn một cách khác người thường, nhờ ơn vua lộc nước, ăn no uống say 困于酒食, mà lại có tất đổ tới nơi 朱紱方來, nhưng mà : trong thời tự vẫn lương tâm mình, ngoài thời thấy thương sinh thảm trạng. Vì thi gian, vận ách, mà còn nhiều nỗi bức tức, trông đến mâm cỗ mà đau lòng, thấy đến cân đai mà rách ruột, những điều mắt tục lấy làm sướng ghê, mà lòng Cửu Nhị cho là khổ cực. Nên nói rằng : « Khốn vu tửu tự, chu phát phương lai ».

Tửu tự : là những đồ thịnh soạn mà Ngũ cho Nhị. Chu-phất phương-lai, là những tụi quan trường kéo đến với Nhị.

Chu phất : nghĩa là bít tất đồ, là đồ phẩm phục các quan. Cửu tự, Chu phất, là những giống làm Khốn cho Nhị. Hai câu ấy, chỉ hình dung tấm lòng cương-trung của Nhị, đau đớn vì đạo mình còn ách, mà trông thấy những vật sung sướng xé ở trước mắt, không lấy gì mà đổi buồn làm vui được.

Tuy nhiên, ở về thì Khốn, có đức cương trung như Cửu Nhị, thời tuy ân trách, chưa khắp đến nhân dân, nhưng tinh thành đã có lẽ thấu đến thượng đế. Vậy nên, hào từ lại mượn việc lễ tự mà đặt ra lời thí dụ rằng : có tâm sự tinh thành như Nhị, thời đem hưởng tế thần linh, chắc thần linh cũng chiếu giám cho, nên lại nói lý dụng hưởng tự 利用享祀. «Hưởng tự, nghĩa là tế tự để hưởng quỷ thần»,

Duy còn một lẽ lại phải lo cho Nhị. Nhị đã được hưởng vật chất sung sướng, tất nhiên muốn động tác hữu vi. Nhưng khốn nạn thay, thì đại này là chưa phải thì đại hữu vi kia mà xin Nhị hãy ôm lòng tinh thành yên lặng mà chờ thì, họa may khốn cực mà hanh chẳng nỗ. Nếu Nhị quá chừng nóng sốt, mà vội vàng kiếm cách tấn hành, tất có tai họa 征凶. Nhưng mà dầu có tai họa cũng là theo thì nghĩa, đã ăn của đời phải làm việc đời, vẫn là vô cữu 无咎.

Tượng viết, Khốn vu tửu tự, trung hữu khánh dã.

象曰，困于酒食，中有慶也。

Cửu Nhị vì có đức cương trung, mà ở vào thì Khốn, chưa thỏa được tấm lòng tế-thể an-bang, thấy được mặc tốt ăn ngon, cũng lấy làm đau đớn 困于酒食, tấm lòng Nhị như

thế, dầu người chẳng ai biết, mà trời đất đã chứng cho, chắc thế nào cũng có phúc khánh đó vậy.

PHỤ CHÚ.— Khốn vu tửu tự, chu phất phương lai, là hình dung khổ tâm của quân tử.

Tự-ngữ có câu : khi vui non nước cũng vui, khi buồn sao nhịp đồn đời cũng buồn, chính là ý nghĩa như mấy câu ấy.

Lý dung hưởng tự, trung hữu khánh dã, là đoán sẵn hạnh-phú : về tương-lai, lòng thành thấn đến trời nghe, bây giờ chưa phúc, phúc về ngày sau. Đó là an ủi cho Cửu-Nhị. Câu : chinh hung, vô cự, lại là quá lo cho Cửu-Nhị. Bởi vì một người cương trung như Cửu-Nhị, tất không nở lòng sung-sướng mà cứ ngồi yên, nên hào-tử lại phải căn-vấn như thế.

3.— Lục Tam, Khốn vu thạch, cứ vu tật lê, nhập vu kỳ cung, bất kiến kỳ thê, hung.

六三，困于石，捫于疾藾，入于其宮，不見其妻，凶。

(« Tật lê », là bụi gày ; « Cung » là ở nhà).

Lục bản-chất âm nhu, mà xử vào vị Tam, lại bất-trung bất chính ở vào thì Khốn, mà địa vị Tam lại là khảm hiểm chi cực, tấn lên đã bị Khốn mà không tấn được, thối xuống không chốn ngồi yên, nên nói rằng : Khốn vu thạch, cứ vu tật lê. Thạch, là chỉ vào hào Tứ. Tam muốn tấn lên, mà bị sức Tứ áp bức, tượng như bị đá dẫn mà không hề ngất đầu lên được. Tật lê, là chỉ vào hào Nhị. Tam muốn thối xuống, mà bị thể lực Nhị quá mạnh, Tam ở trên Nhị, ngồi không thể an, tượng như đặt tròn ở trên gai.

Tiến thối đã cùng đường, muốn quay lại về nhà, thời lại đụng người chủ trong nhà mà mình thương yêu, cũng mất đầu chẳng thấy được 入于其宮,不見其妻,凶. «Cung, là chỉ vào địa vị Tam. Thê, là chỉ vào bản chất Lục».

Hào từ này, hệ từ thích kỷ lắm, tiện dịch vào đây. Hệ từ nói rằng : quân tử làm việc, tuy vẫn không kể thành bại, nhưng tất phải kể theo đạo lý.

Nếu kể như theo đạo lý, vẫn không phải chuyện mình đáng Khốn, mà cố trần vào chịu Khốn, thân mình Khốn đã đành, mà lại mang tiếng bất trí, bị chúng cười mình là vô năng 子曰,非所困而困焉,名必辱.

Quân tử bảo thân, tất phải kén chọn chốn mình đáng dựa, nếu xem nơi tình thế hiện thì với đôi bên quan-hệ, thấy được người kia không phải người mà mình đáng dựa mà khinh đem thân dựa vào, tất có ngày núi gió đổ mà nguy đến thân 非所據而據焉,身必危.

Danh đã nhục, thân lại nguy 名必辱,身必危. thì giờ chết đã tới sau lưng 死期將至, còn mong gì được thấy mặt vợ nữa ru 妻其可得見邪. Thế còn gì xấu hơn nữa.

PHỤ CHÚ. — Ở vào thì Khốn, Khốn cũng là sự thường, nhưng tất phải lựa lọc đạo-lý, xem có phải chốn mình đáng Khốn hay không. Nay Tam là âm, mà muốn theo với Tứ là dương, nên bị Khốn với Tứ. Như thế là : phi sở Khốn nhi khốn, nên hào-từ nói rằng : Khốn vu thạch. Thạch sức nặng áp được mình, mà mình ghé đầu vào, nên đến nỗi danh nhục. Ở vào thì Khốn phải tìm chốn y cứ cũng là lẽ thường, nhưng tất phải trông nom thì thế, tri-kỷ tri-bỉ, xem có phải người

mà mình đáng y cứ hay không? Bây giờ Tam là âm mà cười trên Cửu-Nhị là dương. Nhị đâu có chịu để cho Tam cười ru? Nền hào từ nói rằng: cứ vu tât lê. Tât lê, là giống gai đâm được mình, mà mình ghé lưng dựa vào, ấy là phi sở cứ nhi cứ, tât đến nỗi thân nguy.

Xem Sử Tàu như Thái Ung ở đời Hán, vì khóc thây Đổng Trác mà mang vạ sát thân. Dương Hùng vì tụng công đức Vương Mạng, mà mang vạ nháy lâu tự tử, kết quả bị uổng một đời văn sĩ, làm bia cho miệng thế chê cười, rất là phi sở Khốn nhi Khốn, đến nỗi danh nhục.

Lại như : Sử nước ta, Nguyễn Chỉnh bỏ Lê, Trịnh mà về với Tây sơn, cuối cùng Tây sơn diệt Trịnh, thời Chỉnh cũng bị nghi, kết quả Chỉnh cũng bị chết với Tây sơn.

Lại như : Lê văn Chát danh tướng của Tây sơn sau phản Tây sơn theo vua Gia long, kết quả bị Nguyễn triều tru di tam tộc. Đó rất là phi sở cứ nhi cứ, mà đến nỗi thân nguy.

Xem Văn lý hào từ ngó như hình thiên cặn, mà đến hệ từ giải thích lại đủ hết cơ nghi xử thế, với đạo lý tồn thân. Thành nhân học Dịch như thế, há phải dòm ở mặt chữ mà thôi ru?

Tượng viết, cứ vu tât lê, thừa cương dã, nhập vu kỳ cung, bất kiến kỳ thê, bất tường dã.

象曰，據于疾藜，乘剛也，入于其宮，不見其妻，不祥也。

Cửu Nhị là dương cương đặc trưng, mà Lục Tam âm nhu lại cười trên nó 乘剛也, có khác gì lót gai mà ngồi nữa ru, nên nói rằng: cứ vu tât lê 據于疾藜, kết quả đến nỗi vào nhà mình không thấy được vợ mình 入于其宮，不見其妻, là vì

tạo nhân chẳng tốt, nên kiết quả chẳng lành đó vậy 不祥也;
(tường, nghĩa là lành).

PHỤ CHÚ.— Tuyền văn hào từ Lục tam chỉ một chữ hung là sự thực, còn bốn câu trên thấy là lời thí dụ, chúng ta chỉ xem hệ từ thời giải thích rõ lắm.

4 — Cửu Tứ, lai từ từ, khốn vu kim xa, lẫn, hữu chung.

九四，來徐徐，困于金車，吝，有終，

Cửu Tứ tuy bản chất dương cương, nhưng ở vào địa vị Tứ thời lại bất trung chính, vẫn biết tài đức anh như thế, lấy một mình xử vào cảnh Khốn e không xong. Nếu Tứ trông mong vào bạn chính ứng của mình là Sơ Lục gấp tới giúp đỡ mình.

Chẳng dè việc khó bằng lòng, tình vì cảnh trở, trung gian có Cửu Nhị thế lực quá lớn còn đè ép Sơ, Sơ đương bị Khốn ở dưới cùng, mà Tứ lại bị chét vì Cửu Nhị. nên nỗi hai bên muốn thân mật với nhau, nhưng còn phải dè dặt mà nước bước quá chậm-chệ; thế là lai từ từ, mà bị Khốn với Kim xa 來徐徐，困于金車. Từ từ, là có ý lằm-chằm; Kim xa, là chỉ vào Cửu-Nhị, Nhị ở dương cương, nên lý dụ bằng xe-sắt.

Than ôi! hai bên vẫn chính-ứng với nhau, mà chỉ sợ vì một người có thế-lực, đến nỗi phải chịu Khốn, mà lại phải từ từ, trông người lại ngấm đến ta, thiệt đáng lấy làm xấu hổ, nên hào-từ có chữ lẫn 吝. Tuy nhiên Tứ đã dốc lòng ứng với Sơ, Sơ bản lai cũng là ứng với Tứ, hai bên vẫn lý-tráng từ-trực, kiết quả tất liên hợp với nhau.

Lúc đầu tuy khó khăn, mà cuối cùng chắc thoát khỏi nạn, **xưa nay tà bất thắng chính**, là lẽ tất nhiên, há phải Nhị ngăn

đón được Tứ, Sơ mãi ru? Nền hào-từ lại nói rằng : hữu chung 有終.

Tượng viết, lai từ từ, chí tại hạ dã, tuy bất đáng vị, hữu dự dã.

象曰, 來徐徐, 志在下也, 雖不當位, 有與也.

Cửu-Tứ, tuy bị ngăn đón vì Cửu-Nhị, nhưng Chí Tứ cố ứng với Sơ ở dưới 志在下也. Nhưng sở dĩ lai từ từ là vì vị Tứ cư nhu là bất đáng vị 雖不當位. Tuy nhiên, Tứ cố ý cầu Sơ, thời cuối cùng tất được Sơ là bạn giúp mình 有與也.

5 — Cửu Ngũ, tỷ nguyệt, khốn vu xích phát, nãi từ hữu duyệt, lý dụng tế tự.

九五, 剝削, 困于赤紱, 乃徐有說, 利用祭祀.

Cửu ngũ là dương vị chí tôn ở trong thì Khốn, mà lại có đức cương trung, vẫn là một người giải Khốn, nhưng Khốn vì thì đại eo le, những hạng người thân ái với mình, trên dưới thấy đều khốn, tượng như một hạng người, trên bị hình tỷ, mà mũi thụ thương, dưới bị hình nguyệt, mà chân bị thương 剝削. (Tỷ, là hình hót mũi ; Nguyệt, là hình khoét chân).

Ngũ đã xử vào hoàn cảnh Khốn, mà thượng hạ cu thương, lúc bây giờ hào âm nhu ở trên là Thượng lục, toan ra tay đè ép mình ; hào dương cương ở dưới mình là Cửu Tứ, lại toan cất trật mình. Những bọn đó làm hại mình đã đành, mà thậm đến một người rất thân tín mình là Cửu Nhị, mà mình đã từng đem xích phát đến cho nó, cũng chỉ đứng trông mỗi mắt, làm thêm Khốn cho mình mà thôi 困于赤紱.

Chữ Xích phát ở đây, tức là chữ Chu phát ở Cửu-Nhị, cũng nghĩa là bit tất đỏ. Sở dĩ Khốn vu xích phát, há phải Cửu-Nhị không thương Cửu-Ngũ đâu. Nhị với Ngũ vẫn đã đồng đức không lẽ bỏ nhau, nhưng vì hoàn cảnh gay go, tình cách, thế cấm, mà chưa dám tiếp hạp 洽 cho mau ; nhưng Nhị đã cương-trung, mà Ngũ cũng cương trung, tất dần dà bao lâu cũng có ngày bắt tay hã dạ 乃徐有說. (Tức, là có ý thông thẳng ; Duyệt là có ý vui mừng).

Tuy nhiên, tâm lý Nhị, Ngũ như thế, mà dụng lấy thì thế như kia: Từ hữu duyệt mặc lòng, nhưng cũng chẳng qua tỏ tấm lòng thành thiết mà thôi, sự thế đã như thế, thời chỉ có một cách ôm dấu lòng tình thành, hữu thì hữu chung in như đem lòng thành kính mà cảm động thần minh ; « Tình thành sở chí, kim thạch năng khai », chắc lâu ngày cũng được phúc, nên lại nói rằng : « Ly dụng tế tự ». Nghĩa là : ly dụng tấm lòng thành kính ở lúc tế tự mà xữ vào thì Khốn, chờ khi trời bênh thần hộ, mới có thể hữu vi. (Chữ tế tự ở đây, ứng với chữ Hưởng tự ở Cửu-Nhị).

Tượng viết, tử nguyệt, chí vị đắc dã ; nãi từ hữu duyệt, dĩ trung trực dã ; ly dụng tế tự, thụ phúc dã.

象曰，剝剝，志未得也。乃徐有說，以中直也。利用祭祀，受福也。

Tử nguyệt là trên dưới thấy thụ thương 剝剝, thì đã đến thế, còn chắc gì đắc chí nữa 志未得也.

Dần dà rồi cũng được vui mừng 乃徐有說, là vì có đức cương trung mà lại ngay thẳng đó vậy 以中直也.

Dụng thì thế như thế, chỉ duy gửi chặt lòng chí thành, đau

đời thương dân in như lòng thành thờ thần 利用祭祀, thời cuối cùng chắc cũng thụ phúc đó vậy 受福也.

PHỤ CHÚ.— Chữ «Thụ Phúc» ở Cửu ngũ, với chữ «Hữu Khánh» ở Cửu Nhị, thấy là một ý tứ. Nhưng mà phúc khánh chẳng phải thuộc về phần hưởng thụ, mà chỉ thuộc về phần tinh thần, thì thế dầu chưa đại hữu vi, **nhưng xét lại lòng mình và việc mình làm, trên không thẹn với trời, dưới không thẹn với thương sinh, ngoài không thẹn với non sông, trong không thẹn với tâm sự. Thế là phúc khánh ở thì Khốn.**

9.— Thượng Lục, khốn vu cát lũy, vu niết ngọt, viết động hối, hữu hối, chinh, cát.

上六，困于葛藟，于臬危施，曰，動悔，有悔，征，吉。

Thượng Lục ở về cuối cùng thì Khốn, tất nhiên Khốn chỉ cực. Nhưng mà thường lý trong thiên hạ, vật cùng tắc phản, sự cực tắc biến, Khốn mà đến cùng cực rồi, lẽ tất phải thông, nên nói rằng: Khốn vu cát lũy, vu niết ngọt 困于葛藟，于臬危施. (Cát lũy, là ngùm dây sắn; Niết ngọt, là khắp khềnh gập ghềnh).

Hoàn cảnh bị ràng buộc như chằng chịt vào ngùm dây sắn, lại đi đứng vào chốn khắp khềnh gập ghềnh. Như thế, là khốn đã cực rồi, nhưng mà nhân lực có lẽ hồi được thiên vận, anh hùng có khi tạo nên thì thế, chẳng cần gì lo, chỉ cốt nhất là can đảm cho lớn, mà lại có trí khôn ngăn nghĩ cho sâu xa. Hễ có làm việc gì, tất lòng tự hỏi lòng mà nói rằng: E động mà có hối chẳng 曰，動悔. (Ba chữ này là miêu tả cái tinh thần ăn năn suy nghĩ). Ở vào hoàn-cảnh khốn-cực tắc-biến, mà hay biết hữu-hối như thế, thời từ này sắp đi, chắc hành-động được tốt 有悔，征，吉.

Tượng viết, Khốn vu cát lũy, vị đáng dã, động hối hữu hối, cát hành dã.

象曰，困于葛藟，未當也；動悔有悔，吉行也。

Thượng Lục sở dĩ Khốn vu cát lũy, là cách xử trí của mình chưa đúng đạo thoát Khốn vậy 困于葛藟未當也. Nếu biết được như thế, mà hối quá tự tàn, thời gặp lúc Khốn cực tắc thông, chắc tiến hành được tốt, nên nói rằng : động hối, hữu hối, cát hành dã.

PHỤ CHÚ.— Chúng ta đọc suốt quái từ hào từ quẻ Khốn mà sinh ra hai mối cảm tưởng : quái từ nói rằng : **Khốn hanh, trinh đại nhân cát**, mà sáu hào thời hai hào **hung** một hào **lân**, dư các hào, hào nào cũng có chữ **Khốn** chỉ duy Thượng lục có chữ **Cát**. Thế thời người ta ở trong vũ trụ, chẳng ai là chẳng bị chinh phục vì hoàn cảnh chung, đó là một mối cảm tưởng.

Nhưng mà người đứng giữa trời đất, tất phải có trí lực đảm lược, phách lược mà chiến thắng với hoàn cảnh riêng, đó lại là một cảm tưởng.

Lý do bởi vì sao ? Chinh phục hoàn cảnh chung, tất phải nhờ trợ lực ở nơi Xã hội, Xã hội còn đương sụp vào vùng mù đen mây túi, dầu thánh hiền hào kiệt cũng không thể cậy một sức mình mà đánh đổ được hoàn-cảnh túi tăm.

U bất minh như Sơ-Lục ; bất-tường như Lục-Tam, tài hèn trí ám thôi chẳng nói gì bọn họ. Ví dụ : có đức cương-trung như Cửu-Nhị, có tài có vị như Cửu-Ngũ, nhưng cũng chẳng khỏi khốn với hung, tất phải chờ thì Khốn đã cùng, vận hanh sắp tới, toàn thể xã-hội đã gặp nhịp đêm tàn đông rạng, đông hết xuân về, mới được hai chữ « chính cát », nhưng

xem đến hào tử vẫn còn nói rằng : động hối, hữu hối, thời khổ tâm thâm-lự biết chừng nào, mà mới thấy được thiên hạ thoát được vòng khốn nạn. Như thế, thời chiến thắng được hoàn-cảnh chẳng phải là khó lắm hay sao ?

Nhưng chúng ta đã sinh gặp lúc hoàn cảnh chung ấy, thời bản-thể mình cũng là một phần tử ở trong hoàn cảnh ấy, phần chung mà không chiến thắng được, còn có lẽ đổ tội cho xã-hội. Chứ như phần riêng mà không chiến-thắng được, thời đổ tội vào ai.

Cột đá giữa dòng sông lớn, từng bá giữa tiết trời đông, chính là nghĩa vụ riêng của phần chúng ta.

Chúng ta đâu không có sức chiến-thắng với hoàn cảnh chung, nhưng há lẽ chịu hàng phục với hoàn cảnh riêng hay sao ?

Đã không chịu hàng phục với hoàn cảnh riêng, thời nên thế nào ?

Xin xem ở quái từ có chữ «trinh đại nhân» với Soán truyện có câu : kỳ duy quân tử hồ ! Và câu : dĩ cương trung dã ; nhân mấy câu ấy thời ta cứ lo giữ đạo trinh chính, mà bao nhiêu đường xiêu lối vạy ta chớ dứt chân vào, ta cứ giữ lấy đức cương trung, mà dầu bao nhiêu sấm sét chông gai, ta không chịu biến tiết. Như thế là Khốn nhi bất thất kỳ sơ hanh, dầu hoàn cảnh chung Khốn đến bao nhiêu, mà hoàn cảnh riêng tư bản thân, không bao giờ nao núng, thân tuy khốn, mà đạo mình vẫn hanh, chẳng phải là đại nhân quân tử hay sao ? Nếu may mà đặt thân mình vào địa vị Cửu Nhị, Cửu Ngũ, thời chỉ dùng cách tinh thành cảm thiên địa, chính khí thông thần minh,

như câu : lý dụng tế tự, lý dụng hưởng tự, mà thánh nhân đã thí dụ cho ta hiểu.

Sách Quán tử có câu : tư chi tư chi, hựu trùng tư chi, tư chi bất đắc quỷ thần thông chi 思之思之, 又重思之, 思之不得鬼神通之.

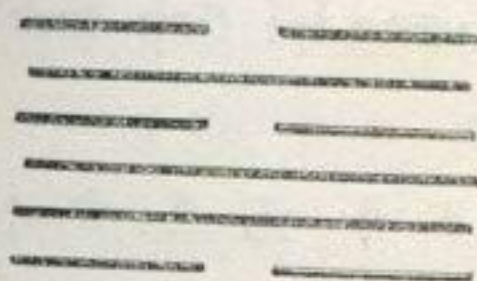
Nghĩa là : nghỉ hoài, lại thêm nghỉ hoài, dầu nghỉ không đạt được chẳng, thời có quỷ thần thông đạt cho.

Hễ những ai thương nòi tiếc giống, cảm cảnh đau đời, thời có phương pháp như trên là hay nhất, chẳng may mà gặp lúc vô khả nại hà, cực bất đắc dĩ, thời đã có câu : trí mệnh toại chí ở tượng truyên, thiệt là một cái kim chỉ nam cho chúng ta ở thì Khốn, còn sợ gì không chiến thắng được hoàn cảnh nữa rư ?

TIMSACH.COM.VN
oOo

ILVIII. QUẺ THỦY PHONG TỈNH

水 風 井



Quẻ này là quẻ Thủy-Phong-Tĩnh. Tốn hạ cũng là nội Tốn; Khảm thượng cũng là ngoại Khảm. Khảm thủy, Tốn phong. Nên tên quẻ đọc bằng Thủy-Phong-Tĩnh.

坎

巽

TỰ QUÁI

上

下

外

內

坎

巽

Tự quái, Khốn hồ thượng giả, tất phản hạ, cố thụ chi dĩ Tỉnh.

序卦，困乎上者，必反下，故受之以井。

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Khốn tiếp lấy quẻ Tỉnh, là vì cơ sao?

Trên ấy là quẻ Khốn, Khốn ở sau Thăng, Thăng lên cuối cùng tất nhiên Khốn, Khốn ở chót vót cao, tất ngã mà nẩy xuống dưới 困乎上者，必反下. Vậy nên, sau quẻ Khốn tiếp lấy quẻ Tỉnh 故受之以井. (Tĩnh, nghĩa là giếng, giếng là một chốn thấp hơn hết).

Theo như tượng quẻ, Khảm tượng là nước, Tốn tượng là gỗ, vả lại Tốn có nghĩa là vào, đồ gỗ dùng vào dưới nước mà đưa nước lên, tượng là như mức nước giếng.

Lại theo như tượng sáu vạch, vạch Sơ đứt đôi, tượng như lỗ nước mạch chảy lên, chính giữa hai nét dương là nét liền, tượng là lòng giếng trữ nước, trung gian có một hào âm, là cái lòng trống để lấy nước. Lại lên nữa là hào Ngũ cũng là nét dương, là tượng cái đồ để đầy miệng giếng, trên hết một nét đứt trống, là tượng cái miệng giếng nên đặt tên quẻ bằng Tỉnh.

SOÁN TỪ

Tỉnh, cải áp, bất cải tỉnh, vô táng vô đắc, vãng lai tỉnh tỉnh. Ngật chí, diệc vị duật tỉnh, luy kỳ bình, hung.

井, 改邑不改井, 无喪, 无得, 往來井井. 汔至, 亦未繙井, 羸其瓶, 凶.

Tỉnh, cải áp bất cải tỉnh, vô táng vô đắc, vãng lai tỉnh tỉnh.

井, 改邑不改井, 无喪无得, 往來井井.

Tuyền văn quẻ này chỉ mượn bằng một sự vật mà thí dụ vào đạo lý, nên quải từ mỗi câu, thấy ngậm một ý nghĩa ngoài chữ.

Đây chỉ theo giữa mặt chữ, mà giải thích cho rõ nghĩa đen. Còn ý nghĩa với đạo lý, thời xin độc giả phải nhận kỹ sẽ hiểu.

Tỉnh, là giếng, hễ đã có làng xóm ở chốn nào, tất chốn ấy có người ăn nước, có người ăn nước, tất phải có giếng, nhưng làng xóm có khi thay đổi, mà giếng ở đâu thời thường ở đấy, chẳng bao giờ thay đổi 井, 改邑, 不改井. Giếng vì thường ở nhất-định như thế, mà thường thường có nước mạch chảy ra hoài, nên nước đi mà không thấy kiệt, chứa lại mà không thấy tràn ra, thiệt là không mất cũng không được 无喪无得.

Hai câu ấy là nói bản-thể của giếng.

Còn những công dụng của giếng, thời những kẻ qua người lại tất thấy là thấy giếng mà nhận bằng giếng. Hễ muốn được nước uống, tất phải lại giếng ngay 往來井井.

Táng, nghĩa là mất; đắc, nghĩa là được; Vãng, nghĩa là qua, là người múc được nước rồi mà đi; lai, nghĩa là lại, là người toan múc nước mà tới; cái ấp bất cái tỉnh, nghĩa là chốn ở vẫn nhất định; vô táng vô đắc, nghĩa là đức tính của giếng vẫn hựu hằng; Vãng lai tỉnh tỉnh, là công dụng của giếng đầy khắp mà lại xuất ư vô tâm.

Người vãng chẳng bao giờ giếng có cự, người lại cũng chẳng phải giếng có mời, giếng chỉ lo làm hết công việc của giếng mà thôi, nên nói rằng : tỉnh tỉnh. (Tỉnh tỉnh, nghĩa là tỉnh kỳ tỉnh).

PHỤ CHÚ.— Chỉ mấy câu ấy mà suy vào triết học rất có thú vị, đạo trời đất ở giữa vũ trụ, mặc dầu cuộc đời bể dâu, thói đời sốt lạnh, mà trời đất vẫn cứ y nhiên. Thế là cái ấp bất cái tỉnh. Ấp là nhân tạo; tỉnh là thiên nhiên; biến đổi là nhân tạo, không biến đổi là thiên nhiên. Đó là nguyên lý của tạo hóa.

Nguyên lai, vẫn có sẵn là thuộc về phần hữu tượng, nên không bao giờ mất, là vô táng.

Nguyên lai, chỉ hư không là phần vô hình, nên không bao giờ thấy được, là vô đắc.

Nhưng mà đã vô táng, thời cần gì nói đắc? Vì có táng, mới nảy ra đắc. Đã vô đắc, thời cần gì nói táng? Vì có đắc, mới nảy ra táng. Vô táng, vô đắc, chính là đạo lý rất tự nhiên, vừa rất hữu thường. Tuy nhiên, chân lý vẫn bất dịch vừa tự

nhiên như thế, nhưng mà công dụng lại rộng khắp phi thường, dọc từ xưa tới nay, ngang từ đông chí tây, chẳng một sự một vật gì, mà chẳng sinh hoạt ở trong vòng chân lý, kết quả trời vẫn là trời, đất vẫn là đất; vạn vật đội ơn che chở, mà quên cả ơn trời đất, lại là công dụng xuất ư vô tâm, có khác gì vắng lai tỉnh tỉnh nữa đâu.

Ngẫm nghĩ mấy câu ấy, không khác gì câu ở sách Trung dung : Thiên mệnh chi vị tính, suất tính chi vị đạo 天命之謂性, 率性之謂道,

Nguyên lý trời phú dự cho ta mà gọi bằng tính, không bao giờ thay đổi. Thế là bất cải tính. Chân tính đó, theo về Phật học, thời cũng gọi bằng Phật tính, bất sinh, bất diệt, tức là vô táng, vô đắc, noi theo tính ấy mà gọi bằng đạo. Kể dĩ vắng người phương lai, cũng chỉ đi vào đường ấy mà thôi, là vắng lai tỉnh tỉnh.

Ngật chí, diệc vị duật tính, luy kỳ bình, hung.

汔至. 亦未繙井, 羸其瓶, 凶.

Trên ấy nói thiên đạo là thuộc về lý tưởng với tự nhiên, bây giờ lại nói về nhân sự là thuộc về phần thực tế và đương nhiên, cũng chỉ thử thí bằng người múc nước giếng.

Trước hãy thích nghĩa chữ một :

Ngật, cũng như nghĩa chữ Cơ 幾, nghĩa là sắp sửa ; Duật, cũng như nghĩa chữ ngành 綆, nghĩa là giây gàu múc nước ; Luy, nghĩa là đồ bể ; Bình, là cái bình đựng nước.

Hễ làm một việc gì, tất làm cho đến thành công, vô luận thờ một chủ nghĩa gì, hay mưu một sự nghiệp gì, tất phải làm

cho tới nơi, mới thấy được kết quả của việc ấy. Nếu giữa đường mà vứt quách, hoặc gần tới mà nghỉ bỏ, thời tuy chưa thất bại, mà cũng gọi là thất bại. Tỷ như : người đi múc nước giếng mà sắp sửa tới nơi 汽至, nhưng chưa kịp giòng dây gàu xuống giếng 亦未繙井, mà thành linh vỡ nứt cái bình đựng nước 羸其瓶, té ra công đi tới giếng hoàn toàn hồng ráo, chẳng uổng công lắm hay sao ?

Chúng ta xem mấy câu thí dụ ấy, thời biết được chương trình làm việc phải có ba đoạn : **Đoạn thứ nhất** là phải dò thăm cho ra giếng. **Đoạn thứ hai**, là phải cố công đi cho tới giếng, và dụng công dòng gàu xuống giếng, bao giờ múc được nước mới thôi. **Đoạn thứ ba**, là trong thì gian ấy, phải hết sức cẩn thận giữ gìn vật liệu khí cụ mình làm, chớ để nửa đường đổ bể ; nếu không luy kỳ bình, thời nước chắc về tới nhà, chẳng phải là thành công hay sao ?

Đau đớn thay ! nước chưa kịp múc xong, mà bình đã vừa đổ, công phu đi tới giếng, hóa ra dạ tràng xe cát bể đồng. Vậy nên làm việc thiên hạ cần phải có đại dõm, mà cũng cần phải có tiểu tâm, đó là thâm ý quái từ dạy cho chúng ta vậy.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Tốn hồ thủy nhi thượng thủy, tỉnh ; tỉnh dưỡng nhi bất cùng dã, cái áp bất cái tỉnh, nải di cương trung dã ; Ngật chí, diệc vị duật tỉnh, vị hữu công dã ; luy kỳ bình, thị di hung dã.

象曰, 巽乎水而上水, 井. 井養而不窮也, 改邑不改井. 乃以剛中也. 汽至, 亦未繙井, 未有功也. 羸其瓶, 是以凶也,

Soán viết, Tốn hồ thủy nhi thượng thủy, tỉnh, tỉnh dưỡng nhi bất cùng dã.

彖曰，巽乎水而上水，井，井，養而不窮也。

Tốn, nghĩa là nhập ; nhập, nghĩa là vào, đồ mộc đưa vào nước mà đưa nước lên 巽乎水而上水, là tên nghĩa quẻ Tỉnh 井. Tỉnh là giếng. Giếng nuôi người ta mãi mãi, mà chẳng bao giờ cùng 井, 養而不窮也,

Cải áp bất cải tỉnh, nãi dĩ cương trung dã.

改邑不改井，乃以剛中也。

Cải áp bất cải tỉnh là vì đức giếng hữu thường nên công dụng được rộng lớn, quân tử mà có đức được như thế, tất hạng người có đức cương trung như Nhị, Ngũ đó vậy 改邑不改井，乃以剛中也，

Tuyền quẻ duy hào Nhị, hào Ngũ dương cương đắc trung. Bởi vì, có đức cương trung, nên cũng hữu thường như đức giếng.

Ngật chí, diệc vị duật tỉnh, vị hữu công dã, luy kỳ bình, thi dĩ hung dã.

汔至，亦未繙井，未有功也 羸其瓶，是以凶也。

Tiết thứ hai, quái từ lại mượn việc người gánh nước mà thí dụ bằng nhất thiết làm việc đời, hễ việc làm chưa nên cũng như chưa làm, tuy có đến tận giếng 汔至, mà chưa dùng dây gàu xuống giếng 亦未繙井, cũng như chưa có công dụng gì 未有功也, mà vừa mất bình đựng nước, còn kể gì được công gánh nước nữa rư 羸其瓶, Vì thế mắc hung đó vậy 是以凶也,

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, mộc thượng hữu thủy, Tỉnh, quân tử, dĩ lao dân khuyển tương.

象曰, 木上有水, 井. 君子, 以勞民勸相.

Đại-tượng ở đây, lại lấy một nghĩa đặc biệt, mà không lấy nghĩa bằng nước giếng. Vì xem ở thể quẻ, Tốn là mộc, Khảm là thủy, thủy ở trên mộc, nghĩa là ở trên cây có nước 木上有水. Cây là một giống sinh vật, hấp thụ tất cả khí ở dưới đất thành ra tân dịch, mà đưa lên trên ngọn cây, nên trên cây thường hay có giọt nước ở đầu giọt lá. Thế cũng như nước mạch ở trong giếng chảy ra ; mới đặt tên quẻ bằng Tỉnh 井.

Quân tử xem tượng ấy mới biết rằng : loài người sinh trưởng với nhau, cũng cần phải có nuôi nhau, làm người trên, tất phải nuôi dân, nên thường phải yên ủi phủ-tuất dân luôn luôn 勞民.

Chẳng những nuôi dân mà thôi, mà lại cần phải khuyến hiếu cho dân, bày vẽ cho bằng cách giúp đỡ lẫn nhau 勸相.

(Lao, là an ủi, phủ-tuất ; Tương, là giúp đỡ lẫn nhau).

An ủi dân, lại khuyến dân giúp đỡ nhau, là công phu tinh dưỡng của quân tử, đời xưa :

Hạ, Thương, Chu, đặt ra phép tỉnh điền để nuôi dân ; nuôi dân tám phu, chung nhau cày một tỉnh ruộng, mỗi tỉnh chín khoảnh, mỗi một khoảnh trăm mẫu, chung quanh tám khoảnh chia cấp cho tám phu, gọi bằng tư điền, chính giữa một khoảnh gọi bằng còng điền, tất cả gọi bằng một tỉnh ; tỉnh vuông chín

trăm mẫu, tám phu cày chung với nhau tám trăm mẫu, ra vào thường cặp bạn với nhau, cân sức hợp tác, mùa cày cấy, cày cấy dùm nhau, mùa gặt hái, gặt hái dùm nhau, đừng có người nào đau, thời các người kia, phải làm đỡ cho người ấy, tám khoảnh ruộng tư làm xong, lại hùa nhau cả tám phu cày làm ruộng công, lúa ruộng công bao nhiêu thời nộp lên quan, để nuôi quan, dân không bao giờ phải đóng góp, mà quan thời chỉ cày sức dân cày ruộng công mà được ăn lương; chứ chẳng phiên dân phải đóng góp, mà lại đến lúc mùa màng, thời quan phải đi tuần thị, thấy dân có thiếu thốn, thời phải bỏ trợ cho dân, hoặc gặp lúc thiên tai thủy hạn, thời phải xuất của công cứu cho dân, như thế gọi bằng lạo dân khuyến tướng.

Tự đời Tần, vì tể quân chủ chuyên chế, bỏ phép tình điền, mà lập ra phép phú thuế; nghĩa lạo dân khuyến tướng từ đó đã mất hẳn, mà dần dà tư bản chủ nghĩa mới phát sinh; dân sinh bây giờ ngày càng cùng khổ, ước ao có một ngày khôi phục tình-điền, như thuyết phân-điền chế sản của thầy Mạnh-Tử.

Phân điền, nghĩa là : quân phân điền địa cho dân, khiến cho không ai nhiều ai ít.

Chế sản, nghĩa là : hạn chế tài sản cho dân, khiến cho không ai thừa ai thiếu. Nếu được như thế chắc không gì có họa cộng sản nữa vậy.

HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Lục, Tinh nê, bất thực, cự tình vô cầm.

初六,井泥,不食.舊井无禽.

Tuyền nghĩa sáu hào quẻ này, chỉ thủ tượng bằng giếng, giếng là có công nuôi được người, mà sở dĩ nuôi được người, là vì có nước mạch, nước mạch thường có hơi ấm, thuộc về dương, nên ở trong quẻ phải lấy hào dương mà thí dụ bằng tuyền. Tuyền tức là nước mạch. Hễ hào âm nhu tức là giếng không nước mạch, đã không nước mạch thì sao gọi bằng giếng được.

Sơ-Lục âm-nhu mà lại cư hạ, bản chất đã hèn hạ, trên lại không người kéo dắt mình, không thể nào làm được công dụng nuôi người, tượng như giếng không nước mạch mà chỉ thấy những bùn, nên không ai tới mức nước ăn 井泥不食. Giếng đã không ai tới mức nước, tất nhiên lâu ngày thành giếng bỏ, chẳng những người không ngó tới, mà dầu loài cầm có khát chẳng nữa, cũng không tới ngó làm gì 舊井无禽. Hào từ này chỉ nói một hạng người hèn hạ, mà tính nết lại dơ bẩn không khác gì giếng bùn, chính là một hạng người bỏ ở trong đời mà thôi.

Tượng viết, tỉnh nê bất thực, hạ dã; cựu tỉnh vô cầm, thì xã dã.

象曰, 井泥不食, 下也, 舊井无禽, 時舍也,

Tỉnh nê bất thực, là phẩm cách mình quá ty hạ vậy; Cựu tỉnh vô cầm là bị trong đời chê bỏ vậy.

Chữ Thì đây, khác với chữ Thì ở Kinh văn, chữ Thì mọi nơi, là mùa, là buổi, là giờ, tổng chi gọi bằng Thì. Còn chữ Thì đây chỉ nghĩa là người trong đời. (Thì xã, nghĩa là người ở trong đời không ai dùng mình).

PHỤ CHÚ.— Ở về thì Tỉnh, nếu đã thiết tỉnh rồi, thì ai

nỡ bỏ đâu. Nhưng Sơ Lục vì sao mà bất thực ? vì sao mà thi xã ? Cái đó chỉ nên tự trách bản thân Sơ Lục, Sơ đã như giếng không nên giếng, còn ai dụng đến mình nữa đâu.

Vậy nên, chúng ta ở trong đời, muốn cho đời quý trọng mình, trước hết phải bồi dưỡng lấy nhân cách mình.

Đức Khổng tử đã nói rằng : người ở đời chớ lo không ai biết đến mình, mà chỉ lo làm sao cho xứng đáng được người ta biết 不患人之不己知, 求為可知也.

Như hào Sơ Lục này vẫn không tư cách khả tri, làm sao mong được người tri mình.

2. - Cửu Nhị, Tỉnh cốc, thiệp phụ, ứng tộ lậu.

九二, 井谷, 射鮒, 甕敝漏.

Công dụng của giếng, là cốt đưa nước lên trên giếng được, mà lại cần người ở trên giếng múc lên cho. Vậy sau giếng mới có công dụng. Cửu-Nhị tuy có tài dương-cương, nhưng mà ở về hạ thể, trên không có người ứng viện cho mình, vả người thân cận với mình là Sơ-Lục lại là người vô dụng. Vậy nên, không làm nổi được công việc nuôi người, tượng như giếng ở trong hang, mạch nước tuy có chồn chảy ra, nhưng chỉ lách tách năm bảy giọt bắn vào trên lưng con phụ 井谷射鮒, in như chum nứt vừa mà nước mót ra 甕敝漏.

Như thế, thiệt là không công dụng Tỉnh. Nói cho đúng, thời chỉ giếng không thành giếng mà thôi.

Tượng viết, Tỉnh cốc thiệp phụ, vô dự dã.

象曰, 井谷射鮒, 无與也.

Cửu-Nhị vẫn không đến nổi vô tài, nhưng vì ở trên không

người ứng viện với mình. Tỷ như : có ít nhiều nước mạch, mà không người ở trên mức lên cho, thế là vô dự, nên hào từ nói : tỉnh cốc thiệc phụ. (Vô dự, nghĩa là không người giúp mình).

PHỤ CHÚ.— Ở vào thì Tỉnh, mà hạng người như Sơ với Nhị, thấy là người vô công ư thì. Nhưng nguyên nhân thời khác nhau. Sơ, là tài bất kham dụng, nên hào từ nói rằng : tỉnh nê. Nhị có tài, lại bị khốn với hoàn cảnh, nên hào từ nói rằng : tỉnh cốc.

Giếng mà bùn, là đồ bỏ đi đã đành, chứ giếng mà ở hang, thời còn có nước mạch, chẳng phải là tuyệt đối vô dụng. Nên tượng từ ở hào Sơ, thời nói rằng : Thì xã, mà tượng từ ở hào Nhị, thời nói rằng : Vô dự, là có ý thương tiếc cho Nhị.

3.— Cửu-Tam, tỉnh điệp, bất thực, vi ngã tâm trắc, khả dụng cấp, vương minh, tịnh thụ kỳ phúc.

九三，井渫，不食，爲我心惻，可用汲，王明，並受其福。

Cửu Tam bản chất dương cương, ở vào vị chính, lại dụng ở vào trên địa vị nội quái ; chính là một hạng người có tài dụng đời, mà lại sẵn có tấm lòng tế thế, in như giếng mạch tốt, nước trong, đáng lẽ người ta mức ăn mới phải, mà ai dè địa vị còn ở hạ quái, mà như nước giếng chưa mức lên trên, thành ra chưa ai ăn đến nước giếng ấy 井渫不食. Vì thế, nên nỗi những người đi đường, ai cũng than thở cho giếng trong trẻo thế này mà không ai dùng tới 爲我心惻. Ngã, là chỉ vào Cửu-Tam ; tâm trắc, nghĩa là trong lòng lấy làm đau. Người đi đường mà đau lòng, là vì Cửu-Tam có tài mà chưa gặp Thì đó vậy.

Tuy nhiên, lẽ trong thiên hạ, đã sinh ra tài ở một đời, là cốt để làm việc một đời ấy. Giếng đã trong sạch như Cửu-Tam, chắc người ta cũng đến dùng nước giếng ấy, mức lên mà ăn 可用汲. Hoặc có một ngày gặp bậc vương minh xuất hiện, lúc bấy giờ người trên dùng tài mà người dưới được nhờ, người dưới có tài thời người trên được nhờ, hai bên thấy chịu phúc khánh 王明, 竝受其福. (Vương Minh, nghĩa là vị vương lại có đức minh).

Trái lại, vương mà ám, thời giếng này cũng chỉ bất thực mà thôi. Nói tóm lại, giếng trong là Cửu Tam, người dùng nước giếng ấy là Vương-Minh.

Tượng viết, tỉnh điệp bất thực, hành trắc dã, cầu vương minh, thụ phúc dã.

象曰, 井渫不食, 行恻也, 求王明, 受福也.

Giếng trong sạch mà không người dụng để ăn, cũng như trong xã hội có bậc tài đức mà không ai dụng tới nơi 井渫不食, thiệt là một việc đáng đau đớn cho xã hội, nên đến nỗi hành trắc 行恻也. Hành trắc, nghĩa là người đi đường trông đến giếng mà tát ruột vì đời không có vương minh. Đức Khổng-Tử nói rằng: Minh vương không dậy ở trong đời, thời ai là người chịu tôn dụng mình 明王不興, 孰能尊予 (禮記). Vì đau đớn cho bậc tài trí không được dụng vậy, trông mong cho có Vương minh, thời thiên hạ thấy được thụ phúc vậy 求王明, 受福也.

PHỤ CHÚ.— Hào-từ này chú trọng ở chữ « tâm trắc », và chữ « Minh vương ».

Cửu-Tam, tỉnh điệp, là bản phận của Tam đã dành tốt

rồi, nhưng tài trí của Cửu Tam vẫn là tài trí chung của xã-hội, thứ nhất là trông mong cho xã-hội nhiều người hữu tâm.

Nếu xã hội đã nhiều người tâm trắc Cửu-Tam, thời giống đó há lẽ bỏ không hoài hoài ?

Tức như : Có dân Ấn Độ, thời thánh Cam-địa chẳng phải là người trót ở tù ; có quốc dân Trung-hoa thời Tôn Trung Sơn chẳng phải là người trọn đời làm bò khách. Chính là vì Xã hội tâm trắc quá nhiều, nên kết quả cũng được dụng cấp. Thứ nữa, là có Vương minh : tất có Thành Thang thời Y-Doãn mới làm nên phại Kiệt cứu dân, có Uy Liêm đệ nhất, thời Tỷ sỉ mạch mới làm nên phú cường cho nước Đức Ý Chi.

Nếu không Vương Minh như hai người trên ấy, thời giếng trong đó ai dụng cấp rư.

Vì vậy, tượng truyện lại nói hai chữ «hành trắc» chữ cầu đặt trên chữ vương minh, ý tứ thánh nhân há phải chỉ nói giếng mà thôi.

4.— Lục Tứ, tình thu, vô cữu.

六四，井甃，无咎。

Thu, là ghép gạch ở tư bề giếng, với lòng giếng, làm cho nước giếng được trong sạch mà không gợn.

Lục-Tứ tuy là bản-chất âm nhu, nhưng thượng tiếp cửu Ngũ là một bậc dương cương trung chính mà lại ở ngôi tôn. Tứ lại ở vị đắc chính, nhờ thế lực của Ngũ mà làm xong bốn phần của mình.

Tượng như giếng nước mạch vẫn chẳng bao lăm, mà trau dồi thấy ra tử tế 井甃, không đến nổi tỉnh nê như Sơ-Lục, tuy không công gì lớn mà không tội lỗi 无咎.

Tượng viết, tỉnh thu vô cữu, tu tỉnh dã.

象曰，井甃先咎，修井也，

Tỉnh thu mà được vô cữu. Nghĩa là giếng này tuy không công gì lớn, nhưng thường hay tu lý, thời cũng không đến nổi thành giếng bỏ. Theo tài chất của Lục-Tử được như thế, là hay rồi.

5.— Cửu-Ngũ, tỉnh liệt ; hàn tuyên thực.

九五，井冽，寒泉食。

Hồ nước giếng qui nhất là trong veo lạnh buốt, mà lại mức lên được cho người ăn. Cửu-Ngũ dương cương trung chính, tượng như mạch nước giếng rất trong. Nên nói rằng : tỉnh liệt. Liệt, nghĩa là trong veo lạnh buốt.

Ngũ lại ở nào quẻ trên, đứng vào địa vị chí tôn, tượng như nước giếng mức lên trên mặt giếng mà người ta được ăn, nên lại nói : hàn tuyên thực.

Thích tóm lại, Ngũ đã dương cương trung chính lại ở ngôi tôn. Nên ơn trạch được đầm thấm khắp thiên hạ.

Thí dụ : vào giếng, là giếng đã có chất trong sạch lại có công lớn, nên hào từ được như thế.

Tượng viết, hàn tuyên chi thực, trung chính dã.

象曰，寒泉之食，中正也。

Tỉnh đến Cửu-Ngũ, mới có hàn tuyên thực, là vì Ngũ có đức trung chính, đức Ngũ tất hơn hết ở thì Tỉnh, chính là một cái giếng rất tốt đó vậy.

6.—Thượng Lục, tỉnh thu, vật mạc, hữu phu, nguyên cát.

上六, 井收, 勿幕, 有孚, 元吉,

(Thu, nghĩa là mức nước lên, mạc, là che trùm).

Công dụng của giếng là cốt đưa nước lên khỏi miệng giếng. Thượng-Lục ở trên hết quẻ, chính đúng với vị miệng giếng. Tỉnh đạo đến đó vừa hoàn thành, là nước giếng đã mức lên rồi 井收, thời nên để cho tắt thấy người dùng, chớ nên che trùm lại 勿幕. (Chữ Vật ở đây, là có ý cấm chỉ. Vật mạc, là cấm chỉ che trùm lại).

Bởi vì, cái giếng đó nên đưa làm của công, mà không để làm riêng của một nhà, hễ ai muốn mức thời tùy ý mức. Hiền nhân quân-tử đem tài trí mình làm ích lý cho thiên hạ cũng như thế, nên nói rằng : tỉnh thu vật mạc 井收勿幕.

Tuy vậy đã đành, nhưng công việc tế thế an-dân, há phải một chốc một lát mà làm nên được đâu, tất phải làm mãi mãi mà không cùng, in như cái giếng kia, mạch chảy mãi mà không hết, người mức luôn mà không cùng kiệt.

Như thế, thời công dụng giếng mới hoàn thành, nên nói rằng : Hữu phu nguyên cát 有孚元吉, «Hữu phu, nghĩa là : hữu thường mà không thay đổi. Nguyên cát, nghĩa là được lành lớn ».

Thích tóm lại, giếng đã đến lúc người mức đông, ấy là tỉnh thu ; nên đưa làm giếng chung cho thiên hạ, mà không nên che đây, ấy là « vật mạc », thường thường như thế mãi mãi, mà không biến-dịch, ấy là « hữu phu »,

Công dụng giếng đến lúc bây giờ, mới hoàn-toàn mỹ-mãn, ấy là nguyên cát. Còn ý tứ ở ngoài mặt chữ, thời quân-tử đem tài đức ra gánh việc đời, là tỉnh thu.

Hễ ly ích cho thiên hạ thời cứ làm, mà chẳng bao giờ tiếc công riêng ly, là vật mạc. Đã xuất lực nhậm lao, lại chi công bác ái dầu trăm năm cũng như một ngày là hữu phu. Công việc cứu đời đến lúc hoàn toàn mỹ-mãn là nguyên cát.

Tượng viết, nguyên cát tại thượng, đại thành dã.

象曰，元吉在上，大成也。

Ở trên hết quẻ, mà được nguyên cát. Bởi vì, công dụng của giếng cốt đưa nước lên trên. Bây giờ đã đến vị trên hết, ấy là công dụng tỉnh đã đến lúc đại-thành rồi.

PHỤ CHÚ.— Thông lệ các quẻ ở trong Dịch, đến hào cuối cùng là hào Thượng, thường thủ-nghĩa cực thời phải biến, như **Thái chi cực**, thời có chữ **Mệnh loạn** 命亂. **Dự chi cực**, **Thăng chi cực**, thời có chữ: **Minh dự**, **Minh thăng** 冥豫, 冥升.

Hễ đến hào Thượng, thường hay vì cực mà tốt hóa ra xấu.

Duy quẻ **Tỉnh**, quẻ **Đỉnh**, không thủ nghĩa bằng cực, mà thủ nghĩa bằng chung.

Tỉnh chi chung, là nước đã mức về nhà, **Đỉnh chi chung**, là đồ ăn nấu đã chín, nên đến hào Thượng là thành công. Tượng truyền hai hào ấy, đều có chữ **tại thượng**, là muốn cho độc giả hiểu ý ấy. Đó cũng là một biến lệ ở trong Dịch.

Bây giờ lại bàn tóm cả sáu hào quẻ **Tỉnh**, văn lý rất tiếp tục, ý nghĩa rất chiếu ứng với nhau.

Bởi vì : tên quẻ Tỉnh, là mượn một vật mà ngụ vào đạo lý, đầu đuôi sáu hào chỉ nói cái giếng, có thể chia làm ba đoạn :

Một là : Hào Sơ, hào Nhị ở về đoạn dưới, Sơ lại ở vào đáy giếng mà có bùn, nên nói rằng : tỉnh nê. Nhị có cao hơn Sơ chút đỉnh, nên nói rằng : tỉnh cốc.

Hai là : Tam, Tứ ở vào đoạn giữa, vừa đúng khoảng trung tâm giếng, bùn ở Sơ đã lóng trong, nên thấy được tỉnh điệp. Cốc ở Nhị đến đó đã tu lý, nên mới thấy được tỉnh thu.

Ba là : Duy Ngũ, Thượng là về đoạn trên, nhưng Ngũ chưa lên tận miệng giếng, thời công dụng của giếng chưa được hoàn thành.

Đến hào Thượng, nước đã lên khỏi giếng, nước giếng đã tràn qua miệng giếng, là công dụng của giếng đến đó mới hoàn thành.

Vậy nên, trong sáu hào, hào Thượng được tỉnh thu nguyên cát. Xem suốt sáu hào, thời bảo văn lý rất hay vẫn rất đúng, mà bảo rằng ; lý luận với sự thực chẳng bao giờ trái nhau cũng rất đúng.

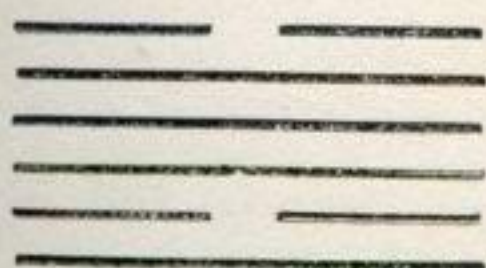
Hiền, hay không hiền, quyền tại độc giả.

oOo



ILIX. QUẺ TRẠCH-HỎA-CÁCH

澤 火 革



Quẻ này là Quẻ Trạch-Hỏa-Cách. Ly hạ cũng là nội Ly. Đoái thượng cũng là ngoại Đoái.

Đoái trạch, Ly hỏa. Nên tên quẻ đọc bằng Trạch-Hỏa-Cách.

兌
上
外
兌

離
下
內
離

TỰ QUÁI

Tự quái, tỉnh đạo bất khả bất Cách, cố thụ chi di Cách.

序卦, 井道不可不革, 故受之以革.

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦. Sau quẻ Tỉnh tiếp lấy quẻ Cách, là vì có sao ?

Trên ấy là quẻ Tỉnh. Tỉnh, nghĩa là giếng, hể nước giếng trữ quá lâu ngày, thời gợn bụi tích lại ngày thêm nhiều, mà mất nguyên chất trong sạch. Nên đạo giếng tất thường phải có Cách, nghĩa là tát sạch nước cũ đi để cho nước mạch mới ra, tục gọi bằng **Khảo giếng**, chính là nghĩa chữ Cách. Vì tỉnh đạo tất phải có cách 井道不可不革. Vậy nên sau quẻ Tỉnh, tiếp lấy quẻ Cách 故受之以革. Ý nghĩa chữ Cách, chỉ là : thay những giếng cũ, mà làm ra giếng mới có

nghĩa là biến cách, mà cũng gọi bằng cải cách, canh cách. Nên học nghĩa Cách là thay, Cách là đổi cũng thông. Quẻ này sở dĩ đặt tên bằng Cách, thời đã tường ở Soán truyện.

SOÁN TỪ

Cách, di nhật, nãi phu, nguyên hanh, lý trình, hối vong.

革, 己 日, 乃 孚, 元 亨 利 貞. 悔 亡.

Cách chỉ nghĩa là đổi cũ, hề việc gì đã cũ, giống gì đã cũ, tất phải Cách, vì có hai cơ.

Một là : theo về Lịch sử, cái gì đã lâu ngày tất có tích tệ, tích tệ lâu ngày mà không đổi, thời tệ-bệnh không thể nào trừ. Vậy nên phải Cách.

Một là : theo về hoàn cảnh, hoàn cảnh ở hiện tại, đã khác hẳn với hoàn cảnh ngày xưa, muốn cho thích hợp với xã hội hiện tại, tất phải đón rước triều lưu mới lạ, mà đã muốn đón rước triều lưu mới lạ, tất nhiên những cái cũ hủ phải bỏ đi, vì hai cơ như trên, nên trong việc đời không bao giờ khỏi Cách.

Vì vậy mà trong Dịch phải có quẻ Cách. Cách cũng là một việc rất tầm thường. Tỷ như áo đã rách tất phải may áo mới, nhà đã cũ tất phải dựng nhà mới. Chỉ nói qua như thế, vẫn chẳng lạ lùng gì ; nhưng bàn đến sự thực thời há dễ đâu, chỉ cách ở một thân một gia, mà còn không cầu-thả làm nên, huống chi cách đến một quốc gia một xã-hội, thời gay go khốn nạn biết dường nào.

Bởi vì, bao nhiêu việc cũ, thời tập quán đã sẵn, mà bỗng chốc thay đổi, thời nhân tình kính nghi. Vả lại, nền tảng mới chưa đắp xong, mà thốt nhiên đánh đổ nền tảng cũ,

thời nhân-tình khủng-cụ. Huống gì việc cách đó há phải một mình mà làm xong ! Tất nhiên phải cầu trợ với đại đa-số nhân, mà khốn nạn thay ! nhân tình chỉ là quen thường thủ-cự, mà ít người thông-hiểu ; thường-nhân chỉ vui khi nên việc, mà khó tin lúc bắt đầu. Nặng nề thay, Cách ! khó khăn thay, Cách ! thế thời chúng ta nên nghĩ làm sao ? Chỉ duy lựa ở thì thế, xét ở nghĩa-lý, quả nhiên, thì đã đến Cách, việc đã nên Cách, thời ta phải Cách 革. Trải bấy lâu ngày 乙未, nghĩa lý đã rõ rệt, thì thế cũng theo chiều, bây giờ nhân tâm phải theo phục 乃孚 ; nghĩa là cách đã trải bấy lâu ngày, thời người mới tin 己日乃孚.

Tuy nhiên, tin hay không tin, là quyền tại lòng người. Nhưng sở dĩ người tin hay không tin, thời chỉ căn bản ở nơi công việc Cách

Chúng ta khi bắt đầu ra làm việc Cách, tất phải hết sức ngăn n hĩ cho đến hai lẽ này : Vì cái cũ đã hoại loạn mà phải Cách, tất phải tính cái làm mới đó, có chắc là nguyên hanh không ? Đó là căn bản về phía thì thế.

Vì cái cũ xiêu lệch bất chính mà phải cách, tất phải nghĩ bây giờ làm ra Cách đó, có đúng hợp với đạo chính hay không đó là châm chước về phần nghĩa lý ; nếu lựa được thì thế mà chắc rằng : Cách thời đại thông 元亨, xét về nghĩa lý mà chắc rằng : Cách thời lợi tr chính đạo, thời ta cứ việc Cách 利貞.

Cách mà hợp với thì thế, quả nhiên nguyên hanh, Cách mà đúng với đạo lý, quả nhiên lý trình. Lúc bây giờ tệ cũ đổi sạch, nghiệp mới dựng nên, lòng người đã tin phục, mà việc cũng tốt lành, chắc không phải ăn năn 悔亡.

PHỤ CHÚ. - Soán từ ít thấy chữ hồi vong, duy quẻ Cách mới thấy chữ hồi vong.

Bởi vì, việc trong thiên hạ, không gì dễ hơn việc Cách, mà cũng không gì khó hơn việc Cách. Cách mà đáng, thời vẫn không sợ gì, lỡ ra Cách mà không đáng, thời chẳng những hiện tại đã nhiều nỗi khó khăn, lại gây mầm họa cho tương lai, thêm ngăn đón con đường tấn bộ, thiệt ăn năn không biết chừng nào ! mà huống gì sự thế đã đến lúc thất bại, dầu ăn năn cũng không ích gì. Tả truyện có câu : Tê khả phệ hồ 臍可噬乎. Nghĩa là : việc đã hư hỏng, dầu cắn rứt mà kịp nữa rư ! tục ta thường nói. Phệ kê hà cấp 噬臍何及, chính là hồi cũng vô ích. Vậy nên quái từ hết sức trịnh trọng về việc Cách; mà kết thúc lấy hai chữ hồi vong.

TIMSACH.COM.VN SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Cách, thủy hỏa tương tức, nhị nữ đồng cư, kỳ chí bất tương đắc, viết Cách. Di nhật, nãi phu, Cách nhi tín chi. Văn minh di duyệt, đại hanh di chính, Cách nhi đáng, kỳ hồi nãi vong. Thiên địa Cách nhi tứ thì thành, Thang Võ cách mạng, Thuận hồ thiên, nhi ứng hồ nhân, Cách chi thì đại hỷ tai.

象曰, 革, 水火相息, 二女同居, 其志不相得, 曰革. 已日, 乃孚, 革而信之. 文明以說, 大亨以正, 革而當, 其悔乃亡. 天地革而四時成, 湯武革命, 順乎天, 而應乎人. 革之時大矣哉.

Soán viết, Cách thủy hỏa tương tức, nhị nữ đồng cư, kỳ chí bất tương đắc, viết Cách.

象曰, 革, 水火相息, 二女同居, 其志不相得, 曰革,

Đây là lấy tượng quẻ thích nghĩa tên quẻ. Quẻ này Đoái trên Ly dưới. Đoái là nước chằm, Ly là lửa, lửa nhen thời nước phải khô, nước xối thời lửa phải tắt, thủy hỏa chung nhau tắt phải biến cách, đó là thủ nghĩa thủy hỏa tương tức 火水相息.

Lại còn mượn một tượng nữa : Đoái là con gái út. Ly là con gái giữa, hai người con gái chung nhau một chốn 二女同居.

Nhưng tâm chí hai người đó xu hướng bất đồng, mà không sẵn lòng hợp tác với nhau 其志不相得. Đó là thủ tượng nhị nữ đồng cư, kỳ chí bất tương đắc, vì tượng như thế tắt phải biến Cách, nên đặt tên bằng quẻ Cách 曰革.

PHỤ CHÚ.— Chữ «Tức» có hai nghĩa : tức là tắt, là nghĩa chữ tức ở đây ; một nghĩa tức là đẻ ra, là sinh ra.

Phật học thường có chữ diệt tức, là theo về nghĩa trên, nhà tư bản thường dùng chữ sinh tức, ly tức, là theo về nghĩa dưới.

Nhưng ở trong vật lý, hễ một việc này tắt, thời có việc khác sinh ra, hễ một giống này chết, thời có giống khác nảy ra.

Tăm chết, mà sinh ra bướm ; khương trùng chết mà con ve sinh ra. Vậy nên trong chữ tức ngầm có hai nghĩa, có diệt tức mà sau mới sinh tức, hai lẽ đó tuần hoàn luôn luôn mà không bao giờ nghỉ, tổng chi, cũ không đổi thời mới không sinh. Vì vậy, mà phải Cách, chỉ tranh nhau Cách mà được, hay Cách mà thua, thời lại quan hệ ở nơi thế lực cũ mới. Duy có một lẽ, chúng ta rất nên biết, thế lực cũ chỉ là thế lực hiện thành, hiện thành tắt lần lần xây vào tiêu cực.

Thế lực mới là thế lực tiềm dưỡng, tiềm dưỡng thời có lẽ lần lần tích cực.

Nếu làm Cách mà biết trước được tiềm dưỡng thế lực, quyết không bao giờ không thành công. Xem như trên quái từ đã có chữ «nãi phu» lại có chữ «hanh ly», thời biết được cả thế nào cũng diệt tử, mới thế nào cũng sinh tức, việc đã đáng Cách, còn sợ gì mà chẳng Cách.

Di nhật, nãi phu, Cách nhi tín chí.

己曰, 乃孚, 革而信之.

Hệ những việc cải cách, há bỗng chốc mà người đã tin rư? lòng người đã chẳng tin, thời việc Cách đó không kết quả.

Vậy nên, trong khi làm Cách, tất phải lập Chương-trình cho tốt, kén chứa-ngừa cho tinh, đảm chắc rằng: trải bao nhiêu ngày thời chắc lòng người tin 己曰 乃孚, nghĩa là Cách mà lòng người tin đó 革而信之, nghĩa câu: Di nhật nãi phu, là như thế.

Văn minh dĩ duyệt, đại hanh dĩ chính, Cách nhi đáng, kỳ hối nãi vong.

文明以說, 大亨以正, 革而當, 其悔乃亡.

Đây lại lấy đức quả thích lời quả, quả có thể Ly, Ly là văn minh, quả có thể Đoái, Đoái là hòa duyệt, lấy đức văn minh mà soi xét sự lý, lấy tinh hòa-duyet mà thỏa thuận với lòng người, sự lý đã soi xét được rạch ròi, mà nhân tâm cũng thỏa thuận 文明以說, thời những việc Cách đó chắc cũng được đại thông mà được trình chính 大亨以正.

Hai câu trên ấy là căn bản của người làm Cách, chữ Minh chữ Duyệt là thuộc về phần tài-đức. Nếu chẳng minh thời chẳng lấy gì mà liệu nhân liệu-sự, tri-kỷ tri-bỉ. Nếu chẳng hòa-duyet thời lấy gì mà liên-kết quần-chúng, mà được đại đa số biểu-đồng-tình, thời làm gì nổi được việc Cách.

Bây giờ phía trong thời chứa trữ đức Minh phía ngoài thời hiển hiện ra tính duyệt, đó là căn bản của người làm Cách.

Nhưng lại phải dò cho hết đường đi nước bước cho chắc được đại thông, chủ nghĩa mục đích cho hợp với chính đạo (Chữ «Hanh», chữ «Chinh» là thuộc về qui mô), đủ như hai câu trên ấy, thế là Cách mà đáng, 革而當 bao nhiêu việc mà phải ăn năn nhất định không còn 其悔乃亡.

Quái từ sở dĩ nói hối vong, mà không nói vô hối, là vì cớ sao ?

Nguyên lai, việc đời sở dĩ có Cách là chỉ vì những việc hủ bại về ngày xưa, nhiều việc đáng hối, là thuộc về phần dĩ vãng. Vì thế, mà bây giờ phải Cách.

Nếu Cách mà lại hư hỏng, Cách mà chẳng thành công, thời lại nảy ra vô số việc hối về tương lai.

Thánh nhân vì lo cho như thế, nên nói rằng : Cách nhi đáng, kỳ hối nãi vong. Than ôi ! nặng nề thay ! trách nhiệm Cách ; to lớn thay ! sự nghiệp Cách. Cách mà không đáng, âu là không Cách còn hơn.

Bởi vì, chẳng Cách, thời chỉ là hối về dĩ vãng, còn nói rằng: lai giả khả truy.

Trái lại, hối vì các mà chẳng đáng, thời là hối luôn đến tương lai, thành ra cái vạ sa chân với chẳng lại. Chúng ta nên nhận kỹ chữ Đáng với chữ Hối vong.

Nghĩ làm sao cho đáng, với hối vong rư ? Nếu chúng ta nghĩ chưa ra, xin chờ với bàn chuyện Cách.

Thiên địa cách, nhi tư thì thành, Thang Võ cách mệnh, thuận hồ thiên nhi ứng hồ nhân. Cách thì thì đại hỷ tai.

天地革而四時成, 湯武革命, 順乎天而應乎人, 革之時大矣哉.

Khổng Tử thích quái từ xong, lại nghĩ ngầm đến đạo Cách mà biết rằng : tạo hóa sở dĩ thành công, loài người sở dĩ bất tuyệt.

Tổng chi, phải nhờ bằng Cách; tức như trời đất biến dịch luôn 天地革, bốn mùa thay đổi hoài, có như thế, thời vạn vật mới sinh trưởng thành tựu 而四時成.

Nếu trái lại, trời chẳng thay rét sang ấm, chẳng thay hạ sang thu, chẳng thay đông sang xuân, thời làm sao nên được công tạo hóa. Vì vậy, nên nói rằng : thiên địa cách nhi tư thì thành.

Tức như : một quốc gia, một xã hội, đã hủ bại đạt ư cực điểm, mà còn để nằm im hoài. Tỷ như : Hạ chẳng cách làm Thương, Thương chẳng Cách làm Chu, thời thương sinh bách-tính lúc bấy giờ, e thấy chết vào trong tay tàn ác của Kiệt, Trụ. Vậy Thang phải đuổi Kiệt mà Cách mạng Hạ, Võ phải đánh Trụ mà cách mạng Thương. Thang, Võ sở dĩ phải cách mạng như thế, cũng chỉ là thuận với đạo trời mà ứng với lòng người 湯武革命, 順乎天, 而應乎人.

Thiên, nghĩa là trời. Thì thế đã đến lúc đáng Cách, chịu thì thế mà Cách, đó là thuận với thì trời.

Nhân, nghĩa là lòng người, nhân dân khốn khổ, thì cuộc đảo điên, lòng người đã trông mong cho được Cách. Chịu lòng người mà Cách, như thế là ứng với người.

Xưa nay những công việc Cách mạng, tất thấy là trời kéo dặt ở đường trước, mà người xui dục ở đường sau, thuận ứng mà làm, chẳng bao giờ cãi trời chống người mà làm nên. Lớn rồi vậy thay ! là thì Cách 革之時大矣哉.

Bởi vì, công việc ở thì Cách, chẳng phải một « nghĩa » hay một « dụng » mà thôi, cách tất phải có mục-dịch vừa thủ-đoạn. Mục đích tất là hay vì chữ **Nghĩa**, thủ đoạn giỏi, là điều vì chữ **Dụng**, nên nói một chữ **Thì** là bao bọc cả chữ **Nghĩa** với chữ **Dụng**. Nếu chỉ nói một chữ **Nghĩa**, té ra có mục đích mà không thủ đoạn ; Nếu chỉ nói một chữ **Dụng**, thời té ra có thủ đoạn mà không mục đích.

Tổng chi, **Nghĩa** với **Dụng** đã nhốt vào trong chữ **Thì**, mà thì thời dòm vào đâu ? Chỉ dòm vào nhân với thiên, dòm vào thì thế với hoàn cảnh, mà biết được thiên ; dòm vào tâm lý quần chúng mà biết được nhân. Thiên nhân đã thấy thuận ứng, tức là thì đáng Cách.

PHỤ CHÚ.— Hai chữ Cách mệnh ở đời bây giờ đã thành một danh từ ở đầu miệng người. Những hỏi đến Cách mạng là nghĩa làm sao ? Thời chưa thấy ai giải thích một cách cho xứng đáng.

Bây giờ xin theo ý nghĩa Dịch mà giải thích ra sau này :

(**Cách**, nghĩa là thay đổi ; **Mệnh**, nghĩa là chính lệnh) Thay đổi một quốc gia, một triều đình, hoặc một Chính phủ, tất cả là thay đổi chính lệnh cũ, mà thi hành chính lệnh mới.

Chỉ chứng vào Thang, Võ thời nghĩa hai chữ Cách Mệnh, chỉ có ngần ấy. Nhưng theo học thuyết đời nay, thời Cách Mệnh chỉ giảng bằng một chữ Cách là đủ.

Tỷ như : Ở trong một gia đình, đổi một tập quán cũ, mà thay vào tập quán mới, thời gọi bằng gia đình cách mệnh.

Ở trong dân tộc, đổi một chủng tộc kia mà thay vào chủng tộc này, thời gọi bằng dân tộc Cách mệnh. Đổi một chế độ hủ bại xưa, mà thay vào chế độ mới, thời gọi bằng quốc gia Cách mệnh. Đổi một giai cấp cũ, mà thay vào giai cấp mới, thời gọi bằng xã hội cách mệnh, như những loài ấy v.v., thời công việc gì không nói được Cách mệnh. Như thế, thời chỉ nói một chữ Cách là đủ, dầu thêm chữ Mệnh vào cũng thừa.

Tỷ như : Luân lý Cách mệnh, chức nghiệp Cách mệnh, công nghệ Cách mệnh, kinh tế Cách mệnh, học thuật Cách mệnh, so đo với quốc gia Cách mệnh, chính trị Cách mệnh, thời một bên đúng với chữ Mệnh, mà một bên thời không dây dượng gì đến chữ Mệnh, chẳng qua chúng ta tiện miệng nói quen, thời nói luôn Cách Mệnh cũng được.

Nói tóm lại, hễ đánh đổ cái cũ, sắm sửa cái mới, đập đổ nền cũ, gây dựng nền mới, khua đuổi anh cũ, thay vào anh mới, tất cả là Cách, mà cũng nói được Cách Mệnh.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, trạch trung hữu hỏa, Cách ; quân tử, dĩ trị lịch minh thì.

象曰，澤中有火，革。君子，以治歷明時。

Ở giữa nước chằm có lửa 澤中有火, tất nhiên hai giống phải đánh nhau, lửa mạnh hơn, thời khô được nước, nước mạnh hơn, thời tắt được lửa, đó là tượng tranh đấu; tranh đấu tất phải biến Cách 革.

Quân tử xem vào tượng ấy, mà nghĩ ra một việc biến cách, sự đã rất to, lý lại rất rõ, chẳng gì bằng năm tháng thay đổi, quân tử mới bắt chước tượng Cách mà làm ra phép lịch, hoặc dùng lịch **Thái dương**, hoặc dùng lịch **Thái âm**, để cho mình bạch thứ tự bốn mùa 君子,以治歷明時. Đó là biến cách thuộc về thì gian rất chóng vánh.

Ngày, thời có buổi mai buổi đêm, là cách thuộc về một ngày; tháng, thời có ngày hồi ngày sóc, ngày huyền ngày vọng, là cách thuộc về một tháng; năm có Xuân, Hạ, Thu, Đông là cách thuộc về một năm, dài cho đến một Vũ-tru, một thế kỷ, mà năm tháng vận hội lần lần thay đổi cho đến vô cùng; đó lại là Cách thuộc về thì gian rất lâu dài.

HÀO-TỬ VÀ TIỂU-TƯỢNG-TRUYỆN

1,— Sơ Cửu, củng dụng hoàng ngư chi cách.

初九,鞏用黃牛之革.

Biến cách là một việc rất lớn, tất phải có Thi, có Vị, có Tài, đủ ba cái ấy mà còn phải thâm thận kỹ càng, dòm trước ngó sau, mới dám bắt đầu hành động. Nếu không như thế, chưa có thể thành công. Huống gì chỉ có thì mà thôi, mà vị thời quá thấp, tài lại quá hèn, chớ vội nói Cách.

Như Sơ Cửu này, kể theo vị, thời vị còn ở dưới thấp, kể bằng tài thời cương mà bất trung, tùy ở vào thì Cách, nhưng còn

là cách chi sơ, chính là lúc thì cơ chưa thành thực. Thì còn lỗ dở, mà lấy một hạng người vô tài vô vị như Sơ Cửu, mà bảo làm công việc biến cách, chẳng nguy hiểm lắm hay sao? Nên hào từ răn cho rằng : Sơ, mầy quá cương táo, vị lại quá thấp, vả trên không người ứng viện, Sơ chớ nên vội nói chuyện Cách, chỉ nên dưỡng tính cương táo mà giữ bằng một cách trung thuận, giữ được trung, thời khỏi mắc bệnh cương táo, giữ được thuận, thời khỏi mắc lỗi trái thì.

Sơ mà biết cẩn thận như thế, lại giữ được bền dai, thiệt là đáng may cho Sơ đó, tượng như dùng da trâu vàng mà bó thiệt chặt. Nên nói rằng, cũng dụng hoàng ngưu chi cách.

Chữ Cách ở đây, chỉ nghĩa là : da ; hoàng, là thí dụ bằng đức trung ; Ngưu, là thí dụ bằng tính thuận ; Cũng, nghĩa là buộc chặt. Bền chặt đạo trung thuận, tượng như bó buộc mà dùng da trâu vàng.

Tượng viết, cũng dụng hoàng ngưu, bất khả dĩ hữu vi dã,
象曰, 鞶用黃牛, 不可以有爲也.

Sơ Cửu, kể về thì, thời mới bắt đầu vào thì Cách, kể vào vị thời ở dưới hết quẻ, kể tài thời cương mà bất trung, tất thấy là không thể hữu vi, nên chỉ Cũng dụng hoàng ngưu chi cách mà thôi.

2.— Lục nhị, dĩ nhật, nãi cách chi, chính, cát, vô cữu.

六二, 己曰, 乃革之, 征, 吉, 无咎.

Ở vào thì Cách đã đến vị Nhị, là cơ hội Cách đã tới nơi, mà bản thân Lục Nhị nhu thuận đặc trung đặc chính, ở vào chính giữa Nội Ly, lại làm chủ cho văn minh ở trên có

Cửu Ngũ, là dương cương cư tôn cũng có đức trung chính mà ứng với Nhị.

Vì có đức trung chính, nên không chênh lệch, vì có đức văn minh, nên không lầm túi.

Vì trên có Ngũ ứng với, thời quyền thế lại ở trong tay mình, đủ cả mọi việc hay như thế. Thì đã đến rồi, vị đã có rồi, tài đã sẵn rồi, bắt tay làm việc Cách đáng lẽ không ngại gì. Nhưng mà phá hoại đương lúc bắt đầu, mà kiến thiết còn chưa thấy hiện, bảo rằng : bỏ nền cũ, dựng nền mới há phải nóng nảy mà làm nên ru ? Lại tất phải sắp đặt trong bấy nhiêu ngày, thăm đăm kinh dinh, no tuần đủ tháng, thấy được kẻ trên tin dụng, kẻ dưới phục tòng, bây giờ mới thẳng tay cách cổ, mà dựng nên nền đỉnh tàn 乙 曰, 乃 革 之, lành thay ! tốt thay ! tài như vậy, đức như vậy, lại được cả thi với vị, mà còn đón trước nhăm sau, dĩ nhật nãi cách, thiệt là một thủ đoạn rất giỏi ở thi Cách.

Lúc bây giờ thẳng bước tiến lên, sấm theo gió lướt, thành công tác tạo, núi tốt sông tươi. Thế là chinh, cát, mà lại vô cừ 征, 吉, 无 咎.

PHỤ CHÚ.— Lục Nhị với Cửu Ngũ, là hai hào rất tốt ở quẻ Cách, mà lại đồng đức ứng với nhau, đức xứng theo vị, vị xứng theo tài, tài lại đúng theo thi, nhưng mà hào từ còn có câu dĩ nhật nãi cách chi, lẩn hành bằng một cách rất cẩn trọng. Vậy mới biết : Cách là một việc rất nhu yếu ở trong xã hội, lại là một việc rất gian nan ở trong xã hội. Khi chưa nên Cách mà chưa Cách như Sơ Cửu, chính là đương buổi tiềm dưỡng mà chờ ngày hữu vi.

Khi đáng Cách mà Cách, tất phải như Lục-Nhị: đủ ngón

kinh quyền mới khỏi thất bại. Huống gì thì thế chưa thành thực, mà tài đức với vị còn thua Ngũ với Nhị xa.

Than ôi ! cánh muỗi mà khiến đội non 使蚊負山, chân hòn mà khiến bơi bể 俊鬣浮海, chẳng nguy hiểm lắm hay sao ! nên thánh nhân không dám khinh dị nói Cách mệnh.

Tượng viết, dĩ nhật cách chi, hành hữu gia dã.

象曰, 己曰革之, 行有嘉也.

Tài, đức, vị, thì, thấy đều đủ như Lục-Nhị mà còn chờ dĩ nhật nãi cách chi, thời tấn hành chắc có công tốt.

Gia, nghĩa là có công tốt, cũng nghĩa là đáng khen.

3.— Cửu Tam, chinh, hung, trinh, lệ, cách ngôn tam tự, hữu phu.

九三, 征, 凶, 貞, 厲, 革言三就, 有孚.

Cửu ở vị Tam, là dương cương bất trung, vì ở vào thì Cách, lại đứng vào vị trên hết nội quái, nhân lòng người mong mỗi, nên Tam cũng nóng nảy bằng cách tấn hành. Tny nhiên, xưa nay làm Cách há phải tài cương tính táo mà làm nên được rư ? Nên hào từ răn cho rằng : Tam ơi ! nếu chỉ dùng cách liều mà tấn hành, thời chỉ làm hại cho việc Cách mà thôi 征凶. Ta bảo cho Tam phải nên thế này : giữ chủ nghĩa cho trinh chính, lại thường nguy cụ tiểu tâm luôn luôn 貞, 厲. Như thế, là căn bản làm việc Cách đã vững vàng; nhưng chương trình kế hoạch cũng chẳng phải sơ suất mà nên. Tai tất phải nhóm họp bạn đồng tâm, châm chước cơ thành bại, sơ đi phúc lại, những kế hoạch dụng ra làm Cách đó, một lần chưa chín thời hai, hai lần chưa chín thời ba, tính toán sắp đặt đến ba lần, chắc không có điều gì là khuyết điểm 革言三就. (Cách ngôn, là những mưu kế thuộc về việc. Cách

Tam tỵ, nghĩa là thành tỵ đến lần thứ ba). Thì đã đến trung gian ở thì Cách, mà kế hoạch chương trình lại thu xếp sắp đặt được viên mãn, thời công việc Cách được kết quả chắc chắn 有孚.

Chữ Phu ở đây, không học nghĩa Phu là tin, mà học nghĩa **Phu là chắc chắn**, cũng ý là khả tất.

Tượng viết, Cách ngôn tam tỵ, hựu hà chi hỷ.

象曰，革言三就，又何之矣。

Hựu hà chi, ý như : Cách hà vãng hồ, nghĩa là : Cách ngôn mà đã đến tam tỵ, là đã thâm thận đến mực rồi, còn lại thêm bằng cách gì nữa !

Tượng truyện nói thêm vào như thế, là sợ thâm thận thái quá, bàn bạc phân vân, sẽ mắc phải bệnh «Nghị luận đa, nhi thành công thiếu», nên lại răn rằng : vừa đến tam tỵ là đúng mực rồi, còn lại thêm bằng cách gì nữa.

Đó là ý tượng truyện bổ túc cho hào-từ.

4.— Cửu Tứ, hối vong, hựu phu, cải mệnh, cát.

九四，悔亡，有孚，改命，吉。

Hào Cửu ở vị Tứ, theo như quẻ khác đáng lẽ là hữu hối, nhưng mà Dịch lý tùy thì biến hóa, nên Cửu Tứ bỏ nghĩa thường như mọi hào, mà thủ nghĩa bằng cách đặc biệt.

Hễ làm việc cách ở thì Cách, quá ư nhu thời không giám nói Cách, quá ư cương thời ham làm Cách, mà hay hỏng việc. Duy hào này Cửu cư Tứ, là có cương mà pha vào nhu, có nhu mà giúp với cương, năng cương, năng nhu, mới là diệu

dụng ở thì Cách, nên hào từ nói rằng : Cửu Tứ, hối vong ; chính vì giữa bản thân Cửu Tứ mà chắc những việc đáng ăn năn như trước kia, tất thấy khỏi ráo. Vả lại, Cửu Tứ này đã vượt khỏi trung đoạn Cách, mà lên tới chung đoạn. Thế là Cách đã đến nhịp gần thành công. Trái thì giờ Cách đã khá lâu, chắc công việc Cách đã khá lắm, chương trình kế hoạch cũ e phải châm chước theo thì mà sửa đổi. Nhưng trong lúc sửa đổi đó, chưa chắc trong đảng phái, hay xã hội tuyên thệ thừa nhận hay chưa. Nên lại phải dày thêm đức chí thành của mình. Khiến cho đại đa số tin rằng : những việc cải cách đó rất là : hữu lý nhi vô hại, vị công phi vị tư 有利而無害, 為公非為私.

Thế là hữu phu rồi, bây giờ ta cải mệnh, thời chắc được cát 有孚, 改命, 吉.

Cải, nghĩa là sửa đổi, hoặc chương trình cũ còn lược, mà bây giờ phải thêm tường, hoặc thủ đoạn cũ đã quá xưa, bây giờ phải dụng thủ đoạn mới. (Mệnh, là chương trình kế hoạch, mà người trên xuất phát cho người dưới tuân theo, gọi bằng mệnh lệnh).

Tượng viết, cải mệnh chi cát, tín chí dã.

象曰, 改命之吉, 信志也.

Cải mệnh mà được cát, là vì tinh thần của người chủ Cách, trên dưới thấy tin theo rồi vậy ; Chí, nghĩa là tâm chí. (Tín chí, là tin ở nơi tinh thần, chứ không phải tin ở hình thức đó vậy).

4.— Cửu Ngũ, đại nhân, hổ biến, vi chiêm, hữu phu.

九五, 大人, 虎變, 未占, 有孚.

Quẻ Cách đã lên tới Ngũ là thì Cách đã thành thực được

chín phần, mà Ngũ lại có tài dương cương, có đức trung chính, đứng vào vị nguyên thủ ở trong đời Cách. Như thế, thiết xứng đáng một bậc đại nhân. Lấy một người đại tài đại đức xử vào vị chỉ tôn, đem thân ra làm việc Cách cho thiên hạ, đi tới đâu thời thấy công dụng biến hóa đó, làm việc gì, thời thấy thành hiệu rõ ràng ; in như con cọp đã đến lúc thay lông đổi vẻ, nên nói rằng : đại nhân, hổ biến 大人, 虎變. Hổ là giống muông có văn thái, đến lúc thay lông lại càng rực rỡ, nên thí dụ bằng công việc Cách đã hoàn thành. Hổ không phải thí dụ vào đại nhân, mà thí dụ vào thiên hạ ở thì ấy. Thiên hạ nhờ đại nhân ra tay biến cách, mà chốn nào chốn nấy rực rỡ văn minh. Như thế là hổ biến.

Đại nhân làm nên công việc hổ biến như thế, há phải chờ đến khi kết quả mà thiên hạ mới tin rư ? Đức trung chính chất chứa đã lâu ngày, tài dương cương uẩn súc đã lâu ngày, nên khi mới bước chân lên Vũ-đài mà thiên hạ đã tín ngưỡng, chính là đã sẵn lòng tin trước khi chưa bói kia vậy 未占, 有孚.

Chiêm, nghĩa là bói, thường tình hay chờ bói mới tin, nên mượn chữ vị chiêm mà tỏ rõ ý tin sẵn, trước lúc chưa bói mà đã quyết tin như thế.

PHỤ CHÚ.— Vị chiêm ở hào này, in như vua Thành-Thang khi chưa đánh Hạ đuổi Kiệt, mà quân của vua Thang tới đâu, thời thất gia tương khánh 室家相慶, mà bảo với nhau rằng : Chờ vua ta, vua tới thời ta sống lại 俟我后, 后来其蘇.

Lại như : vua Lê Thái Tổ nước ta, khi chưa về tới Thăng-Long, mà quân vua đi tới đâu, từ Tân Bình tới Nghệ Thanh, tất thấy trống cờ đón rước. Cách mệnh mà được như thế, còn chờ gì bói nữa đâu !

Tượng viết, đại nhân hổ biến, kỳ văn binh dã.

象曰，大人虎變，其文炳也，

Đại nhân hổ biến, nghĩa là đại nhân làm nên việc Cách, thời thiên hạ ở lúc bấy giờ in như cọp đã thay lông, mà văn chương rực rỡ vậy.

6.— Thượng Lục, quân tử báo biến, tiểu nhân cách diện, chinh, hung, cư trinh, cát.

上六，君子豹變，小人革面，征，凶，居貞。吉。

Hào từ Thượng-Lục vừa tiếp lấy Cửu-Ngũ, mà nói cho đến lúc cuối cùng thì Cách, nên hào từ không chú trọng chữ Lục, mà chỉ chú trọng vào chữ Thượng, Thượng là cách chi trung. Cách đạo đến bây giờ đã đạt cực điểm. **Người thiên hạ đến lúc đó chia làm** hai hạng, hạng người từ bậc trung sắp lên, mà gọi bằng quân tử, đạo đức đầy đủ, chưa bậc thánh cũng là bậc hiền, tri thức mở mang, đổi lột cũ mà thay ra lột mới, tất khắp thấy hạng người này, in như con báo thay lông mà vẻ vang rực rỡ 君子豹變. **Còn một hạng người nữa**, phần nhiều là bậc hạ ngu, mà gọi bằng tiểu nhân, tới lúc bây giờ họ bị lửa đuổi vì làn sóng mới, tuy không biến hóa đến gan ruột, nhưng cũng thay đổi ở ngoài mặt, mà đi vào lối lương thiện 小人革面.

Thì đại Cách mà đã đến lúc ấy, thuộc về xã hội quân tử, tỏ rõ ra vẻ mới văn minh ; mà thuộc về xã hội tiểu nhân, cũng thay hết những lột hủ bại. Cách đạo đến đó là đã hoàn thành rồi, trên đường kiến thiết đã chinh đồn được hoàn tuyền, thời những món phá hoại như thuở xưa, bây giờ phải tấp dẹp cho yên lặng, chỉ nên thủ thành mà không nên canh động nữa.

Nếu trái lại, Cách đã thành rồi, mà lại còn canh cách nữa, thời chẳng những hoại mất nghiệp hiện thành, mà lại gây nên những mối hậu hoạn, ấy là chinh, thời hung mà thôi 征, 凶.

Quân tử ở thì bây giờ, chỉ có chữ trịnh thời 居貞, 吉. Cư trịnh, nghĩa là yên ở vào lối chính đạo. Chữ trịnh này với chữ trịnh ở quái từ gốc chỉ một lẽ. Lúc đầu bắt tay vào làm Cách đã cốt ở lý trịnh, đến khi cuối cùng thì Cách cũng chỉ là cư trịnh. Trung gian dầu trải bao nhiêu thì giờ, dụng bấy nhiêu thủ đoạn, nhưng một chữ trịnh đó hữu thủ hữu chung, triệt thủ triệt vĩ, mới là Cách đạo chí chí thiện.

Vậy nên, cuối cùng quẻ Cách phải có lời răn rằng : cư, trịnh, cát. **Kìa như Viên thế Khởi đánh đổ Mãn Thanh, dựng thành Trung Hoa Dân quốc là Cách thành rồi, mà còn biến canh quốc thể, dựng triều hồng hiến, kết quả thân danh lũng vong.**

Kìa Nã Phá Luân đánh đổ nền quân chúa, khai Quốc hội, dựng Hiến Pháp, chẳng phải là Cách đã thành rồi hay sao ? mà quay lại còn xưng đế tự hùng, kết quả cũng thân danh lũng bại. Cái gương hai người đó thiệt là chinh hung.

Độc ba chữ « Cư trịnh cát » càng bội phục ông Hoa Thịnh Đốn, bát niên huyết chiến, đánh đổ quân Chính phủ nước Anh, dựng thành nước hợp chúng dân chủ, nhường vị Đại Tổng-Thống cho kẻ khác, mà mình y nhiên làm một tên bình dân, đến lúc bây giờ dân nước Mỹ còn gọi ông bằng quốc phụ, chẳng phải là cư trịnh, mà được cát hay sao ?

Tượng viết, quân tử, báo biến, kỳ vãng úy dã, tiểu nhân cách diện, thuận dĩ tòng quân dã.

彖曰,君子,豹變,其文蔚也,小人,革面,順以從君也.

Quân tử báo biến là đã cách hết cũ, mà thay ra mới 君子
約變, mà văn chương rực rỡ ra ngoài vậy 其文蔚也. Còn tiểu
nhân tuy chưa Cách đến tâm, mà cũng đã Cách tới diện 小人,
革面, đổi cương ác ra làm nhu thiện, thuận tòng với quân tử
vậy 願以從君也.

Trình truyện thích bài này có một đoạn giảng đạo lý, tuy
không phải thích nghĩa hào ; nhưng theo về tâm lý học, cũng
khải phát cho người được nhiều, nên dịch vào đây.

Trình truyện nói rằng : nhân tính bản thiện, mà có gì có
một hạng người không làm thế nào cho nó Cách được tâm ? thế
thời, nhân tính vẫn ác hay sao ? không phải, lẽ đó vì chữ
«tính», chữ «tài» khác nhau.

Theo về phần tính, thời tất thấy người vẫn lành, Theo về
phần tài, vẫn có khác nhau là thượng trí với hạ ngu.

Đã thượng trí vẫn không thay đổi, mà hạ ngu vẫn cũng
không thay đổi. Nhưng trong bọn hạ ngu chỉ có hai hạng
người : một hạng là tự bạo. Một hạng là tự khí. Hễ người nếu
đã chịu nghe đều lành, thời dầu sắt mài mãi cũng nên kim, đá
đốt mãi cũng nên tro, có lẽ nào mà không thay đổi được. Duy
hạng người tự bạo tự khí thời trái hẳn. Phần tài họ thuộc về
phần nhu ám, thời gọi bằng tự khí, họ tự nói rằng : thánh hiền
hào kiệt đâu đến phần mình, tự mình họ họ cho là đồ bỏ đi,
hạng ấy vẫn là hạ ngu.

Lại còn một hạng, phần tài họ thuộc về phần cương cường,
thời gọi bằng tự bạo, bản thân họ vẫn có tài lực hơn người, trong
mắt họ không xem bậc thánh hiền hào kiệt vào đâu, họ bảo làm

việc thiện, dầu sức họ làm được, song họ có chịu làm đâu. Hạng người đó, tuy vẫn không phải như hạng tự khí, nhưng tổng chi cũng là một hạng hạ ngu.

Những hạng hạ ngu như thế, chẳng bao giờ mà họ cách tâm được. Duy ở vào Thì Cách phần quân tử đã quá đông, phần tiểu nhân đã không thể dung được ở trong quần chúng, nên họ cũng phải cách diện, dầu có thánh nhân cảm hóa thế nào, cũng chỉ hiển cho họ giả làm quân tử ngoài mặt, chứ không thể cưỡng bách họ làm được quân tử thiệt. Trong **Dịch** có câu : **Tiểu nhân cách diện, không phải tội vì phần tính, mà tội vì phần tài. Tài thời có phần ác, mà tính chỉ có phần thiện, chớ thấy có hai chữ Cách diện mà nhận lầm rằng : tính người có phần ác.**

PHỤ CHÚ. — Chúng ta đọc hết những sử Cách mệnh ở các nước, tuy có đám lớn đám nhỏ, đám được đám hỏng, đám thua đám nên. Nhưng xét cho đến nhân quả, tìm cho hết lý do, thời không khỏi ra ngoài phạm vi quê Cách.

Xem ở quái từ, thời có câu : Dĩ nhật nữi phu ; hào từ có câu : Dĩ nhật, nữi cách chi, thời biết được việc Cách há phải bồng chốc mà làm nên ? Lại xem tầng thứ ở sáu hào, thời biết được nước trước nước sau, khuôn nhỏ khuôn lớn, tấn hành rất có trật tự, sắp đặt rất có qui mô. chẳng bao giờ sơ suất rồi rằng mà làm nên Cách. Khi mới bắt đầu vào thì Cách, như Sơ Cửu thời chỉ «cũng dụng hoàng ngu chi Cách». Đến khi Cách đã sắp sửa thành công, thời thấy được «hồ biến, báo biến». Nhưng ở trung gian, Lục Nhị phải thăm thận bằng «Dĩ nhật» mới mong được chinh cát, Cửu Tam phải kỹ càng bằng : «Cách ngôn tam tự», mà còn lo sợ chinh hung. Cửu tứ, Cách đã đến nửa chừng, thời lại tấn lên một tầng mà «hữu phu cải mệnh».

Nhưng ở trong quái từ, Hào từ lại có một ý sâu xa nhất là chữ «Hữu Phu». Ở quái từ đã có chữ «nãi phu» ; sáu hào thời Cửu Tam, Cửu Tứ, Cửu Ngũ thấy có chữ «Hữu Phu», chỉ một chữ «Phu» mà phản phúc đĩnh ninh như thế.

Phu, chỉ nghĩa là tin, xưa nay ở thì Cách, làm việc Cách, mà nếu xã hội còn đương hoán tán, nhân tâm còn đương nghi ngờ, chưa mua được lòng tin của người đại đa số, mà vội nói làm Cách mệnh, sử Cách mệnh chưa thấy đám nào được như thế mà làm nên cả.

Chẳng nói đâu xa, như hiện gần đây, ông Khải Nạt Nhị (Muetaphe Kemal) ở Thổ nhĩ Kỳ, ông Lénine ở Nga-la-tur, sự nghiệp ta lớn biết dường nào, mà nhân tâm hai nước ấy tin phục hai ông lại biết chừng nào ! Đương khi chưa làm Cách mệnh, mà người trong nước thấy đều xem như một vị thánh thần, đến khi cất gánh Cách mệnh, thời người trong nước lại thấy xem như cha mẹ. Chúng ta mới biết rằng : đầu đuôi quả Cách mà chỉ nhắc đi nhắc lại có một chữ Phu, thiệt là Kim-Khoa-ngọc-luật cho nhà làm Cách mệnh đó vậy. Than ôi ! Chân lý như thế, diệu dụng như thế. Dịch há phải là sách không ngôn đâu ! Ai sinh ở đời Cách Mệnh, muốn làm việc Cách Mệnh, thời nên hấp thụ cho hết tinh thần quả Cách. Cách chi công dụng đại hỷ tai.

oOo

L. QUẺ HỎA-PHONG-ĐỈNH

火 風 鼎



Quẻ này là quẻ Hỏa-Phong-Đỉnh. Tổn hạ cũng là nội Tổn. Ly thượng cũng là ngoại Ly, Ly-hỏa, Tổn phong. Nên tên quẻ đọc bằng Hỏa-Phong-Đỉnh.

TỰ QUÁI

離
上
外
離

巽
下
內
巽

Tự quái, Cách vật giả, mạc nhược Đỉnh, cố thụ chi dĩ Đỉnh.

序卦，革物者，莫若鼎，故受之以鼎。

Ý sắp đặt thứ tự quẻ 序卦, Sau quẻ Cách tiếp lấy quẻ Đỉnh, là vì có sao ?

Trên kia là quẻ Cách. Cách, nghĩa là biến cách, biến cách được giống vật, không gì bằng Đỉnh 革物者，莫若鼎. Đỉnh, nghĩa là cái vạc, vạc để dùng nấu các giống, biến đồ sống mà làm ra đồ chín, đổi giống cứng hóa ra giống mềm, là công dụng cách được vật, mà dễ thấy nhất là Đỉnh. Vậy nên sau quẻ Cách tiếp lấy quẻ Đỉnh 故受之以鼎.

Quẻ này đặt tên bằng Đỉnh, có hai lý do. Một lý do thủ tượng, xem tuyền thể sáu vạch, dưới hết một nét đứt đôi là chân vạc, giữa ba nét liền là thân vạc, ruột đặc là đồ trử trong

vạc. Lên nữa một nét đứt đôi, là hai tai vac. Lại lên một nét liền ở trên là đòn khiêng vac, ấy là tượng như cái vac.

Lại một lý do bằng thủ nghĩa, Tốn hạ là mộc, Ly thượng là hỏa mộc vào giữa hỏa là có nghĩa nhen đốt, tượng như người ta nấu ăn, đồ nấu ăn lớn nhất là vac, lấy cả tượng cả nghĩa nên đặt tên quẻ bằng Đỉnh.

PHỤ CHÚ.— Dịch là bộ sách đủ cả **thiên đạo nhân sự**, thiên đạo là thuộc về phần hình nhi thượng, nhân sự là thuộc về phần hình nhi hạ, hình nhi thượng gọi bằng đạo, đã đủ hết ở trong tám quẻ. Hình nhi hạ gọi bằng khí, khí là đồ dùng, đồ dùng cần thứ nhất lại là đồ dùng để mà ăn uống. Vậy nên trung gian lọt vào hai quẻ : **Tỉnh, với Đỉnh**.

Tỉnh là đồ cung cấp cho người ta, về việc uống. Đỉnh là đồ cung cấp cho người ta về việc ăn. Vì thế, mà hai quẻ cặp liền với nhau Thánh nhân muốn cho người ta biết ở trong lưỡng gian, có đạo mới sinh ra khí, có khí mới chở được đạo. Tỉnh, Đỉnh, chẳng qua mượn hai giống khí để hình dung đạo lý thuộc về nhân sự. Nhưng mà nhân sự tất phải thường thay đổi. Nên trung gian quẻ Tỉnh quẻ Đỉnh chét vào quẻ Cách. Đó là ý tứ sắp đặt rất có công phu.

SOÁN TỪ

Đỉnh, nguyên cát, hanh.

鼎, 元 吉, 亨.

Đỉnh chỉ theo về tượng quẻ với nghĩa, quẻ mà đặt tên bằng Đỉnh, quái từ lại chỉ theo bằng tài quẻ mà nói.

Có tài biến cách được vật, đổi cái sống mà làm cái chín,

hóa cái cương làm cái nhu. Thủy hỏa hai giống khác nhau, mà chung nhau làm công dụng tiện lợi cho nhân sinh, in như cái Đỉnh nấu được đồ ăn ; tài người ta nuôi được người nuôi được mình, in như công dụng Đỉnh, tất nhiên nguyên hanh.

SOÁN TRUYỆN

Soán viết, Đỉnh, tượng dã. Di mộc tốn hỏa, phanh nhậm dã, thánh nhân phanh di hưởng thượng đế, nhi đại phanh di dưỡng thánh hiền. Tốn nhi nhi mục thông minh, nhu tấn nhi thượng hành, đắc trung, nhi ứng hồ cương, thị di nguyên hanh.

象曰，鼎，象也。以木巽火，亨飪也。聖人亨以享上帝。而大亨以養聖賢，巽而耳目聰明，柔進而上行，得中，而應乎剛，是以元亨。

Soán viết, Đỉnh tượng dã.

象曰，鼎象也。

Tên quẻ đặt bằng Đỉnh, là thủ tượng bằng cái vạc. Nguyên chữ Đỉnh có hai nghĩa : một nghĩa thuộc về danh từ, Đỉnh là vạc, mà những khí dụng gì to lớn cũng gọi bằng Đỉnh.

Sách xưa có câu : Đỉnh khí, Đỉnh đồ, thuộc về nghĩa ấy.

Lại một nghĩa thuộc về động từ, với hình dung từ, Đỉnh là vuông, Đỉnh là chính, như nói rằng : đỉnh thịnh 盛, đỉnh yên 安, đỉnh lực 力 thuộc về nghĩa ấy. Ở quẻ Đỉnh đây kiêm cả mấy nghĩa, mà nghĩa trọng nhất là thủ tượng bằng cái Đỉnh, nên nói rằng : Đỉnh tượng dã,

Di mộc tốn hỏa, phanh nhậm dã, thánh nhân phanh di hưởng thượng đế, nhi đại phanh dĩ dưỡng thánh hiền.

以木翼火, 亨飪也. 聖人亨以亨上帝, 而大亨以養聖賢.

Theo như hai thẻ quẻ, Tốn là mộc, Ly là hỏa, Tốn lại có nghĩa là vào, lấy mộc đưa vào lửa 以木翼火 lửa đốt mộc mà nấu chín được đồ ăn, là công việc thuộc về nấu nướng đó vậy 亨飪也.

Phanh nhậm, nghĩa là nấu nướng, nhất thiết công việc thuộc về nấu nướng, thấy gọi bằng phanh nhậm, người ta thường vẫn xem việc nấu nướng là nhỏ nhen. Nhưng theo Dịch lý, thời phanh nhậm lại cũng là việc lớn.

Nên Soán truyện mới cử ra hai việc rất lớn : một là : hưởng tế thần thượng đế ; một là : phụng dưỡng bậc thánh hiền.

Thuở xưa các bậc thánh hiền sở dĩ trọng việc phanh nhậm, há phải vì nuôi khẩu phúc mà thôi rư ? vì lẽ bán bản phản thí mà có lễ tế thần Thượng đế, thời dùng đến phanh nhậm. Nên nói rằng : phanh dĩ hưởng Thượng đế.

Vì muốn tỏ rõ được ý tôn đức há hiền, nên đặt ra lễ lộc dưỡng thánh hiền thời càng cần đến phanh nhậm. Nên nói rằng : đại phanh dĩ dưỡng thánh hiền. Đó là kể công dụng của Đỉnh, mà kể cho đến rất to lớn, thời như hai việc ấy.

Nhưng hưởng Thượng đế thời chỉ một chữ Phanh dưỡng thánh hiền thời nói Đại phanh, rất có ý nghĩa.

Bởi vì, hưởng Thượng đế thời cốt ở chữ thành, mà đồ

phanh nhậm vừa chứt đỉnh là xong, nên chỉ nói một chữ Phanh, là tỏ ý không cần gì đồ nhiều.

Đến như dưỡng thánh hiền thời tuy cốt tinh thành, nhưng mà cũng cần kiêm cả vật chất, thánh hiền không lẽ không ăn mà làm được việc, phụng dưỡng cho phong hậu, mới tỏ rõ được tinh thành. Vậy nên nói rằng : Đại phanh.

(Đại phanh, nghĩa là : những đồ cung dưỡng thật phong hậu).

Hai việc như trên ấy, là việc thánh vương của đời xưa, nên trùm lấy hai chữ thánh nhân.

Tốn, nhi nhĩ mục thông minh nhu, tấn nhi thượng hành, đắc trung, nhi ứng hồ cương, thị di nguyên hanh.

巽,而耳目聰明.柔,進而上行.得中,而應乎剛,是以元亨.

Đây chỉ lấy tài quẻ mà thích hai chữ nguyên hanh. Theo như thể quẻ : Lý có tượng là mục, hào giữa quẻ Ly ở ngoài quái có tượng là Nhĩ, Tốn Ly hợp mà nên quẻ, thể là có đức tổn thuận, mà lại có tài bằng Nhĩ Mục thông minh 巽而耳目聰明.

Ly, là quẻ âm, bây giờ ở thượng quái Lục Ngũ lại ở được ngôi tôn ứng với Cửu-Nhị là dương cương. Thế là ; Nhu, tấn nhi thượng hành, đắc trung nhi ứng hồ cương 柔,進而上行,得中.而應乎剛.

Người ta nếu có tài thông minh, có chất nhu tổn, có đức đắc trung, mà lại có bậc dương cương ứng viện cho mình, cương nhu tịnh dụng ra làm việc đời, thời có việc gì mà chẳng đại thông đâu.

Vì vậy, nên được nguyên hanh 是以元亨.

ĐẠI TƯỢNG TRUYỆN

Tượng viết, mộc thượng hữu hỏa, Đỉnh, quân tử, dĩ chính vị ngưng mệnh.

象曰，木上有火，鼎。君子，以正位，凝命。

Ở trên Tổn mộc có Ly hỏa, tượng là củi nhen lửa ở dưới Đỉnh, mà những đồ phan nhậm ở trong Đỉnh mới thành công. Đó là tượng quẻ Đỉnh 木上有火，鼎.

Quân tử xem tượng ấy, thấy được Đỉnh có tượng nghiêm trọng đoan chính, thời công dụng nó mới nên. Quân tử mới lấy thân mình làm Đỉnh cho trong đời, nghiêm trọng đoan trang chính ở vị mình. Kẻ trên nhắm xuống, kẻ dưới trông lên, thời mệnh lệnh phát hành mới được thống nhất tề chỉnh, đó là chính vị ngưng mệnh, mà làm công dụng Đỉnh của Quân tử 君子以正位，凝命. Vị, nghĩa là ngôi tôn. Chính vị, nghĩa như câu: Gung kỷ chính nam diện 恭己正南面 ở trong Luận ngữ nghĩa là: cung kính uy nghi ở giữa mình, mà chính ngôi Nam diện. (Ngôi vua đời xưa ngôi tất trở mặt về hướng Nam, nên nói rằng: Nam diện).

Ngưng, nghĩa là nhóm tụ ở một chốn mà không tán loạn. Vị có nghiêm chỉnh thời mệnh lệnh mới được ngưng tụ. Nếu vị không chỉnh thời mệnh không ngưng. Ví như: Đỉnh không nghiêm trọng, thời công phan nhậm không thành.

Ở sau lúc biến cách rồi, càng nên như tượng truyện đây. Vậy nên ở quẻ Cách có chữ « Cải Mệnh ». Cách rồi sang Đỉnh, lại cần có chữ ngưng mệnh; đó cũng là nghĩa tùy thì ở Dịch vậy.

HÀO TỪ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN

1.— Sơ Lục, Đỉnh điên chỉ, ly xuất bĩ, đắc thiếp, dĩ kỳ tử, vô cữu.

初六，鼎顛趾，利出否，得妾，以其子，无咎，

Sơ Lục ở dưới hết quẻ Đỉnh, tượng như chân vạc, bây giờ lại thượng ứng với Cửu Tứ, té ra vạc chổng chân lên trời, đáng lẽ là không gì tốt 鼎顛趾. Nhưng may thay ! Sơ mới bắt đầu vào thì Đỉnh, tượng như Đỉnh mới đem ra mà chưa bắc lên bếp, tất phải úp Đỉnh xuống mà thổi những đồ dơ bụi ra 利出否. Nên nói rằng : Đỉnh, điên chỉ, ly xuất bĩ. (Điên chỉ, nghĩa là dốc ngược chân lên ; Bĩ nghĩa là đồ dơ bụi),

Đỉnh mà dốc ngược chân vẫn trái lẽ thường, nhưng vì dốc ngược chân mà đồ đồ dơ bụi ra hết, cũng tượng như Sơ Lục vẫn không tài đức gì, mà tình cờ được Tứ giúp cho, may cứu được những việc thất bại, bù được những chốn khuyết điểm, cũng là đáng may cho Sơ ; lại cũng in như người có vợ rồi, tình cờ lại gặp được một thiếp, nó vẫn ty tiện chẳng quý gì, nhưng vì được nó mà ly dụng bằng công sinh con 得妾，以其子. Việc thiện hạ thường nhân lúc bại mà nầy ra công, nhân người tiện mà sinh ra quý, chính là tượng Sơ Lục này.

PHỤ CHÚ.— Hào từ này chỉ là nghĩa tùy thì ở trong Dịch, thời quẻ này là thì Đỉnh. Đỉnh sở dĩ quý hóa là cốt những đồ phan nhậm ở trong lòng Đỉnh. Sơ là chân Đỉnh, chỉ có công dụng đỡ Đỉnh. Bây giờ đã điên chỉ, còn gì làm công, may vì thì còn ở Sơ, nhân điên chỉ mà xuất được bĩ, cũng in như đắc thiếp dĩ ly kỳ tử, chẳng qua thì may nhip đỡ, mà Sơ cũng được vô

cựu, cũng in như vạc chưa bắc lên bếp, mà diên chỉ, té ra thành việc hay. Đó là tình thế ngẫu nhiên.

Chúng ta làm việc không thể nhận hào từ này làm thường lệ, mới là biết được Dịch.

Tượng viết, Đỉnh diên chỉ, vị bội dã, ly xuất bỉ, dĩ tòng qui dã.

象曰，鼎顛趾，未悖也，利出否，以從貴也。

Đỉnh tuy diên chỉ, nhưng có lúc nhân đó mà đổ được bụi, chưa lấy gì làm trái lý vậy 鼎顛趾，未悖也。

Bởi vì, lễ thường trong thiên hạ, tất bỏ được cũ mới nạp được mới, tất đổ được cái xấu, mới đưa được cái tốt vào. Sơ Lục được ly xuất bỉ, nhân vì thế mà đặc thiệp dĩ kỳ tử, cũng thuận theo với nghĩa qui vậy. 利出否，以從貴也. (Chữ qui phản đối với chữ bỉ, xấu cũ tất là bỉ, mới đẹp tức là qui).

2.— Cửu-Nhị, Đỉnh hữu thực, ngã cửu hữu tật, bất ngã năng tức, cát.

九二，鼎有實，我仇有疾，不我能即，吉。

Cửu Nhị có đức dương cương, ở vị trung, tượng như trong lòng vạc đã chứa đầy đồ ăn 鼎有實. Đỉnh đã hữu thực, tất có lúc cung cấp cho người dùng. Nhị có tài dương cương, tất có ngày ra làm việc lớn. Nhưng vì ở gần Sơ Lục, là một người nhu ác, thấy Cửu Nhị thượng ứng với Ngũ, mà sinh lòng ghen tương, muốn dèm pha hãm hại Nhị. Thế thời Sơ chính là người cửu của Nhị, nhưng mà chẳng hề gì, bản thân Nhị vẫn là quân tử, chính ứng với Ngũ lại là nghĩa vụ đương nhiên, dầu Sơ có thù ghét

mặc lòng, nhưng Nhị vẫn một mực giữ được đạo chính, đối đãi với Sơ bằng một cách bất ác nhi nghiêm, tất nhiên Sơ không giám tới gần, chẳng làm gì thả được ngón hãm hại. Như thế, là ngã cừu hữu tật, bất ngã năng tức 我仇有疾, 不我能即. (Ngã cừu, nghĩa là thù oán với ta, chỉ vào hào Sơ. Tật, nghĩa là ghen ghét. Tức, nghĩa là tới gần).

Người thù của ta, tuy có ghen ghét nhưng không tới được gần ta. Thế thời ta được tốt lành 吉. Hào từ nói như thế, là răn cho Nhị phải đề phòng Sơ đó vậy.

Tượng viết, Đình hữu thực, thận sở chi dã ; ngã cừu hữu tật, chung vô vuu dã.

象曰, 鼎有實, 慎所之也, 我仇有疾, 終无尤也.

Đình đã hữu thực 鼎有實, chính là một hạng người có tài khí, chẳng lo trong đời không dụng đến mình, chỉ nên cẩn thận ở đường đi nước bước cho khỏi đến nỗi làm đường 慎所之也. (Chi, nghĩa là đi).

Sở dĩ đã biết cẩn thận, thời dầu ngã cừu hữu tật, mà kết quả không tội lỗi vậy 終无尤也.

(Vuu, nghĩa là tội lỗi).

3.— Cửu Tam, Đình nhĩ cách, kỳ hành tắc, trị cao, bất thực, phương vũ, khuy hối, chung cát.

九三, 鼎耳革, 其行塞, 雉膏, 不食, 方雨. 虧悔, 終吉.

Cửu Tam dương cư dương vị, ở về địa vị lòng vạc, chính là một hạng người có chất tốt sẵn. Nhưng vì ở trên là Ngũ, không phải chính ứng với mình, Thượng tuy là chính ứng với

Tam, nhưng lại bị gián cách vì Tứ, Ngũ, tượng như tai vạc đương lúc biến, cách 鼎耳革, mà vạc chưa cất lên được, thành ra đường lối đi còn bị chẹt lấp chưa được thông 其行塞. (Nhĩ, nghĩa là quai vạc, quai vạc còn đương thay đổi, thời vạc chưa có thể khiêng lên được.

Tỷ như : Người có tài mà chưa gặp thì đặc dụng, tuy có đạo đức văn minh, ví như một vị đồ ăn rất ngon là mỡ chim trĩ mà chưa được đem ra cho người ăn 雉膏不食. Cao, nghĩa là dầu mỡ, có đức văn minh như trĩ cao, mà dụng lúc người ta bất thực, không thể nào trong lòng không ăn năn.

Tuy nhiên, người đã hữu tài, há lẽ vô dụng ; huống gì Lục Ngũ là bậc người thông minh, thấy Tam có tài dương cương, cương nhu tương đắc, e chẳng rày thời mai Tam, Ngũ tất ngộ hợp nhau, tượng như âm dương giao hòa mà sắp sửa mưa, không còn những việc ăn năn, như lúc khi xưa nũa 方雨虧悔, (Phương vũ, nghĩa là đương toan mưa).

Ngũ đã cần đến Tam, thời Tam dụng được tài mình mà làm việc đời, kết quả chắc cũng được tốt lành 終吉.

PHỤ CHÚ.— Hào từ Cửu Tam cũng tương tự như hào Tam quẻ Tỉnh. Cửu Tam quẻ Tỉnh thời nói rằng : Tỉnh điệp bất thực, hào Tam [quẻ] Đỉnh thời nói rằng : Trĩ cao bất thực.

Nước giếng, tuy trong, mở trĩ tuy béo. Nhưng đương lúc người ta chưa biết dùng mà ăn, chính tượng như sĩ quân tử ôm tài mà chưa gặp thì, chẳng phải là một việc đáng đau hay sao ?

Ông Hàn vương Tôn 卽韓信 khi vị ngộ, có câu hát rằng : Buổi mặt trăng chưa mọc, bày sao bé nhỏ nhăng, lúc vận tốt chưa tới, tay hào kiệt dở dang 月未出兮,

衆星競光, 時未遇兮, 英雄退藏. Chính như tượng hai hào ấy ; tới khi gặp Tiêu hà tiến lên Hán Cao Tổ, mới hiện ra một người quốc sĩ vô song, mà làm nên tru Tần diệt Hạng, chính là gặp Vương minh tịnh thụ kỳ phúc cát đó vậy. Quân tử gặp thì đen rủi, dầu có lẽ loi trong đời, cũng nên tố vị nhi hành 素位而行 là tốt.

Tượng viết, Đỉnh nhĩ cách, thất kỳ nghĩa dã.

象曰, 鼎耳革, 失其義也.

Hào Cửu Tam có tài dương cương, vẫn đáng được Cửu Ngũ tin dụng, nhưng vì thì vận chưa thông, tượng như Đỉnh nhĩ đương lúc biến cách, thời chiếu theo với nghĩa Đỉnh còn trái mất đó vậy.

Tới lúc âm dương hòa, mà sắp sửa mưa, thời trên minh dưới tài đôi bên hòa hợp, mới là xức với nghĩa Đỉnh.

4.— Cửu-Tứ, Đỉnh chiết túc, phúc công phúc, kỳ hình ốc, hung.

九四, 鼎折足, 覆公餗, 其形渥, 凶.

Cửu Tứ ở quẻ trên, lại thân cận với Lục Ngũ là vị chí tôn, có trách nhiệm bằng gánh việc thiên hạ, tất phải cần những hạng người tài trí trong thiên hạ giúp sức với mình, mới có thể cất nổi gánh nặng, tượng như vạc có chân mới đỡ nổi các thức đồ ăn ở trong vạc. Bây giờ Cửu Tứ lại trái hẳn, không lượng tài lực mình mà giám đỡ lấy gánh nặng, lại không hay cần hiền trí gánh giúp cho, mà chỉ hạ ứng với Sơ là âm nhu tiểu nhân. Tứ đã hư hèn mà Sơ lại nhu ám. Thế

nào chẳng gãy đòn đứt gióng mà hỏng gánh rư ? Chẳng khác gì vạc gãy chân mà đồ đồ ăn của nhà công rư ? 鼎折足, 覆公餗, đến nỗi phải chịu hình phạt rất nặng 其形渥. Thúc, nghĩa là đồ ăn nấu trong vạc ; Ốc, là một thứ hình phạt nặng. Sách Chu lễ có chữ : Ốc tru 渥誅. Hào này Hệ từ thích kỹ, xin tiện dịch ra đây :

Hệ từ nói rằng : **Ở vị nào tất xứng với đức, nếu đức mỏng mà vị lại tôn, tất nhiên vị phải trức ; hễ mưu một việc gì, tất phải lựa theo với trí, nếu trí quá nhỏ, mà mưu quá lớn, tất nhiên mưu phải hỏng ; gánh gì tất phải lựa theo sức, nếu sức hèn mà gánh quá nặng, tất nhiên gánh phải đổ, như những hạng người ấy chẳng những làm tai hại cho nước, mà lại rước tai họa vào bản thân, chẳng bao giờ tránh khỏi sự xấu ấy** 子曰, 德薄, 而位尊, 知小, 而謀大, 力小, 而任重, 鮮不及矣.

Hào từ hào Cửu Tứ quẻ Đỉnh, là trách những hạng người không đủ sức gánh nặng, mà giám gánh gượng.

Dịch viết : Đỉnh chiết túc, phúc công thúc, kỳ hình ốc, hung, ngôn bất thắng kỳ nhâm dã 易曰, 鼎折足, 覆公餗, 其形渥, 凶, 言不勝其任也.

Nhâm, nghĩa là gánh nặng. Bất thắng, nghĩa là không đủ sức cất nổi gánh.

Tượng viết, phúc công phúc, tín như hà dã.

象曰, 覆公餗, 信如何也.

Cửu Tứ ở ngôi tôn, gánh việc nặng mà đến nỗi gãy chân vạc, đồ đồ công, thiệt quá lạ cho Tứ kia. Tứ tự tin ra sao, mà dám làm như thế. (Chữ tín đây cũng như nghĩa chữ tự tin. Hễ cái gì mình tự chắc trong mình gọi bằng tín).

5.— Lục Ngũ, Đỉnh hoàng nhĩ, kim huyệt, lý trinh.

六五, 鼎黃耳, 金金玄, 利貞,

Lục Ngũ ở chính giữa thượng quái, là đứng vào chốn quai vạc, mà lại có đức trung, tượng như quai vạc sắc vàng, mà đòn khiêng vạc lại làm bằng sắt 鼎黃耳, 金金玄.

Vì Ngũ có đức trung, lại ở vào vị trên cao, nên thí dụ bằng hoàng nhĩ ; mà lại ở vào vị dương cương, trên tiếp với Thượng Cửu cũng dương cương, nên nói rằng : kim huyệt, có trung đức đại tài như thế, không còn nghi gì nữa, duy chỉ trông cho Ngũ giữ được kiên cố trinh chính mà thôi 利貞.

Tượng viết, Đỉnh hoàng nhĩ, trung dĩ vi thực dã.

象曰, 鼎黃耳, 中以為實也.

Lục Ngũ bản chất thông minh, mà lại tín nhiệm người cương minh, lấy đức trung làm đồ chất chứa ở trong lòng Đỉnh. Nên hào từ nói rằng : Đỉnh hoàng nhĩ. Chữ Thực ở đây với chữ Đỉnh hữu thực ở Cửu Nhị, nghĩa có khác nhau chút đỉnh. Chữ Thực ở hào Nhị chỉ là đầy đồ ở trong lòng vạc, chữ Thực đây là đầy tài đức ở trong lòng.

6.— Thượng Cửu, đỉnh ngọc huyệt, đại cát, vô bất lý,

上九, 鼎玉金玄, 大吉, 无不利.

Công dụng của Đỉnh quan hệ ở hào Thượng. Bởi vì, hào Thượng ở trên hết quẻ Đỉnh, lại địa vị đứng miệng Đỉnh, tính chất dương cương mà lại xử vị âm nhu, Cương chẳng quá cương, nhu chẳng quá nhu. Ở vào cuối cùng thì Đỉnh, là Đỉnh đã đến lúc thành công, tượng như dụng bằng đòn ngọc sẽ đề cất vạc 鼎玉金玄, nên hào từ thí

dụ bằng Đỉnh ngọc huyện. Ngọc là một giống dương cương mà hòa nhuận. Thượng Cửu cương nhu thích nghi, cũng in như ngọc huyện, được như thế, chắc là tốt lành lớn, mà không việc gì là chẳng lý 大吉无不利.

Tượng viết, ngọc huyện tại thượng, cương nhu tiết dã.

象曰，玉鉉在上剛，柔節也。

Thượng cửu là một nét dương ở trên hết quẻ, tượng như cái đòn xâu vào quai vạc, vả lại tính chất hào Thượng, vừa cương vừa nhu, vừa đúng chừng mực, nên thủ tượng bằng ngọc huyện, mà được đại cát vô bất lý.

oOo

TIMSACH.COM.VN